



THE PAN GROUP

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2019

**ĐẦU TƯ
KIẾN TẠO
GIÁ TRỊ**

MỤC LỤC

1	THÔNG TIN CHUNG VỀ TẬP ĐOÀN PAN	6	4	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	164
	Thông tin khái quát về Tập đoàn	8		Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty	166
	Quá trình hình thành và phát triển	20		Báo cáo giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành công ty	170
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	22		Kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2020	172
	Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	32	5	QUẢN TRỊ CÔNG TY	174
	Định hướng phát triển	38		Hội đồng Quản trị	176
	Quản trị rủi ro	52		Ban Kiểm soát	191
				Các khoản giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và Cổ đông nội bộ khác	198
2	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019	74	6	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	206
	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019	76		Thông tin chung	208
	Tổ chức và nhân sự	96		Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	209
	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	107		Báo cáo kiểm toán độc lập	210
	Tình hình tài chính	124		Bảng cân đối kế toán hợp nhất	212
	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	132		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	215
	Báo cáo môi trường - xã hội	139		Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	216
				Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	218
3	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	144	7	THÔNG TIN LIÊN HỆ	270
	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	146			
	Tình hình tài chính 2019	151			
	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và hệ thống quản lý	160			
	Kế hoạch kinh doanh 2020	162			

THÔNG DIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa các quý vị!

Kinh tế thế giới đã chứng kiến năm 2019 tăng trưởng thấp nhất trong vòng một thập kỷ qua. Xung đột kinh tế Mỹ - Trung Quốc là nguyên nhân chủ yếu làm tổn hại đến triển vọng đầu tư, sản xuất và hoạt động thương mại toàn cầu. Ngoài ra, căng thẳng địa chính trị gia tăng ở Trung Đông và châu Á, sự bất ổn chính sách ở châu Âu và Mỹ, cùng đà suy giảm liên tục ở một số thị trường mới nổi cũng đẩy lùi tăng trưởng chung.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng với GDP tăng 7,03% và lạm phát ở mức thấp. Tuy nhiên, ngành nông-lâm-thủy sản năm 2019 sụt giảm mạnh so với 2018, chỉ đạt tăng trưởng 2,2% so với 3,76% của năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do dịch tả lợn châu Phi, tình trạng hạn hán ở Tây Nguyên và giá xuất khẩu các mặt hàng chủ lực bị giảm.

Dự báo trước tình hình, ngay từ đầu năm Hội đồng quản trị đã xác định sẽ đặt trọng tâm vào việc đầu tư cho năng lực sản xuất nội tại nhằm tạo nền tảng có khả năng thích ứng với những khó khăn do biến đổi khí hậu và áp lực cạnh tranh. Hàng loạt cơ sở sản xuất đã được Tập đoàn đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành trong năm như: trung tâm giống rau, hoa tại Lâm Đồng; nhà máy bánh kẹo tại Long An; nhà máy chế biến nông sản Đồng Tháp và vùng nuôi tôm công nghệ cao mở rộng tại Sóc Trăng. Kết thúc năm 2019, dù lợi nhuận sau thuế hợp nhất giảm so với cùng kỳ năm trước, song lợi nhuận sau thuế từ

hoạt động kinh doanh lõi vẫn tăng trưởng 15%. Biên lợi nhuận gộp hợp nhất được cải thiện, năm 2019 là 21% so với 18% năm 2018.

Đặc biệt, 2019 là năm đánh dấu việc Tập đoàn hoàn thành nền tảng chuỗi giá trị "Farm - Food - Family" thông qua việc thành lập CTCP Phân phối hàng tiêu dùng PAN (PAN CG). Đây là mảnh ghép quan trọng giúp đưa các sản phẩm Nông nghiệp, Thực phẩm của PAN đến tay người tiêu dùng trong nước và thế giới. Ngoài ra, Tập đoàn cũng chính thức tham gia mảng kinh doanh cà phê bằng việc mua lại 80% cổ phần CTCP Cà phê Golden Beans (sở hữu thương hiệu SHIN Cà Phê); đồng thời tăng tỉ lệ sở hữu để đưa CTCP Thủy sản 584 Nha Trang trở thành công ty con.

Với chiến lược phát triển bền vững theo chuỗi giá trị nhằm nâng tầm nông nghiệp Việt, các sản phẩm của PAN đã khẳng định chất lượng và chinh phục không chỉ người tiêu dùng trong nước mà cả những thị trường khó tính như Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản... Minh chứng rõ nét cho sự đúng đắn của chiến lược này là câu chuyện tái cơ cấu mảng kinh doanh điều, với kết quả là những sản phẩm điều có thương hiệu và giá trị gia tăng cao ra đời, mang lại lợi nhuận tăng trưởng hàng quý trong năm 2019. Chất lượng sản phẩm của PAN càng được khẳng định mạnh mẽ hơn qua việc là tập đoàn nông nghiệp duy nhất được Chính phủ lựa chọn trở thành "Nhà tài trợ đặc biệt các hội nghị, sự kiện trong năm Chủ tịch ASEAN 2020".

Bước sang năm 2020, cả thế giới phải đối mặt đại dịch Covid-19 với tác động tiêu cực và nặng nề đến đời sống kinh tế - xã hội của hầu hết các quốc gia cũng như doanh nghiệp. Qua đó, có thể thấy việc củng cố năng lực cốt lõi vào năm 2019 và chiến lược phát triển bền vững xuyên suốt chính là sự chuẩn bị đúng đắn của Tập đoàn trước khó khăn. Hội đồng quản trị sẽ cùng Ban Điều hành theo sát diễn biến của dịch bệnh và chủ động lên các kịch bản ứng phó. Chúng tôi tin tưởng các thành viên Tập đoàn sẽ cùng nhau đoàn kết vượt qua khó khăn, tiếp tục duy trì hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh và kiến tạo thêm giá trị phục vụ cho lợi ích của các cổ đông, người lao động và cho cả cộng đồng.

Xin chân thành cảm ơn!



Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Duy Hưng

“KIẾN TẠO GIÁ TRỊ VÌ LỢI ÍCH CÁC CỔ ĐÔNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CẢ CỘNG ĐỒNG”

CHÚNG TÔI TIN TƯỞNG CÁC THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN SẼ CÙNG NHAU ĐOÀN KẾT VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, TIẾP TỤC DUY TRÌ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ KIẾN TẠO THÊM GIÁ TRỊ PHỤC VỤ CHO LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CHO CẢ CỘNG ĐỒNG.



CHƯƠNG

I

THÔNG TIN CHUNG VỀ TẬP ĐOÀN

01	Thông tin khái quát về Tập đoàn	8
02	Quá trình hình thành và phát triển	20
03	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	22
04	Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	32
05	Định hướng phát triển	38
06	Quản trị rủi ro	52



THE PAN GROUP



THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ TẬP ĐOÀN



Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Tên Tiếng Anh:

The PAN Group Joint Stock Company

Tên viết tắt:

The PAN Group

Mã chứng khoán:

PAN (niêm yết tại Sở GDCK Hồ Chí Minh - HOSE)

Mã số Giấy chứng nhận ĐKDN

0301472704

Vốn điều lệ:

1.731.011.410.000 đồng (tính đến hết 31/12/2019)

Vốn chủ sở hữu:

6.145.572.117.667 (tính đến hết 31/12/2019)

Trụ sở chính:

Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội:

Tầng 15, tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh:

Phòng 3, tầng 18, tòa Sài Gòn Center tháp 2, số 67 đường Lê Lợi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (+84-24) 3760 6190

Email: info@thepangroup.vn

Website: www.thepangroup.vn

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Triết lý nền tảng

Tập đoàn hàng đầu khu vực trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm, cung cấp những sản phẩm đáng tin cậy cùng với những giải pháp đột phá từ Việt Nam và cho thế giới thông qua chuỗi giá trị hoàn chỉnh Farm, Food, Family.

TÂM NHÌN



TRIẾT LÝ NỀN TẢNG



SỨ MỆNH



Chúng tôi nhận thức rõ rằng một Công ty Nông nghiệp và Sản xuất Thực phẩm tầm cỡ quốc tế có vai trò lớn trong việc thúc đẩy vấn đề an ninh lương thực tại Việt Nam và khu vực.

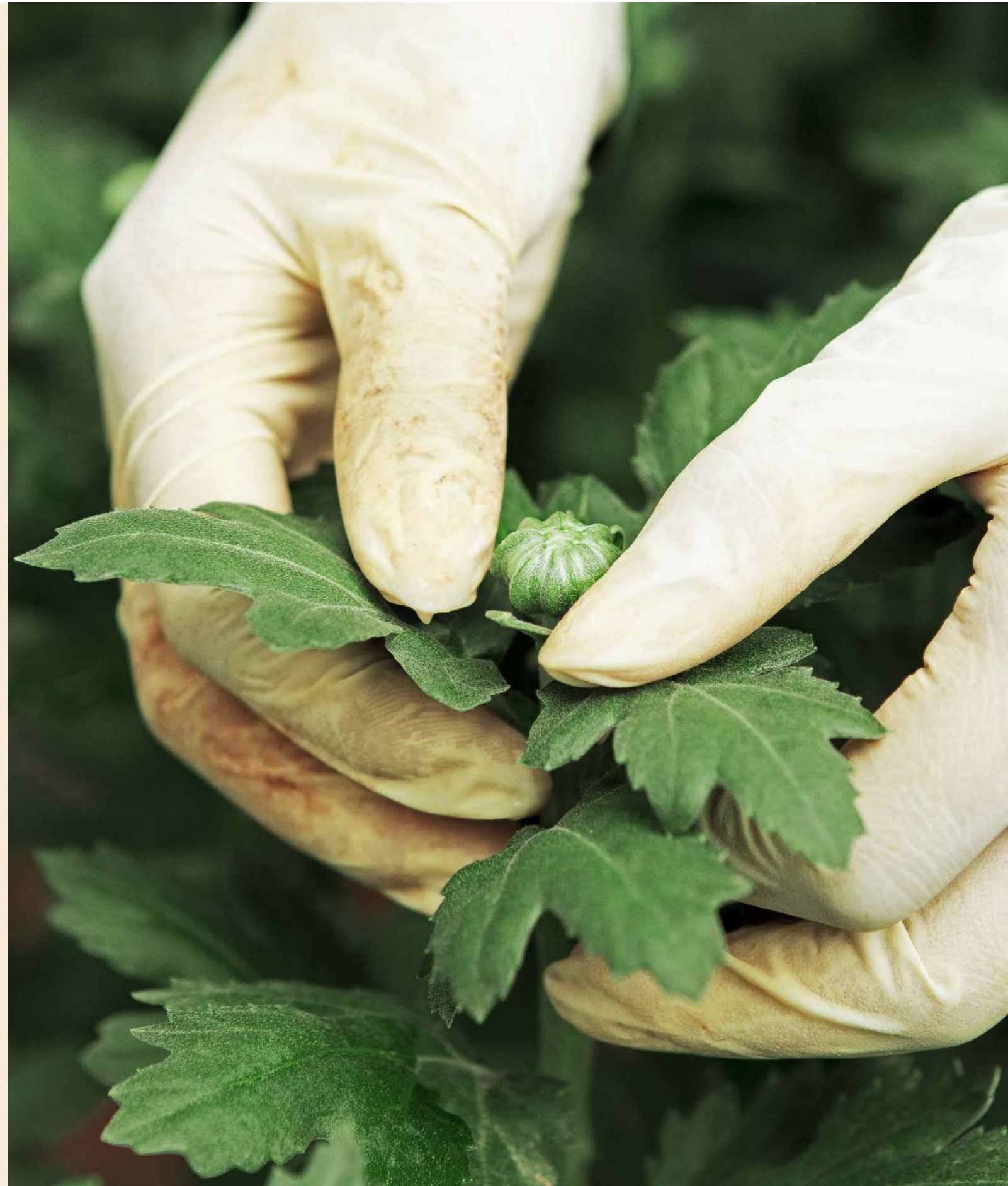
Chúng tôi hiểu rằng nông nghiệp, bao gồm cả thủy hải sản, đang đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước nhà và là những ngành nghề sản xuất đã đi cùng truyền thống văn hóa và cuộc sống hàng ngày của con người Việt Nam.

Chúng tôi không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và giá trị các dịch vụ mà PAN cung cấp.

Chúng tôi tin rằng muốn cải thiện đời sống của người nông dân nhất thiết phải nâng cao chất lượng nguyên liệu nông sản đầu vào.

Chúng tôi chú trọng phát huy những tập quán kinh doanh được xem là trọng tâm cho sự phát triển bền vững của Việt Nam.

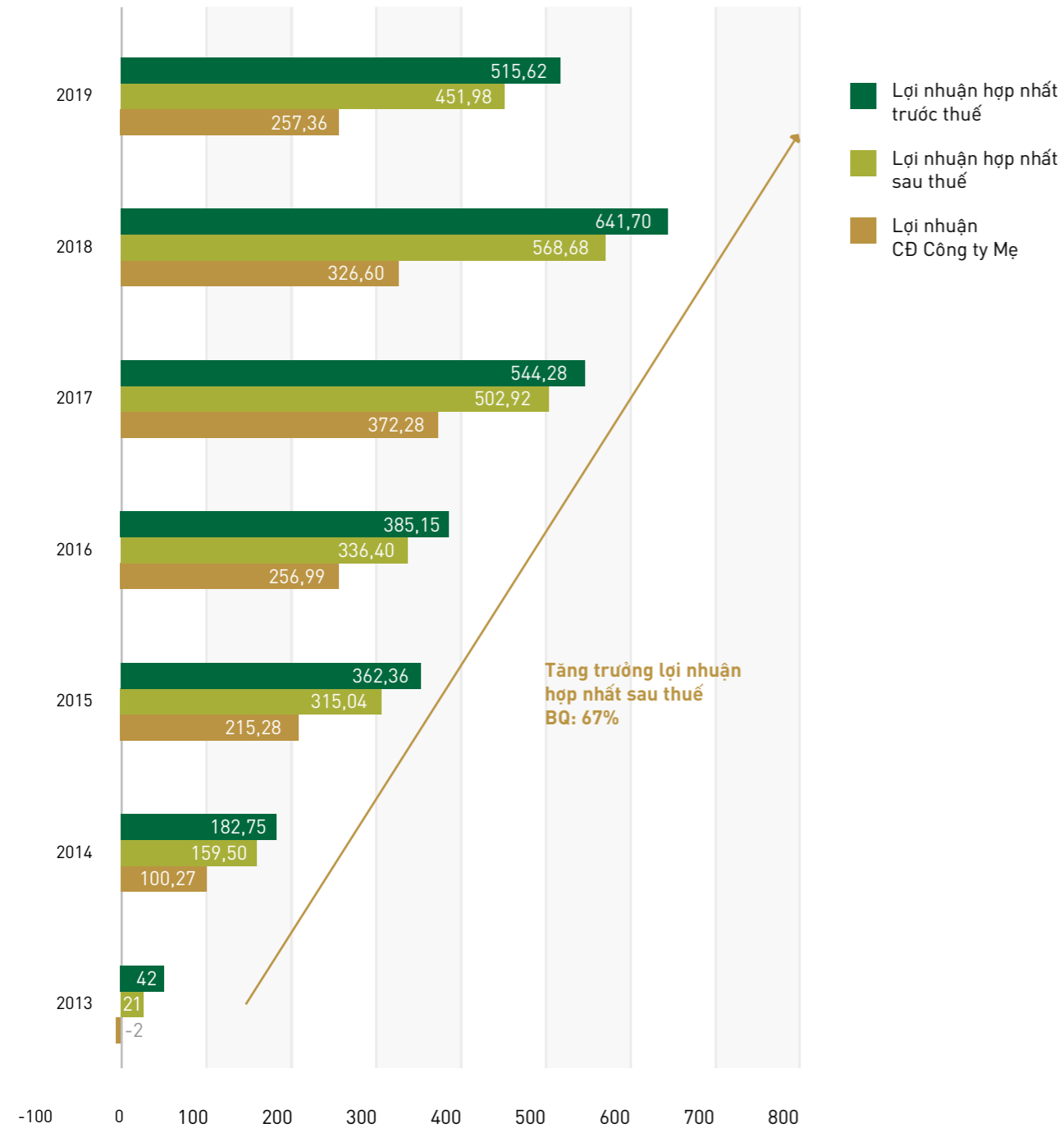
Với khát vọng nuôi dưỡng thế giới, chúng tôi theo đuổi sứ mệnh đảm bảo an ninh lương thực, cung cấp các sản phẩm an toàn và dinh dưỡng; tạo lập giá trị bền vững cho người nông dân, gia đình và xã hội.



Những chỉ số tài chính nổi bật (KPIs)

1. LỢI NHUẬN

Lợi nhuận thực hiện qua các năm (Tỷ đồng)

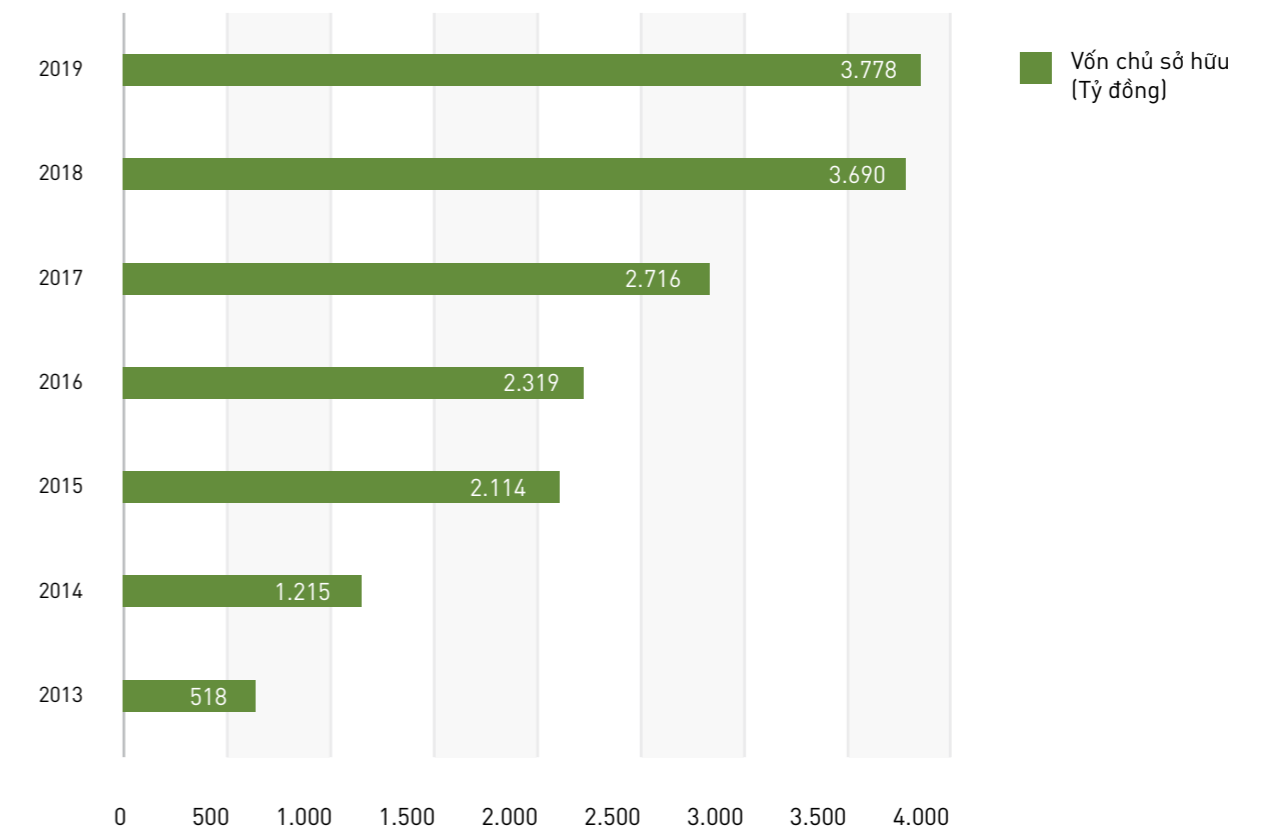


2. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu (Đơn vị: tỷ đồng)	Hợp nhất
Tổng tài sản	10.765
Vốn chủ sở hữu	6.146
Doanh thu thuần	7.813
Lợi nhuận trước thuế	516
Lợi nhuận sau thuế	452

3. VỐN CHỦ SỞ HỮU - TỔNG TÀI SẢN - DOANH THU

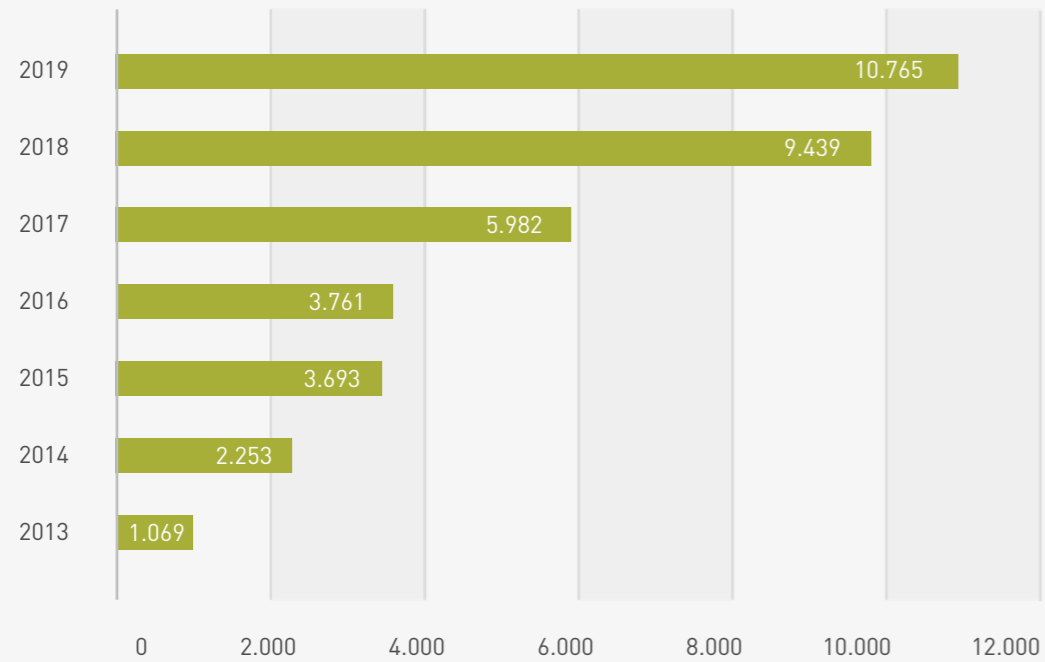
Vốn chủ sở hữu (không bao gồm Lợi ích CĐ không kiểm soát)



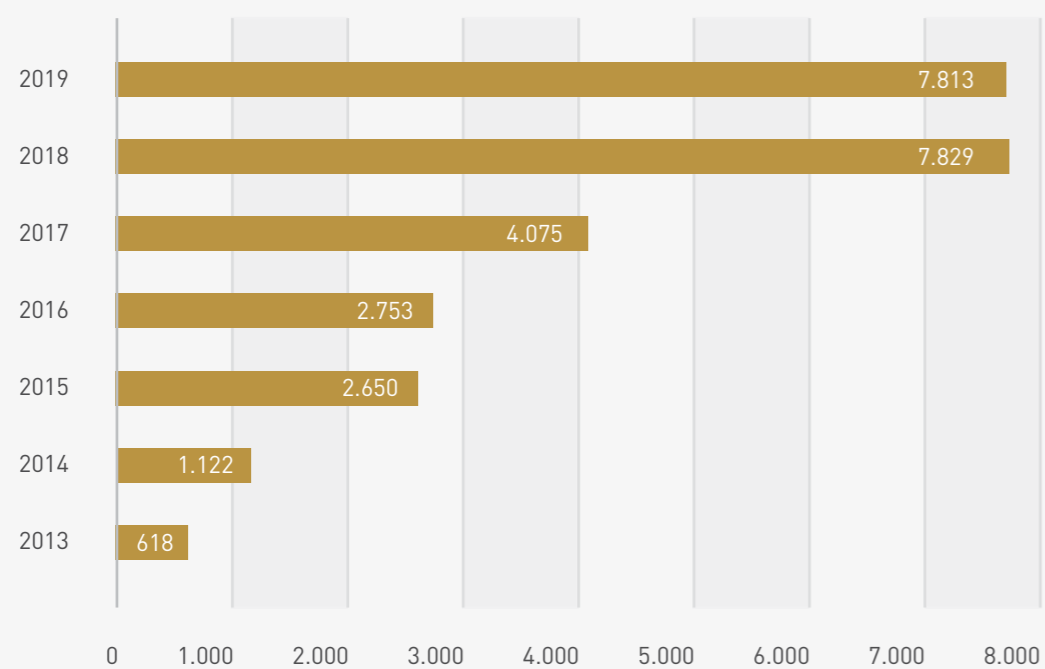
Những chỉ số tài chính nổi bật (KPIs)

3. VỐN CHỦ SỞ HỮU - TỔNG TÀI SẢN - DOANH THU

Tổng tài sản (Tỷ đồng)

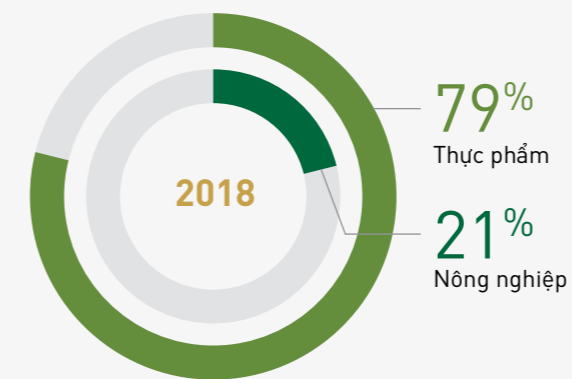


Doanh thu

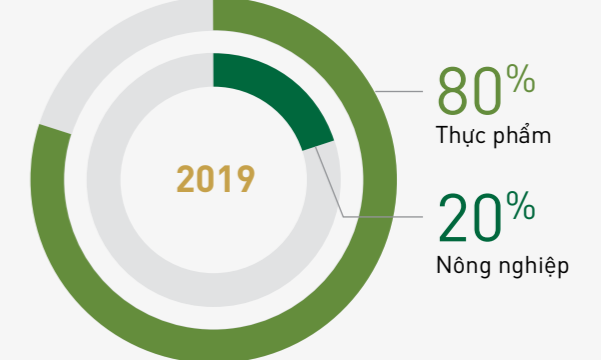


4. CƠ CẤU DOANH THU 2018 - 2019

Cơ cấu doanh thu 2018

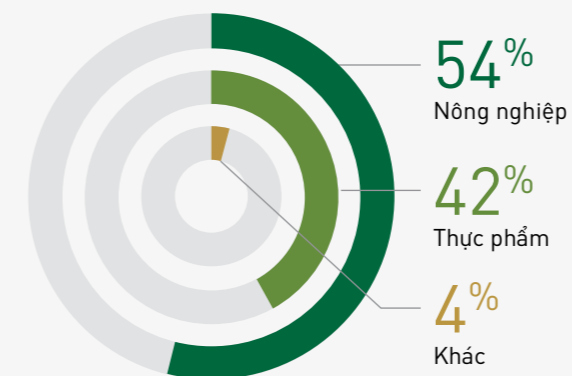


Cơ cấu doanh thu 2019

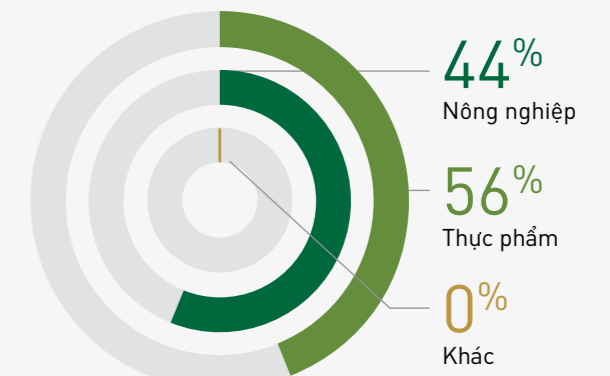


5. CƠ CẤU LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2018 - 2019

Cơ cấu lợi nhuận trước thuế 2018



Cơ cấu lợi nhuận trước thuế 2019



Hành trình 2019



1 Khánh thành Trung tâm giống Đơn Dương

Trung tâm giống Đơn Dương tại huyện Đơn Dương, Lâm Đồng là kết quả hợp tác giữa PAN-HULIC và đối tác Nhật Jadin - công ty sản xuất, nhân giống hàng đầu Nhật Bản. Mục tiêu của dự án nhằm sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, đẩy mạnh xuất khẩu và phục vụ thị trường nội địa. Đây sẽ là nơi sản xuất trên 100 loại giống hoa, rau có bản quyền, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng khắt khe của thị trường xuất khẩu.



2 Thành lập công ty phân phối

CTCP Phân phối hàng tiêu dùng PAN (PAN CG) thành lập tháng 6/2019 với mục tiêu trước mắt là phân phối các sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm của Tập đoàn PAN, tiếp đến là các sản phẩm có chất lượng tương đương từ đối tác. Sở hữu hệ thống phân phối bao phủ gần như 100% các điểm bán hiện đại trên khắp 63 tỉnh thành, PAN CG có trong tay đội ngũ 800 nhân viên có quan hệ với hơn 145.000 cửa hàng bán lẻ.



3 Mở rộng diện tích vùng nuôi tôm tại Sóc Trăng

Năm 2019, CTCP Thực phẩm Sao Ta đã tham gia và trúng đề án kêu gọi đầu tư nuôi tôm của UBND tỉnh Sóc Trăng. Dự án có diện tích 90 hecta, nằm sát trại tôm hiện hữu với thuận lợi là bộ máy quản lý tỉnh giản, quy trình nuôi tận dụng những thú đang có vì cùng môi trường nuôi, không mất thời gian nghiên cứu, thử nghiệm. Với dự án này hàng năm Sao Ta sẽ thu thêm khoảng 2.000 tấn tôm, giúp công ty chủ động 30% nguyên liệu đạt chứng nhận quốc tế.



5 Nâng tỷ lệ sở hữu Thủy sản 584 Nha Trang lên 73,45%

Quý 3/2019, Tập đoàn chính thức đưa 584 Nha Trang trở thành công ty con, góp phần gìn giữ ngành nước mắm truyền thống và mở rộng phát triển thêm một ngành kinh doanh theo chiến lược chung. Tập đoàn đã giúp 584 Nha Trang quy hoạch phát triển các vùng nguyên liệu nước mắm truyền thống tại Nha Trang, Cà Ná, Phan Rí, tập trung đẩy mạnh đầu tư phát triển năng lực sản xuất tại các cơ sở này.



4 Khánh thành nhà máy bánh kẹo hiện đại tại Long An

Khánh thành tháng 10/2019, Bibica Miền Tây là nhà máy thứ 4 của Bibica với diện tích hơn 50.000 m2, tổng mức đầu tư 1.000 tỉ đồng. Đây là cột mốc đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của Bibica trong thời gian tới, góp phần đa dạng hóa nguồn cung bánh kẹo, giữ vững thị trường nội địa và cạnh tranh trực diện với hàng ngoại nhập. Bên cạnh đó, nhà máy dự kiến sẽ cung cấp các sản phẩm mới chất lượng cao cho cả thị trường trong nước và xuất khẩu.



6 Mua 80% cổ phần công ty Golden Beans, chính thức tham gia vào ngành cà phê

Golden Beans với thương hiệu SHIN Cà Phê được xem là mục tiêu phù hợp với định hướng phát triển tập trung vào các sản phẩm chất lượng và kinh doanh chuỗi giá trị khép kín của Tập đoàn. Với lợi thế của mình, PAN sẽ giúp SHIN Cà Phê mở rộng hơn nữa vùng nguyên liệu và phát triển sản phẩm. Ngoài ra, SHIN Cà phê còn được hưởng lợi từ mạng lưới hơn 150.000 điểm bán hàng nội địa và thị trường xuất khẩu tới hàng chục quốc gia của PAN.



7 Khánh thành Trung tâm Chế biến hạt giống & nông sản Đồng Tháp

Được Vinaseed khánh thành tháng 12/2019 sau 8 tháng xây dựng, đây là trung tâm có quy mô lớn và hiện đại bậc nhất trong lĩnh vực giống và lúa gạo tại Việt Nam cũng như khu vực Đông Nam Á với diện tích 5 ha, công suất chế biến 30.000 tấn hạt giống và 60.000 tấn gạo/năm, tổng vốn đầu tư trên 300 tỷ đồng. Dự án là nhân tố quan trọng trong chiến lược xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo chất lượng, quy mô và bền vững của Tập đoàn.



9 Chuyển đổi thành công mô hình kinh doanh điều

Năm 2018, từ việc kinh doanh mặt hàng điều thô, Tập đoàn đã thực hiện một cuộc chuyển mình đầy táo bạo: tập trung phát triển sản phẩm có hàm lượng GTGT cao và sản phẩm điều organic với mục tiêu hướng đến mô hình kinh doanh bền vững. Sau một thời gian chuyển đổi, hiệu quả kinh doanh được cải thiện rõ rệt, lợi nhuận trở lại và tăng dần từng quý thay cho tình trạng thua lỗ, đồng thời giảm thiểu rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



8 Trở thành doanh nghiệp xuất khẩu cá tra hàng đầu vào thị trường Nhật Bản

Với ưu thế sản xuất khép kín từ con giống, Tập đoàn có thể đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường khó tính. Năm 2019, công ty thành viên Aquatex Bến Tre trở thành một trong những doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn nhất vào thị trường Nhật Bản. Giá trị xuất khẩu của công ty sang thị trường này tăng hơn 80% đã đưa tỷ trọng xuất khẩu vào Nhật Bản từ 18% năm 2017 lên 37,3% năm 2019. Các sản phẩm GTGT chiếm hơn 20% giá trị xuất khẩu.

Các giải thưởng tiêu biểu năm 2019



THE PAN GROUP

- **Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam**
Forbes Vietnam
- **Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất (nhóm Mid-cap)**
- **Top 05 Công ty có Báo cáo quản trị tốt nhất (nhóm Mid-cap)**
Số Giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Báo Đầu tư
- **Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam**
Nhịp cầu đầu tư
- **Doanh nghiệp có thương vụ đầu tư và M&A tiêu biểu Việt Nam năm 2018-2019 (Thương vụ đầu tư và phát hành riêng lẻ giữa Sojitz - The PAN Group)**
Diễn đàn M&A do Báo Đầu tư và AVM Vietnam tổ chức
- **HR Asia Awards 2019 - Top nơi làm việc tốt nhất Châu Á**
HR Asia Magazine
- **Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt nam (VNR500)**
- **Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500)**
- **Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500)**
Vietnam Report và báo Vietnamnet



CÁC GIẢI THƯỞNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP



- **Top 10 doanh nghiệp có năng lực quản trị tốt nhất sàn chứng khoán Việt Nam 2019**
- **Giải thưởng "Doanh nghiệp có năng lực quản trị tài chính tốt nhất ngành trồng trọt"**.
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)
- **Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500)**
Vietnam Report và báo Vietnamnet
- **Bà Trần Kim Liên - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Vinaseed được vinh danh trong Top 50 phụ nữ có tầm ảnh hưởng nhất Việt Nam 2019**
Forbes Vietnam
- **Top 30 doanh nghiệp tiêu biểu được Bộ NN&PTNT tuyên dương điển hình liên kết sản xuất nông nghiệp toàn quốc 2019**
Bộ NN&PTNT
- **Cờ thi đua đơn vị có thành tích xuất sắc trong phong trào "Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động" năm 2019**
Liên đoàn Lao động TP. Hà Nội
- **Cờ thi đua doanh nghiệp có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế, xã hội của Thủ đô năm 2019**
UBND TP. Hà Nội
- **Công đoàn đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn năm 2019**
Liên đoàn Lao động Quận Đống Đa
- **Đảng ủy thực hiện tốt công tác nghiệp vụ đảng viên năm 2019**
Quận ủy Đống Đa
- **Đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Xanh - Sạch - Đẹp, an toàn vệ sinh lao động" năm 2019**
Liên đoàn Lao động Quận Đống Đa
- **Bằng khen đã có thành tích trong hoạt động công đoàn và phong trào thi đua năm 2019**
Liên đoàn lao động TP. Hà Nội

CÁC GIẢI THƯỞNG TRONG LĨNH VỰC THỰC PHẨM



- **Hàng Việt Nam chất lượng cao 2019**
Hiệp hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao
- **Sản phẩm dịch vụ TPHCM tiêu biểu năm 2019**
Hiệp hội doanh nghiệp Hồ Chí Minh
- **Top 10 công ty thực phẩm uy tín năm 2019 Nhóm ngành: Đường, bánh kẹo và thực phẩm dinh dưỡng khác**
Vietnam Report và báo Vietnamnet
- **Hàng Việt Nam chất lượng cao 2019**
Hiệp hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao
- **Hàng Việt Nam chất lượng cao - Chuẩn Hội nhập**
Hiệp hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao
- **Cờ thi đua xuất sắc vì có thành tích hoạt động tốt và tích cực tham gia công tác phúc lợi xã hội ở địa phương**
UBND tỉnh Sóc Trăng
- **Giấy khen "Đạt thành tích tiêu biểu trong công tác chăm lo đời sống cho đoàn viên, CNLĐ"**
Công đoàn các khu công nghiệp
- **Kỷ niệm chương vì thành tích xuất khẩu**
Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP)
- **Top 10 công ty thực phẩm uy tín năm 2019 Nhóm ngành: Thực phẩm tươi sống, đông lạnh**
Vietnam Report và báo Vietnamnet



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2018

- Thoái toàn bộ vốn tại PAN Services, rút hoàn toàn khỏi lĩnh vực vệ sinh công nghiệp để tập trung vào hai lĩnh vực cốt lõi nông nghiệp – thực phẩm.
- Phát hành riêng lẻ 13,4 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược Sojitz; Phát hành 1.135 tỷ đồng trái phiếu được bảo lãnh thanh toán bởi CGIF.
- Mở rộng hoạt động kinh doanh, đưa Công ty CP Thực phẩm

Sao Ta (Fimex VN) - một trong những công ty xuất khẩu tôm hàng đầu Việt Nam, thành công ty con, và Công ty Khử trùng Việt Nam (VFC) - một trong những công ty đầu ngành trong lĩnh vực khử trùng và nông được - thành công ty liên kết.

Tăng vốn điều lệ lên 1.361 tỷ đồng, tiếp tục hiện thực hóa tầm nhìn và sứ mệnh trở thành công ty Nông nghiệp và Thực phẩm hàng đầu.

2019

- Thành lập PANCG với hệ thống phân phối bao phủ gần như 100% các điểm bán hiện đại trên khắp 63 tỉnh, cùng đội ngũ 800 nhân viên có quan hệ với hơn 145.000 cửa hàng bán lẻ.
- Nâng tỷ lệ sở hữu Thủy sản 584 Nha Trang lên 67,41%, quy hoạch phát triển các vùng nguyên liệu nước mắm truyền thống để đẩy mạnh đầu tư phát triển năng lực sản xuất tại các cơ sở này.

Chính thức tham gia vào ngành cà phê qua việc mua 80% cổ phần công ty Golden Beans, sở hữu thương hiệu SHIN Cà Phê.

Mở rộng quy mô sản xuất: khánh thành Trung tâm Chế biến hạt giống & nông sản Đồng Tháp, khánh thành Trung tâm giống Đơn Dương, khánh thành nhà máy Bibica Miền Tây, mở rộng diện tích vùng nuôi tôm tại Sóc Trăng.

Tăng vốn lên
1.731.011.410.000 đồng

2017

- Nâng tỷ lệ sở hữu tại Bibica lên 50,07%, chính thức đưa Bibica trở thành công ty con tại PAN Food, thể hiện quyết tâm gìn giữ thương hiệu Việt;
- Khai trương nhà máy PAN Food Manufacturing, bắt đầu cung cấp sản phẩm ra thị trường.

2016

- Thành lập Công ty CP PAN Farm phụ trách kinh doanh mảng nông nghiệp.
- Tiếp tục phát triển chuyên môn hóa trong mảng nông nghiệp, bằng cách thành lập Công ty CP PAN-SALADBOWL, đầu tư vào dự án trồng rau, hoa chất lượng cao;
- Hoàn tất mua 22,4% cổ phần của Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang.

2015

- Tăng vốn điều lệ lên xấp xỉ 1.009 tỷ đồng bằng việc phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược trị giá 753 tỷ đồng. Giá trị vốn hóa thị trường tăng lên xấp xỉ 3.200 tỷ đồng.
- Sở hữu 42,3% vốn điều lệ của Công ty CP Bánh kẹo Biên Hòa – Bibica, công ty bánh kẹo hàng đầu Việt Nam.
- Đổi tên thành Công ty CP Tập đoàn PAN và thay đổi bộ nhận diện thương hiệu thể hiện cam kết lâu dài và khát vọng nâng tầm nông nghiệp, thực phẩm Việt Nam.



1998

- Thành lập với vốn điều lệ 250 triệu đồng.

2006

- Chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán với mã chứng khoán PAN, khẳng định và cam kết tính minh bạch cũng như nâng cao khả năng huy động vốn.

2013

- Vốn điều lệ tăng lên 200,5 tỷ đồng, gấp 800 lần sau 15 năm thành lập.
- Bắt đầu chiến lược đầu tư kinh doanh vào lĩnh vực cốt lõi là nông nghiệp và thực phẩm.

Sở hữu 54,6% vốn điều lệ của Công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre (Aquatex Bến Tre) - một trong những công ty chế biến và xuất khẩu thủy sản lâu đời nhất Việt Nam.

2014

- Tiếp tục củng cố và phát triển nền tảng kinh doanh nông nghiệp, thực phẩm: Sở hữu trên 50% vốn điều lệ của Công ty CP Giống Cây trồng Trung ương (Vinaseed) và đưa Công ty CP Chế biến hàng xuất khẩu Long An (Lafooco) trở thành Công ty liên kết.

Tăng vốn điều lệ lên 616,4 tỷ đồng, gấp 3 lần so với năm 2013.

Thành lập Công ty CP Thực phẩm PAN làm nền tảng đầu tư và phát triển trong lĩnh vực thực phẩm.

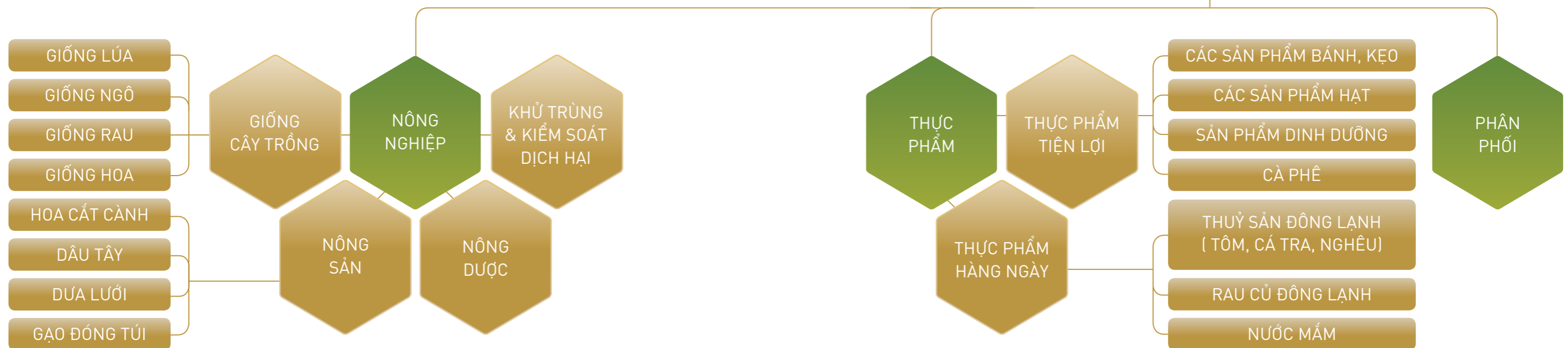
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Sản phẩm và dịch vụ

TẬP ĐOÀN PAN SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THÔNG QUA HỆ THỐNG CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT.



Các Sản phẩm và Dịch vụ chủ yếu



Các Sản phẩm và Dịch vụ chủ yếu

► CÁC SẢN PHẨM GIỐNG CỦA TẬP ĐOÀN CHỌN LỌC VÀ LAI TẠO CÓ ĐẶC ĐIỂM NỔI TRỘI VỀ KHẢ NĂNG SINH TRƯỞNG MẠNH, NĂNG SUẤT CAO, CHẤT LƯỢNG TỐT, CHỐNG CHỊU SÂU BỆNH VÀ THÍCH NGHI VỚI ĐIỀU KIỆN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở TỪNG VÙNG SINH THÁI CỦA VIỆT NAM. MỖI HẠT GIỐNG GÓI TRỌN CẢ CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN, LỢI ÍCH KINH TẾ, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN SỨC KHỎE NGƯỜI TIÊU DÙNG.



1. CÁC SẢN PHẨM CHỦ ĐẠO TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

1.1. Giống cây trồng

GIỐNG LÚA

Giống lúa thuần: bộ giống lúa thuần phong phú của công ty bao gồm Thiên Ưu 8, RVT, Đài thơm 8, VS1, Dự Hương, Trần Tràu Hương,... đang chiếm lĩnh thị trường trong nước.

Giống lúa lai: giống lúa lai do công ty cung ứng luôn đảm bảo chất lượng, được cấp xác nhận tiêu chuẩn ngành. Các giống lúa lai đang cung ứng ra thị trường bao gồm TH3-4, Thụy Hương; Bắc Ưu 64, Bắc Ưu 903, Nhị Ưu 63, Nhị Ưu 86B, PAC 807, ...

GIỐNG NGÔ

Tập đoàn tập trung nghiên cứu và chọn tạo các giống ngô nếp, ngô đường phục vụ nhu cầu ăn tươi trên thị trường nội địa. Hiện nay, giống ngô nếp của công ty hoàn toàn chiếm lĩnh thị trường. Các sản phẩm ngô nếp được thị trường ưa chuộng do độ dẻo, ngọt, bắp đều hạt, năng suất cao, thích nghi rộng với nhiều vùng sinh thái. Các giống tiêu biểu bao gồm ngô nếp tím dẻo HN66, ngô nếp lai HN88, HN68, ngô nếp lai đơn MX10, MX6,...

GIỐNG RAU QUẢ

Các sản phẩm giống rau quả của Tập đoàn còn ít do chiến lược tập trung vào ngành giống cây lương thực. Tuy nhiên, các sản phẩm giống rau của công ty đều được thị trường đón nhận tốt và duy trì vị thế trong nhiều năm. Đặc biệt gần đây công ty đã chọn tạo thành công một số giống dưa lưới làm đa dạng danh mục sản phẩm rau quả Việt Nam. Một số giống rau tiêu biểu như dưa chuột chịu nhiệt Sakura, bí đỏ (Pum1664; Pum1628m; Pum1631); bầu sao F1: Bog 16; dưa hấu (WAM 14123 và WAM 14127), khổ qua trái ngắn F1: Big 6131,...

GIỐNG HOA

Trong năm 2019, Tập đoàn đã đầu tư trung tâm nghiên cứu và sản xuất giống tại Đơn Dương, Lâm Đồng. Đây là dự án hợp tác với Jardin (Nhật Bản) qua các hợp đồng chuyển giao bản quyền để sản xuất giống cung cấp cho thị trường Việt Nam và châu Á. Cụ thể, khu nhà kính rộng 1ha theo công nghệ Nhật Bản sẽ là nơi thử nghiệm trên 100 giống hoa và thực hiện giai đoạn ban đầu của kế hoạch hợp tác. Chiến lược của Tập đoàn là trong 5 năm tới có thể sản xuất giống để tạo ra 20-30 triệu cành hoa xuất khẩu.



1.2. Nông sản

HOA CẮT CÀNH

Tập đoàn đang trồng chủ yếu loại hoa chính là Hoa Cúc Nhật. Công ty sản xuất hơn 40 loại hoa Cúc giống Nhật như Kindly, Silvia, Celebrate, Olive, Lenior, Matissie, Colonge, Dante, Pinky rock, Copa, Muse cream, Muse, Ferro.... phục vụ xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản. Các loại hoa đều có màu sắc đẹp, bền, và có thể khoe sắc trong khoảng thời gian đến 20 ngày.

DẦU TÂY

Sau quá trình nghiên cứu và canh tác thử nghiệm từ giữa năm 2018, những trái dầu đầu tiên đã chính thức được thu hoạch vào quý 4/2019 tại Lâm Đồng. Để có được những trái dầu thành phẩm này, quá trình nghiên cứu phát triển sản phẩm được diễn ra một cách nghiêm ngặt và kỹ lưỡng từ khâu chọn giống, trồng thử nghiệm cho tới kiểm định chất lượng sản phẩm. Dự án được sự hỗ trợ kỹ thuật của Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA).

DƯA LƯỚI

Dưa lưới được canh tác theo công nghệ chuyển giao từ Nhật Bản trong môi trường kiểm soát nghiêm ngặt về nước tưới, dinh dưỡng và nhiệt độ. Tập đoàn cung cấp các sản phẩm dưa lưới giống Nhật Bản (Taki, Taka, Ichiba, Akina) tiêu chuẩn Global Gap phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu sang Nhật Bản, Singapore, Dubai, ...

GẠO ĐÓNG TÚI

Gạo Ban Mai: Gạo Ban Mai được sản xuất từ giống lúa thuần chủng, là sản phẩm gạo Tươi sạch được sản xuất khép kín từ việc lựa chọn giống tốt, gieo trồng được quản lý chặt chẽ. Ngay sau khi thu hoạch lúa được chuyển về hệ thống sấy và chế biến hiện đại của công ty thành viên VinaRice (Đồng Tháp) đảm bảo 100% luôn tươi mới. Gạo được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap, trên dây chuyền chế biến hiện đại, hoàn toàn khép kín của Nhật Bản.

Các sản phẩm gạo Nhật: Gạo VJ Pearl, VJ Japonica là các sản phẩm chất lượng cao được sản xuất từ giống lúa tốt nhất với công nghệ tiên tiến của Nhật Bản, được kiểm soát chất lượng chặt chẽ từ khâu chọn giống, canh tác và sản xuất, đảm bảo truy xuất nguồn gốc rõ ràng. Sử dụng hệ thống

dây chuyền chế biến, đóng gói hiện đại và được kiểm soát nghiêm ngặt, sản phẩm đảm bảo giữ được giá trị dinh dưỡng và hương thơm tự nhiên.

Gạo thơm RVT: với lợi thế nhiều năm kinh nghiệm gắn bó với sản xuất nông nghiệp, thấu hiểu các vùng đất sản xuất lúa đặc sản tại Việt Nam, Tập đoàn đã chọn ra những vùng đất tốt nhất để quy hoạch vùng nguyên liệu sản xuất lúa gạo Thơm RVT rộng lớn. Các ruộng sản xuất được tổ chức theo một quy trình khép kín, kiểm soát chặt chẽ từ nguồn giống, đất và nước. Lúa Thơm RVT chế biến dưới dây chuyền chế biến hiện đại, đồng bộ của Đức, Nhật để từ đó cho ra đời những sản phẩm gạo Thơm RVT thượng hạng đáp ứng được yêu cầu khắt khe nhất của thị trường.

Gạo thực phẩm chức năng (gạo huyết rồng, gạo đen): là các sản phẩm rất giàu hàm lượng các hoạt chất sinh học, vi chất dinh dưỡng, chất xơ, protein, vitamins và khoáng chất. Nhờ vậy, các sản phẩm này giúp tăng khả năng điều hòa huyết áp, hỗ trợ các chức năng tim mạch, phòng tránh tiểu đường, góp phần giải quyết các vấn đề sức khỏe của cộng đồng.

1.3. Nông dược

Tham gia lĩnh vực kinh doanh nông dược từ năm 1996, Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFC), công ty liên kết của Tập đoàn là nhà cung ứng các sản phẩm nông dược chất lượng cao, hiệu quả tốt cho bà con nông dân hàng đầu tại Việt Nam. Công ty chuyên gia công, đóng gói và phân phối các sản phẩm từ các tập đoàn, công ty quốc tế hàng đầu thế giới đến từ Mỹ, Nhật Bản, Thụy Sĩ và Israel.

1.4. Khử trùng và kiểm soát dịch hại

Công ty liên kết VFC là công ty khử trùng đầu tiên ở Việt nam, với trên 30 năm kinh nghiệm, sự đầu tư đồng bộ từ con người đến trang thiết bị. Trong nhiều năm qua, VFC đã đáp ứng hầu hết các yêu cầu khử trùng ở mức độ cao nhất của khách hàng trong và ngoài nước cũng như các yêu cầu khử trùng hàng nhập chuyên biệt liên quan đến hải quan, kiểm dịch thực vật...Điều này đã góp phần đảm bảo cho công tác bảo quản, sản xuất chế biến cũng như xuất nhập khẩu đạt yêu cầu, hiệu quả và thông suốt. Ngoài ra, công ty cũng là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm soát côn trùng lâu năm và uy tín nhất tại Việt Nam hiện nay.



2. CÁC SẢN PHẨM CHỦ ĐẠO TRONG LĨNH VỰC THỰC PHẨM

Nhóm sản phẩm Thực phẩm tiện lợi bao gồm các sản phẩm bánh, kẹo, các sản phẩm từ hạt và cà phê.

2.1. Thực phẩm tiện lợi

2.1.1. NHÓM SẢN PHẨM BÁNH, KẸO

Bánh bông lan (Bánh Spongecake): Các sản phẩm bánh bông lan của Bibica mang tới cho người tiêu dùng những lựa chọn đa dạng về bao bì, hương vị và phân khúc tiêu dùng, phù hợp với mọi đối tượng khách hàng tại Việt Nam và trên thế giới. Đặc biệt, Bibica sở hữu nhiều sản phẩm độc đáo trên thị trường Việt Nam mà chưa công ty nào có thể làm được như bánh bông lan 3 lớp, bánh bông lan kem sữa tươi, ...

Bánh pie: Được sản xuất dưới dây chuyền công nghệ hiện đại vượt trội tại khu vực Đông Nam Á, dòng bánh pie với lớp vỏ giòn nhiều hương vị độc đáo mang đến sự thích thú đối với người tiêu dùng ở khắp mọi miền tổ quốc và các nước trong khu vực.

Bánh quy: Dòng sản phẩm với 5 nhãn hiệu Choco Chips, Bon Ami, Chú Hề, Creamy, Jamy đa dạng về mùi vị với bao bì hấp dẫn, đẹp mắt.

Bánh mì: Dòng sản phẩm với nhãn hiệu Olive được khách hàng đánh giá cao về chất lượng và bao bì bắt mắt.

Bánh hỗn hợp và các sản phẩm lễ hội: với các nhãn hiệu nổi tiếng trên thị trường như Goody, Lạc Việt, Happy,... các sản phẩm của Bibica có chất lượng vượt trội và kiểu dáng sang trọng luôn được người tiêu dùng tin tưởng làm quà tặng trong những dịp lễ tết.

Bánh Trung thu: với thương hiệu uy tín và bề dày kinh nghiệm lâu năm trên thị trường, sản phẩm với nhiều sự lựa chọn đa dạng về hương vị và bao bì, và nỗ lực giới thiệu ra thị trường những hương vị mới, dinh dưỡng và có nguồn gốc tự nhiên, Bibica ngày càng củng cố vị thế trong топ dẫn đầu của thị trường bánh Trung thu.

Bánh cracker: Dòng sản phẩm Cracker của Bibica sản xuất trên dây chuyền hiện đại, thành phần nguyên liệu được chọn lọc kỹ càng. Đây là dòng bánh mang lại cho người sử dụng chế độ dinh dưỡng hợp lý, hỗ trợ kiến tạo nên nền tảng chăm sóc sức khỏe và ngoại hình. Lurich còn phát huy tối đa những đặc tính khác biệt về sản phẩm như ngon, bổ dưỡng, là bữa phụ tiện lợi tiếp thêm năng lượng cho cơ thể giữa các bữa chính.

Bánh wafer: bánh Wafer mang nhãn hiệu Ropypy được sản xuất trên dây chuyền hiện đại với thiết bị và công nghệ từ châu Âu và M, với thành phần nguyên liệu được chọn lọc kỹ càng. Đây là dòng bánh tiên phong cam kết mang lại cho người sử dụng 1 chế độ dinh dưỡng hợp lý cam kết kiến tạo nên một nền tảng chăm sóc sức khỏe và ngoại hình tiêu chuẩn. Sản phẩm còn phát huy tối đa những đặc tính khác biệt về sản phẩm như ngon, bổ dưỡng, bữa phụ tiện lợi giúp cho cơ thể khỏe và đẹp.

Các sản phẩm kẹo: gồm 3 dòng chính – (i) Kẹo cứng (Michoco, Calyots, Bốn Mùa, Volcano, Welly, ...); (ii) Kẹo mềm (Sumica, Cheery, ...); (iii) Kẹo dẻo (Huro, Zoo, Tropy, ...). Bibica là Công ty duy nhất trên thị trường Việt Nam có đầy đủ 3 chủng loại kẹo để phục vụ nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng. Các sản phẩm Kẹo của Bibica được khách hàng đánh giá rất cao về chất lượng và là thương hiệu tin cậy, được yêu mến tại Việt Nam trong hơn 20 qua.

Socola: với nhãn hiệu Choco Bella, Bibica cung cấp cho khách hàng đa dạng chủng loại socola ngọt ngào yêu thương.

2.1.2. NHÓM SẢN PHẨM TỪ HẠT

Các loại hạt rang chiên: bằng kinh nghiệm gần 35 năm trong ngành hạt tại Việt Nam và những nỗ lực nghiên cứu sản phẩm cũng như xây dựng thương hiệu trên thị trường thế giới, Lafooco đã thành công đưa sản phẩm hạt điều rang chiên với bao bì sang trọng mang chính thương hiệu Lafooco và Osca (thương hiệu độc quyền thuộc Lafooco) tới tận tay người tiêu dùng toàn cầu. Những sản phẩm hạt điều thuộc hàng cao cấp nhất thế giới – mà còn mang đến cho người tiêu dùng những lựa chọn đa dạng về hương vị như vị muối, vị mật ong mè, vị tỏi, vị tiêu, vị nước cốt dừa, vị wasabi,... Năm 2018, Công ty giới thiệu tới thị trường thế giới sản phẩm Hạt hỗn hợp dinh dưỡng, đồng thời được biết tới rộng rãi hơn tại thị trường trong nước khi bắt đầu bao phủ hầu hết các hệ thống siêu thị lớn trên toàn quốc.

Hoa quả sấy: sản phẩm sử dụng dây chuyền hiện đại và nguồn nguyên liệu chất lượng cao trong nước đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu.

Các loại nhân điều nhân xuất khẩu: W450, W320, W240, DW, SW, LBW, WS, LP: Đóng gói trong bao tiện dụng trong 1 thùng carton hoặc theo yêu cầu đóng gói của khách hàng.

2.1.3. NHÓM SẢN PHẨM DINH DƯỠNG

Gồm sản phẩm cho người đái tháo đường, sản phẩm cho người mang thai và các sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ ăn dặm (ngũ cốc dinh dưỡng Quasure và Netsure, bánh Growthsure, bánh dinh dưỡng Mumsure).

2.1.4. CÀ PHÊ ĐẶC SẢN

Trong nhiều năm, SHIN Cà Phê, thành viên Tập đoàn đã nghiên cứu khắp các vùng cao nguyên để tìm kiếm những vùng đất tiềm năng, những phương hướng phát triển trên thị trường. Thành quả sau những nỗ lực không ngừng, SHIN Cà Phê đã khai

phá 7 vùng đất: Sơn La, Khe Sanh, (Quảng Trị), A Lưới (Thừa Thiên-Huế), Đà Lạt (Lâm Đồng), Pleiku (Gia Lai), Kon Tum, Điện Biên với thổ nhưỡng, khí hậu tuyệt vời cho những mầm cà phê mới đâm chồi. Những hạt cà phê Arabica, Robusta trồng ở những tiểu vùng sinh thái lý tưởng nhất, được chăm sóc bởi bàn tay của người dân bản địa, đã tạo nên những hương vị đặc trưng cho từng vùng miền của Việt Nam. Tự hào là người khai phá con đường "Cà phê đặc sản vùng miền Việt Nam", SHIN Cà Phê đang nỗ lực đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, xây dựng thương hiệu cà phê đặc sản bằng cách tạo ra và tôn vinh hương vị cà phê của mỗi vùng miền trên khắp Việt Nam.



NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM HÀNG NGÀY BAO GỒM CÁC SẢN PHẨM THỦY SẢN ĐÔNG LẠNH, RAU CỦ ĐÔNG LẠNH, NƯỚC CHẤM VÀ GIA VỊ.



2.2. Thực phẩm hàng ngày

2.2.1. NHÓM THỦY SẢN ĐÔNG LẠNH

Nhóm thủy sản đông lạnh chủ yếu được xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản, Châu Âu, Mỹ, Canada và Hàn Quốc luôn đảm bảo tiêu chuẩn khắt khe từ phía thị trường nhập khẩu.

Hiện nay, Tập đoàn được biết đến như nhà cung cấp thủy sản chế biến cao cấp từ Việt Nam tới các thị trường khó tính trên thế giới. Chúng tôi là đơn vị đầu tiên xuất khẩu tôm, cá tra và nghêu sang thị trường Nhật Bản. Khách hàng chính là những chuỗi siêu thị, nhà hàng, công ty thực phẩm hàng đầu Nhật Bản và Châu Âu, nơi có yêu cầu khắt khe về chất lượng.

Cá tra: Cá nước ngọt nuôi tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam với nguồn cung ổn định quanh năm, đạt chứng chỉ GLOBAL GAP và ASC. Tập đoàn tự hào với quy trình sản xuất hoàn toàn khép kín và chất lượng cá vượt trội cả về hương vị lẫn các chỉ số an toàn thực phẩm, đáp ứng mọi yêu cầu khắt khe từ những thị trường khó tính nhất.

Các sản phẩm từ cá tra được chế biến thành nhiều sản phẩm đa dạng theo yêu cầu khách hàng như cá tra bỏ đầu, cắt khoanh đông lạnh, phi lê cá tra chưa cắt tia đông lạnh, phi lê cá tra tẩm bột, cá tra xiên que đông lạnh,...

Nghêu: Nguyên liệu nghêu cao cấp được tuyển chọn kỹ lưỡng từ những vùng nguyên liệu sạch của Việt Nam. Chuỗi cung ứng nghêu được quản lý chặt chẽ và đạt chứng chỉ bền vững MSC. Các sản phẩm nghêu đóng gói đông lạnh bao gồm nghêu hấp cả vỏ đông lạnh, thịt nghêu hấp đông lạnh và nghêu hấp tẩm gia vị.

Tôm: Sản phẩm tôm chế biến của Tập đoàn phong phú và đa dạng về mẫu mã như: tôm PD (tôm lột vỏ, lấy chỉ) và tôm PDTO (tôm lột vỏ, lấy chỉ, giữ đuôi) dạng tươi; tôm IQF (tôm đông lạnh) dạng tươi, hấp và luộc. Các loại tôm lột vỏ chế biến theo quy cách của Nhật Bản như tôm Nobashi, tôm Shushi và các sản phẩm tôm tẩm bột khác. Sản phẩm tôm Tempura sử dụng kỹ thuật chiên tempura sao chín vừa tới,

mẫu mã đẹp bột bao bung như hoa và nhất là không khô cứng sau khi để nguội.

2.2.2. RAU CỦ ĐÔNG LẠNH

Kakiage nguyên gốc là các mặt hàng rau củ trộn bột chiên đã được khách hàng đón nhận. Với công thức bí truyền giúp cho sự phối chế và nhiệt độ chiên của các thành phần đều vừa chín tới là bí quyết riêng của Tập đoàn giúp thu hút được đa số người tiêu dùng kể cả những người tiêu dùng khó tính nhất.

2.2.3. NHÓM SẢN PHẨM NƯỚC CHẤM VÀ GIA VỊ

Nước mắm 584 Nha Trang, sản phẩm của Tập đoàn, là một thương hiệu nước mắm truyền thống được yêu mến trên khắp lãnh thổ Việt Nam trong suốt gần 40 năm nay. Nguyên liệu cá cơm từ vùng biển Nha Trang luôn được tuyển chọn kỹ lưỡng nhằm đảm bảo hương vị đặc trưng tinh túy của nước mắm. Đúc kết từ phương pháp cổ truyền tại địa phương, qui trình sản xuất nước mắm 584 Nha Trang luôn tuân theo bí quyết riêng đảm bảo dòng nước mắm sản xuất ra sẽ đạt chất lượng cao với hương vị thơm ngon, đậm đà, màu vàng rơm óng ánh. Không chỉ thơm ngon bổ dưỡng, nước mắm 584 Nha Trang còn đảm bảo tuyệt đối an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

Các dòng sản phẩm chủ lực của Thủy sản 584 Nha Trang phải kể đến như: Dòng sản phẩm truyền thống với nhãn hiệu 584 Nha Trang với đa dạng lựa chọn về độ đậm; Dòng sản phẩm nước mắm Hương Biển được chiết lọc từ những tinh chất của cá cơm vùng biển Nha Trang; Dòng sản phẩm nước mắm bổ sung sắt dinh dưỡng với mục đích phòng và chống bệnh thiếu máu do thiếu sắt dinh dưỡng thường gặp ở phụ nữ và trẻ em; Dòng sản phẩm nước mắm nhạt muối Vị Ngon, Biển Bạc có điểm khác biệt, đó là độ mặn thấp hơn và hương thơm hơn, vị dịu độc đáo; Dòng sản phẩm nước mắm nhĩ Thuận Ngư được chiết lọc tinh túy nhất của những mẻ cá cơm than thượng hạng được đánh bắt tại Cà Ná – Ninh Thuận – vùng biển hoang sơ, thuần khiết ở miền Trung.

Địa bàn Kinh doanh và Hệ thống Phân phối

Địa bàn kinh doanh

TẬP ĐOÀN CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG RỘNG KHẮP TRÊN PHẠM VI CẢ NƯỚC.

Tập đoàn có địa bàn hoạt động rộng khắp trên phạm vi cả nước. Công ty mẹ The PAN Group hoạt động thông qua trụ sở chính tại tỉnh Long An, 01 văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh và 01 chi nhánh tại Hà Nội. Ngoài ra, các công ty con và công ty liên kết hoạt động trên phạm vi cả nước.

- CTCP PAN Farm có trụ sở tại TP. Hà Nội;
- CTCP Thực phẩm PAN (PAN Food) có trụ sở tại tỉnh Long An;
- CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed) có trụ sở tại Hà Nội với 1 văn phòng đại diện ở nước ngoài (CHDCND Lào), 1 văn phòng đại diện tại Tây Ninh; 6 chi nhánh trong nước tại Hà Nam, Thanh Hóa, Thái Bình, Nghệ An, Tây Nguyên, 1 chi nhánh kinh doanh nông sản; 04 công ty con hợp nhất trụ sở tại Hà Đông (Hà Nội), Hà Nam, Quảng Nam và thành phố Hồ Chí Minh; và 02 trung tâm nghiên cứu và nhà máy chế biến tại Hà Nội và Hưng Yên;
- CTCP PAN-HULIC: địa bàn hoạt động chủ yếu ở Lâm Đồng. Công ty có 3 khu trang trại tại huyện Lâm Hà, Đơn Dương và Lạc Dương;
- CTCP Khử trùng Việt Nam (VFC) có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh và các chi nhánh trên khắp cả nước tại Hà Nội, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Đắk Lak, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Long An, Đồng Tháp, Sóc Trăng;
- CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre (Aquatex Bentrel) có 1 trại nuôi giống tại huyện Châu Thành, 4 trại cá tại huyện Châu Thành và Giồng Trôm, 2 phân xưởng nằm trong trụ sở chính của công ty tại Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre;
- CTCP Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN): Hai mảng sản xuất kinh doanh chính của công ty là mặt hàng tôm đông lạnh và nông sản xuất khẩu hoạt động chủ yếu tại địa bàn tỉnh Sóc Trăng, bao gồm Xí nghiệp thủy sản Sao Ta và Nhà máy thực phẩm An San;
- CTCP Bibica (Bibica): Công ty có trụ sở chính tại quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh; 4 nhà máy sản xuất tại Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai; Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương; KCN Vĩnh Lộc 2, Long An và Quận Long Biên, Hà Nội;
- CTCP Chế biến hàng xuất khẩu Long An (Lafoco): Trụ sở và nhà máy chế biến của Công ty được đặt tại Thành phố Tân An, Tỉnh Long An;
- CTCP Thủy sản 584 Nha Trang (584 Nha Trang): Công ty có Trụ sở chính tại Thành phố Nha Trang, 02 chi nhánh và tổ bán hàng tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và 03 đơn vị sản xuất tại tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Khánh Hòa;
- CTCP phân phối hàng tiêu dùng PAN (PANCG): công ty có trụ sở chính tại KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Long An và 01 văn phòng đại diện tại quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh;
- CTCP Golden Beans có trụ sở tại quận 10, TP. Hồ Chí Minh cùng 2 cửa hàng SHIN Cà Phê tại 12 Nguyễn Thiệp và 18 Hồ Huân Nghiệp, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Địa bàn Kinh doanh và Hệ thống Phân phối

Hệ thống phân phối

SẢN PHẨM CỦA TẬP ĐOÀN ĐƯỢC PHÂN PHỐI RỘNG RÃI TRÊN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ NHỜ MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI RỘNG KHẮP

Sản phẩm của Tập đoàn được phân phối rộng rãi trên thị trường trong nước và quốc tế nhờ mạng lưới phân phối rộng khắp gồm hơn 450 nhà phân phối tới 145.000 điểm bán trên 63 tỉnh thành trong cả nước. Các mặt hàng như gạo, thủy sản, hoa tươi, điều và hạt cũng vươn tới nhiều thị trường quốc tế quan trọng (hơn 30 quốc gia) bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Châu Âu, Mỹ, Canada, Úc, Hong Kong, Trung Đông, ...

- **Vinaseed:** 1500 đại lý tại hầu hết các tỉnh thành. Xuất khẩu sang Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Campuchia, Myanmar.
- **PAN-HULIC:** Nhật Bản, Hàn Quốc
- **VFC:** Hơn 300 đại lý cấp 1 và 4800 đại lý cấp 2 trên khắp cả nước.
- **Bibica:** 117 nhà phân phối, gần 100.000 điểm bán hàng trên khắp cả nước.

- **Aquatex Bentre:** thị trường chính là Nhật, Mỹ, Châu Âu, Canada, Úc, Singapore, Hàn Quốc. Ngoài ra Aquatex Bentre cũng có khách hàng ở thị trường Nam Mỹ, Trung Đông và Bắc Phi.
- **Lafooco:** Mỹ, Úc, Hà Lan, Nhật, Hongkong, Anh, Đức, Canada, Trung Quốc.
- **584 Nha Trang:** 3000 điểm bán, phân phối toàn quốc.
- **Fimex VN:** Nhật Bản, Hoa Kỳ, Châu Âu, Hàn Quốc.



Ngoài ra, trong năm 2019, CTCP Phân phối hàng tiêu dùng PAN, gọi tắt là PAN CG, đã chính thức được thành lập với nhiệm vụ trước hết là phân phối các sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm của Tập đoàn PAN, sau đó là các sản phẩm có chất lượng tương đương từ đối tác. Tuy mới thành lập nhưng với việc sở hữu hệ thống bao phủ gần như 100% các điểm bán hiện đại (siêu thị, đại siêu thị, cửa hàng tiện lợi...), PAN CG đã có trong tay đội ngũ hơn 800 nhân viên có quan hệ với hơn 145.000 cửa hàng bán lẻ tại 63 tỉnh thành.

PAN CG ĐÃ CÓ TRONG TAY ĐỘI NGŨ HƠN 800 NHÂN VIÊN CÓ QUAN HỆ VỚI HƠN 145.000 CỬA HÀNG BÁN LẺ TẠI 63 TỈNH THÀNH.

Một trong những chiến lược đáng chú ý của doanh nghiệp chính là đồng hành về mọi mặt, đặc biệt là hỗ trợ nền tảng công nghệ cho các điểm bán truyền thống này, giữa bối cảnh phải cạnh tranh quyết liệt với

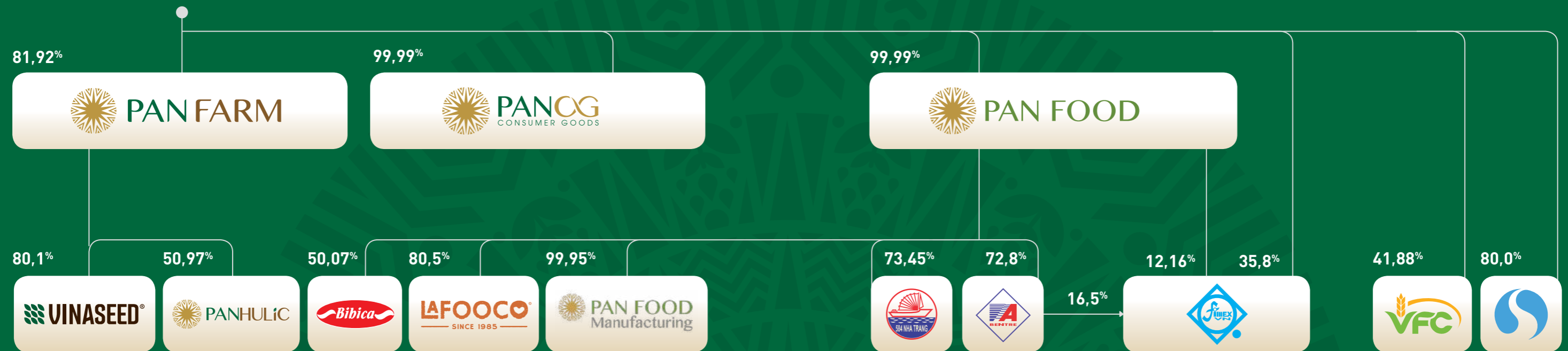
các kênh bán hiện đại trong Cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Hệ thống của PAN CG, do đó, được thiết kế để tích hợp và liên thông dữ liệu giữa nhà sản xuất, nhân viên bán hàng và nhà bán lẻ. Đối với nhà bán lẻ và các điểm bán, việc đặt hàng, kiểm soát và phản hồi về số lượng và chất lượng hàng tồn kho, kế hoạch đặt hàng... hoàn toàn có thể được chủ động. Một ứng dụng cho từng chủ cửa hàng, hỗ trợ tự lập và đặt đơn hàng qua smartphone đã được phát triển thành công, giúp đối tác theo dõi tình trạng đơn hàng cũng như cập nhật theo thời gian thực sản phẩm mới, giá bán, điểm thưởng cũng như các chương trình hỗ trợ bán hàng qua điện thoại di động. Đối với nhà sản xuất, việc đơn hàng của người bán lẻ được cập nhật thẳng lên hệ thống ERP của doanh nghiệp không những giúp giảm thời gian đưa hàng hóa đến nơi có nhu cầu mà còn giúp họ theo dõi tức thời tình trạng hàng hóa của mình trên thị trường, minh bạch hóa các thông tin về hoạt động bán hàng. Trong khi đó, nhân viên giao hàng cũng được cập nhật đầy đủ các thông tin về sản phẩm, các chương trình, có kết nối chặt chẽ với nhà sản xuất và nhà bán lẻ để tăng hiệu quả.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

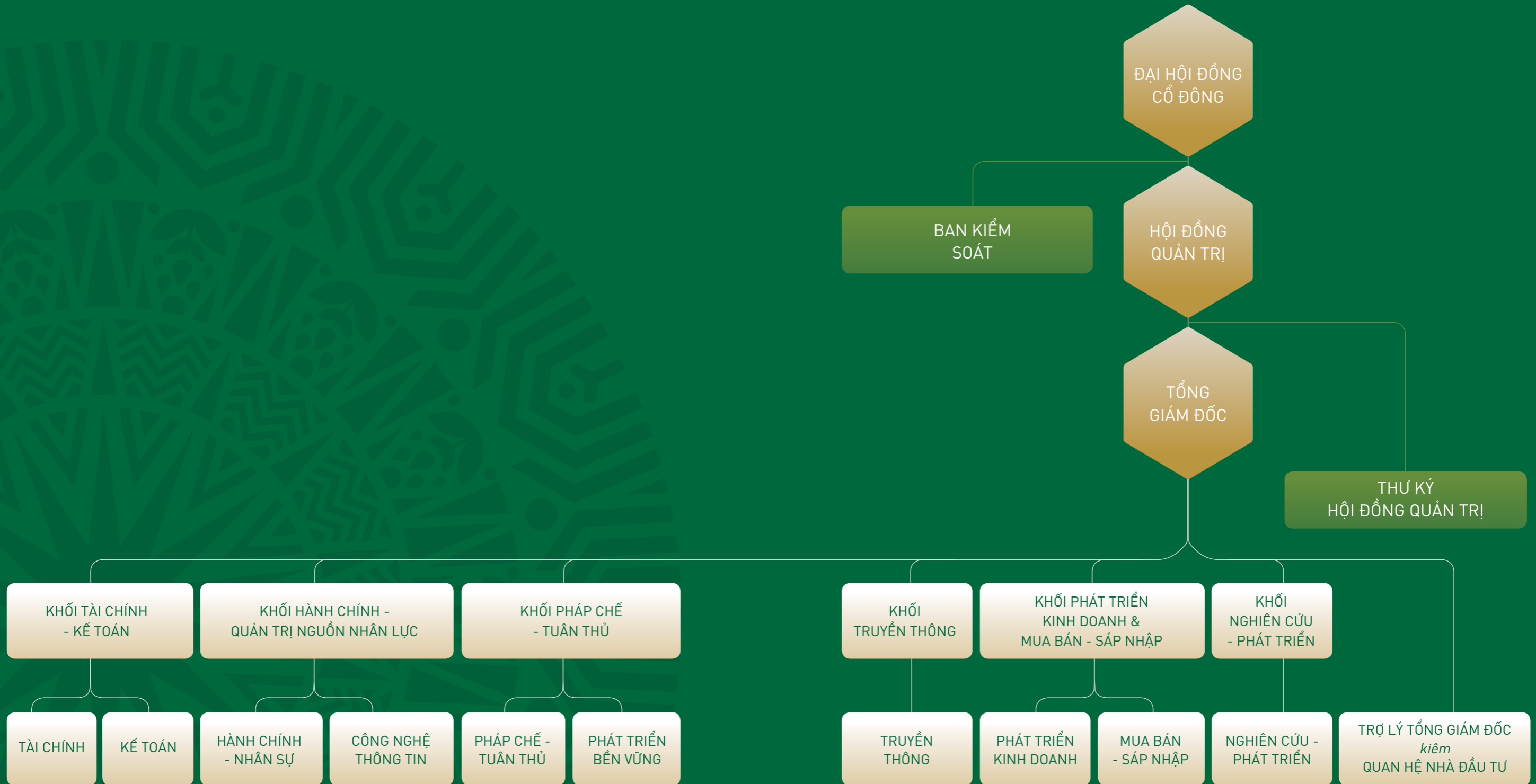
Mô hình Quản trị



THE PAN GROUP



Cơ cấu Bộ máy Quản lý



Công ty Con và Công ty Liên kết

TẬP ĐOÀN PAN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM THÔNG QUA CÔNG TY MẸ VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT TRÊN CƠ SỞ CÁC THƯƠNG VỤ MUA BÁN, SÁP NHẬP CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN CHO ĐẾN NAY.

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT:

TT	Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỉ lệ sở hữu của Tập đoàn PAN (trực tiếp hoặc qua công ty con)
Lĩnh vực nông nghiệp					
1	CTCP PAN Farm	Tầng 15, tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội	Nông nghiệp	1.220.738.040.000	81,92%
2	CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed)	Số 1 Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội	Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại nông sản và vật tư nông nghiệp.	175.869.880.000	80,04%
3	CTCP PAN-HULIC	Tân Lập, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh rau và hoa.	157.441.940.000	51%
4	CTCP Khử trùng Việt Nam (VFC)	29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng (không sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói tại trụ sở)	320.888.640.000	41,25%
Lĩnh vực thực phẩm					
1	CTCP Thực phẩm PAN (PAN Food)	Lô A1/1-9, Đường VL3, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Sản xuất và phân phối thực phẩm.	1.000.000.000.000	99,99%
2	CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre (Aquatex Bentre)	Ấp 9, xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	141.072.070.000	78,3%
3	CTCP Chế biến hàng Xuất khẩu Long An (Lafooco)	Số 81B Quốc lộ 62, Phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An	Đầu tư gia công, sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu và dịch vụ trong ngành hàng nông sản, thủy sản, lương thực, thực phẩm.	147.280.190.000	80,5%
4	CTCP Bibica	433 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản.	154.207.820.000	50,07%
5	CTCP Thủy sản 584 Nha Trang	584 Lê Hồng Phong, Nha Trang, Khánh Hòa	Chế biến thủy sản, chế biến nước mắm; kiểm nghiệm chất lượng thủy sản.	64.019.090.000	73,45%
6	CTCP Chế biến thực phẩm PAN (PAN Food Manufacturing)	Lô A1/1-9, Đường VL3, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Sản xuất, chế biến, mua bán bánh kẹo, thức uống có cồn, sữa đậu nành, nước giải khát, các sản phẩm từ thịt, hải sản, các sản phẩm nông nghiệp khác và kinh doanh bất động sản.	300.000.000.000	99,96%
7	CTCP Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN)	Km2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thị xã Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ trong ngành chế biến; nuôi trồng thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế; kinh doanh bất động sản; và một số ngành nghề kinh doanh khác.	490.440.000.000	64,45%
8	CTCP Cà Phê Golden Beans	497/23 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn thực phẩm, nông lâm sản, trồng cây cà phê	73.234.630.000	79,6%
Lĩnh vực phân phối					
1	CTCP Phân phối hàng tiêu dùng PAN (PAN CG)	Lô A1/1-9, Đường VL3, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Bán buôn thực phẩm	200.000.000.000	99,99%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tình hình Kinh tế vĩ mô năm 2019

TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI NĂM 2019 CÓ NHIỀU BIẾN ĐỘNG PHỨC TẠP.

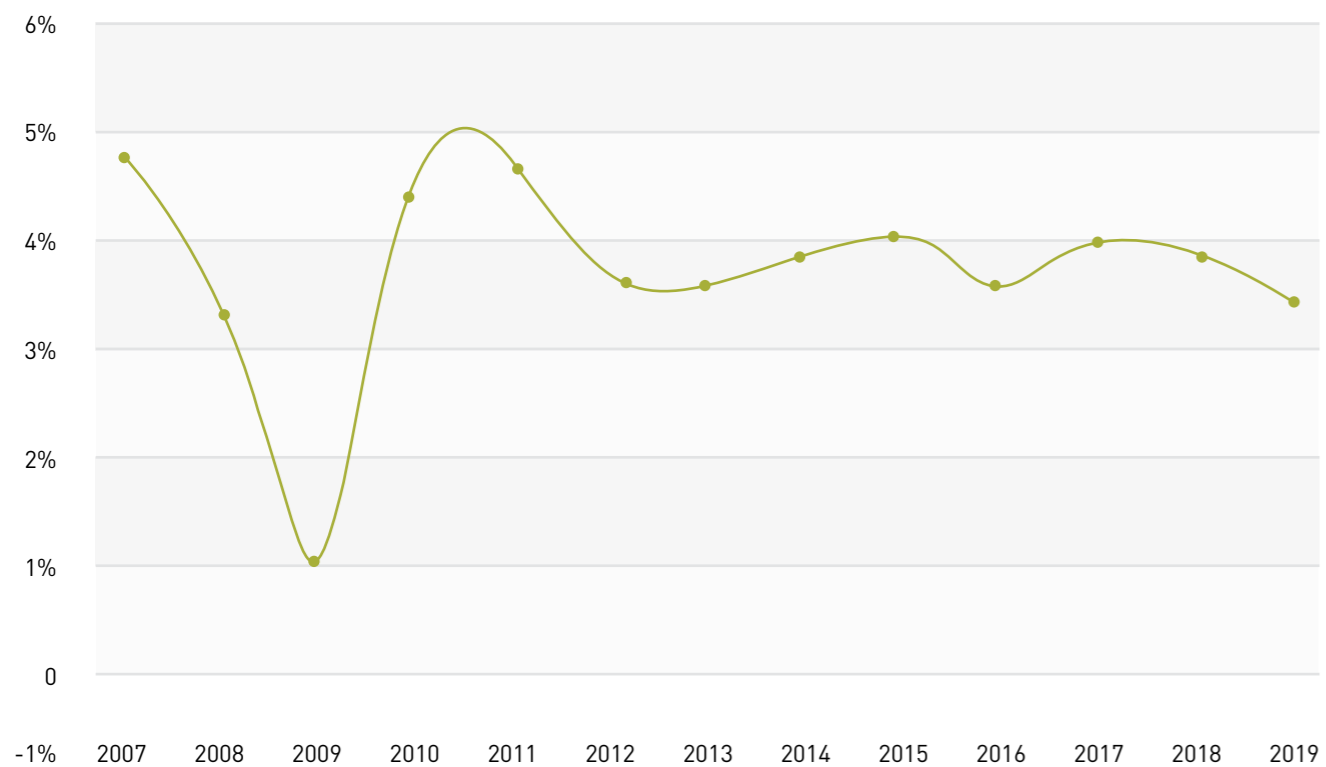
1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2019

Tình hình kinh tế và chính trị thế giới năm 2019 có nhiều biến động phức tạp. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc, căng thẳng giao thương Nhật Bản - Hàn Quốc, tiến trình Brexit bế tắc gây ra những tác động sâu rộng và nhiều chiều đến kinh tế thế giới. Do ảnh hưởng của các yếu tố căng thẳng thương mại và biến động địa chính trị, tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới giảm xuống còn 3.07% - mức thấp nhất kể từ thời kỳ khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 và thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 3.83% trong giai đoạn 2010-2018.

Tốc độ tăng trưởng của các nền kinh tế phát triển có xu hướng chững lại. EU năm 2019 chỉ tăng trưởng 1.1% so với 1.9% năm 2018. Kinh tế Nhật Bản gặp nhiều bất ổn trong năm 2019, sản xuất trì trệ, tình hình giảm phát không cải thiện chủ yếu do cầu trong nước và nước ngoài giảm. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Nhật Bản do vậy chỉ đạt 0,9%.

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TOÀN CẦU

Nguồn: IMF



Thuế quan áp lên hàng hóa xuất khẩu giữa Mỹ và Trung Quốc đã tăng mạnh do chiến tranh thương mại giữa hai nước leo thang. Mức thuế bình quân Trung Quốc áp lên hàng hóa xuất khẩu của Mỹ tăng 2,5 lần từ mức 8% lên 21,1%, trong khi mức thuế quan của Mỹ lên hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc tăng 7 lần từ 3,1% lên 21% (đến tháng 11/2019). Mức thuế bình quân tăng lên mức trên 20% khiến giá thành sản phẩm tăng, qua đó giảm nhu cầu tiêu dùng, gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của các nhà sản xuất. Theo báo cáo triển vọng của World Bank (12/2019) sản xuất tại các nền kinh tế lớn trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, EU và Nhật Bản đều đang ở mức yếu nhất kể từ năm 2012. Các quốc gia có độ mở kinh tế lớn không tránh khỏi ảnh hưởng của chiến tranh thương mại.

2. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM 2019

Tình hình chung

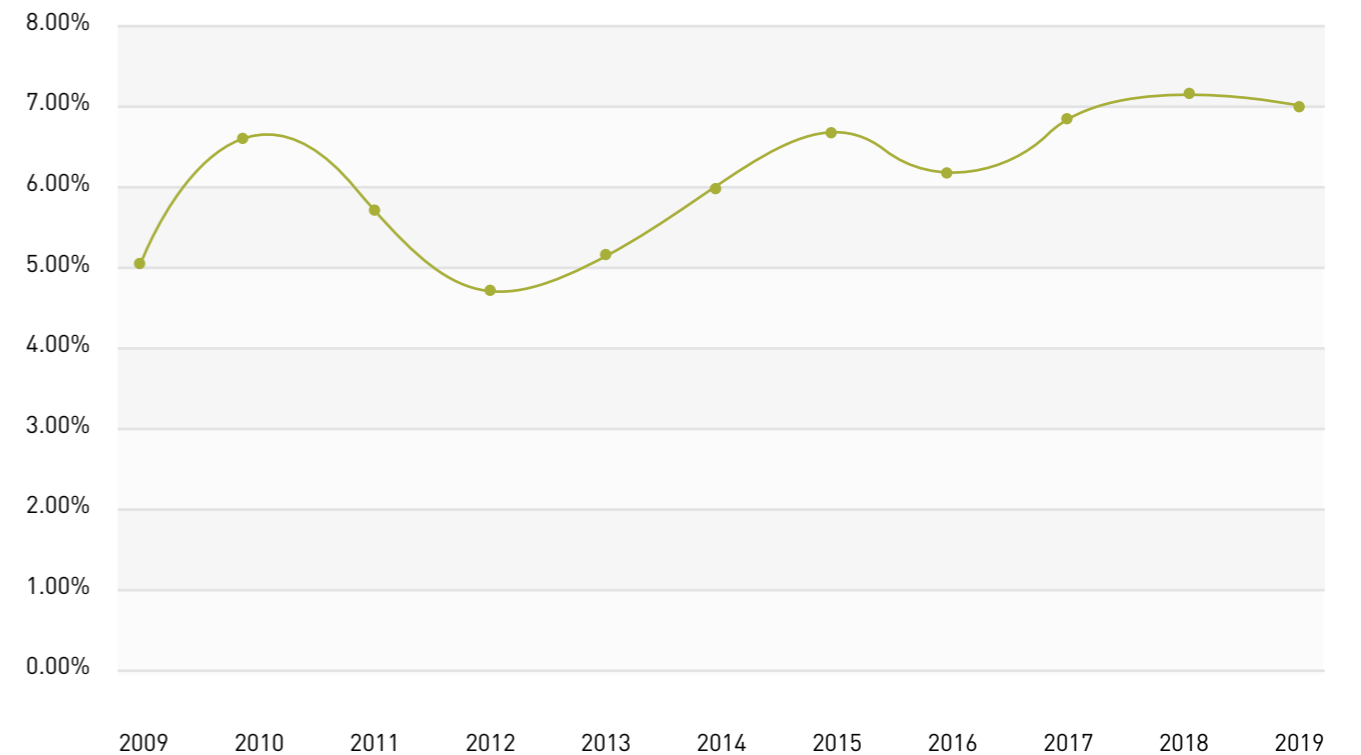
Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, kinh tế Việt Nam năm 2019 tiếp tục là điểm sáng với một năm khởi sắc.

Năm 2019, GDP của Việt Nam tăng 7,02% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức cao trong vòng 10 năm trở lại đây, và thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất toàn

cầu. Động lực tăng trưởng GDP của Việt Nam đến từ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với nhiều dự án lớn của các doanh nghiệp FDI. Theo Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), mặc dù tăng trưởng kinh tế thế giới được dự báo sẽ giảm tốc nhưng Việt Nam vẫn có khả năng giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao so với các quốc gia trong khu vực.

TĂNG TRƯỞNG GDP VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2009 - 2019

Nguồn: IMF



Cán cân Thương mại

Theo Tổng cục Hải quan, kết thúc năm 2019, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước đạt 517,26 tỷ USD, tăng 7,6% (tương ứng tăng 36,69 tỷ USD) so với năm 2018. Trong đó trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 264,19 tỷ USD, tăng 8,4% và nhập khẩu đạt 253,07 tỷ USD, tăng 6,8%. Cán cân thương mại có mức xuất siêu kỷ lục 11,12 tỷ USD, chủ yếu đến từ khu vực FDI.

Việt Nam đang được hưởng lợi tích cực trong ngắn hạn từ chiến tranh thương mại. Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 60,7 tỷ USD, tăng tới 27,8% so với năm trước. Bên cạnh đó, xuất khẩu sang Nhật

Bản đạt 20,3 tỷ USD, tăng 7,7% và sang Hàn Quốc đạt 19,8 tỷ USD, tăng 8,3%. Các thị trường có mức tăng thấp, và thậm chí giảm là EU (-0,7%), Trung Quốc (+0,2%) và ASEAN (+1,9%).

Các hiệp định thương mại mới được kỳ vọng sẽ tiếp tục tác động tích cực trong năm 2020. Trong năm 2019, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực và Việt Nam cũng hoàn tất ký kết Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA). Tính tới hiện tại, Việt Nam đang có 12 FTA với các quốc gia và khu vực trên thế giới, thể hiện mức độ hội nhập sâu rộng và đem lại cơ hội phát triển cho nền kinh tế.



VIỆT NAM ĐƯỢC CHO LÀ MỘT ĐIỂM SÁNG NỔI BẬT TRONG BỨC TRANH KINH TẾ TOÀN CẦU, VỚI GDP (2019) Ở MỨC CAO HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI.

Triển vọng năm 2020

- **Thế giới năm 2020:** Thế giới bước vào năm 2020 với triển vọng tăng trưởng GDP toàn cầu được dự báo sẽ có sự cải thiện nhưng không đáng kể, trong bối cảnh giảm tốc năng suất lao động và tăng nợ vay trên quy mô toàn cầu. Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới -World Bank- GDP toàn cầu năm 2020 dự báo tăng trưởng ở mức 2,5% - so với 2019 là 2,4%. Trong đó các nền kinh tế phát triển (Mỹ, Nhật và EU) có sự sụt giảm rõ rệt (từ 1.6% trong năm 2019 dự kiến chỉ còn 1.4% trong năm 2020), còn các nước nền kinh tế mới nổi được dự báo sẽ tăng trưởng tốt hơn, từ 3.5% (năm 2019) lên 4.1% trong năm 2020.

- **Việt Nam** được cho là một điểm sáng nổi bật trong bức tranh kinh tế toàn cầu, với GDP (2019) ở mức cao hàng đầu thế giới. Quốc hội đã chính thức thông qua mục tiêu tăng trưởng GDP 6,8% trong năm 2020, thấp hơn so với tăng trưởng thực tế đạt được trong năm 2019 (thực tế mức 7,02% - vượt Kế hoạch 2019 là 6,8%). Đây là mục tiêu tăng trưởng thận trọng trong bối cảnh thế giới có quá nhiều bất ổn, với chiến tranh thương mại kéo dài, dịch bệnh lây lan nhanh chóng và các xung đột địa chính trị liên tiếp diễn ra ngày càng nhiều hơn.

- **Lạm phát** Lạm phát được Chính phủ giám sát rất chặt chẽ và đã kiềm chế dưới 4% trong các năm qua. Tuy nhiên, năm 2020, biến động lớn trong giá cả thực phẩm thiết yếu (thịt lợn) và các mặt hàng khác kèm theo sẽ một thách thức lớn cho mục tiêu cơ sở 3,59%-3,91% do Chính phủ đề ra. Ngoài ra, đại dịch Covid-19 (Coronavirus) đầu năm 2020 có thể gây gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu và hệ quả là thiếu hụt các nguồn cung thực phẩm nhập khẩu bổ sung - sẽ gây sức ép lớn lên nỗ lực kiềm chế lạm phát của Chính phủ.

- **Lãi suất trong năm 2019** có nhiều biến động theo xu hướng tăng, phần lớn do sức ép từ các ngân hàng cần tái cơ cấu nguồn vốn để đáp ứng tiêu chí an toàn vốn (CAR) theo tiêu chuẩn Basel II. Tình hình đã ổn định trở lại vào cuối năm 2019, khi Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã điều chỉnh giảm đồng bộ mức lãi suất điều hành (giảm 0,25%) và các mức trần lãi suất huy động có kỳ hạn dưới 6 tháng (giảm 0,2-0,5%). **Triển vọng mặt bằng lãi suất năm 2020** khả năng cao sẽ được điều chỉnh giảm đáng kể đi kèm với chính sách tiền tệ nới lỏng và các gói chính sách tài khóa kích cầu để kịp thời hỗ trợ nền kinh tế đang gánh chịu hậu quả nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, với mức lạm phát đang có xu hướng tăng trở lại trong thời gian gần đây và nhiều ngân hàng vẫn chưa đáp ứng được điều kiện an toàn vốn, thì sẽ ít có khả năng có những cắt giảm mạnh đối với mức lãi suất điều hành.



Phân tích SWOT

S Tầm nhìn và chiến lược phát triển rõ ràng, với khát vọng trở thành một Tập đoàn nông nghiệp và thực phẩm hàng đầu của khu vực, vươn ra thị trường toàn cầu, với nền tảng chuỗi giá trị sản xuất khép kín và giải pháp sản xuất an toàn bền vững, để cung cấp các loại thực phẩm an toàn, dinh dưỡng đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế cho thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu.

Sở hữu hệ thống các thành viên là những công ty tốt nhất trong lĩnh vực nông nghiệp thực phẩm với bề dày lịch sử lâu năm và lợi thế cạnh tranh bền vững. Vì vậy Tập đoàn đã có được vị thế chi phối ngành giống cây trồng của Việt Nam - là bước khởi đầu để tạo dựng chuỗi giá trị sản xuất bền vững đi từ hạt giống đến thành phẩm. Song song với lĩnh vực nông nghiệp, The PAN Group còn có vị thế hàng đầu ở lĩnh vực thực phẩm, bao gồm bánh kẹo, hạt điều, nước mắm truyền thống, cá tra và tôm chế biến xuất khẩu với thương hiệu lâu năm và uy tín chất lượng luôn được định vị ở phân khúc cao.

Đội ngũ nhân sự chủ chốt điều hành hoạt động ở Tập đoàn và các đơn vị thành viên gồm những người lâu năm gắn bó với công ty, giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết, và cùng chia sẻ khát vọng và tầm nhìn với Tập đoàn. Lực lượng nhân sự quý báu đang là nguồn động lực lớn lao để đưa cả Tập đoàn phát triển, với tinh thần luôn luôn đổi mới, sáng tạo.

Hệ thống sản xuất, phân phối rộng khắp cả nước, với trên 3000 đại lý phân phối vật tư nông nghiệp, hợp tác sản xuất với trên 60.000 hộ nông dân trên quy mô diện tích gần 50.000 héc ta. Trong lĩnh vực thực phẩm, PAN sở hữu mạng lưới phân phối thị trường nội địa rộng khắp với hơn 200 nhà phân phối lớn, bao phủ trên 145.000 điểm bán hàng trên khắp đất nước. Ngoài ra, sản phẩm của The PAN Group được xuất khẩu đi trên 30 nước trên thế giới, đặc biệt là các thị trường khó tính, đòi hỏi chất lượng cao như Mỹ, Nhật Bản, Úc, Canada, Châu Âu...

Hệ thống quản trị được xây dựng trên nền tảng minh bạch, chuyên nghiệp, tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị cao nhất được áp dụng xuyên suốt từ các bộ phận chức năng của các công ty thành viên đến Tập đoàn. Tôn chỉ quản trị nhất quán của Tập đoàn là tạo lập cơ chế thuận lợi để mỗi Công ty thành viên hoàn toàn chủ động, sáng tạo để phát huy tối đa tiềm năng của các công ty và cả Tập đoàn.

Đối tác đồng hành là các nhà đầu tư lớn như Sojitz (Tập đoàn thương mại và đầu tư hàng đầu của Nhật Bản), IFC (thuộc Ngân hàng Thế Giới- World Bank), và TAEL Two Partners... góp phần gia tăng giá trị cho Tập đoàn PAN thông qua việc tham gia vào Hội đồng Quản trị, tư vấn các vấn đề chuyên môn sâu trong từng lĩnh vực cụ thể, kết nối các cơ hội kinh doanh để PAN vươn xa hơn nữa ra thị trường thế giới.

ĐIỂM MẠNH



CƠ HỘI



ĐIỂM YẾU



THÁCH THỨC



LỰC LƯỢNG NHÂN SỰ QUÝ BÁU ĐANG LÀ NGUỒN ĐỘNG LỰC LỚN LAO ĐỂ ĐƯA CẢ TẬP ĐOÀN PHÁT TRIỂN, VỚI TINH THẦN LUÔN LUÔN ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO.

W Sản xuất nông nghiệp luôn phụ thuộc vào điều kiện thời tiết và biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt hơn. Hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh thường xuyên xảy ra tác động rất lớn đến năng suất và chất lượng của cây trồng.

Cơ sở hạ tầng sản xuất (kho bảo quản, nhà máy chế biến, cơ sở nghiên cứu khảo nghiệm...) và nguồn nhân lực quản lý đang thiếu hụt, chưa bắt kịp với tốc độ tăng trưởng nhanh ở quy mô lớn trong các năm gần đây của các Công ty thành viên và của cả Tập đoàn.

Việc tuyển dụng nhân lực quản lý cấp cao còn chưa đáp ứng kịp nhu cầu đang gia tăng nhanh chóng của Tập đoàn PAN để triển khai các dự án mới trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm.

O Kim ngạch xuất khẩu của các sản phẩm chủ lực mà Tập đoàn PAN đang có thể mạnh đều đạt mức tăng trưởng tích cực trong năm nay và tiếp tục xu hướng tích cực trong các năm tiếp theo khi các hiệp định thương mại tự do giữa Việt nam và các khu vực kinh tế bắt đầu có hiệu lực thực hiện (như CPTPP, EVFTA...).

Tác động cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đang tạo ra nhiều cơ hội lớn cho nông sản - thực phẩm xuất khẩu của Việt nam. Trong 3 đợt Mỹ đã áp thuế trừng phạt từ 10 - 25% cho 250 tỷ USD hàng hóa xuất khẩu từ Trung Quốc, trong đó đợt 3 áp thuế 200 tỷ USD đối với lĩnh vực xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp từ Trung Quốc sang Mỹ, gồm các sản phẩm như thủy sản, rau quả hay các thực phẩm chế biến từ nông sản. Ngoài ra, đại dịch Covid-19 đầu năm 2020 tuy trước mắt có thể gây ách tắc giao thương giữa Việt Nam và Trung Quốc nhưng sau đó sẽ là sự thiếu hụt lớn về nguồn cung thực phẩm tại Trung Quốc do đình trệ về sản xuất. Việt nam đang đang là nguồn cung lớn về phần lớn lúa gạo, rau củ quả, thủy sản cho Trung Quốc.

Nhu cầu bức thiết về giải quyết tình trạng manh mún trong sản xuất, kết nối và hoàn thiện chuỗi giá trị nông sản tạo cơ hội cho Tập đoàn PAN tiếp tục xây dựng và mở rộng chuỗi giá trị nông sản khép kín với sự ủng hộ từ chủ trương phát triển của Chính phủ và xu hướng phát triển tất yếu của thị trường.

Thu nhập người dân được cải thiện, quan tâm và hiểu biết về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm gia tăng là yếu tố tích cực mở rộng phân khúc thị trường mà Tập đoàn PAN đang hướng tới.

T Quy mô sản xuất nông nghiệp của Việt Nam còn manh mún với chuỗi giá trị phân tán và có quá nhiều khâu trung gian, do đó gây ra rất nhiều khó khăn cho quá trình tổ chức sản xuất quy mô lớn và ứng dụng khoa học công nghệ để đảm bảo chất lượng nhất quán, ổn định và tiêu chuẩn cao.

Biến đổi khí hậu, tình hình dịch bệnh diễn biến ngày càng phức tạp và khó lường gây nhiều thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là những quốc gia chịu ảnh hưởng mạnh của biến đổi khí hậu như Việt Nam.

Lao động trong nông nghiệp của Việt Nam phần lớn chưa được đào tạo bài bản, chất lượng lao động thấp và tính kỷ luật không cao.

Đây là thách thức lớn đối với việc phát triển nông nghiệp công nghệ cao và triển khai các ứng dụng tiên tiến, do nông nghiệp công nghệ cao yêu cầu ít lao động động hơn nhưng đòi hỏi trình độ tay nghề cũng như tính kỷ luật trong làm việc cao hơn rất nhiều.

Định hướng phát triển của Tập đoàn



1. CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Các mục tiêu chủ yếu để hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững dài hạn của công ty bao gồm:

Tập trung phát triển mảng kinh doanh cốt lõi trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm

- Các công ty mục tiêu mà Tập đoàn PAN (PAN) đã và đang dự kiến thực hiện M&A đều là các công ty hàng đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm.

- Việc phát triển trọng tâm trong các lĩnh vực cốt lõi sẽ giúp Tập đoàn PAN tối ưu hóa được nguồn lực (vốn, nhân sự, ...), kinh nghiệm quản lý, hiểu biết và quản lý tốt các rủi ro trong lĩnh vực mà Tập đoàn đang hoạt động, giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư. Trong bối cảnh ngành Nông nghiệp và Thực phẩm được đánh giá là rất tiềm năng ở Việt Nam, việc tập trung chiến lược khai thác các cơ hội từ các lĩnh vực này sẽ đảm bảo sự tăng trưởng cao, bền vững của Tập đoàn ít nhất trong vòng 20-30 năm nữa.

- Thay vì đa dạng hóa các lĩnh vực kinh doanh trong nhiều ngành nghề kinh doanh khác nhau, Tập đoàn PAN chỉ đa dạng hóa các lĩnh vực kinh doanh trong ngành Nông nghiệp và Thực phẩm để hoàn thiện chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng sản phẩm và kiểm soát tối đa rủi ro hoạt động.

Xây dựng và hoàn thiện mô hình Farm - Food - Family với chuỗi giá trị khép kín, nhằm mang đến các sản phẩm an toàn, dinh dưỡng.

- Mặc dù nông nghiệp và thực phẩm là lợi thế cạnh tranh của Việt Nam nhưng đến nay phần lớn người tiêu dùng Việt vẫn chưa được sử dụng nhiều các sản phẩm có thương hiệu uy tín, chất lượng đảm bảo với mức giá hợp lý. Thông qua hệ thống các công ty nền tảng, PAN có khả năng kết nối nhanh nhất và hiệu quả nhất từ trang trại, nông trại (Farm), đến khâu chế biến và đóng gói (Food), và qua các kênh phân phối đa dạng tới người tiêu dùng (Family).

- Trong lĩnh vực Nông nghiệp, Tập đoàn PAN tiếp tục tận dụng lợi thế của mảng giống cây trồng để chiếm lĩnh thị phần giống cây lương thực tại Việt Nam và tiếp tục mở rộng sang các loại giống rau và hoa quả khác. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng tận dụng lợi thế của các đối tác Nhật uy tín từ liên doanh với Công ty PAN-HULIC để tiếp tục mở rộng mảng kinh doanh rau và hoa cao cấp với thị trường xuất khẩu rất lớn.

- Lĩnh vực Thực phẩm sẽ đóng góp rất lớn vào sự tăng trưởng quy mô và hiệu quả trong các năm tới khi các chiến lược, chủ trương chung của tập đoàn trong marketing, xây dựng thương hiệu và tổ chức phân phối được phối hợp thực hiện một cách đồng bộ và phát huy lợi thế. Việc sử dụng chéo các kênh phân phối của các công ty thành viên sẽ giúp PAN mở rộng nhanh chóng và hiệu quả hệ thống phân phối trên phạm vi cả nước và quốc tế. Việc kiểm soát đầu ra sản phẩm từ giai đoạn con giống, hạt giống và các nguyên vật liệu đầu vào sẽ giúp PAN kiểm soát được chất lượng sản phẩm trong toàn chuỗi cung ứng.

- Trong lĩnh vực phân phối - tiếp nối chuỗi giá trị Farm to Table, The PAN Group đã chính thức thành lập PAN Consumer Goods (PAN CG) để tập trung đẩy mạnh quảng bá và phân phối các sản phẩm của Tập đoàn và các sản phẩm truyền thống đặc trưng khác của Việt Nam. PAN CG được kế thừa nền tảng hạ tầng và kinh nghiệm phân phối của các Công ty thành viên, được hợp nhất lại để tập trung chuyên môn hóa và nâng cao hiệu quả, và ngay trong 5 tháng đầu thành lập- tính đến 12/2019- đã đạt mức 1,000 tỷ đồng doanh thu, dự kiến sẽ đạt mức 3.000 tỷ đồng trong năm 2020.

Ngay trong 5 tháng đầu thành lập, PAN CG đã đạt

1,000
tỷ đồng doanh thu



Tăng cường hợp tác với các tổ chức/định chế có cùng mục tiêu nhằm nâng cao giá trị sản phẩm của Tập đoàn PAN không chỉ trong thị trường nội địa mà còn ở các thị trường khu vực và thế giới.

- **Mở rộng thị trường:** Tăng cường hợp tác với các đối tác giàu kinh nghiệm và năng lực phát triển thị trường quốc tế để quảng bá thương hiệu và thúc đẩy việc phát triển thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm của Tập đoàn.

- **Nâng cao khả năng R&D:** Hợp tác chặt chẽ với các tổ chức nghiên cứu lớn trong nước và nước ngoài với công nghệ tiên tiến và phát huy kinh nghiệm lâu năm của các công ty thành viên để tiếp cận với thành tựu nghiên cứu mới nhất một cách nhanh chóng, hiệu quả để nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm của Tập đoàn.

- **Phát triển các dòng sản phẩm mới trong cùng chuỗi giá trị:** Tích cực hỗ trợ các công ty thành viên tìm kiếm và phát triển các dòng sản phẩm mới và các lĩnh vực kinh doanh mới trong cùng chuỗi giá trị để tăng trưởng quy mô và hiệu quả tại mỗi đơn vị thành viên.

Phát triển các hệ thống quản trị tài chính, quản trị vận hành và quản trị rủi ro phù hợp với mô hình đặc thù của Tập đoàn PAN với quy mô ngày càng lớn.

- Hoàn thiện mô hình quản trị công ty mẹ - công ty con theo các chuẩn mực cao nhất của thế giới và phù hợp với quy mô, đặc thù kinh doanh của Tập đoàn PAN. Theo đó, các nguồn lực sẽ được sử dụng tối ưu nhằm mang lại ích chung tốt nhất cho cả tập đoàn.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro chung của Tập đoàn và đặc thù riêng của các công ty thành viên, tuân thủ các chuẩn mực nghiêm ngặt về quản trị rủi ro của một công ty đầu tư (trách nhiệm với các cổ đông là các nhà đầu tư chuyên nghiệp quốc tế) và chuẩn mực về quản trị rủi ro của một công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm với đặc thù sản xuất kinh doanh.

2. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN Xây dựng hệ thống nền tảng

Từ năm 2012 đến 2019, Tập đoàn PAN đã xây dựng được một hệ thống nền tảng vững chắc trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm thông qua việc mua cổ phần chi phối các công ty trong ngành có nền tảng tốt, tiềm năng tăng trưởng lớn, trong các lĩnh vực trọng điểm, có hệ thống phân phối rộng lớn, đa dạng, và khả năng mở rộng chuỗi giá trị. Cụ thể, Tập đoàn đã đạt được những mục tiêu quan trọng sau:

Xây dựng thành công chuỗi liên kết Farm-Food-Family thông qua 03 thành viên nền tảng là **PAN Farm, PAN Food và PAN CG**. Việc hình thành 3 nền tảng rõ rệt giúp Tập đoàn tập trung quản lý các công ty thành viên, thu hút các nguồn lực từ các nhà đầu tư, đối tác, tận dụng các cơ hội kinh doanh đầy tiềm năng trong lĩnh vực Nông nghiệp- Thực phẩm- Phân phối nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững trong dài hạn.

• Sử dụng thành công nguồn vốn huy động được để xây dựng và phát triển chuỗi giá trị thông qua việc thành lập mới (PAN-HULIC), xây dựng cụm Nhà máy PAN Food Manufacturing, xây dựng Trung tâm chế biến hạt giống lớn nhất Việt nam tại KCN Trường Xuân- Đồng Tháp ... để tạo dựng hạ tầng sản xuất hiện đại, bài bản cho phát triển bền vững, lâu dài. **Song song với phát triển từ nội lực, PAN vẫn tiếp tục mua cổ phần chi phối** các công ty trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm có thương hiệu và hiệu quả hoạt động tốt, tạo lập nền tảng sản xuất kinh doanh vững chắc cho tương lai.

• **Tập trung phát triển hệ thống phân phối-** thông qua PAN CG- để đẩy mạnh phân phối nhiều sản phẩm mới của Tập đoàn PAN như kẹo dẻo Huro, bánh cookies Bon Ami, hạt điều Funnutz, bánh trung thu PAN Food, bánh kem sữa tươi Rosio và các loại hoa cúc, hoa cẩm chướng xuất khẩu. **Ngoài ra, hệ thống này còn tiếp tục mở rộng phân phối các sản phẩm truyền thống khác của Việt Nam** thực sự có chất lượng, uy tín nhưng đang trở nên yếu thế trước làn sóng mở rộng của các sản phẩm ngoại nhập thông qua hệ thống phân phối của nước ngoài tại Việt nam.

SONG SONG VỚI PHÁT TRIỂN TỪ NỘI LỰC, PAN VẪN TIẾP TỤC MUA CỔ PHẦN CHI PHỐI CÁC CÔNG TY TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM CÓ THƯƠNG HIỆU VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TỐT.





Chú trọng đầu tư vào hoạt động R&D, đi đầu trong việc phát triển các sản phẩm mới có giá trị cao, an toàn và truy xuất nguồn gốc.

Đầu tư vào R&D là xu hướng tất yếu của các công ty Nông nghiệp và Thực phẩm lớn trên thế giới để đảm bảo sự phát triển bền vững và khả năng cạnh tranh dài hạn.

Tập đoàn PAN dự kiến thành lập trung tâm R&D với mục tiêu:

- Kết nối các hoạt động R&D hiện tại đang hoạt động độc lập tại các công ty thành viên, nhằm tương hỗ, phối hợp và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động R&D của cả Tập đoàn.
- Tăng cường hợp tác quốc tế với các Tổ chức lớn giàu kinh nghiệm R&D, nhằm huy động, vận dụng nguồn lực, công nghệ tiên tiến từ trong và ngoài nước để Tập đoàn có nhiều hơn nữa các bước phát triển đột phá trong việc nâng cao giá trị sản phẩm Nông nghiệp và Thực phẩm của Việt Nam.

Tăng cường hợp tác tích cực trong sản xuất kinh doanh giữa các công ty thành viên để tạo thêm các giá trị cộng hưởng (synergies) chung cho cả Tập đoàn

- **Phối hợp tổ chức sản xuất, nghiên cứu:** Chia sẻ kinh nghiệm và thành tựu R&D, hợp tác ở các vùng địa bàn sản xuất đan xen giữa các công ty cùng ngành để tiết kiệm chi phí sản xuất và vận chuyển, giảm thiểu chi phí đầu tư hạ tầng.

- **Bán hàng, phân phối chéo sản phẩm:** Vận dụng hệ thống phân phối sẵn có của mỗi công ty thành viên để mở rộng thị trường các sản phẩm cùng chuỗi giá trị của các thành viên trong cùng tập đoàn giúp tối ưu hóa chi phí bán hàng, mang lại cơ hội tăng trưởng cho các công ty thành viên.

- **Quảng bá thương hiệu:** Các công ty thành viên riêng rẽ độc lập sẽ khó khăn hơn trong việc quảng bá thương hiệu trên nhiều vùng địa bàn thị trường rộng khắp cả nước. Khi cùng là thành viên của Tập đoàn PAN với ngành hàng kinh doanh tập trung (Nông nghiệp và thực phẩm), các công ty sẽ có thêm giá trị đòn bẩy ("leverage") và cộng hưởng ("Synergies").

- **Chia sẻ và tương hỗ các nguồn lực tài chính** giữa các công ty thành viên để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn tại mỗi đơn vị, vận dụng dòng tiền nhàn rỗi tạm thời và giảm thiểu vốn vay ngân hàng ở các công ty thành viên.

Phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng của Tập đoàn PAN, tạo sự kết nối chặt chẽ với các công ty thành viên

- Đặc thù của Tập đoàn là nơi hội tụ của các thành viên vốn là những công ty đầu ngành với lịch sử hình thành và phát triển đã qua nhiều thập kỷ với truyền thống và văn hóa riêng, **nhưng đều chia sẻ một tầm nhìn và khát vọng chung.** Vì vậy, việc xây dựng và phát triển sự chia sẻ và kết nối chặt chẽ giữa các thành viên luôn là vấn đề được chú trọng hàng đầu của Tập đoàn, không chỉ trong các hoạt động kinh doanh, mà còn trong các vấn đề văn hóa doanh nghiệp.

- Bên cạnh việc liên kết thông qua các hoạt động kinh doanh, trong những năm qua, Tập đoàn PAN đang thực hiện một chương trình chiến lược tổng thể gồm các hoạt động môi trường xã hội, phát triển bền vững một cách thống nhất giữa công ty mẹ và các công ty thành viên. **Các CEOs của các công ty thành viên** thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thực tế qua các **CEO Summit** được Tập đoàn tổ chức với các chủ đề và nội dung thảo luận được chuẩn bị kỹ lưỡng nhằm đem lại hiệu quả cao nhất. Ở các **cấp độ quản lý cấp trung**, các nhân sự chuyên trách tại các đơn vị liên tục được kết nối, chia sẻ thông tin để cùng giải quyết các vấn đề vận hành cụ thể nhằm tăng cường sự hợp tác một cách thực chất, hiệu quả.

ĐẾN NĂM 2022, MỤC TIÊU CỦA PAN SẼ ĐẠT QUY MÔ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG KHOẢNG 1 TỶ USD, LỢI NHUẬN SAU THUẾ ĐẠT KHOẢNG 95-100 TRIỆU USD, TRỞ THÀNH CÔNG TY HÀNG ĐẦU TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM TẠI VIỆT NAM VÀ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Mở rộng & hoàn thiện chuỗi giá trị

Chiến lược phát triển trung và dài hạn Tập đoàn PAN trong các năm tiếp theo là tiếp tục củng cố nền tảng vững chắc trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm. Đồng thời, tập trung mở rộng, phát triển chuỗi giá trị thông qua M&A các công ty mới và phát triển hữu cơ các công ty thành viên hiện tại thông qua phát triển các dự án mới, phát triển các sản phẩm mới, đưa PAN trở thành Tập đoàn hàng đầu khu vực trong lĩnh vực Nông nghiệp-Thực phẩm, với hệ thống phân phối rộng lớn và chuỗi giá trị hoàn chỉnh Farm-Food-Family

Tiếp tục tìm kiếm các mục tiêu M&A trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm để hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín

Đối với các công ty PAN đã đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp, Tập đoàn sẽ tiếp tục nâng tỷ lệ sở hữu tại các thời điểm thị trường thuận lợi để tối ưu hóa hiệu quả đầu tư. **Đồng thời, Tập đoàn sẽ tiếp tục thực hiện hoạt động M&A, ưu tiên được thực hiện bởi các công ty thành viên**, để bổ sung các mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị.

Hợp tác, liên kết với các đối tác uy tín trong và ngoài nước để phát triển các dự án mới trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm trong cùng chuỗi giá trị.

Với những lĩnh vực mới đòi hỏi trình độ công nghệ sản xuất cao, bằng sáng chế, thị trường tiêu thụ xuất khẩu, ... Tập đoàn PAN định hướng sẽ tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước (chủ yếu là các đối tác nước ngoài có uy tín) để liên kết cùng phát triển và chia sẻ thành công.

Với lợi thế được sự đầu tư và hỗ trợ lớn từ các cổ đông, Tập đoàn PAN đã và đang tích cực xúc tiến các cơ hội hợp tác đầu tư để thành lập các công ty liên doanh, liên kết trong nhóm ngành Nông nghiệp và Thực phẩm. Tập đoàn sẽ thành lập một số liên doanh với các đối tác chuyên ngành trong và ngoài nước để **phát triển các sản phẩm mới, mở rộng thị trường và tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến nhất.**

Phát triển các sản phẩm mới trên cơ sở hệ thống phân phối hoàn chỉnh

Tập đoàn tiếp tục định hướng phát triển các sản phẩm có thương hiệu riêng, đặc biệt trong lĩnh vực Thực phẩm đóng gói thông qua việc tiếp tục đầu tư phát triển cụm nhà máy thuộc PAN Food hướng đến thị trường FMCG đầy tiềm năng của Việt Nam. Đây là hướng phát triển đòi hỏi vốn đầu tư lớn và hệ thống phân phối mạnh, nguồn nhân lực có kinh nghiệm – các nền tảng mà Tập đoàn đã có sự chuẩn bị kỹ từ các năm trước.

Đối với hệ thống phân phối, Tập đoàn PAN sẽ tập trung:

- Tiếp tục củng cố hệ thống phân phối của các công ty thành viên hiện tại, bao gồm thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Xây dựng và phát triển hệ thống phân phối tập trung của Tập đoàn để đón đầu và đáp ứng được quy mô sản xuất và các sản phẩm ngày càng tăng của Tập đoàn và các công ty thành viên.





3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ CÁC MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI

Với chiến lược phát triển bền vững, Tập đoàn PAN thiết lập những mục tiêu về kinh tế, tăng trưởng gắn liền với mục tiêu về môi trường – Xã hội trong ngắn hạn và dài hạn. Đây được xem là những nhiệm vụ không thể tách rời để Tập đoàn PAN khẳng định vị thế, nâng cao uy tín, gia tăng ảnh hưởng và góp phần nâng tầm ngành nông nghiệp và thực phẩm Việt Nam.

Tập đoàn cũng thiết lập các chỉ số phát triển bền vững để đánh giá đầy đủ tác động tới môi trường và cộng đồng, tới hiệu quả của hoạt động trên thực tế.



Định hướng chiến lược Phát triển Bền vững

Tập đoàn PAN tiếp tục củng cố và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm từ nguồn giống, nuôi trồng đến sản xuất và khâu phân phối, trong đó nhấn mạnh tiêu chí an toàn, chất lượng và truy xuất nguồn gốc. Phát triển sản phẩm nông nghiệp – thực phẩm trên định hướng có hàm lượng giá trị gia tăng cao nhằm đem lại nhiều lợi ích, chia sẻ với các bên, đặc biệt là những đối tượng yếu thế như người nông dân, lao động phổ thông, người dân tộc...

Từng bước cải tiến áp dụng công nghệ hiện đại, an toàn và thân thiện với môi trường, con người là giải pháp của chúng tôi để củng cố và phát triển vững chắc những nền tảng sản xuất sẵn có.

Xây dựng và cải tiến liên tục hệ thống quản lý các vấn đề môi trường xã hội theo tiêu chuẩn của Tập đoàn, phù hợp với các thông lệ quốc tế. Áp dụng nhất quán và giám sát định kỳ việc tuân thủ tại tất cả các công ty thành viên.

Đặt tiêu chí đầu tư có trách nhiệm, phát triển bền vững làm giá trị cốt lõi; Minh bạch thông tin là điều kiện tiên quyết trong hoạt động của Tập đoàn.

Trở thành nhân tố tích cực thúc đẩy xu hướng phát triển bền vững ở Việt Nam thông qua những hành động cụ thể, đóng góp cho những mục tiêu phát triển của toàn cầu. Đề cao sự HỢP TÁC với các bên, LAN TỎA những ảnh hưởng tích cực tới cộng đồng để tạo ra tác động mạnh mẽ và sâu rộng.



Kế hoạch hành động

Tiếp tục định hướng cho những dự án mua bán sáp nhập, sản xuất xoay quanh các tiêu chí bền vững, thân thiện môi trường, đảm bảo an toàn và đem lại nhiều lợi ích cho cộng đồng bằng những biện pháp: Ứng dụng công nghệ cao, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển sản phẩm, tăng cường các sản phẩm chế biến sâu và phù hợp với các tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội để tiếp cận trường mới.

Tập trung triển khai các dự án thương mại, thương hiệu dựa trên nền tảng Phát triển bền vững với các tổ chức uy tín như International Trade Center (ITC), Cục xúc tiến thương mại, IUCN Việt Nam, VBCSD...;

Tham gia tích cực vào hoạt động thúc đẩy PTBV mà Tập đoàn PAN là thành viên như VBCSD, dự án CSRCB... để đưa ra các sáng kiến, đề xuất hợp tác, triển khai dự án môi trường và cộng đồng. Chia sẻ giá trị vật chất, kinh nghiệm thực tiễn trong chiến lược Phát triển bền vững tới các bên.

Tiếp tục cải tiến và hoàn thiện hệ thống quản lý phát triển bền vững trong nội bộ theo tiêu chuẩn Tập đoàn và thông lệ quốc tế. Đặt chỉ tiêu cho những chỉ số PTBV Tập đoàn PAN trong trung hạn.



Chỉ tiêu 2020

DOANH THU	8.653	KINH TẾ
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	452	
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	367	
LỢI NHUẬN CỔ ĐÔNG CÔNG TY MẸ	201	
TỶ LỆ THÔI VIỆC (%)	<19%	LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM
PHÁT THẢI CO ₂ NĂNG LƯỢNG (TẤN)/1 TỶ ĐỒNG DOANH THU	8,3	AN TOÀN & TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI
TAI NẠN SẢN XUẤT (*)	0	
VI PHẠM LUẬT PHÁP MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI	0	
SỰ CỐ VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRÊN THỊ TRƯỜNG	0	TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM

* Chi tiết về chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững, vui lòng xem trong báo cáo Phát triển bền vững 2019 của Tập đoàn PAN

QUẢN TRỊ RỦI RO

Mục đích Quản trị Rủi ro

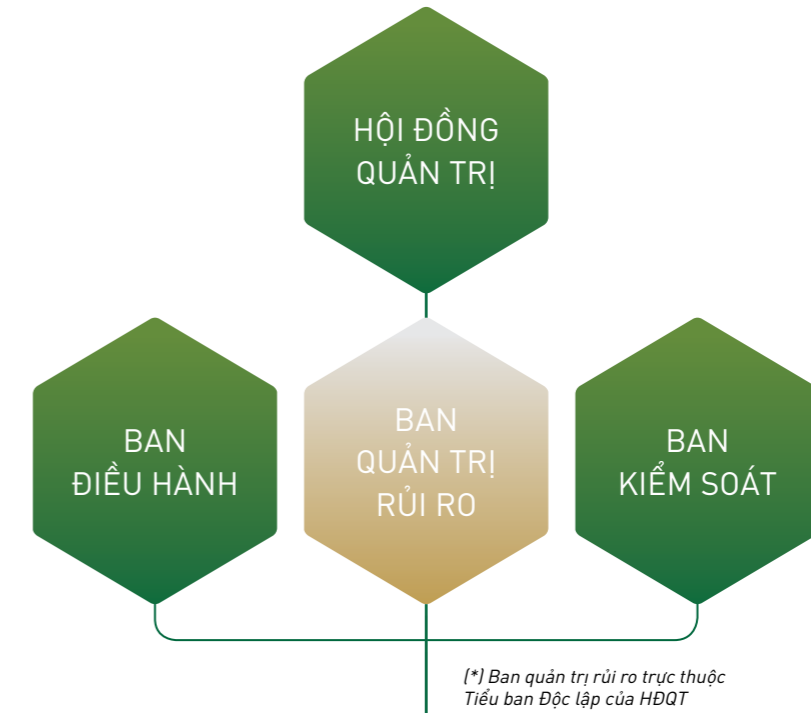
TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA MÌNH, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT) VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CTCP TẬP ĐOÀN PAN XÁC ĐỊNH QUẢN TRỊ RỦI RO LÀ MỘT TRONG NHỮNG NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY HÀNG ĐẦU CẦN ĐƯỢC ĐẶC BIỆT CHÚ TRỌNG.

Ban lãnh đạo đã đề xuất và thực hiện nhiều biện pháp quản trị rủi ro nhằm hạn chế ở mức thấp nhất các ảnh hưởng xấu của những rủi ro này đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hoạt động quản trị rủi ro hướng đến các mục tiêu:

- ▶ Kịp thời nhận diện rủi ro và khai thác các cơ hội, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động;
- ▶ Tăng cường năng lực trong việc ra quyết định, lập kế hoạch và sắp xếp thứ tự ưu tiên công việc trên cơ sở hiểu biết thấu đáo và chặt chẽ về hoạt động kinh doanh, môi trường kinh doanh, cơ hội và thách thức của Tập đoàn;
- ▶ Bảo vệ và tăng cường tài sản cũng như hình ảnh Tập đoàn;
- ▶ Phân định rõ ràng trách nhiệm sở hữu và quản trị rủi ro, xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro liên tục trong toàn Tập đoàn.

Tập đoàn đã xây dựng hệ thống quản trị rủi ro dựa trên những thông lệ và chuẩn mực quốc tế, đồng thời áp dụng linh hoạt phù hợp với mô hình của hoạt động công ty và môi trường hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Hệ thống Quản trị Rủi ro



Phương pháp xây dựng quy trình quản lý rủi ro



CÔNG TY ÁP DỤNG MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ, ĐÂY LÀ MÔ HÌNH CUNG CẤP CÁC NGUYÊN TẮC, KHUÔN KHỔ VÀ HÌNH THỨC QUẢN LÝ RỦI RO MINH BẠCH, HỆ THỐNG VÀ ĐÁNG TIN CẬY TRONG PHẠM VI MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.



Nhận diện Rủi ro

TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ HIỆN NAY, CÙNG VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN PAN, CÁC RỦI RO VÀ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC BAN LÃNH ĐẠO XÁC ĐỊNH BAO GỒM:



Phân tích các Rủi ro và Quản trị các Rủi ro trọng yếu

A. Rủi ro đặc thù từng lĩnh vực hoạt động



I. RỦI RO CỦA LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH NÔNG NGHIỆP, TẬP ĐOÀN PHẢI ĐỐI MẶT VỚI NHIỀU RỦI RO ĐẶC THÙ CỦA NGÀNH, TIÊU BIỂU NHƯ SAU:

Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm và sức ép cạnh tranh

Với mảng giống cây trồng, rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm xảy ra khi Tập đoàn mất các thị trường tiêu thụ sẵn có hoặc không xâm nhập được vào thị trường mục tiêu do tác động của các yếu tố bên ngoài hoặc do sản phẩm, chính sách của công ty không đủ cạnh tranh. Ngành giống cây trồng của Việt Nam hiện có quy mô nhỏ, thị trường manh mún với hơn 260 doanh nghiệp hoạt động trên cả nước. Mỗi địa phương lại có 1 bộ giống riêng, chưa có giống chủ lực của từng vùng khiến chất lượng nông sản không đồng đều, khó cạnh tranh, giá bán thấp...

Đối với mảng nông dược, rủi ro từ sức ép cạnh tranh thể hiện qua những chương trình ưu đãi bán hàng và các hoạt động marketing của các công ty trên thị trường. Những năm qua, tình hình thị trường nông dược diễn biến phức tạp với nhiều hàng giả, hàng nhái ở mức độ ngày càng tinh vi.

Đối với mảng hoa xuất khẩu, rủi ro này gần như không có vì hiện tại Tập đoàn đã ký hợp đồng nguyên tắc với đối tác để xuất khẩu toàn bộ số lượng hoa công ty trồng, ngoài ra hiện tại kế hoạch trồng hoa của Tập đoàn mới chỉ đạt một nửa nhu cầu của đối tác Nhật.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

Tập đoàn liên tục khảo sát, đánh giá phân tích nhu cầu thị trường, tập trung nghiên cứu, chuyển giao công nghệ các bộ giống chất lượng ngăn ngừa có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh như RVT, HN88, và gần đây nhất là VNR20 ... đã được thị trường tiếp nhận tích cực và đánh giá cao. Ngoài ra, Tập đoàn cũng liên tục đưa ra các biện pháp chiết khấu, cử cán bộ đào tạo hướng dẫn kỹ thuật miễn phí cho người dân nhằm nâng cao hiệu quả cho người nông dân. Với mảng nông dược, Tập đoàn liên tục nắm bắt thông tin về diễn biến thị trường, nghiên cứu và xây dựng các chính sách bán hàng linh hoạt, thích ứng với từng giai đoạn để tối ưu hóa chi phí.

Rủi ro về thời tiết

Đây là rủi ro quan trọng tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất của PAN cũng như đến việc gieo trồng của nông dân, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng và sản lượng tiêu thụ. Đặc biệt việc sản xuất nông nghiệp của Tập đoàn tập trung chủ yếu tại ĐBSCL, Tây Nguyên và miền Trung, nơi có điều kiện thời tiết ngày càng khắc nghiệt, mưa bão, hạn hán xảy ra thường xuyên.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

Tập đoàn đã và đang chủ động mở rộng diện tích sản xuất tại các vùng sinh thái khác nhau nhằm đảm bảo lượng hàng cung ứng cho thị trường. Đồng thời, Tập đoàn cũng đầu tư xây dựng kho bãi bảo quản hàng hóa để đảm bảo đầy đủ lượng hàng cung cấp trong trường hợp xảy ra thiên tai, điển hình là dự án kho dự trữ quốc gia tại Đồng Văn và Ba Vi hoạt động từ 2015. Tập đoàn cũng nghiên cứu phát triển các sản phẩm thích ứng tốt tại các vùng sinh thái khác nhau, đồng thời triển khai đa dạng hóa vùng sản xuất sang khu vực phía Bắc để góp phần phòng ngừa rủi ro.

Với mảng hoa, Tập đoàn tập trung áp dụng công nghệ cao vào hoạt động trồng hoa, cụ thể đã đầu tư xây dựng hệ thống nhà kính hiện đại bậc nhất của Bỉ và Hà Lan, cùng hệ thống tưới tiêu và đê mương của Israel để hạn chế tối đa ảnh hưởng từ những diễn biến tiêu cực của thời tiết.

Rủi ro về diện tích đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp của Việt Nam rất manh mún và phân tán do những đặc thù về điều kiện địa hình, mật độ dân số, cách phân bổ đất đai, yếu tố văn hóa và lịch sử. Bên cạnh đó, diện tích này còn đang dần mất đi do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến lĩnh vực kinh doanh giống cây trồng và sản xuất gạo.

Đối với mảng hoa, vùng đất Tây Nguyên nói chung và Lâm Đồng nói riêng rất thuận lợi cho việc trồng trọt, là vùng sản xuất nông nghiệp rộng lớn, tập trung, chất lượng cao ở khu vực Đông Nam Á. Rủi ro về diện tích đất trồng hoa đối với Tập đoàn hiện tại đang ở mức thấp.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

PAN đã có những biện pháp hợp tác với các cấp chính quyền địa phương cơ cấu lại diện tích, chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng nhằm nâng cao thu nhập cho người dân. Bên cạnh đó, PAN cũng xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo giúp người dân tìm đầu ra cho sản phẩm của mình.



II. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THỰC PHẨM

Rủi ro về nguyên vật liệu đầu vào

Hoạt động chế biến hạt điều chịu rủi ro lớn về biến động của thị trường cung cấp nhân điều thô. Hạt điều Việt Nam được thu hoạch từ tháng 2 đến tháng 5 hàng năm, là thời gian đầu mùa mưa nên có thể ảnh hưởng đến công đoạn phơi khô. Nhân điều nhập khẩu chủ yếu từ các nước châu Phi cũng chịu ảnh hưởng lớn của thời tiết và điều kiện vận chuyển nên có thể xảy ra rủi ro chất lượng nhân không đồng đều.

Với mảng cà phê, hoạt động kinh doanh cũng phải chịu rủi ro từ giá biến động của cà phê nguyên liệu. Mặc dù Việt Nam là nước xuất khẩu cà phê đứng thứ hai thế giới về sản lượng, nhưng giá cà phê nguyên liệu không ổn định mà biến động thất thường, phụ thuộc giá cà phê thế giới.

Hoạt động sản xuất bánh kẹo cũng phụ thuộc vào nguyên liệu như: tinh bột sắn, đường, bơ...

Giải pháp hạn chế rủi ro:

Ở mảng điều, Tập đoàn đã thực hiện đầu tư nâng cấp hệ thống kho và dây chuyền xử lý bảo quản nhân điều để giữ chất lượng nguyên liệu điều thô ở mức tốt nhất có thể. Dự án này đã hoàn thành năm 2017. Thêm vào đó, PAN cũng tích cực tăng cường năng lực dự báo kinh doanh và thị trường nguyên liệu để có khả năng mua tích trữ ở khối lượng hợp lý với giá tốt nhất.

Với mảng bánh kẹo, Tập đoàn ký hợp đồng khung cung cấp nguyên liệu như đường, tinh bột sắn với nhiều nhà cung cấp ở mức giá tương đối cố định (giá cố định + phần trăm biến đổi thị trường), qua đó đa dạng hóa nhà cung cấp đồng thời giảm thiểu ảnh hưởng của biến động giá, nếu có.

Tập đoàn đã phát triển những vùng trồng cà phê đặc sản, liên kết chặt chẽ với nông dân bằng hỗ trợ kĩ thuật, kinh tế, và cam kết bao tiêu đầu ra. Các hợp đồng thu mua nguyên vật liệu được ký kết dài hạn, với mức giá tương đối ổn định, từ đó giảm thiểu rủi ro biến động giá đầu vào.

Rủi ro về nhu cầu thị trường và sức ép cạnh tranh

Cùng với sự phát triển kinh tế, nhu cầu về thực phẩm của người tiêu dùng Việt Nam đang biến đổi nhanh theo hướng tăng dần với các sản phẩm chất lượng cao, tốt cho sức khỏe và tiện dụng. Nếu không chuyển đổi, phát triển được các dòng sản phẩm mới, nguy cơ Tập đoàn không bắt kịp và đáp ứng được nhu cầu của thị trường là rất lớn.

Ngành Thực phẩm nói chung và mảng bánh kẹo nói riêng tại Việt Nam hiện đang thu hút sự chú ý của nhiều nhà đầu tư do tiềm năng phát triển lớn. Với tiềm lực tài chính và năng lực sản xuất cao, các doanh nghiệp nước ngoài đang tạo ra sức ép rất lớn cho các doanh nghiệp trong nước. Rủi ro mất thị phần, giảm doanh thu tương đối rõ nét.

Hoạt động chế biến hạt điều hiện tại chịu nhiều rủi ro về thị trường cũng như sức ép cạnh tranh do một số nguyên nhân chủ yếu: (i) giá điều nhân xuất khẩu biến động thất thường khiến các doanh nghiệp xuất khẩu không thể dự đoán được thị trường và có khả năng chịu lỗ lớn, (ii) nhiều doanh nghiệp lớn cũng tham gia vào thị trường do rào cản gia nhập thấp dẫn đến sức ép cạnh tranh gia tăng, và (iii) hạt điều có những sản phẩm thay thế mà người tiêu dùng có thể chuyển qua sử dụng như hạt hạnh nhân (almond), dẫn tới giảm lợi thế cạnh tranh.

Đối với cà phê, thị trường chính của Tập đoàn là cà phê đặc sản, với các sản phẩm sạch, truy xuất nguồn gốc, và các giống cà phê chất lượng cao. Đây là một thị trường rất tiềm năng của Việt Nam, khi mức sống của người dân tăng lên rõ rệt, cùng với đó là tăng nhu cầu thưởng thức các loại thực phẩm an toàn, chất lượng, đặc biệt. Hiện tại, thị trường mảng này tương đối phân mảnh, với sự tham gia của tương đối nhiều

công ty vừa và nhỏ do rào cản gia nhập thấp, vốn đầu tư ban đầu không cần nhiều.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

Để giảm thiểu các rủi ro về nhu cầu thị trường cũng như sức ép cạnh tranh, PAN đã triển khai mạnh hoạt động R&D nhằm phát triển sản phẩm mới, tạo tính cạnh tranh. Ngân sách R&D của Tập đoàn cho giai đoạn 2015 – 2020 được phê duyệt đã tăng nhiều so với ngân sách của giai đoạn trước đó. Đồng thời, Tập đoàn đang tích cực cải thiện hoạt động Marketing bằng cách triển khai nhiều hình thức mới như online marketing, TVC sáng tạo, đẩy mạnh hơn nữa thương hiệu sản phẩm đến người tiêu dùng. Một giải pháp nữa là tái cấu trúc, sắp xếp lại và phát triển thêm kênh phân phối để tăng hiệu quả hơn nữa, đồng thời mở rộng sang hướng các kênh phân phối hiện đại thay vì chỉ tập trung vào kênh truyền thống.

Với sản phẩm điều, PAN đẩy mạnh tái cơ cấu, chuyển dịch trọng tâm sang các sản phẩm chất lượng cao, chế biến sâu, giữ được giá tốt để giảm thiểu rủi ro từ những biến động của thị trường.

Với cà phê, Tập đoàn định nghĩa chất lượng không chỉ từ thương hiệu, cách chế biến, mà còn đến từ khâu giống, trồng trọt, chăm sóc và thu hái từ chính các trang trại của mình, từ đó tạo ra sự khác biệt với các thương hiệu khác. Ngoài ra, Tập đoàn cũng tham gia nhiều hội chợ, triển lãm tại các thị trường cao cấp như Mỹ, Nhật, EU để tìm cơ hội xuất khẩu cà phê đặc sản.

TRONG NGÀNH THỰC PHẨM, RỦI RO CHÍNH CÓ KHẢ NĂNG GÂY TÁC ĐỘNG LỚN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA PAN GỒM: RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO, RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG NHU CẦU CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ RỦI RO VỀ SỨC ÉP CẠNH TRANH TỪ CÁC ĐỐI THỦ TRÊN THỊ TRƯỜNG.



III. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THỦY SẢN

Rủi ro về nguyên vật liệu đầu vào

Đối với sản phẩm nghêu, sản lượng nuôi phụ thuộc vào nguồn giống tự nhiên. Thời tiết nắng nóng kéo dài, tình trạng ô nhiễm môi trường ... làm cho tỉ lệ nghêu chết nhiều ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực sản xuất và sản lượng của Tập đoàn. Đối với sản phẩm cá tra, nguy cơ lớn đến từ suy thoái môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch bệnh phát triển. Tuy thời gian qua không xảy ra dịch bệnh lớn nhưng bệnh cá xảy ra thường xuyên trong quá trình nuôi.

Đối với sản phẩm nước mắm, tình hình cạnh tranh về nguyên liệu cho ngành sản xuất nước mắm ngày càng gay gắt bởi cá nguyên liệu đang trở nên khan hiếm. Nguyên nhân do ngư trường bị thu hẹp, hình thức đánh bắt không theo những quy luật của tự nhiên, theo mùa cá mà dùng những tàu công suất lớn để bắt bất chấp thời điểm, có thể dẫn đến cạn kiệt nguồn nguyên liệu trong tương lai nếu không có sự kiểm soát kịp thời của các cơ quan chức năng.

Đối với sản phẩm tôm, các biến động liên quan đến nguyên liệu đầu vào đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn như thời tiết, môi trường nuôi trồng, nguồn nước, chất lượng con giống, công nghệ, thức ăn, dịch bệnh, ...

Giải pháp hạn chế rủi ro:

Với mảng cá tra và nghêu, PAN đã và đang nghiên cứu nhiều phương pháp nuôi trồng theo hướng hiện đại nhằm cải thiện ở mức tốt nhất môi trường nuôi, giảm thiểu tỷ lệ phát sinh bệnh và chết trong quá trình nuôi. Trong năm 2019, Tập đoàn đã tiếp tục cải tiến phương pháp nuôi trồng, cải thiện điều kiện cơ sở vật chất giúp giảm đáng kể tỷ lệ chết của cá tra. Song song với đó, Tập đoàn cũng tích cực tìm kiếm nguồn cung nguyên liệu từ các hộ nông dân thực hiện nuôi nghêu đạt tiêu chuẩn ở phía Nam và cả phía Bắc để đa dạng hóa nguồn nguyên liệu đầu vào.

PAN cũng đã thực hiện nhiều biện pháp để đối phó với tình trạng cạnh tranh gay gắt nguồn nguyên liệu đầu vào trong mảng nước mắm. Hai cơ sở sản xuất được đặt ngay tại các khu vực cảng cá là Phan Rí và Cà Ná, thuận tiện cho việc thu mua nguyên liệu.

Với mảng tôm, Tập đoàn luôn nghiên cứu kĩ và bám sát thị trường, chuẩn bị kế hoạch thu mua tôm nguyên liệu chi tiết, liên kết, phối hợp chặt chẽ với nguồn nuôi để đảm bảo nguồn dự trữ và tồn kho hợp lý. Năm 2019, Tập đoàn đã tiến hành mở rộng thêm 90 ha vùng nuôi, tăng tổng diện tích vùng nuôi lên 250 ha và hướng tới tự chủ 30% nhu cầu nguyên liệu ngay từ năm tới.

Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Việc xâm nhập vào các thị trường xuất khẩu chính như EU và Mỹ của các sản phẩm thủy sản vẫn còn nhiều rủi ro do sự cạnh tranh của sản phẩm cùng loại, sự thay đổi hành vi người tiêu dùng, đặc biệt là các rào cản kỹ thuật và rào cản thương mại đang có xu hướng được các quốc gia nhập khẩu áp dụng một cách chặt chẽ hơn.

Nước mắm truyền thống bị cạnh tranh quyết liệt của các sản phẩm nước mắm công nghiệp, trong khi hình ảnh, thương hiệu nước mắm truyền thống có bị ảnh hưởng tiêu cực bởi một số chiến dịch truyền thông không lành mạnh.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

Với mảng cá tra và nghêu, PAN nhất quán áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng từ khâu nuôi trồng cho đến chế biến theo các tiêu chuẩn quốc tế định hướng phát triển bền vững như ASC, Global GAP, MSC, ... Trong năm 2019, hàng loạt các chính sách quản lý nhằm giảm định mức tiêu hao, nâng cao chất lượng tiến tới hạ giá thành sản phẩm tiếp tục được PAN áp dụng.

Với nước mắm, Tập đoàn không ngừng nâng cao chứng minh chất lượng sản phẩm với người tiêu dùng, một mặt phát huy mạnh mẽ quy trình sản xuất nước mắm truyền thống theo công thức cổ truyền, mặt khác kết hợp với kỹ thuật công nghệ thiết bị hiện đại, chất lượng ổn định. Sản phẩm nước mắm 584 Nha Trang của Tập đoàn đạt chuẩn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005; Hệ thống quản lý chất lượng HACPP; Quy phạm sản xuất tốt (GMP); Quy phạm vệ sinh chuẩn và truy xuất nguồn gốc (SSOP), để cho ra thị trường trong nước và xuất khẩu loại nước mắm độc đáo từ mùi vị, màu sắc đến chất lượng... Trong mục tiêu dài hạn, công ty sẽ mở rộng thị trường tiêu thụ ra các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Mảng tôm luôn được Tập đoàn chú trọng đầu tư về công nghệ, dây chuyền cũng như quy trình để có thể sản xuất sản phẩm đáp ứng quy định của các thị trường tiêu thụ.



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THỦY SẢN CỦA PAN ĐÃ XÁC LẬP ĐƯỢC VỊ THẾ VÀ TÍNH CẠNH TRANH CAO TRÊN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ, LÀ MỘT TRONG NHỮNG DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU TẠI VIỆT NAM. TUY NHIÊN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THỦY SẢN CỦA TẬP ĐOÀN CÒN GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN DO ẢNH HƯỞNG CỦA NHỮNG RỦI RO TIÊU BIỂU NHƯ SAU:

B. Rủi ro môi trường - xã hội

Rủi ro ô nhiễm và sự cố môi trường

Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất của PAN, rõ nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Nguồn đất, nước, không khí luôn là yếu tố quan trọng để quyết định đến sản lượng, chất lượng. Chất thải rắn, nước thải, khí thải là những nguồn tác nhân có thể gây ô nhiễm nếu không được xử lý, ảnh hưởng ngược lại tới chính hoạt động sản xuất của công ty. Những sự cố nếu xảy ra không chỉ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh mà còn làm giảm uy tín của Tập đoàn. Do đó, rủi ro môi trường vừa là trách nhiệm, vừa là yếu tố để giúp PAN tiếp tục phát triển vững chắc cả trong sản xuất kinh doanh và thương hiệu trên thị trường.

Giải pháp hạn chế rủi ro

PAN luôn lựa chọn những vùng nguyên liệu, vùng sản xuất an toàn và ít có rủi ro bị ô nhiễm, đồng thời luôn cử cán bộ kỹ thuật sát cánh cùng các hộ dân kiểm soát quy trình và chất lượng. Ví dụ như chất lượng nguồn nước nuôi thủy sản luôn được kiểm tra chặt chẽ trước khi lấy vào, đồng thời tăng cường tuần hoàn sử dụng nước nhằm chủ động kiểm soát chất lượng nước. Hệ thống nhà lưới, nhà kính cũng được xây dựng để tăng cường kiểm soát môi trường.

Trong quá trình chế biến, các loại chất thải được áp dụng nguyên tắc 3R: Reduce – Reuse – Recycle (Cắt giảm – Tái sử dụng – Tái chế) để hạn chế tối đa khả năng gây ô nhiễm. Mọi hệ thống lò hơi đều được thiết kế để khí thải ra môi trường đáp ứng các quy chuẩn Việt Nam về khí thải. Nước thải cũng được xử lý đạt chuẩn trước khi xả ra ngoài, thậm chí có hệ thống theo dõi chất lượng nước thải và truyền dữ liệu trực tuyến về Sở tài nguyên môi trường tỉnh. Đối với hoạt động có rủi ro gây ô nhiễm môi trường về hóa chất, kế hoạch ứng phó sự cố được xây dựng và phê duyệt bởi cơ quan quản lý nhà nước. Tất cả những biện pháp trên giúp cho trong nhiều năm nay, Tập đoàn không xảy ra bất cứ vi phạm nào về môi trường, đảm bảo quá trình sản xuất được diễn ra liên tục và thuận lợi.

Rủi ro an toàn, sức khỏe

Sự cố nếu xảy ra sẽ ngay lập tức làm ảnh hưởng đến sức khỏe, thậm chí tính mạng người lao động. Do đó vấn đề này đều được đặt lên vị trí hàng đầu ở mọi doanh nghiệp. Tuy sản xuất nông nghiệp – thực phẩm không phải là ngành có rủi ro tai nạn cao, nhưng khả năng gặp sự cố là có, ví dụ như kẹp tay, điện giật, cháy nổ, trượt ngã, ngộ độc... Ngoài ảnh hưởng đến con người, chi phí giải quyết và trách nhiệm pháp lý sau đó cũng khiến doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề

Giải pháp hạn chế rủi ro

Ngoài những quy định theo luật pháp để đảm bảo an toàn sức khỏe cho lao động, ví dụ như khám sức khỏe, trang bị bảo hộ lao động, tập huấn, các công ty trong Tập đoàn PAN còn đầu tư vào dây chuyền sản xuất, công cụ thiết bị hiện đại để giảm tối đa rủi ro xảy ra sự cố, hạn chế công việc nguy hiểm và độc hại với người lao động. Ở mỗi nhà máy, mạng lưới an toàn vệ sinh viên được thành lập và luân phiên giám sát vấn đề an toàn, các tiêu chuẩn quốc tế để đảm bảo an toàn lao động. Để thúc đẩy sự cải thiện, PAN cũng thiết lập Bộ chỉ số phát triển bền vững, trong đó một trong những chỉ số quan trọng nhất là số tai nạn xảy ra. Chỉ số này sẽ được theo dõi và báo cáo hàng năm để đánh giá tình trạng an toàn trong sản xuất.



Rủi ro sự cố chất lượng, an toàn thực phẩm, trách nhiệm cộng đồng

Đối với các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm, rủi ro sự cố chất lượng là hoàn toàn có thể xảy ra, thậm chí có thể đe dọa đến sự an toàn của người sử dụng. Rủi ro có thể xuất phát từ nhiều yếu tố và ảnh hưởng sâu sắc đến doanh nghiệp, không chỉ thiệt hại về vật chất mà còn là uy tín, niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư... Do đó với hoạt động sản xuất là cốt lõi, rủi ro về sản phẩm được chúng tôi quan tâm đặc biệt như một yếu tố sống còn trong quá trình phát triển.

Giải pháp hạn chế rủi ro

PAN xây dựng một hệ thống sản xuất và kiểm soát chặt chẽ, ứng dụng công nghệ và các công cụ quản trị để tạo ra những sản phẩm tốt và đúng với những gì cam kết, công bố trên nhãn mác và truyền thông. Đó là những nhà máy được trang bị hiện đại với những dây chuyền sản xuất nhập khẩu từ Châu Âu, Nhật Bản; là công nghệ chuyển giao từ những nhà sản xuất lớn, là hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm như ISO22000, FSSC22000, BRC, IFS... Tập đoàn cũng xây dựng mối quan hệ ngày càng chặt chẽ với chuỗi cung ứng song song với việc mở rộng hệ thống tự nuôi trồng nhằm kiểm soát chất lượng sản phẩm tốt hơn.



C. Rủi ro thương hiệu

Rủi ro thương hiệu là những tổn thất, thiệt hại do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng về Tập đoàn, ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng sản phẩm. Những rủi ro về thông tin sai sự thật có thể ảnh hưởng tiêu cực tới uy tín của Tập đoàn, làm suy giảm lòng tin của khách hàng, cổ đông, đối tác, cộng đồng dẫn đến những thiệt hại về tài chính.

Giải pháp hạn chế rủi ro

Đối với PAN, thương hiệu là một tài sản vô hình có giá trị đặc biệt. Công tác quản trị rủi ro thương hiệu là nhiệm vụ trọng tâm của các cán bộ quản lý, PAN có cơ chế giảm thiểu rủi ro thương hiệu thông qua hoạt động quản trị doanh nghiệp và hệ thống quản trị rủi ro.

PAN luôn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc công bố thông tin thường xuyên và thông tin bất thường. Với việc tôn trọng giá trị đầu tư của các cổ đông, PAN nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin một cách đầy đủ, minh bạch và kịp thời.

Trong những năm trước, nước mắm 584 Nha Trang dù là một trong những thương hiệu nước mắm truyền thống hàng đầu đã bị ảnh hưởng bởi cuộc "khủng hoảng nước mắm truyền thống" do thông tin sai lệch về hàm lượng Arsen.

Để giải quyết khủng hoảng, công ty đã liên hệ với các doanh nghiệp bạn, các Hiệp Hội nước mắm các địa phương, Hiệp Hội chế Biến và Xuất khẩu Thủy sản VASEP tìm ra biện pháp phối hợp xử lý khủng hoảng thông tin Arsen. Kết quả, Công ty đã chứng minh được sản phẩm của mình đáp ứng đầy đủ yêu cầu về chất lượng, lấy lại niềm tin từ người tiêu dùng. Sau khủng hoảng, người tiêu dùng càng tin tưởng và tin dùng nước mắm truyền thống nói chung, và nước mắm 584 Nha Trang nói riêng.

D. Rủi ro hoạt động



RỦI RO HOẠT ĐỘNG LÀ RỦI RO GÂY RA TỔN THẤT DO SỰ KHÔNG ĐẦY ĐỦ HOẶC VẬN HÀNH KHÔNG TỐT CỦA CÁC QUY TRÌNH, CON NGƯỜI, HỆ THỐNG HOẶC DO TÁC ĐỘNG CỦA CÁC SỰ KIỆN BÊN NGOÀI. VỚI HỆ THỐNG PAN GỒM CÔNG TY MẸ VÀ NHIỀU ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI NHIỀU LĨNH VỰC KHÁC NHAU VÀ TRẢI DÀI TẠI NHIỀU KHU VỰC ĐỊA LÝ, RỦI RO HOẠT ĐỘNG LUÔN HIỆN HỮU TRONG TẤT CẢ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TOÀN HỆ THỐNG. PAN XÁC ĐỊNH RỦI RO HOẠT ĐỘNG BAO GỒM: RỦI RO TUÂN THỦ, RỦI RO QUẢN TRỊ NHÂN LỰC, RỦI RO PHÁP LÝ VÀ RỦI RO MUA BÁN, SÁP NHẬP.

Rủi ro tuân thủ

Đây là rủi ro gây nên tổn thất cho PAN do việc Tập đoàn, nhân viên Tập đoàn vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, vi phạm các Quy định, quy chế nội bộ, quy trình hoạt động đã ban hành.

Giải pháp hạn chế rủi ro

Ban Quản trị rủi ro của PAN là bộ phận độc lập chịu trách nhiệm trong công tác phòng ngừa, giám sát và kiểm soát rủi ro tuân thủ phát sinh tại Tập đoàn. Đây là hoạt động quản trị rủi ro đặc biệt quan trọng trong năm vừa qua và trong những năm tiếp theo.

Trong năm 2019, Ban Quản trị rủi ro đã phối hợp cùng các bộ phận liên quan áp dụng các biện pháp xác định và kiểm soát rủi ro tuân thủ:

- Ban hành và sửa đổi, cập nhật các quy chế quản trị, kiểm soát nội bộ phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh.

- Thiết lập các quy trình, bộ máy vận hành có sự kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ và sớm phát hiện các sai sót có thể xảy ra.

- Tiếp tục hoàn thiện xây dựng bộ Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và áp dụng đối với tất cả nhân viên thuộc hệ thống PAN. Không ngừng nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên thông qua định kỳ đào tạo nghiệp vụ, phổ biến quy chế quản trị nội bộ được ban hành.

- Xây dựng cơ chế tự đánh giá hiệu quả kiểm soát nội bộ từng bộ phận và phản hồi kịp thời.

- Các nhân viên chuyên trách kiểm soát rủi ro thường xuyên tham dự các khóa đào tạo về hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như cập nhật các thông lệ quốc tế áp dụng.

- Áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

Năm 2019, các thành viên Ban Quản trị rủi ro phối hợp cùng Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật và các quy trình, quy định nội bộ. Việc kiểm soát được thực hiện theo hình thức định kỳ và đột xuất, trong đó tập trung hơn tại các bộ phận có khả năng xảy ra nhiều sai phạm. Kết quả kiểm soát được báo cáo trực tiếp cho Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, từ đó giúp các bộ phận rà soát, sửa đổi quy trình nghiệp vụ cho phù hợp nhằm hạn chế rủi ro.

Rủi ro quản trị nhân lực

Rủi ro quản trị nhân lực là rủi ro xuất phát từ sự kém hiệu quả trong công tác quản trị nguồn nhân lực dẫn đến thiếu hụt hoặc dư thừa nhân viên hoặc nhân viên được tuyển dụng không đáp ứng nhu cầu của công việc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

PAN xác định con người luôn là nhân tố quan trọng nhất để dẫn đến thành công của doanh nghiệp. Kế hoạch thu hút những nhân sự giỏi kết hợp cùng công tác đào tạo, mở rộng nguồn nhân lực là yếu tố quyết định đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn trong tương lai. Tập đoàn đặc biệt

PAN XÁC ĐỊNH CON NGƯỜI LUÔN LÀ NHÂN TỐ QUAN TRỌNG NHẤT ĐỂ DẪN ĐẾN THÀNH CÔNG CỦA DOANH NGHIỆP.

chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực để đảm bảo duy trì, phát triển lực lượng nhân sự chất lượng cao với cơ cấu tổ chức linh hoạt, hiệu quả, tối ưu chi phí vận hành; hướng trọng tâm vào việc tuyển dụng và đào tạo nhân sự đầy đủ năng lực, chuyên môn sâu, có đạo đức nghề nghiệp. Đồng thời, Tập đoàn không ngừng cải thiện chính sách đãi ngộ, đảm bảo công bằng trong nội bộ và cạnh tranh với thị trường, tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp cho nhân viên.

Nhờ các chính sách quản trị rủi ro nhân lực phù hợp, PAN đã và đang xây dựng đội ngũ nhân sự có đầy đủ năng lực, kỹ năng chuyên môn tốt, tuân thủ kỷ thuật lao động và đáp ứng yêu cầu công việc theo quy mô ngày càng mở rộng của Tập đoàn.

Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý xảy ra cho PAN trong quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh các tranh chấp pháp lý, ... từ các bên đối tác trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tập đoàn PAN hiện nay đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, hoạt động kinh doanh được chi phối bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán, thương mại, thuế, ... Ngoài ra, hoạt động của Công ty thành viên thuộc PAN cũng bị chi phối bởi các chính sách về nông nghiệp, thực phẩm cũng như các quy định về xuất nhập khẩu, cạnh tranh của Việt Nam và nước ngoài.

Các văn bản pháp luật và hướng dẫn dưới luật hiện đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, do vậy mọi thay đổi, diễn giải có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi và gây ra những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty thành viên.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

PAN xây dựng Bộ phận Luật và Kiểm soát tuân thủ gồm các chuyên gia tư vấn và luật sư giàu kinh nghiệm. Bộ phận này có trách nhiệm cập nhật các thay đổi về luật pháp và các ảnh hưởng pháp lý đối với hoạt động kinh doanh của PAN để kịp thời tư vấn cho HĐQT và Ban Điều hành; nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật trong giai đoạn dự thảo sắp được ban hành đến hoạt động của Tập đoàn để có sự chuẩn bị thích hợp. Ngoài ra, bộ phận trên còn có trách nhiệm rà soát các văn bản hợp đồng của PAN để hạn chế các rủi ro pháp lý liên quan. Năm 2019, PAN không ghi nhận các trường hợp kiện tụng, khiếu nại từ các đối tác và cũng không bị xử phạt bởi các cơ quan quản lý do vi phạm quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động.



TẬP ĐOÀN CHƯA ĐỂ XẢY RA CÁC VẤN ĐỀ XÁO TRỘN NHÂN SỰ TRUNG VÀ CAO CẤP, HÒA NHẬP VĂN HÓA DOANH NGHIỆP, HAY KHẢ NĂNG TẠO GIÁ TRỊ GIA TĂNG SAU QUÁ TRÌNH ĐẦU TƯ.

Rủi ro mua bán, sáp nhập (M&A)

Rủi ro M&A xảy ra khi PAN thực hiện việc đầu tư vào các doanh nghiệp. Các rủi ro có thể xảy ra do sự khác biệt về môi trường văn hóa giữa PAN và các công ty con, công ty liên kết, do sự xáo trộn của nguồn nhân lực trung và cao cấp, khả năng tạo ra các giá trị cộng hưởng so với các doanh nghiệp đứng độc lập trước M&A, ... Đây là các rủi ro mang tính chất toàn cầu, áp dụng đối với các thương vụ M&A không phân biệt vị trí địa lý và quy mô doanh nghiệp.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

PAN luôn xác định rõ ràng, cụ thể chiến lược thực hiện M&A, các quy trình và xác định hợp lý giá trị của công ty mục tiêu để đưa ra một mức đầu tư phù hợp nhất. Thành công của việc M&A chủ yếu xuất phát từ việc xây dựng quy trình chiến lược M&A hoàn chỉnh và hợp lý. PAN đã lên kế hoạch, xác định rõ mục tiêu thực hiện M&A, đánh giá xem xét kỹ lưỡng sự phù hợp giữa hai công ty, cũng như đã tiến hành xử lý các vấn đề sau M&A một cách hiệu quả nhất về việc kết hợp văn hóa giữa hai công ty, xử lý các vấn đề về quy trình quản lý và nhân sự để đảm bảo giá trị doanh nghiệp luôn được gia tăng và đạt được những lợi ích như kỳ vọng. Tập đoàn chưa để xảy ra các vấn đề xáo trộn nhân sự trung và cao cấp, hòa nhập văn hóa doanh nghiệp, hay khả năng tạo giá trị gia tăng sau quá trình đầu tư. Năm 2019, Tập đoàn đã thuê đơn vị độc lập tiến hành khảo sát văn hóa doanh nghiệp cho toàn bộ công ty mẹ và các đơn vị thành viên, từ đó tu vấn để quá trình hòa nhập văn hóa diễn ra suôn sẻ và hướng đến giá trị chung.



E. Rủi ro tài chính

I. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng ảnh hưởng trực tiếp tới các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và các hoạt động tài chính của PAN, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ hối đoái và các công cụ tài chính khác.

Giải pháp hạn chế rủi ro

Để kiểm soát hiệu quả rủi ro tín dụng, Tập đoàn PAN xem xét, đánh giá định kỳ sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi, công cụ tài chính. PAN cũng đồng thời chú trọng duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu khách hàng tồn đọng và có nhân viên kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro. Hàng quý, năm PAN thông qua danh sách các khách hàng được đánh giá tín dụng căn cứ vào tình hình tài chính và mức độ thanh toán của khách hàng. Mặt khác, rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của PAN, trong đó chỉ lựa chọn đối tác là các ngân hàng lớn và có tín nhiệm cao để phân bổ tiền gửi và duy trì tài khoản thanh toán. Hệ thống báo cáo và cảnh báo rủi ro liên tục duy trì để giám sát chặt chẽ các hoạt động này.

II. RỦI RO LÃI SUẤT

Rủi ro do thay đổi lãi suất chủ yếu liên quan đến nợ vay ngắn hạn có lãi suất cũng như các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty mẹ và một số Công ty thành viên từ đó gây tổn thất cho PAN.

Giải pháp hạn chế rủi ro

PAN quản lý rủi ro lãi suất thông qua theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường tiền tệ, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Bộ phận Tài chính của PAN và các Công ty thành viên dự tính, phân tích độ nhạy và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược đầu tư tài chính theo tình hình hiện tại và kiểm soát rủi ro lãi suất nằm trong giới hạn quản lý của mình.

Ngoài ra, hiện tại PAN chủ yếu sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vay từ trái phiếu với lãi suất tương đối cố định nên hầu như không chịu tác động về mặt chi phí tài chính do sự điều chỉnh của mặt bằng lãi suất. Các công ty thành viên của PAN do hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, chế biến thực phẩm nên tiếp cận được các khoản vay ưu đãi với lãi suất thấp, cố định từ các ngân hàng, qua đó rủi ro về lãi suất cũng được hạn chế. Các khoản tiền gửi của PAN trong khi chờ để giải ngân cũng được tối ưu hóa cả về thời hạn gửi, lựa chọn các tổ chức tín dụng để mang lại lợi ích lớn nhất cho PAN và các cổ đông. Rủi ro lãi suất được theo dõi và quản lý chặt chẽ tại Tập đoàn và phòng Tài chính – Kế toán tại các Công ty thành viên.



III. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là khả năng mà những biến động của các yếu tố như lãi suất, tỷ giá hối đoái, thanh khoản của thị trường, giá cổ phiếu, chi phí giá vốn và các rủi ro biến động giá thị trường khác gây ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh của PAN. Mục đích của quản lý rủi ro thị trường là kiểm soát các rủi ro này trong giới hạn có thể chấp nhận, đồng thời tối đa hóa lợi nhuận thu được. Các nội dung quản lý rủi ro thị trường được Tập đoàn PAN thực hiện bao gồm:

Rủi ro về giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư chứng khoán của PAN bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, các cổ phiếu này có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Tuy nhiên, hầu hết các khoản đầu tư của PAN là đầu tư chiến lược dài hạn vào các doanh nghiệp trong ngành nông nghiệp và thực phẩm với nền tảng cơ bản về tài chính, quản trị, sản xuất tốt và nhiều tiềm năng phát triển. Do vậy rủi ro về giá cổ phiếu biến động trên thị trường là không lớn.

Giải pháp hạn chế rủi ro

Hội đồng Quản trị của PAN chịu trách nhiệm xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu, trong đó chú trọng các cổ phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư, có chỉ số cơ bản tốt, hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, chỉ số P/E hợp lý.

PAN đánh giá mức độ rủi ro này ở mức trung bình do phần lớn danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn là các khoản đầu tư dài hạn và chiến lược vào công ty con, công ty liên kết, do đó ít bị ảnh hưởng bởi các yếu tố biến động giá cổ phiếu trong ngắn hạn.

Rủi ro về giá hàng hóa

PAN và các Công ty thành viên hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau: nông nghiệp, thực phẩm... do đó chịu ảnh hưởng của các rủi ro về giá hàng hóa. Đây là các rủi ro phát sinh khi lạm phát ở mức cao khiến cho các chi phí đầu vào tăng cao hoặc rủi ro về sự giảm giá đột ngột của các thành phẩm đầu ra gây tổn thất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của PAN.

Giải pháp hạn chế rủi ro

PAN quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường trong nước và quốc tế nhằm thống nhất quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Các rủi ro liên quan đến giá hàng hóa biến động được theo dõi bởi bộ phận thu mua, bộ phận sản xuất tại các công ty thành viên và báo cáo giám đốc Sản xuất, Tổng giám đốc theo định kỳ hàng tuần.



Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Rủi ro về tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền tương lai được tính toán trong kế hoạch, phương án tài chính sẽ biến động do tác động của việc thay đổi tỷ giá. PAN có thể phải đối mặt với nguy cơ thay đổi tỷ giá hối đoái liên quan đến các hoạt động hiện tại như hoạt động xuất nhập khẩu từ các đơn vị thành viên và các nguồn huy động vốn bằng ngoại tệ tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

Giải pháp hạn chế rủi ro

PAN đã dự tính rủi ro tỷ giá hối đoái thông qua các đợt phát hành tăng vốn và đã có cơ chế chủ động phòng ngừa, thông qua các chính sách điều chỉnh nguồn thu có yếu tố ngoại tệ, cơ chế xuất khẩu và tín dụng thương mại... Các kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài được tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất.

HÀNG THÁNG, CÁC BÁO CÁO DÒNG TIỀN VÀ TÌNH HÌNH THANH KHOẢN CỦA TẬP ĐOÀN ĐƯỢC CÁC BỘ PHẬN LIÊN QUAN LẬP VÀ BÁO CÁO KỊP THỜI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH.

IV. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra với PAN trong trường hợp các tài sản tài chính và nợ phải trả có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Giải pháp hạn chế rủi ro

PAN đánh giá rủi ro này ở mức thấp do Công ty luôn có kế hoạch quản trị dòng tiền hiệu quả cũng như tình hình tài chính lành mạnh ở Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Mục tiêu của Tập đoàn là đảm bảo cân đối các dòng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn.

PAN đã xây dựng và áp dụng các biện pháp, cách thức phòng ngừa và ứng phó với các trường hợp rủi ro thanh khoản thông qua việc quản trị dòng tiền chặt chẽ, duy trì lượng tiền mặt và tiền gửi hợp lý, sắp xếp các hợp đồng tín dụng ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng, thu xếp các nguồn tài chính khác để đảm bảo khoản vay sẽ được hoàn trả sau khi PAN hoàn thành các kế hoạch tài chính, duy trì các chỉ số khả năng thanh toán ở mức lành mạnh, cân đối giữa tài sản và công nợ. Hàng tháng, các báo cáo dòng tiền và tình hình thanh khoản của Tập đoàn được các bộ phận liên quan lập và báo cáo kịp thời với Ban Điều hành.

Kế hoạch Quản trị Rủi ro năm 2020

Trong năm 2020, PAN sẽ tiếp tục duy trì và vận hành hoạt động quản trị rủi ro theo hệ thống và quy trình đã được thiết lập, đồng thời tiếp tục nâng cấp hệ thống quản trị rủi ro bao gồm cả con người, quy trình, phần mềm và trang thiết bị cần thiết để bảo đảm thực hiện tốt nhất mục tiêu quản trị rủi ro đối với các hoạt động hiện có và chuẩn bị cho hệ thống có thể vận hành đáp ứng các yêu cầu quản trị rủi ro của các khoản đầu tư, các lĩnh vực kinh doanh mới dự kiến triển khai trong năm 2020.

Các bước kế hoạch hoạt động cụ thể:

- Xây dựng, tuyển dụng và đào tạo nhân sự quản trị rủi ro có kiến thức và kỹ năng về các lĩnh vực cụ thể, theo sát quá trình quản trị rủi ro trong lĩnh vực chuyên sâu được phụ trách.

- Nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro (chính sách, thủ tục, quy trình, hệ thống báo cáo) và hệ thống kiểm soát cho từng hoạt động cụ thể tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên (như quy chế quản lý đầu tư, công bố thông tin, quản lý tài chính, quản trị nội bộ, ...), từ đó phát triển các kế hoạch ứng phó nhằm ngăn ngừa, xử lý các rủi ro một cách phù hợp và hiệu quả.

- Liên tục cập nhật quy chế, quy trình kiểm soát phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với những thay đổi thực tế của thị trường.

- Đẩy mạnh đầu tư các công cụ, phần mềm tự động hóa để nâng cấp các hoạt động rủi ro.



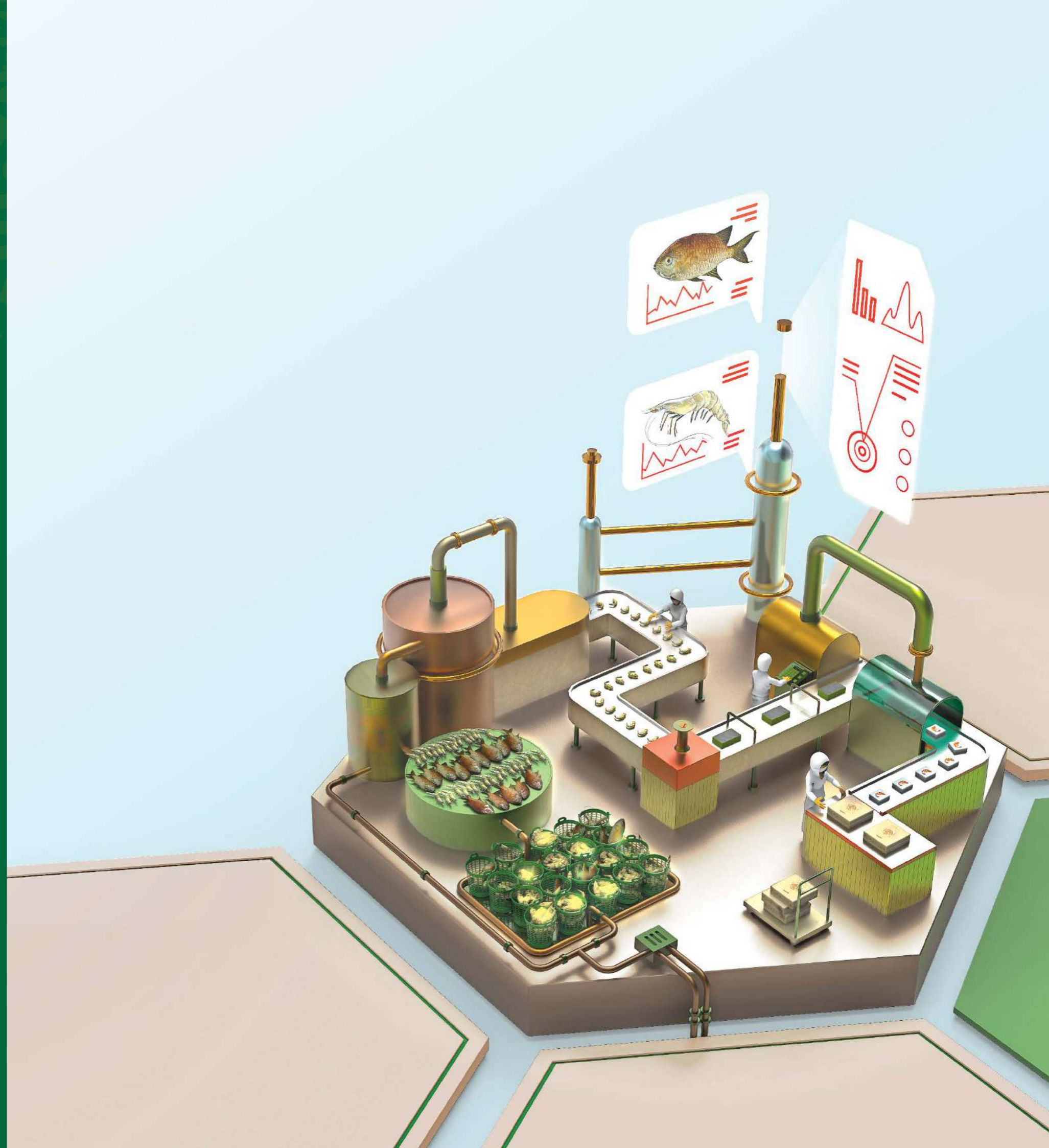
CHƯƠNG II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

01	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019	76
02	Tổ chức và nhân sự	96
03	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	107
04	Tình hình tài chính	124
05	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	132
06	Báo cáo môi trường - xã hội	139



THE PAN GROUP



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019



Kết quả kinh doanh năm 2019 so với cùng kì năm 2018

Đơn vị	Năm 2019	Năm 2018	% Thực hiện 2019 so với 2018
Doanh thu thuần	7.813	7.829	-0,2%
Lợi nhuận gộp	1.658	1.387	19,5%
EBITDA	1.005	1.053	-4,6%
Lợi nhuận sau thuế	452	567	-20,3%
Biên lợi nhuận gộp	21,2%	17,7%	
Biên EBITDA	12,9%	13,4%	
Biên lợi nhuận sau thuế	5,8%	7,2%	

Doanh thu thuần hợp nhất của Tập đoàn năm 2019 đạt 7.813 tỷ, giảm nhẹ 0,57%. Doanh thu từ hoạt động xuất khẩu đạt 4.559 tỷ, giảm nhẹ 5% trong khi doanh thu từ nội địa tăng 7% lên 3.254 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do tình hình sụt giảm chung giá xuất khẩu các sản phẩm thủy hải sản và việc Tập đoàn bắt đầu tập trung phát triển bán hàng trong nước.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 2019 đạt 452 tỷ đồng, giảm 20% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, nếu tách khoản lợi nhuận từ mua rẻ tài sản năm 2018 thì chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh lõi năm 2019 tăng trưởng 15%. Biên lợi nhuận gộp hợp nhất được cải thiện, năm 2019 là 21% so với 18% năm 2018. Kết quả này đạt được do biên lợi nhuận gộp của mảng tôm được cải thiện và duy trì ở mức tốt và đặc biệt mảng hạt chuyển hướng mạnh mẽ cơ cấu sản phẩm từ điều thô sang điều chế biến trong năm 2019.

Hiện tại các lĩnh vực kinh doanh chính của PAN bao gồm:

- (i) **Lĩnh vực Nông nghiệp** – thực hiện thông qua CTCP PAN Farm và CTCP Khử trùng Việt Nam (VFC) (*). CTCP PAN Farm gồm 2 công ty con trực tiếp là CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed) và CTCP PAN-HULIC (PHJ).
- (ii) **Lĩnh vực Thực phẩm** - quản lý và điều phối bởi CTCP Thực phẩm PAN (PAN Food). Mảng kinh doanh này bao gồm những mảng kinh doanh chính: mảng bánh kẹo thực hiện thông qua PAN Food mẹ, PAN Food Manufacturing và Bibica; mảng thủy sản thực hiện bởi CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre (Aquatex Bentre) và CTCP Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN); mảng nước mắm thực hiện tại CTCP Thủy sản 584 Nha Trang và mảng hạt tại CTCP Chế biến hàng xuất khẩu Long An (Lafoco).
- (iii) **Lĩnh vực Phân phối** – thực hiện thông qua CTCP Phân phối hàng tiêu dùng PAN (PAN CG), công ty mới thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 6/2019.

(* CTCP Khử trùng Việt Nam (VFC) là công ty liên kết của Tập đoàn với tỷ lệ sở hữu là 41,88% tại ngày 31/12/2019. Do vậy, doanh thu của VFC không được hợp nhất vào kết quả kinh doanh của PAN nhưng lợi nhuận được tính vào lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh lõi năm 2019 tăng trưởng

15%



Phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2019 so với kế hoạch năm



STT	Chi tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% Hoàn thành kế hoạch năm
1	Doanh thu thuần	10.513	7.813	74,3%
2	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	644	516	80,1%
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	562	452	80,4%
4	Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ	340	257	75,6%

CHỦ ĐỘNG MỞ RỘNG CHUỖ GIÁ TRỊ THÔNG QUA VIỆC NÂNG TỶ LỆ SỞ HỮU THÀNH CÔNG TẠI 584 NHA TRANG VÀ THÀNH LẬP PAN CG.

Xét về việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, trong năm 2019, kế hoạch nâng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Khử trùng Việt Nam lên trên 50% chưa được hoàn tất do điều kiện thị trường, doanh thu VFC chưa được hợp nhất vào Tập đoàn. Do đó, doanh thu thuần hợp nhất đạt 74% kế hoạch năm. Tuy nhiên, Tập đoàn vẫn chủ động mở rộng chuỗi giá trị thông qua việc nâng tỷ lệ sở hữu thành công tại 584 Nha Trang và thành lập PAN CG.

Cơ cấu doanh thu và tăng trưởng doanh thu qua các năm

Mức tăng trưởng doanh thu hợp nhất bình quân từ năm 2013 đến năm 2019 đạt

52,7%

CƠ CẤU DOANH THU VÀ TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG HAI NĂM GẦN NHẤT ►►

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Lĩnh vực *	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng
Nông nghiệp	1.619	1.537	-5,1%
Thực phẩm	6.213	6.226	0,2%
Phân phối	-	896	n/a

(*) Doanh thu từ lĩnh vực thực phẩm được đóng góp từ PAN Food bao gồm 04 mảng: bánh kẹo (PAN Food mẹ, Bibica), thủy sản (Aquatex Bentrel), hạt và hoa quả sấy (Lafooco), nước mắm (584 Nha Trang) và Công ty CP Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN). Doanh thu lĩnh vực nông nghiệp đến từ PAN Farm, trong đó chủ yếu được đóng góp bởi doanh thu của Vinaseed. Doanh thu lĩnh vực phân phối được đóng góp bởi PAN CG.

Cơ cấu doanh thu của PAN năm 2019 và năm 2018 cho thấy sự tiếp tục phát triển kinh doanh chủ yếu vào nông nghiệp, thực phẩm và mở rộng chuỗi giá trị đến lĩnh vực phân phối khi CTCP Phân phối hàng tiêu dùng PAN chính thức được thành lập và đã có doanh thu đến 896 tỷ đồng. Điều này nằm trong chiến lược phát triển bền vững bài bản, đánh dấu mốc PAN chính thức tham gia vào lĩnh vực phân phối hàng tiêu dùng và tiến thêm một bước trong việc hoàn thiện chuỗi giá trị hoàn chỉnh FARM - FOOD - FAMILY.





Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

A. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

Cập nhật thị trường

Năm 2019, GDP Việt Nam đạt mức tăng trưởng 7,02%. Tuy nhiên, GDP của ngành nông nghiệp không tăng trưởng, chỉ đạt 0,61% là mức tăng thấp nhất trong 10 năm qua (2011 – 2019) do chịu ảnh hưởng nặng nề từ tác động của biến đổi khí hậu và khó khăn từ thị trường.

2019 là năm tình hình thời tiết bất lợi cho sản xuất nông nghiệp khi hiện tượng khí hậu El Nino duy trì trở lại: nhiệt độ trung bình năm 2019 trên cả nước cao hơn mức trung bình nhiều năm từ 0,5°C – 2°C, xuất hiện nhiều đợt nắng nóng kéo dài; mùa mưa đến muộn hơn 01 tháng, lượng mưa giảm đáng kể, đặc biệt ở khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên ít hơn 50% so với trung bình nhiều năm. Tình trạng này cùng với xâm nhập mặn ở Nam Bộ khiến diện tích canh tác và năng suất giảm về mức thấp nhất trong vòng 5 năm. Theo Tổng cục thống kê, diện tích gieo trồng nông nghiệp năm 2019 giảm. Diện tích lúa cả nước ước đạt 7,47 triệu ha, giảm 1,4% so với năm 2018. Đáng chú ý là vụ Đông năm 2019, diện tích ngô cả nước chỉ đạt 500 nghìn ha, giảm 50% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng lúa đạt 43,45 triệu tấn, giảm 596 nghìn tấn so với cùng kỳ. Sản lượng ngô giảm khoảng 3%, tương đương với 117 nghìn tấn so với cùng kỳ.

Trong khi đó, thị trường xuất khẩu nông sản cũng khó khăn khi giá xuất khẩu luôn ở mức thấp ngay từ đầu năm. Tổng giá trị xuất khẩu nông sản của Việt Nam 2019 ước đạt 18,5 tỷ USD, giảm 5,3% so với năm ngoái. Giá trị xuất khẩu các mặt hàng chính như gạo, cà phê, hồ tiêu, điều đều giảm. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, xuất khẩu gạo 10 tháng đầu năm 2019 ước đạt 5,56 triệu tấn và 2,43 tỷ USD, tăng 6,1% về khối lượng nhưng giảm 9,1% về giá trị so với cùng kỳ 2018. Giá gạo xuất khẩu bình quân 10 tháng đầu năm 2019 đạt 435,6 USD/tấn, giảm 13,4% so với cùng kỳ. Giá gạo giảm chủ yếu đến từ việc các thị trường chính trước kia của Việt Nam đang trong tình trạng dư thừa nguồn cung như: Trung Quốc, Indonesia hay Bangladesh.

Tình hình thời tiết bất lợi cùng với khó khăn từ thị trường đã tác động không nhỏ đến tâm lý nông dân. Xu hướng nông dân bỏ ruộng nhiều, đặc biệt ở các tỉnh phía Bắc khi sản xuất nông nghiệp cho hiệu quả thấp, đã ảnh hưởng đến nhu cầu gieo trồng năm 2019.

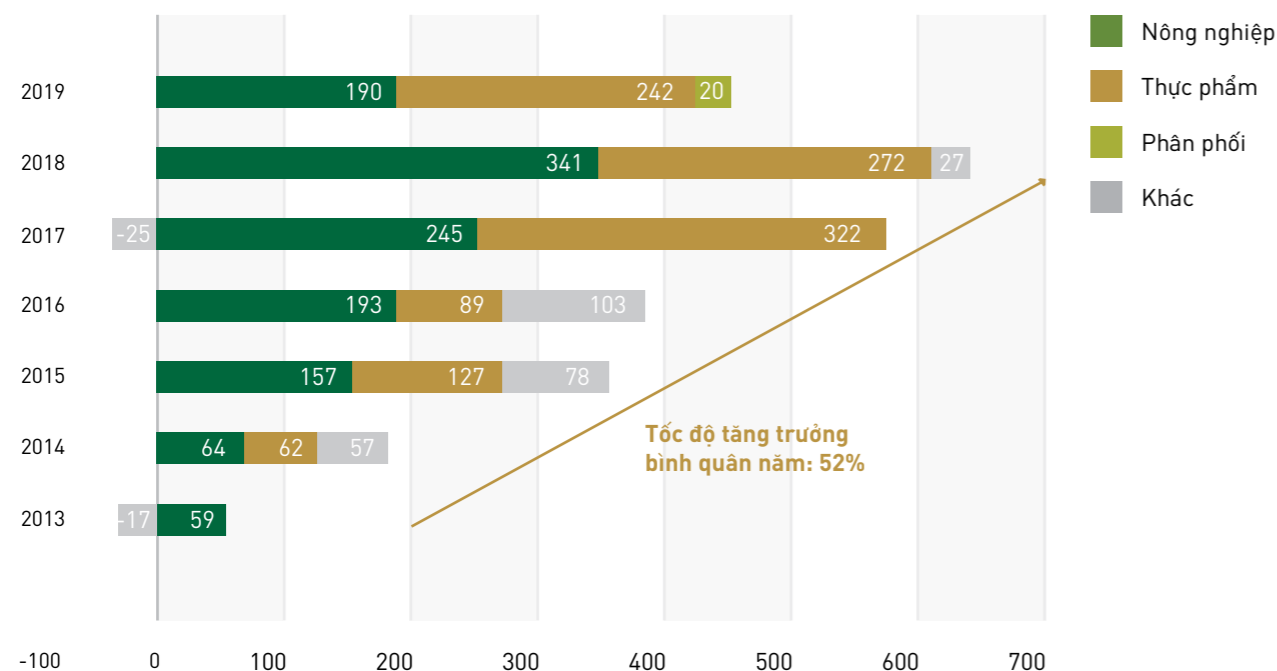
TÌNH HÌNH THỜI TIẾT BẤT LỢI CÙNG VỚI KHÓ KHĂN TỪ THỊ TRƯỜNG ĐÃ TÁC ĐỘNG KHÔNG NHỎ ĐẾN TÂM LÝ NÔNG DÂN. XU HƯỚNG NÔNG DÂN BỎ RUỘNG NHIỀU, ĐẶC BIỆT Ở CÁC TỈNH PHÍA BẮC KHI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CHO HIỆU QUẢ THẤP, ĐÃ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NHU CẦU GIỐNG CÂY TRỒNG NĂM 2019.



VỀ LỢI NHUẬN HỢP NHẤT TRƯỚC THUẾ

TRONG GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2013 ĐẾN 2019, TẬP ĐOÀN PAN CHUYỂN DỊCH SANG CÁC NGÀNH KINH DOANH TRỌNG TÂM: NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM. CƠ CẤU ĐÓNG GÓP VÀO LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT GIAI ĐOẠN 2013-2019 NHƯ SAU:

Cơ cấu Lợi nhuận trước thuế theo lĩnh vực (Tỷ đồng)



Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chi tiêu	2019	2018	%
Màng giống cây trồng			
Doanh thu thuần	1.518	1.605	-5,4%
EBITDA	311	349	-10,9%
Lợi nhuận thuần sau thuế	202	239	-15,5%
Biên EBITDA	20,5%	21,7%	
Biên lợi nhuận thuần	13,3%	14,9%	

TRONG NĂM QUA, PAN TIẾP TỤC KHẲNG ĐỊNH NĂNG LỰC R&D VƯỢT TRỘI TRONG NGÀNH, KHI TIẾN HÀNH KHẢO NGHIỆM CÁC GIỐNG LÚA MỚI, MANG LẠI NHIỀU KẾT QUẢ ẤN TƯỢNG, ĐẶC BIỆT LÀ GIỐNG LÚA VNR 20.

Đóng góp chủ yếu trong mảng nông nghiệp của Tập đoàn là lĩnh vực giống cây trồng. Trong bối cảnh khó khăn chung của ngành, thời tiết xấu khiến diện tích gieo trồng giảm mạnh, doanh thu từ lĩnh vực giống cây trồng của Tập đoàn giảm 5,4% nhưng vẫn giữ được vị thế dẫn đầu thị phần các doanh nghiệp giống nội địa, với 20% thị phần toàn quốc cùng hệ thống phân phối rộng khắp.

Mức biên lợi nhuận gộp thực hiện ở mức tương đương so với cùng kỳ, bám sát theo chiến lược tập trung chú trọng vào các sản phẩm, giống lúa chất lượng vượt trội, có bản quyền, mang lại biên lợi nhuận cao. Lợi nhuận thuần giảm 15% so với cùng kỳ năm ngoái do ảnh hưởng từ giảm lợi nhuận gộp (khoảng 30 tỷ đồng), trong bối cảnh các chi phí sản xuất kinh doanh được giữ ở mức ổn định.

Trong năm qua, PAN tiếp tục khẳng định năng lực R&D vượt trội trong ngành, khi tiến hành khảo nghiệm các giống lúa mới, mang lại nhiều kết quả ấn tượng, đặc biệt là giống lúa VNR 20. Đây là giống ngắn ngày, sinh trưởng phát triển tốt, đẻ nhánh khỏe, mật độ bông đạt rất cao dù trong thời tiết nắng nóng, khô hạn, năng suất cao hơn 20-28% các giống lúa khác. Hiện tại VNR 20 đã tiếp tục được trồng khảo nghiệm tại nhiều địa phương trên cả nước và sẽ là tiềm năng tăng trưởng lớn cho năm 2020. Ngoài ra, giống lúa Đài Thơm 8 đã chính thức được công nhận từ tháng 5/2019. Đài thơm 8 là giống lúa thuần chất lượng cao do Tập đoàn nghiên cứu, chọn tạo, hiện đang là giống lúa gieo trồng chủ lực ở vựa lúa ĐBSCL cũng như Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Nhờ công tác R&D, Tập đoàn luôn đảm bảo được tỷ lệ cơ cấu sản phẩm bản quyền trên 70%, qua đó được hưởng chính sách miễn thuế TNDN đối với Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ.

Tháng 12/2019, Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và nông sản của Tập đoàn đã chính thức khánh thành, đưa vào sản xuất tại huyện Tháp Mười, Đồng Tháp. Trung tâm có quy mô 5,2 ha và tổng mức đầu tư 342 tỷ, hoàn thành chỉ sau 7 tháng thi công. Dự án hướng tới xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo bền vững từ khâu nghiên cứu, chọn tạo giống, tổ chức sản xuất - thu hoạch - chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Trung tâm có 2 nhà máy: nhà máy chế biến giống công suất 30.000 tấn/năm (tương đương +40% công suất hiện tại) và nhà máy chế biến gạo công suất 100.000 tấn/năm (đạt tiêu chuẩn FSSC22000). Dự án gồm hệ thống nhà xưởng 25.000m², hệ thống sấy 300 tấn/mẻ với dây chuyền công nghệ hiện đại, đồng bộ hoàn toàn tự động của Satake (Nhật Bản).

Triển vọng kinh doanh:

Tình hình thời tiết nửa đầu năm 2020 được dự báo là tương đối thuận lợi khi hiện tượng thời tiết El Nino nhiều khả năng sẽ không tiếp diễn. Lượng mưa kỳ vọng nhiều hơn trung bình nhiều năm, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Biên lợi nhuận của mảng kinh doanh này vẫn được đảm bảo ở mức tốt, với sự tiếp tục đóng góp của các giống mới chất lượng cao như VNR10, VNR 20, Đài Thơm 8, MN17-25. Các giống mới có ưu điểm vượt trội, cho năng suất cao hơn, chống chịu tốt hơn với các điều kiện thời tiết khắc nghiệt như hạn hán, xâm nhập mặn, sâu bệnh.

Hệ thống cơ sở vật chất hiện đại vừa được đầu tư tại Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp sẽ đóng góp một phần đáng kể vào tăng trưởng doanh thu trong ngắn và dài hạn. Trung tâm được kỳ vọng đóng góp vào doanh thu khoảng 300 tỷ năm 2020 và tăng dần đến 700 tỷ năm 2024, là nhân tố thúc đẩy mạnh mẽ mảng kinh doanh nông nghiệp của PAN trong thời gian tới. Cùng với đó, chuỗi giá trị lúa gạo bền vững từ khâu nghiên cứu giống đến tiêu thụ sản phẩm cuối cùng là gạo chất lượng cao sẽ mang lại tiềm năng cho PAN đi sâu hơn vào chuỗi giá trị, mang lại nhiều giá trị gia tăng hơn trong tương lai.



B. LĨNH VỰC THỰC PHẨM

Màng thủy sản

CÁ TRA VÀ NGHÊU XUẤT KHẨU

Cập nhật thị trường:

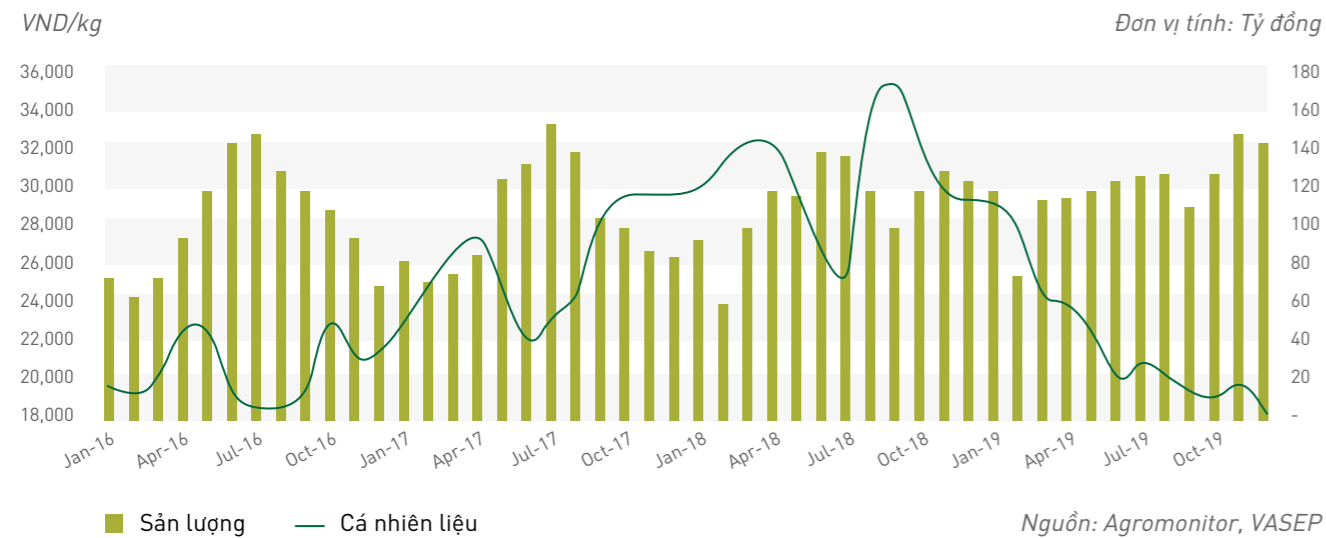
Theo số liệu từ VASEP và Agromonitor, năm 2019 xuất khẩu cá tra Việt Nam đạt 2 tỷ USD, giảm 11,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, trừ Trung Quốc, hầu như các thị trường quan trọng của cá tra đều giảm. Sự sụt giảm này chủ yếu do năm 2018 giá bán tăng mạnh, dẫn đến tồn kho nhiều với giá cao ở các nước nhập khẩu (đặc biệt là Hoa Kỳ và EU). Với thị trường Trung Quốc, nhu cầu tiêu thụ cá thịt trắng gia tăng, đặc biệt là vào cuối năm để chuẩn bị cho dịp lễ Tết, giúp cho Q4/2019 tăng trưởng 45,7% so cùng kỳ và cả năm tăng 28,8%.

Thị trường	% YoY	LK2019	% YoY
Trung Quốc	45,7%	623	28,8%
EU	-31,7%	235	-3,5%
Hoa Kỳ	-56,0%	288	-47,6%
Nhật Bản	-19,0%	31	-2,6%
Khác	-22,6%	828	-13,2%
Tổng cộng	-18,2%	2.005	-11,4%

Nhu cầu các thị trường lớn sụt giảm, trong khi sản lượng thu hoạch trong nước liên tục tăng, khiến giá cá tra nguyên liệu giảm liên tục từ tháng 09/2018, và nằm ở mức thấp dưới 20.000 VND/kg kéo dài trong 6 tháng cuối 2019.



Sản lượng và giá cá nguyên liệu giai đoạn 2016 - 2019



Kết quả kinh doanh:

Chỉ tiêu (Đơn vị: tỷ đồng)	2019	2018	%
Màng cá tra và nghêu xuất khẩu			
Doanh thu thuần	361	396	-8,8%
Lợi nhuận thuần	49	67	-27,1%
EBITDA	61	88	-30,5%
Biên lợi nhuận thuần	13,5%	16,8%	
Biên EBITDA	16,9%	22,2%	

Kết thúc năm 2019, doanh thu thuần mảng cá tra và nghêu của PAN đạt 361 tỷ đồng, giảm 8,8% YoY, chủ yếu do Tập đoàn tiếp tục cắt giảm mảng nghêu và đẩy mạnh xuất khẩu cá tra (chiếm 75,5% doanh thu). Mức độ suy giảm này thấp hơn so với sụt giảm chung của ngành, theo thống kê của VASEP. Lợi nhuận thuần giảm 27,1% so với cùng kỳ, đạt 48,6 tỷ đồng do mặt bằng giá xuất khẩu và giá nguyên liệu ở mức thấp trong thời gian dài, ngoài ra công ty trích lập dự phòng tồn kho cá nguyên liệu đang nuôi.

Trong bối cảnh thị trường chung đang gặp khó khăn về nhu cầu tiêu thụ, Tập đoàn tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển bền vững để hạn chế tác động từ ngành. Theo đó, Tập đoàn gia tăng chế biến sản phẩm giá trị gia tăng (GTGT), nhằm giữ ổn định biên lợi nhuận và xây dựng quan hệ lâu dài với khách hàng hiện tại cũng như khách hàng mới. Theo đó, doanh thu sản phẩm GTGT tăng trưởng tốt 9% so với cùng kỳ.

Tập đoàn xác định Nhật Bản vẫn là thị trường trọng tâm khi các khách hàng nhập khẩu chuẩn bị cho Olympic 2020. Nhờ vậy, doanh số xuất khẩu vào Nhật Bản tăng 6% cùng kỳ. Với thị trường EU, Tập đoàn chủ trương duy trì đơn hàng đối với các khách hàng lâu năm và chỉ tập trung vào các đơn hàng có giá tốt và điều kiện thanh toán phù hợp.

Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng đẩy mạnh phát triển hoạt động nuôi khép kín như đã đề ra trong Chiến lược Phát triển bền vững. Với việc ứng dụng thành công các thành quả R&D trong nhiều năm, Tập đoàn đạt sản lượng thu hoạch cá tra tăng 14% so với cùng kỳ.

Trải qua năm 2019 nhiều khó khăn của mảng tôm và cá tra Việt Nam, sang năm 2020, tình hình dự kiến có thể chưa cải thiện ngay trong ngắn hạn do bùng phát dịch Covid-19 ảnh hưởng đến kinh tế và tâm lý tiêu dùng. Tuy nhiên, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thủy sản trong năm sau sẽ có sự cải thiện, khi nguồn cung thịt heo và gia cầm đang bị ảnh hưởng bởi dịch tả lợn Châu Phi và dịch cúm gia cầm ở Trung Quốc. Tồn kho giá cao của năm 2018 đang dần được giải quyết trong năm 2019 và giai đoạn đầu 2020. Hiệp định EVFTA dự kiến được Nghị viện Châu Âu và Quốc hội Việt Nam thông qua nửa đầu năm, có hiệu lực từ năm 2020, sẽ hỗ trợ cơ hội tăng trưởng trở lại ở thị trường EU. Đây sẽ là cơ hội cho các sản phẩm thủy sản, đặc biệt là sản phẩm chế biến sâu.

Tập đoàn đạt sản lượng thu hoạch cá tra tăng so với cùng kỳ

14%



Triển vọng:

Trong bối cảnh thị trường chung dự kiến còn khó khăn, Tập đoàn chủ trương gia tăng nội lực và hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín. Thành công của lĩnh vực nuôi trong năm 2019 là tiền đề để Tập đoàn tiếp tục đẩy mạnh tự chủ nguồn nguyên liệu chất lượng, có truy xuất nguồn gốc và bền vững. Theo đó, Tập đoàn có kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất cho các vùng nuôi nhằm tăng mật độ, nâng cao chất lượng môi trường nuôi nhằm tiếp tục gia tăng sản lượng và giảm giá thành nguyên liệu.

Với khâu chế biến, Tập đoàn dự kiến Quý 1/2020 đưa vào sử dụng kho lạnh mới với công nghệ hiện đại giúp tăng hiệu suất kho và quản lý chất lượng hàng hóa một cách chính xác. Đồng thời, nâng cấp công suất hàng chế biến sâu để đáp ứng nhu cầu đang gia tăng.

Về hoạt động kinh doanh, Tập đoàn chủ động chào bán sản phẩm, mở rộng danh mục khách hàng. Hiện tại, Tập đoàn đã ký một số hợp đồng giao hàng dài hạn cho năm 2020, và đang tích cực đàm phán với một số khách hàng siêu thị để bán các sản phẩm chế biến sâu hoặc có chứng nhận ASC. Tập đoàn dự kiến cũng sẽ tham gia các Hội chợ thủy sản lớn của thế giới ở EU, Trung Quốc, Nhật Bản, ... để tìm kiếm khách hàng mới và giới thiệu sản phẩm thế mạnh của mình.

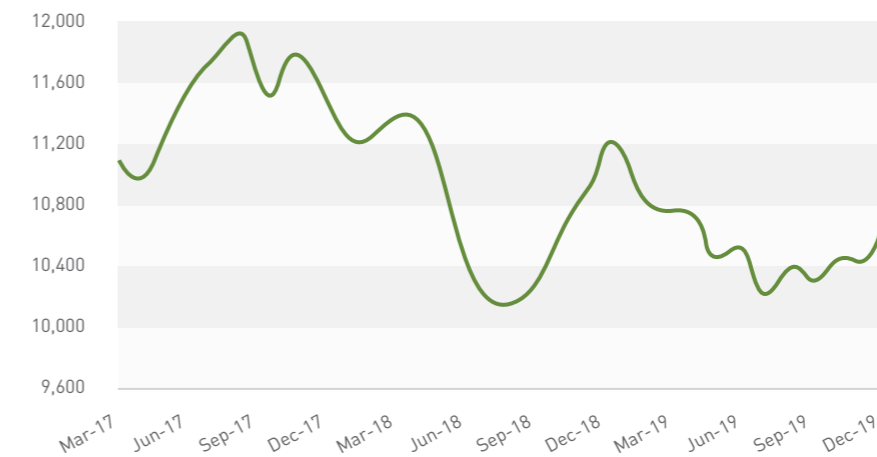
TÔM XUẤT KHẨU

Cập nhật thị trường:

Năm 2019, xuất khẩu tôm đạt 3,4 tỷ USD (-5,4% YoY). Các thị trường chính là EU, Nhật Bản giảm lần lượt 9,2% và 15,9% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, thị trường Hoa Kỳ đã phục hồi sau năm 2018 sụt giảm, với mức tăng nhẹ 2,5% đạt 654 triệu USD, trong đó đóng góp lớn nhất vào sự tăng trưởng này là sản phẩm tôm tẩm bột. Nhu cầu tiêu thụ tôm ở thị trường Trung Quốc tiếp tục tăng tốt với xuất khẩu tăng 17,1%, đặc biệt trong Q4/2019 để phục vụ dịp lễ Tết.

Đơn vị (triệu USD)	Q4/2019	18-19 +/- YoY	LK2019	18-19 +/- YoY
EU	176	-7,1%	690	-17,7%
Hoa Kỳ	177	7,0%	654	2,5%
Nhật Bản	174	-6,5%	619	-3,3%
Trung Quốc	140	29,1%	452	17,1%
Khác	262	-7,8%	948	-9,9%
Tổng cộng	929	-0,5%	3.363	-5,4%

Giá xuất khẩu tôm thẻ trung bình của Việt Nam T1/2017 -T12/2019



Giá tôm xuất khẩu trung bình của Việt Nam nhìn chung vẫn đang ở mức thấp, do cạnh tranh từ các nguồn cung tôm đông lạnh giá rẻ của Ấn Độ, Ecuador, ... trong khi tồn kho ở các nước nhập khẩu còn ở mức cao. Thời tiết các tháng cuối năm không thuận lợi, dịch tôm chậm lớn bùng phát khiến sản lượng tôm đạt chuẩn giảm mạnh, đẩy giá tôm nguyên liệu tăng trong các tháng cuối năm. Cuối T12/2019 và đầu T1/2020, giá tôm thẻ nguyên liệu có xu hướng giảm, chủ yếu do các nhà máy chế biến đã hoàn thành giao hàng trong Q4/2019 và chuẩn bị nghỉ Tết nguyên đán, khiến nhu cầu thu mua chậm lại trong ngắn hạn.





Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2019	2018	%
Màng tôm xuất khẩu			
Doanh thu thuần	3.710	3.806,6	-2,5%
Lợi nhuận thuần	230	180	27,7%
EBITDA	314	276	13,8%
Biên lợi nhuận thuần	6,2%	4,7%	
Biên EBITDA	8,5%	7,2%	

Kết thúc năm 2019, mặc dù doanh thu giảm nhẹ 2,5%, lợi nhuận thuần từ màng tôm vẫn tăng trưởng mạnh 27,7% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận thuần tăng 1,5% lên 6,2%. Trong bối cảnh thị trường EU tăng trưởng chậm lại, giá bán bình quân có xu hướng giảm, ban lãnh đạo đã kịp thời chuyển hướng sang thị trường Hoa Kỳ (+44% YoY) và Nhật Bản (+42% YoY), đồng thời đẩy mạnh công suất các sản phẩm chế biến sâu hơn (mà Ấn Độ, Ecuador, ... chưa có trình độ chế biến ngang bằng) để đáp ứng nhu cầu các thị trường này, giúp cải thiện biên lợi nhuận mảng chế biến. Ngoài ra, thay vì chạy đua ký đơn hàng mới trong bối cảnh giá tôm nguyên liệu trong nước có xu hướng nhích lên, công ty chủ động tập trung cho đơn hàng với các đối tác lâu năm, có giá và công nợ tốt.

2019 là một năm nuôi tôm thành công của Tập đoàn, với sản lượng thu hoạch tăng 71% so với cùng kỳ. Ban lãnh đạo kịp thời tranh thủ thời tiết thuận lợi để thả giống với mật độ lớn, đồng thời ứng dụng thành quả R&D, giúp tôm phát triển tốt và ít dịch bệnh, năng suất thu hoạch cao. Nhờ chi phí nuôi thấp hơn so với giá mua nguyên liệu bên ngoài, biên lợi nhuận mảng tôm được gia tăng và góp phần tăng trưởng lợi nhuận cao.

Triển vọng:

Với thành công của lĩnh vực nuôi tôm năm nay, Tập đoàn tự tin tiếp tục theo đuổi chiến lược hoàn thiện mô hình khép kín. Theo đó, Tập đoàn đầu tư vùng nuôi tôm mới diện tích 90 ha, bên cạnh vùng nuôi hiện tại, nhờ đó dự kiến sẽ tăng gấp đôi sản lượng tôm nguyên liệu tự nuôi trong thời gian tới. Vùng nuôi đang trong quá trình xây dựng hoàn thiện và dự kiến vận hành từ Q2/2020. Bên cạnh đó, Tập đoàn dự kiến đưa vào vận hành kho lạnh mới vào Q1/2020, nâng công suất kho lạnh hàng đóng gói lên gấp đôi. Điều này sẽ giúp tiết kiệm chi phí gửi kho ngoài, nâng cao chất lượng quản lý hàng trong kho, đồng thời tạo ấn tượng tốt với các khách hàng khó tính. Ngoài ra, Tập đoàn tiếp tục tham dự các Hội chợ thủy sản lớn để tìm kiếm đối tác và tìm hiểu các công nghệ mới.

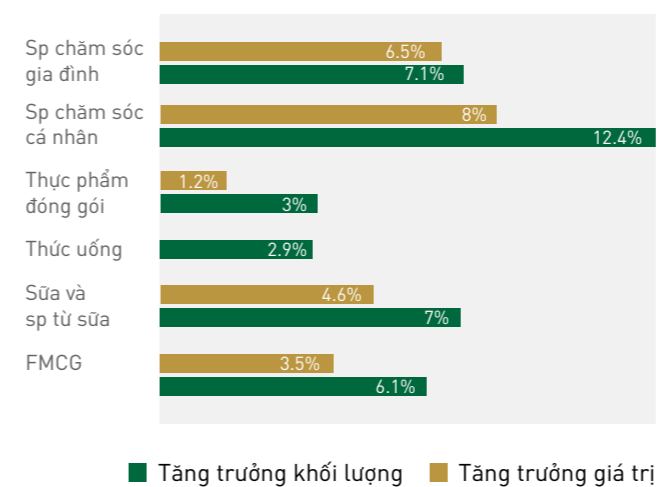
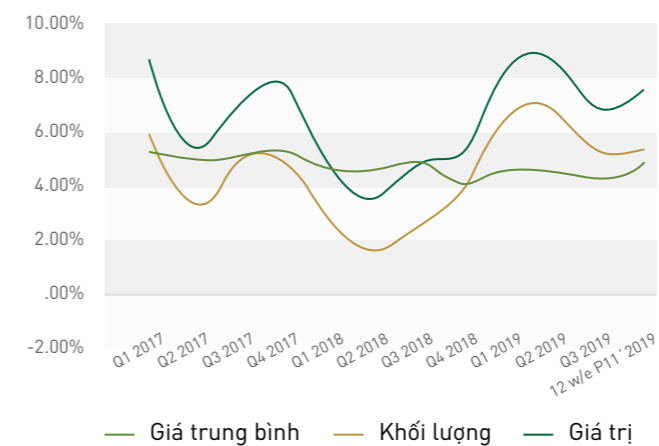
BÁNH KẸO

Cập nhật thị trường:

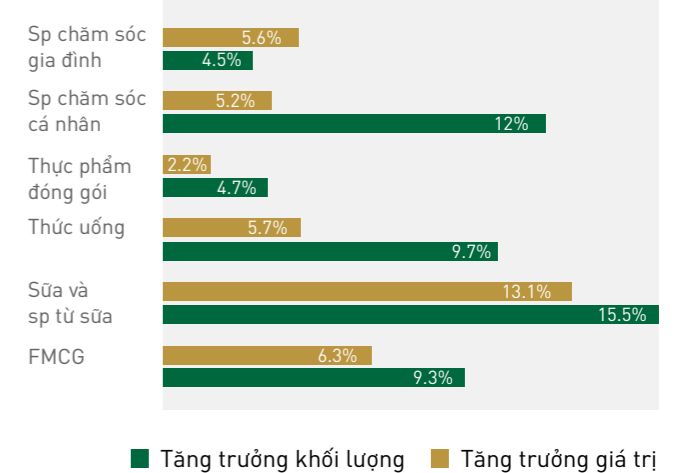
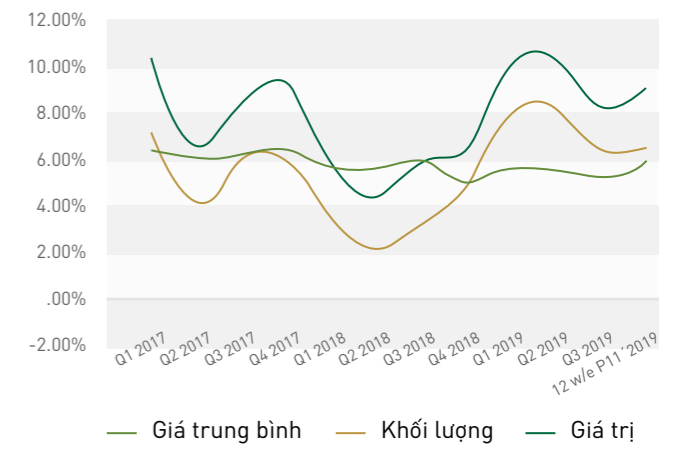
Theo Kantar trong năm 2019, ngành FMCG đã lấy lại đà tăng trưởng sau giai đoạn tăng trưởng chậm vào cuối năm 2017- giữa năm 2018, chủ yếu là nhờ gia tăng khối lượng tiêu dùng. Thành thị và nông thôn có giá trị tăng trưởng FMCG trong 11 tháng trung bình đạt 6,1% Y.o.Y và 9,3% Y.o.Y. Động lực tăng trưởng của ngành FMCG đến từ sự ổn định của nền kinh tế. Tăng trưởng GDP năm 2019 đạt 7,02% thuộc một trong những mức tăng trưởng cao hàng đầu thế giới, đây là năm thứ 2 liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Trong khi lạm phát bình quân được kiểm soát ở mức 2,79% thấp nhất trong vòng 3 năm qua.



% Tăng trưởng của ngành FMCG ở thành thị



% Tăng trưởng của ngành FMCG ở nông thôn



Nguồn: Kantar Wordpanel



Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chi tiêu	2019	2018	% tăng giảm
Doanh thu thuần	1.558,8	1.446,3	7,8%
Lợi nhuận thuần	80,6	88,7	-9,2%
EBITDA	172,7	191,7	-9,9%
Biên lợi nhuận thuần	5,2%	6,1%	
Biên EBITDA	11,1%	13,3%	

Mảng bánh kẹo có doanh thu năm 2019 đạt 1.558,8 tỷ đồng (+7,8% Y.o.Y). Đặc biệt trong năm 2019, doanh thu sản phẩm bánh bông lan, dòng sản phẩm chủ lực đóng góp gần 32% tổng doanh thu, tăng 31% so với cùng kỳ. Các sản phẩm mùa vụ như bánh trung thu và sản phẩm bánh kẹo Tết cũng ghi nhận doanh thu tăng trưởng ổn định trong bối cảnh thị trường cạnh tranh gay gắt. Doanh thu bánh trung thu và các sản phẩm Tết tăng lần lượt là 10% và 4% so với cùng kỳ.

Chi phí bán hàng năm 2019 cụ thể là các chi phí quảng cáo, trưng bày, chi phí hoa hồng, thưởng doanh số tăng và do năm 2018 công ty ghi nhận một khoản thu nhập khác là nguyên nhân chủ yếu làm giảm lợi nhuận sau thuế của mảng bánh kẹo. Cũng trong quý 4/2019, công ty đã phát

triển dòng sản phẩm mới Lurich, Ropyy, là dòng sản phẩm ít calo và ít béo, hướng đến nhu cầu tiêu thụ bữa phụ đầy đủ năng lượng nhưng không gây tăng cân, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng. Do vậy, công ty tập trung nguồn lực để xây dựng thị trường, giới thiệu sản phẩm đến với khách hàng.

Triển vọng:

Nâng cao năng lực sản xuất và chú trọng đến tính dinh dưỡng của sản phẩm. Trong năm 2020, với kế hoạch khai thác đến 60-70% trên tổng công suất 10.000 tấn/năm, Lurich và Ropyy kỳ vọng sẽ đóng góp khoảng 19% tổng doanh thu năm 2020.

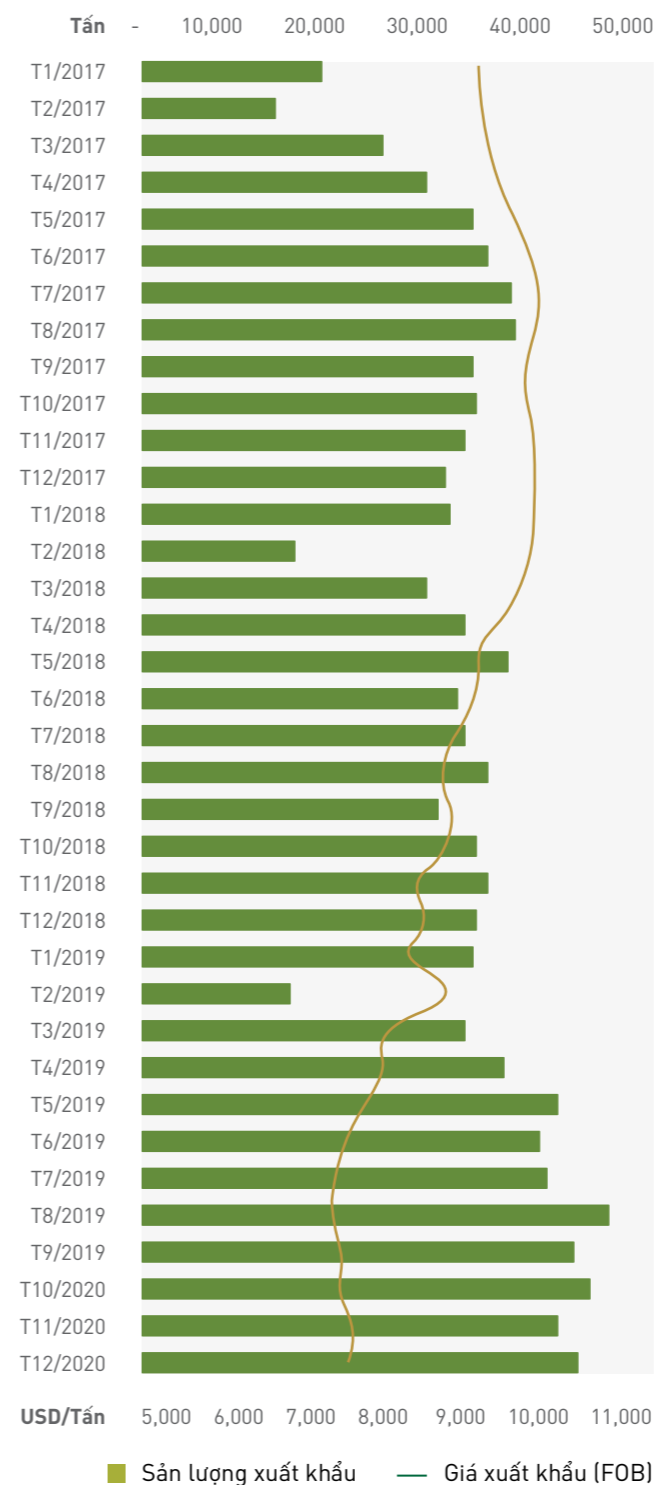
Sản phẩm bánh bông lan phân khúc cao bắt đầu được mở rộng sản xuất tại nhà máy PAN FM từ năm 2020, bên cạnh dòng sản phẩm bánh bông lan 2 lớp đã được OEM tại PAN FM từ trước, giải quyết được vấn đề quá tải tại các nhà máy Bibica.

Bên cạnh đó công ty cũng có kế hoạch mở rộng công suất các dây chuyền sản xuất bánh quy, kẹo dẻo, kẹo mềm giàu sữa, đồng thời nghiên cứu phát triển thêm dòng sản phẩm mới, tăng tính đa dạng hóa sản phẩm. Trong năm 2020, Tập đoàn tiếp tục hoàn thiện đầu tư máy móc thiết bị cần thiết để đồng bộ và nâng cao công suất của sản phẩm giá trị gia tăng, nghiên cứu phát triển thêm các sản phẩm liên quan đến các loại và đẩy mạnh phát triển mảng trái cây sấy. Đồng thời, mở rộng và tìm kiếm thêm khách hàng nhập khẩu tại các thị trường để đẩy mạnh doanh số.

HẠT VÀ HOA QUẢ SẤY

Cập nhật thị trường:

Giá XK điều bình quân và giá trị XK điều T1/2017- T12/2019



Thị trường điều trải qua một năm khá khó khăn khi xuất khẩu hạt điều vẫn duy trì ở mức giá thấp. Giá xuất khẩu điều bình quân trong năm 2019 đạt 7.219 USD/tấn, giảm 20% so với cùng kỳ năm 2018. Giá trị xuất khẩu hạt điều năm 2019 chỉ đạt 3,29 tỷ USD, giảm 2,2%. Tuy vậy, sản lượng xuất khẩu điều trong năm 2019 đạt 455 nghìn tấn, tăng đến 22,1% so với cùng kỳ. Nhu cầu tiêu thụ hạt điều trên thế giới vẫn duy trì tích cực khi sản lượng tiêu thụ tiếp tục tăng trưởng bền vững qua các năm. Trong top 5 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam, ngoại trừ Trung Quốc (+30,4%) và Đức (+21%) ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng về giá trị, các thị trường khác như Mỹ (-15,1%), Hà Lan (-16%) và Anh (-14%) đều có sự sụt giảm đáng kể do giá điều nhập khẩu sụt giảm rất mạnh.

Triển vọng:

Trong bối cảnh thị trường khó khăn, mảng kinh doanh điều của Tập đoàn ghi nhận kết quả kinh doanh rất tích cực, cả trong quý 4 và lũy kế năm 2019. Định hướng của Tập đoàn trong việc đẩy mạnh nhóm sản phẩm giá trị gia tăng đã cho thấy hiệu quả. Các loại hạt khác trong mảng giá trị gia tăng cũng có sự tăng trưởng mạnh. Doanh thu hàng giá trị gia tăng đóng góp 64% tổng doanh thu mảng hạt của Tập đoàn trong năm 2019 và tăng trưởng 18,4% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong quý 4/2019, Tập đoàn đã tham dự sự kiện Food Expo, ngoài việc tiếp cận và giới thiệu các sản phẩm đến các khách hàng nhập khẩu tiềm năng, sản phẩm trái cây sấy được giới thiệu nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm ngoài sản phẩm chính chủ đạo là hạt điều và đóng góp thêm doanh thu vào thời điểm nhu cầu hạt điều thấp điểm (quý 1 và quý 2 hàng năm).

Năm 2019, doanh thu của mảng kinh doanh hạt giảm 18,3% so với cùng kỳ năm 2018, và đạt 87% so với kế hoạch đề ra, chủ yếu do Tập đoàn định hướng kiểm soát và hạn chế hoạt động kinh doanh điều khi giá điều nhân liên tục suy giảm. Mảng kinh doanh điều nhân chỉ đóng góp 33% doanh số của mảng kinh doanh hạt, đồng thời giảm 50% so với cùng kỳ năm 2018. Lợi nhuận sau thuế của mảng kinh doanh hạt đạt 17,9 tỷ đồng, vượt 42,4% so với kế hoạch đề ra và hoàn toàn đảo ngược với kế hoạch kinh doanh tiêu cực của năm 2018 (-63,6 tỷ đồng).

Nguồn: Tổng Cục Hải Quan, Bộ Công Thương

Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu (Đv: tỷ đồng)	2019	2018	%	2019/ KH2019
Doanh thu thuần	469	573	-18,30%	87%
Lợi nhuận gộp	47,6	-36,6		
EBITDA	29,3	-56,5		
Lợi nhuận ròng	17,9	-63,6		142,40%
Biên lợi nhuận gộp	10,20%	-6,40%		
Biên EBITDA	6,30%	-9,90%		
Biên lợi nhuận ròng	3,82%	-11,10%		

Nguồn: Báo cáo tài chính

Triển vọng:

Trong năm 2020, Tập đoàn tiếp tục hoàn thiện đầu tư máy móc thiết bị cần thiết để đồng bộ và nâng cao công suất của sản phẩm giá trị gia tăng, nghiên cứu phát triển thêm các sản phẩm liên quan đến các loại và đẩy mạnh phát triển mảng trái cây sấy. Đồng thời, mở rộng và tìm kiếm thêm khách hàng nhập khẩu tại các thị trường để đẩy mạnh doanh số.

CÀ PHÊ

Tháng 11/2019, Tập đoàn chính thức tham gia vào ngành cà phê thông qua mua lại 80% cổ phần CTCP Cà phê Golden Beans, công ty mẹ sở hữu thương hiệu SHIN Cà phê, một thương hiệu nổi tiếng phát triển mảng kinh doanh cà phê đặc sản. Đây là mắt xích mới nhất của Tập Đoàn trong chuỗi giá trị liên kết từ nông trại đến bàn ăn.

Trong khi thị trường nội địa có quy mô cà phê rang xay hơn 7.700 tỷ đồng, tăng trưởng hàng năm được kỳ vọng duy trì hơn 5%. Không những vậy, cà phê là sản phẩm mang đặc tính quốc tế, quy mô thị trường cà phê toàn cầu hơn 160 tỷ USD (Euromonitor 2017), trong đó mảng cà phê rang xay đóng góp hơn 37 tỷ USD (Euromonitor 2017). Triển vọng của ngành cà phê ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu được kỳ vọng rất tích cực.

SHIN cà phê là một trong những thương hiệu cà phê đặc sản nổi tiếng tại thị trường Việt Nam và sở hữu chuỗi giá trị kinh doanh khác biệt. Trong đó, chuỗi giá trị kinh doanh được tập trung phát triển từ việc kiểm soát chặt chẽ từ khâu liên kết, quản lý vùng nguyên liệu đến sản xuất sản phẩm rang xay với chất lượng sản phẩm hoàn toàn khác biệt. Các sản phẩm Cà phê của Tập đoàn gắn liền với các khu vực trồng cà phê nổi tiếng tại Việt Nam trải dài từ Bắc vào Nam như Sơn La, Khe Sanh, A Lưới, Pleiku, Đà Lạt,... với hương vị nổi bật đặc trưng theo từng khu vực.

Việc tận dụng hệ thống phân phối hiện có tại thị trường nội địa và xuất khẩu, cũng như hệ thống phân phối từ các đối tác hiện có của Tập đoàn tại các thị trường dự kiến sẽ tạo ra lực đẩy lớn để gia tăng doanh số của mảng kinh doanh cà phê. Tháng 01/2020, Tập đoàn là Công ty nông nghiệp duy nhất được lựa chọn giới thiệu sản phẩm cà phê với thông điệp nâng tầm nông sản Việt Nam.

Trong năm 2020, Tập đoàn sẽ đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của mảng cà phê ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu.

C. LĨNH VỰC PHÂN PHỐI

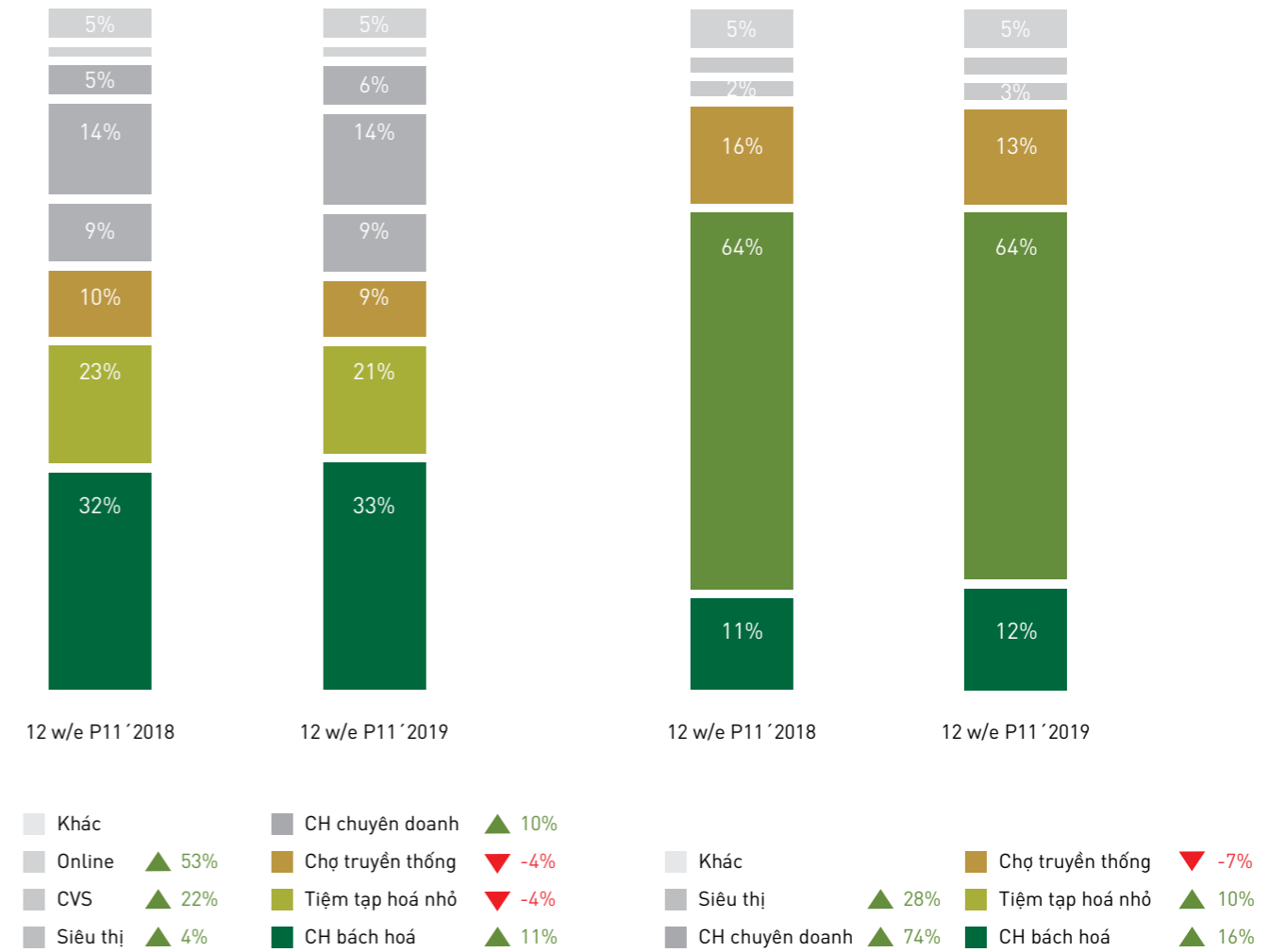
Cập nhật thị trường:

Kênh MT và bán hàng trực tuyến tăng trưởng mạnh mẽ. Trong vòng 12 tuần kết thúc vào tháng 11/2019, kênh bán hàng trực tuyến chỉ chiếm 3% thị phần ngành FMCG tại thành thị nhưng có tốc độ tăng trưởng đến 53% so với cùng kỳ cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của các nền tảng thương mại điện tử như: Tiki, Shopee, Lazada, Sendo... trong thời gian gần đây. Tại thành thị, xu hướng mua hàng của người tiêu dùng cũng có dấu hiệu chuyển dịch từ tiệm tạp hóa nhỏ, chợ truyền thống sang các cửa hàng chuyên doanh, siêu thị, cửa hàng tiện lợi. Tại khu vực nông thôn, kênh bán hàng truyền thống GT vẫn là kênh mua sắm chính, chiếm đến

89% thị phần, tuy nhiên cửa hàng chuyên doanh và siêu thị ghi nhận giá trị tăng trưởng gần gấp 4 và 2 lần so với các kênh truyền thống.

Sự phát triển của kênh mua sắm hiện đại và thương mại điện tử tạo ra nhiều cơ hội tiếp cận người tiêu dùng và nâng cao tính cấp thiết của công ty phân phối trong bối cảnh các kênh mua sắm ngày càng đa dạng và chuyển dịch nhanh.

Thị phần kênh bán hàng và % tăng trưởng giá trị tại thành thị và nông thôn trong 12 tuần kết thúc vào 11/2019 và cùng kỳ 2018



**Kết quả kinh doanh:**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu (Đơn vị: tỷ đồng)	Q4/2019	2019
Doanh thu thuần	602,9	895,9
Lợi nhuận thuần sau thuế	13,3	20,1
EBITDA	19,5	28,1
Biên lợi nhuận thuần	2,2%	2,2%
Biên EBITDA	3,2%	3,1%

Doanh thu 6 tháng hoạt động của mảng phân phối đạt 895,9 tỷ đồng, trong đó doanh thu quý 4 đạt 602,9 tỷ đồng tăng 1,03 lần so với quý 3. Kết thúc năm, công ty đã xây dựng được đội ngũ bán hàng với hơn 900 nhân viên, tỷ lệ doanh thu/nhân viên trong tháng 12 tương ứng hơn 270 triệu đồng/nhân viên/tháng. Số lượng nhà phân phối và điểm bán tăng lần lượt là 23% và 18% so với thời điểm mới đi vào hoạt động (tháng 7/2019).

Kết quả đạt được trong năm 2019 không chỉ đến từ việc phát triển đội ngũ bán hàng, điểm bán mà còn nhờ vào việc công ty chú trọng triển khai các phương án bán hàng hiệu quả. Cụ thể trong năm 2019, công ty đã phối hợp với công ty 584 Nha Trang xây dựng giá bán thống nhất toàn quốc và lên kế hoạch phân phối sản phẩm đến các khu vực mới hoặc bán hàng chưa hiệu quả. Các sản phẩm gạo sạch phân khúc giá cao cần có thời gian xây dựng thị trường, công ty đã thực hiện phương án vừa bán, vừa ký gửi tại cửa hàng, vừa khuyến mãi chéo (mua bán tặng gạo) để giới thiệu đến chủ cửa hàng và người tiêu dùng. Triển khai tách đội bán hàng theo nhóm sản phẩm bánh bông lan, dinh dưỡng, nông sản gia vị và nhóm bánh khô, kẹo để tạo sự chuyên sâu cho nhân viên bán hàng.

Triển vọng:

Đa dạng hóa sản phẩm và kênh phân phối, với tham vọng doanh thu đạt mốc 3.000 tỷ đồng năm 2020, bên cạnh kênh bán hàng chủ lực GT, công ty tiếp tục mở rộng lực lượng bán hàng cho các kênh MT, xuất khẩu, key account, kênh B2B và online. Bắt đầu từ Q4/2019, công ty đẩy mạnh phân phối nhiều nhóm sản phẩm trong Tập đoàn bên cạnh bánh kẹo như hạt điều, gạo và nước mắm. Ngành hàng nông sản là thế mạnh của Tập đoàn trong bối cảnh người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến chất lượng và khả năng truy xuất nguồn gốc của các nhu yếu phẩm. Bên cạnh đó, công ty đã xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên sâu, được tập huấn về sản phẩm và chính sách bán hàng, phối hợp chặt chẽ với các công ty sản xuất để xây dựng chiến lược bán hàng hiệu quả.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Giới thiệu Ban Điều hành

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

TT	Vị trí	Tên	Thời gian tại nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%) 2019
1	Tổng Giám đốc	Nguyễn Thị Trà My	05/2018 – tới nay	1,28%
2	Giám đốc Đầu tư và Phát triển Kinh doanh	Nguyễn Khánh Quỳnh	08/2018 - tới nay	0,05%
3	Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển	Nguyễn Trung Anh	03/2016 - tới nay	0,07%
4	Kế toán trưởng	Vũ Thị Lan Anh	01/2016 – tới nay	0,05%



Ông Nguyễn Khánh Quỳnh

Giám đốc Đầu tư và Phát triển kinh doanh

Ông Quỳnh gia nhập Tập đoàn PAN từ 8/2018 với vai trò là Giám đốc Đầu tư và Phát triển kinh doanh, sau khi đã có gần 10 năm làm việc cho Công ty quản lý quỹ đầu tư SSI (SSIAM), từ một chuyên viên phân tích đến Giám đốc quản lý danh mục đầu tư chuyên về lĩnh vực nông nghiệp của SSIAM. Ông Quỳnh có nhiều kinh nghiệm trong tìm kiếm cơ hội đầu tư mới cũng như tham gia hoạt động hậu đầu tư, nhận diện sớm các vấn đề rủi ro, đề xuất và tham gia triển khai kế hoạch tái cơ cấu hoạt động các công ty sau khi đã đầu tư.

Ông Quỳnh tốt nghiệp Đại Học Ngoại thương Hà Nội (2002), có bằng MBA của Đại Học Ritsumeikan Asia Pacific (Nhật Bản, 2006-2008) thông qua học bổng toàn phần của chính phủ Nhật Bản, và là CFA Charter Holder (CFA Institutes, Hoa Kỳ) từ năm 2011.



Bà Nguyễn Thị Trà My

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Trà My là đồng sáng lập, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn PAN, đồng thời sáng lập kiêm Tổng Giám đốc CTCP CSC Vietnam. Trước đó, bà có 18 năm kinh nghiệm ở cương vị Giám đốc Tài chính và Phó Tổng Giám đốc tại Biomin Vietnam – công ty thuộc Tập đoàn nông nghiệp của Áo hoạt động trên 100 quốc gia.

Bà Trà My có bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của trường Shidler College of Business, Đại học Hawaii (Hoa Kỳ), nơi bà nhận giải thưởng cựu viên danh tiếng (Hall of Honor Awards) và đã hoàn thành khóa học về lãnh đạo doanh nghiệp tại trường Đại học Havard Hoa Kỳ.



Ông Nguyễn Trung Anh

Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển

Ông Trung Anh gia nhập Tập đoàn PAN từ tháng 3/2016 và đảm nhiệm vị trí Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển. Ông Trung Anh tốt nghiệp Khoa Công nghệ thực phẩm – Đại học Bách khoa Hà Nội và hoàn thành khóa học Thạc sĩ và Tiến sĩ Khoa Hệ thống sinh học Đại học Công giáo Leuven (Bi). Sau khi tốt nghiệp, ông làm việc cho Trung tâm tư vấn về công nghệ sau thu hoạch vùng Flander (Bi). Từ 2007, ông về làm việc tại Việt Nam và giữ vị trí tư vấn cấp cao và sau đó là trưởng dự án cho công ty tư vấn Hà Lan Fresh Studio. Ông Trung Anh cũng có thời gian làm việc và giữ vị trí chuyên gia cao cấp về các thị trường bên vững cho Tổ chức Phát triển Hà Lan (SHV).



Bà Vũ Thị Lan Anh

Kế toán trưởng

Bà Lan Anh đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng của Tập đoàn từ tháng 1/2016, chịu trách nhiệm về thực hiện chế độ kế toán, công bố thông tin báo cáo tài chính của Tập đoàn để đảm bảo tính tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành. Trước khi gia nhập PAN, bà Lan Anh đã có 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán và tư vấn thuế tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và gần 4 năm làm việc cho các công ty thuộc CTCP Tài Nguyên Masan. Bà Lan Anh đã tốt nghiệp trường Đại học Hà Nội, chuyên ngành Quản trị tài chính và có một số chứng chỉ nghiệp vụ khác về kế toán.

Thay đổi trong Ban Điều Hành trong năm

Trong năm 2019 có thay đổi trong Ban Điều hành như sau:

Ông Nguyễn Khắc Hải thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc từ ngày 31 tháng 5 năm 2019

Cấu trúc nhân sự

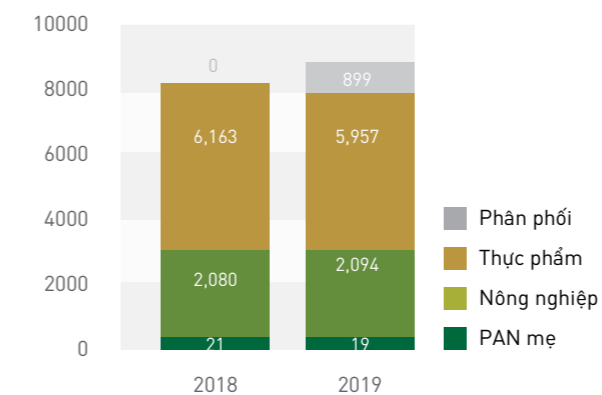
Năm 2019, nhằm từng bước hiện thực hóa chiến lược phát triển thành tập đoàn hàng đầu khu vực trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm thông qua chuỗi giá trị hoàn chỉnh **Farm – Food – Family**, **PAN tiếp tục tập trung nguồn lực vào phát triển ngành, thực hiện các thương vụ M&A mới theo đúng định hướng.**

Nguồn lao động tiếp tục được tái cấu trúc tại các công ty thành viên nhằm đáp ứng được sự thay đổi trong kế hoạch và mục tiêu kinh doanh của từng công ty thành viên và cả Tập đoàn. Các thay đổi thể hiện trên các số liệu chính như sau:

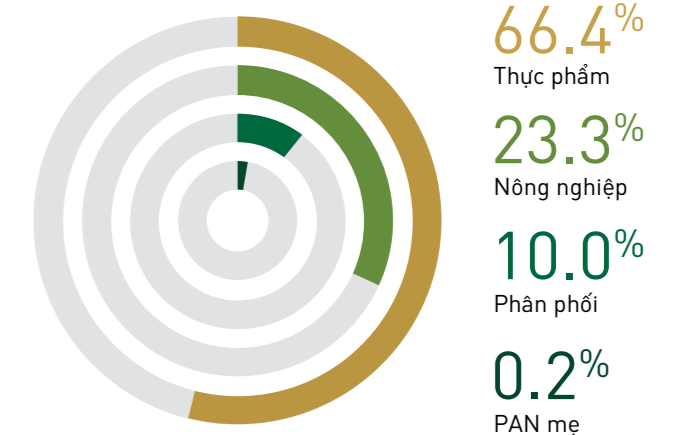
- Trong năm 2019, với sự gia nhập của CTCP Golden Beans (sở hữu thương hiệu SHIN Cà Phê) và sự hình thành của CTCP Phân phối hàng tiêu dùng PAN (PAN CG), tổng số nhân sự của Tập đoàn là 8.969 người tính đến 31/12/2019, tăng 700 tương đương 8% so với cùng kỳ 2018. Số lượng nhân sự ở mảng Thực phẩm và Nông nghiệp có điều chỉnh không đáng kể về số lượng so với cùng kỳ năm 2018.
- Người lao động chủ yếu tập trung tại các công ty thành viên với tỷ lệ 99,79%. Nhân sự của Công ty mẹ chỉ chiếm 0,21% với mô hình tinh gọn và hiệu quả, tất cả các bộ phận đều hỗ trợ theo ngành dọc về chuyên môn cho các công ty thành viên trong Tập đoàn.
- Tại Công ty mẹ gần như 100% nhân sự có trình độ cao từ đại học, sau đại học. Tại các Công ty con và Công ty liên kết, số lượng đội ngũ lao động phổ thông, công nhân tương đối lớn, phù hợp với đặc điểm lực lượng lao động ngành Nông Nghiệp, Thực phẩm và Phân phối. Tỷ lệ nhân sự có trình độ cao chủ yếu thuộc về đội ngũ cán bộ quản lý và khối văn phòng của các đơn vị. Việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý luôn là nhiệm vụ ưu tiên của Tập đoàn để đáp ứng mục tiêu và nhu cầu phát triển.
- Độ tuổi của lao động phổ biến thuộc 2 nhóm tuổi từ 25 đến 35 và từ 35 đến 45, chiếm tỉ lệ lần lượt là 40% và 37% tổng số lao động Tập đoàn.



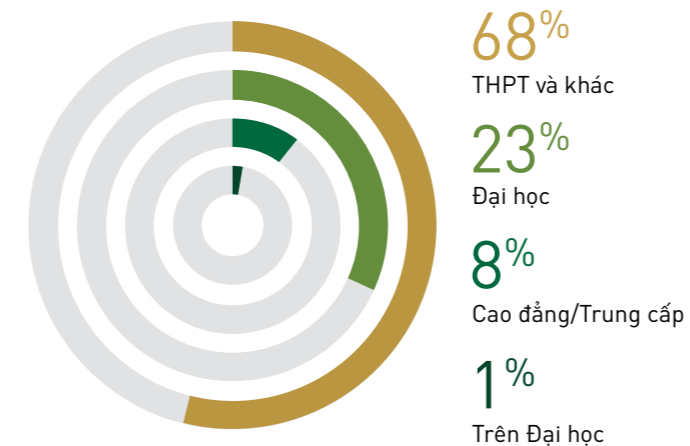
Thay đổi cơ cấu nhân sự 2018 - 2019



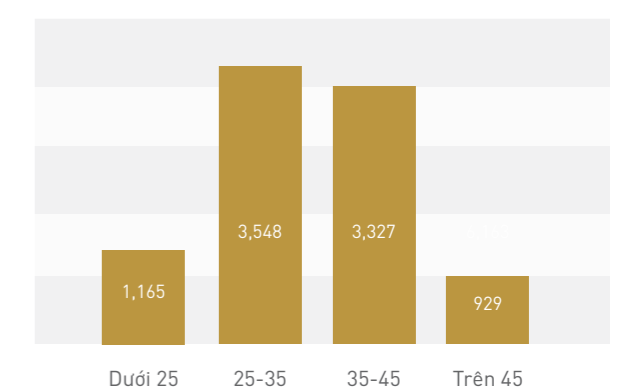
Cơ cấu nhân sự hợp nhất 2019



Cơ cấu trình độ 2019



Cơ cấu theo độ tuổi 2019 (người)





Đào tạo và Phát triển

Tập đoàn đặc biệt coi trọng công tác đào tạo để phát triển và khai thác những tiềm năng của nhân sự. Tại Tập đoàn PAN, đào tạo không chỉ là hình thức đầu tư cho nguồn vốn con người của tổ chức mà còn nhằm mục tiêu phát triển bản thân cho đội ngũ nhân sự.

Tim hiểu nhu cầu đào tạo, lựa chọn phương pháp và mô hình đào tạo phù hợp cũng như đánh giá hiệu quả đào tạo được thực hiện bài bản nhằm đo lường và đảm bảo chất lượng của các chương trình đào tạo trong Tập đoàn. Kế hoạch đào tạo được thiết lập hàng năm và báo cáo kết quả thực hiện sau mỗi năm để đánh giá tính hiệu quả cũng như mức độ cần thiết trong quá trình hoạt động.

Năm 2019, các chương trình đào tạo được triển khai trên diện rộng từ các khóa học chuyên môn nghiệp vụ, các nội dung đào tạo theo quy định của luật, các khóa tập huấn chính sách mới, thực hành sản xuất, chính sách chất lượng, các khóa đào tạo kỹ năng mềm... Công tác đào tạo định hướng và hội nhập được triển khai quy củ đến những nhân sự mới nhằm trang bị đầy đủ lộ trình hội nhập và tạo điều kiện tốt nhất cho nguồn lực mới. Tập đoàn tiếp tục triển khai chuỗi chương trình đào tạo dài hạn chất lượng cao về quản lý cho các cán bộ nòng cốt cấp cao của Tập đoàn và các Công ty thành viên. Tập đoàn cũng tổ chức khóa học chuyên đề độc lập về quản lý cho lãnh đạo cấp trung và ghi nhận hiệu ứng tích cực từ các học viên tham gia.

Thực tiễn hoạt động đào tạo tại (trích báo cáo PTBV)

Đào tạo hội nhập và phổ biến quy định, chính sách của công ty: Áp dụng để tuyên truyền chính sách và quy định của công ty, của nhà nước, giúp người lao động nắm được quyền lợi và trách nhiệm khi làm việc.

Đào tạo bắt buộc theo yêu cầu luật pháp: Đào tạo sử dụng, vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn (lò hơi, xe nâng...); Đào tạo, diễn tập PCCC; Đào tạo an toàn vệ sinh lao động; Tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm (với doanh nghiệp sản xuất thực phẩm);

Đào tạo kỹ thuật cho các đối tượng như nhân viên, nhà thầu, nông dân hợp tác sản xuất... Đây là những đối tượng trực tiếp tạo ra sản phẩm, cần được đào tạo và tái đào tạo thường xuyên để đảm bảo kỹ năng và kiến thức cho công việc.

Đào tạo nâng cao nhận thức người lao động và cộng đồng về môi trường, xã hội: Bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội, đóng góp cộng đồng; Đào tạo áp dụng các tiêu chuẩn môi trường, xã hội quốc tế như các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm BRC, ISO22000, FSSC, HACCP, các tiêu chuẩn môi trường – xã hội như Global GAP, ASC, BSCI, SEDEX, ...

Đối với chuỗi cung ứng – một thành phần trong quá trình sản xuất - hàng năm các công ty thành viên thực hiện đào tạo, tập huấn cho hàng vạn nông dân quy trình sản xuất, chuyển giao các tiến bộ khoa học để hình thành các làng nghề sản xuất giống, vùng nguyên liệu thủy sản. Các cán bộ kỹ thuật tại từng vùng là yếu tố quan trọng để sản phẩm đạt chất lượng cao, an toàn phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Khâu đào tạo người nông dân là một trong những yếu tố quan trọng để tiếp tục chiến lược phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng của công ty, đồng thời để người dân ở đây tiếp cận với kiến thức hiện đại và cuộc sống đầy đủ hơn.

Các chương trình đào tạo của Tập đoàn được triển khai bài bản đã góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả lao động, duy trì và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp, tránh tình trạng quản lý lỗi thời, đồng thời giúp giải quyết các vấn đề về tổ chức cũng như chuẩn bị đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn kế cận.

Định hướng hoạt động đào tạo của PAN trong giai đoạn tới là áp dụng các mô hình đào tạo tiên tiến, tiếp tục triển khai khóa học cho đội ngũ nòng cốt quản lý cấp cao và tập trung đào tạo nâng cao nghiệp vụ, phát triển năng lực quản lý và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cấp trung nhằm đáp ứng được các mục tiêu phát triển nguồn nhân lực bền vững, phục vụ tối ưu cho chiến lược kinh doanh đã đề ra.

Tuyển dụng và chiêu mộ nhân tài



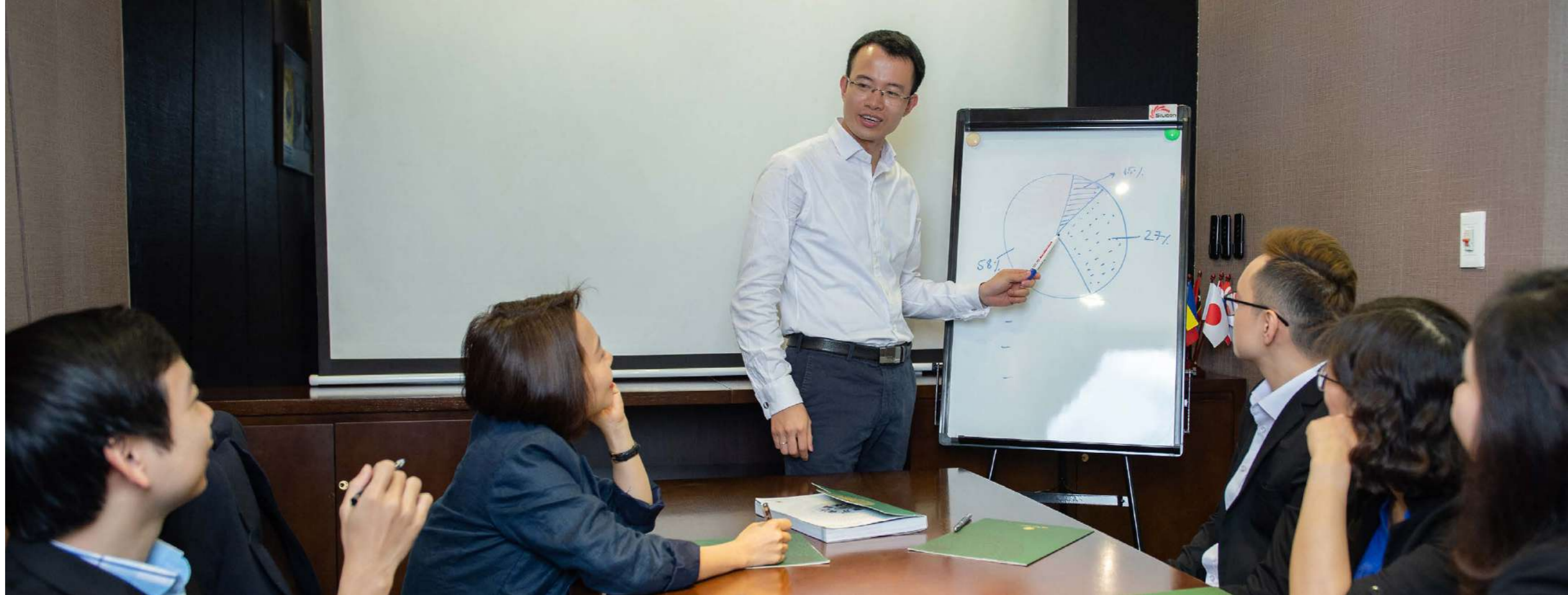
Một đội ngũ nhân sự vững mạnh có năng lực và phù hợp là yếu tố nền tảng của Tập đoàn. Trong đó, công tác tuyển dụng là hành động tiên quyết nhằm cung ứng nguồn nhân lực để phục vụ mục tiêu, yêu cầu chiến lược phát triển kinh doanh trong cả ngắn và dài hạn. Nhân sự được tuyển dụng không chỉ nhằm đáp ứng được yêu cầu công việc hiện tại mà còn là nhân tố phát triển trong tương lai.

Năm 2019, công tác tuyển dụng nhân sự tiếp tục được thực hiện có chiến lược và đầu tư hợp lý đã mang lại cho Tập đoàn nguồn nhân lực chất lượng, góp phần hỗ trợ chiến lược kinh doanh.



Chiêu mộ nhân tài, thu hút nguồn ứng viên chất lượng cao trên thị trường; tìm kiếm ứng viên giàu kinh nghiệm với trình độ chuyên môn cao từ các công ty lớn, uy tín; sinh viên mới tốt nghiệp loại khá, giỏi tại các trường đại học uy tín trong và ngoài nước; công nhân tay nghề cao là hoạt động trọng tâm trong thực tiễn tuyển dụng của Tập đoàn. Mỗi vị trí, chức danh công việc đều có tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng riêng, có mô tả công việc cụ thể và được thực hiện theo đúng quy trình tuyển dụng của công ty. Việc tuyển dụng được thông báo công khai trong toàn hệ thống, trên website của từng đơn vị, các nguồn cung ứng lao động bên ngoài, trên các trang tuyển dụng uy tín.

Áp dụng chiến lược tuyển dụng sáng tạo, linh hoạt; tiếp tục cải tiến hệ thống, quy trình tuyển dụng; xây dựng khung năng lực, thực hành phương pháp phỏng vấn linh hoạt, tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc minh bạch và khách quan, lựa chọn ứng viên phù hợp với nhu cầu thực tế, văn hóa doanh nghiệp, và chính sách nhân lực là những yếu tố then chốt quyết định hiệu quả của công tác tuyển dụng tại Tập đoàn và các công ty thành viên, góp phần nâng cao thương hiệu nhà tuyển dụng.



Chính sách lương thưởng

Chính sách lương thưởng, chiến lược tiền lương hợp lý là đòn bẩy phát triển nguồn nhân lực của tổ chức, thúc đẩy người lao động làm việc nhiệt huyết, cống cụ hiệu quả để ổn định nhân sự, thu hút và giữ chân nhân tài.

Hệ thống lương thưởng của Tập đoàn được thực hiện theo tiêu chí Công bằng – Hợp lý – Cạnh tranh và được cấu trúc có tính chiến lược nhằm đảm bảo động lực thực hiện công việc của người lao động.

Công tác tiền lương tại Tập đoàn được thực hiện nghiêm ngặt theo quy định của Pháp luật lao động, tuyệt đối tuân thủ quy chế tiền lương đã đăng ký với Cơ quan hữu quan và các cam kết với người lao động. Người lao động được hưởng các chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Thu nhập được trả căn cứ trình độ, năng lực, trách nhiệm, năng suất lao động và chất lượng công việc.

Chính sách khen thưởng đa dạng: thưởng các cá nhân cống hiến, nhân viên triển vọng, nhân viên tiêu biểu, tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thưởng đột xuất cho những cá nhân có thành tích vượt bậc, tháng lương 13, thưởng thực hiện công việc theo đánh giá năm... nhằm ghi nhận những nỗ lực, đóng góp của các cá nhân, tập thể. Mọi thành tích, dù là nhỏ nhất đều được ghi nhận và thưởng xứng đáng.

Chính sách thưởng thực hiện công việc được thực hành trên cơ sở bộ công cụ đánh giá thực hiện công việc. Kết quả đánh giá cũng được sử dụng làm cơ sở tính mức thưởng cho nhân viên, đảm bảo tất cả nhân viên đều được trả thưởng theo năng lực, cống hiến và hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân.

Một số nội dung của bộ công cụ đánh giá thực hiện công việc như sau:

- Thực hiện thiết lập mục tiêu công việc định kỳ để nhân viên nắm rõ được mục tiêu nhiệm vụ; chủ động trong đăng ký mục tiêu, đồng thời phát triển kỹ năng lập kế hoạch để hoàn thành mục tiêu cá nhân góp phần vào mục tiêu chung của Tập đoàn.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị thành tích, đánh giá chính xác hiệu quả thực hiện mục tiêu của từng cá nhân. Kết quả đánh giá này là công cụ hữu hiệu giúp cho cá nhân và cấp quản lý xác định được sự phù hợp của mục tiêu và là cơ sở để điều chỉnh lập kế hoạch cho kỳ tiếp theo.

Chính sách thưởng đã giúp động viên khích lệ nhân viên nỗ lực cống hiến và phấn đấu hết mình để xây dựng Tập đoàn PAN ngày càng phát triển lớn mạnh và bền vững.

Chính sách đãi ngộ, phúc lợi

Chính sách đãi ngộ là một yếu tố then chốt trong chiến lược nguồn nhân lực của Tập đoàn PAN, là một mắt xích trong chiến lược lượng hóa giá trị toàn diện mà Tập đoàn mang lại cho người lao động, bên cạnh các giá trị thương hiệu, cơ hội phát triển bản thân, cơ hội nghề nghiệp, giá trị kiến thức tích lũy và hệ thống lương thưởng cạnh tranh.

Chính sách tốt là cơ sở để định vị doanh nghiệp trên thị trường, Tập đoàn luôn gắn tăng trưởng doanh thu đi đôi với tạo điều kiện cho mọi thành viên trong công ty được thụ hưởng chế độ làm việc tối ưu để cộng hưởng các yếu tố hữu hình và vô hình nhằm thúc đẩy nguồn nhân lực tự thân vận động theo chiều hướng tích cực.

Các chính sách đãi ngộ của Tập đoàn được người lao động đánh giá cao, thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp đến đời sống vật chất, tinh thần của nhân viên, củng cố lòng trung thành, gắn kết và gia tăng mức độ hài lòng của đội ngũ nhân viên.

Người lao động được đảm bảo thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Luật lao động Việt Nam. Tập đoàn xây dựng và áp dụng đa dạng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi để động viên nhân viên, ghi nhận những nỗ lực, đóng góp của các cá nhân, tập thể. Chính sách đãi ngộ lao động luôn được liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó lâu dài và cống hiến. Người lao động được tham gia khám sức khỏe toàn diện định kỳ. Nhân sự chính thức tùy theo cấp bậc được mua bảo hiểm y tế bổ sung của các công ty bảo hiểm hàng đầu thế giới. Chương trình bảo hiểm kết hợp con người cũng được mua cho các đối tượng lao động phù hợp. Nhân viên được tặng quà ngày lễ và các dịp đặc biệt, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, trợ cấp cho những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn, ...

Các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, hoạt động tất niên, nghỉ mát... được tổ chức đều đặn. Tập đoàn cũng tổ chức các buổi giao lưu đặc biệt để đại diện các công ty thành viên có dịp giao lưu, học hỏi lẫn nhau.

Ngoài ra, việc đầu tư không gian làm việc tiện ích, trang thiết bị đầy đủ ... không chỉ giúp công việc thuận lợi, hiệu quả, môi trường làm việc chuyên nghiệp, tiện ích mà còn tạo cảm giác hào hứng cho nhân viên khi làm việc.



Văn hoá doanh nghiệp

Văn hóa doanh nghiệp là linh hồn và ngôn ngữ của Tổ chức. Một nền văn hóa vững mạnh là sợi dây gắn kết nguồn nhân lực, giúp thúc đẩy phát triển lợi thế cạnh tranh, tăng cường sự ổn định bền vững của tổ chức; nhằm thực hiện giấc mơ chung – trở thành Tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm với khát vọng “Sinh ra để nuôi dưỡng thế giới”.

Trong năm 2019, Tập đoàn PAN tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp chung thông qua các hoạt động tập thể, sự kiện văn hóa quy mô Tập đoàn, các hoạt động phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội, thực hành các giá trị cốt lõi của Tập đoàn.

Hệ thống giá trị cốt lõi định hình nên con người PAN và là niềm tự hào của mỗi thành viên. Đó cũng chính là nền tảng vững chắc để Tập đoàn tiếp tục hoàn thiện và phát triển bền vững trong tương lai. 5 giá trị cốt lõi của người lao động Tập đoàn là:



CHÍNH TRỰC



ĐOÀN KẾT



SÁNG TẠO



TẬN TÂM



HIỆU QUẢ

Chính trực là tố chất quan trọng nhất và cũng là điều kiện tiên quyết để chúng tôi cùng nhau xây dựng Tập đoàn trở thành công ty đầu tư tài chính hoạt động uy tín trên thị trường. Chúng tôi cam kết tuân thủ tuyệt đối các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của công ty cũng như các quy định của pháp luật.

Chúng tôi cùng nhau làm việc, sẽ chia sẻ các nền tảng kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng khác nhau để tạo ra giá trị cao nhất. Với **tinh thần đồng đội, đoàn kết** chúng tôi hỗ trợ cho nhau, cùng nhau tạo ra những giá trị gia tăng từ sự cộng hưởng giá trị cho công ty và các cổ đông của công ty.

Chúng tôi chủ động nắm bắt trước tình hình kinh tế thị trường và nhu cầu của khách hàng, không ngừng **hoàn thiện và sáng tạo**, tìm tòi những chuỗi giá trị nông nghiệp còn rời rạc để hoàn thiện. Sự hài lòng của các cổ đông là sứ mệnh của Tập đoàn PAN, giúp cho Tập đoàn phát triển trường tồn.

Mỗi thành viên của Tập đoàn PAN tin tưởng rằng, mọi giá trị phải được tạo dựng theo thời gian và là kết quả của quá trình làm việc hết mình. Chúng tôi quyết tâm thực hiện sứ mệnh của mình với tinh thần làm việc chăm chỉ, **tận tâm** và khoa học. Chúng tôi muốn chia sẻ các giá trị được tạo dựng và tích lũy với từng thành viên mới của công ty, với cộng đồng, với các cổ đông, góp phần xây dựng PAN trở thành doanh nghiệp nông nghiệp và thực phẩm hàng đầu tại thị trường Việt Nam và vươn lên trở thành nhà cung cấp lớn trên thế giới về các sản phẩm thực phẩm an toàn, ổn định

Cùng với sự tăng trưởng của Tập đoàn, những giá trị nền tảng cốt lõi là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của công ty, trong đó **hiệu quả bền vững** đem đến cho PAN nét đặc trưng và thực sự trở thành sự lựa chọn tin cậy cho các nhà đầu tư.

Cũng trong năm 2019, Bộ quy tắc ứng xử gồm hàng loạt chính sách về con người, môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp, quy tắc ứng xử nội bộ, cam kết với các bên liên quan, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, ... tiếp tục được tuân thủ nghiêm ngặt, hoàn thiện chuẩn mực hành vi trong đội ngũ, góp phần củng cố văn hóa doanh nghiệp. Tập đoàn PAN kỳ vọng nhân viên, cán bộ các cấp đều thấu hiểu và thực hiện quy tắc ứng xử này một cách tự nguyện nhất, vì lợi ích của công ty, nhân viên và cả cộng đồng xã hội.



Đối với cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác, nhân viên của Tập đoàn luôn tôn trọng, hòa nhã, lịch sự với các bên có quan hệ kinh tế với công ty, luôn minh bạch và công bằng, không chấp nhận hành vi hối lộ, thiên vị vì lý do cá nhân hay lợi ích nhóm, thực hiện các hoạt động cạnh tranh công bằng và lành mạnh, đem lại lợi ích cao nhất và công bằng cho các cổ đông và nhà đầu tư.

Đối với đồng nghiệp, nhân viên của Tập đoàn đối xử bình đẳng, phù hợp tại nơi làm việc, tôn trọng sự tự do cá nhân và sự khác biệt về sắc tộc, văn hóa, tôn giáo của các vùng miền, không có hành vi quấy rối, trù dập, phân biệt đối xử, miệt thị người khác dưới mọi hình thức và vì bất kỳ lý do nào, nghiêm túc và chân thành trong quan hệ công việc, hướng tới sự minh bạch, bình đẳng và công bằng, bảo vệ lẽ phải và các hành vi đúng đắn phù hợp văn hóa Việt Nam, tuân thủ nội quy lao động đã được công ty ban hành, phê duyệt.

Đối với công việc, nhân viên Tập đoàn tuân thủ các yêu cầu luật pháp nơi sở tại và các yêu cầu bắt buộc khác từ các bên liên quan đồng thời phản đối và ngăn chặn mọi hành vi vi phạm các yêu cầu này, bảo vệ tài sản hữu hình và vô hình của công ty bao gồm cả các tài sản trí tuệ, thông tin có yếu cầu bí mật, tôn trọng quyền sở hữu và riêng tư của các bên khác. Nhân viên không sử dụng thông tin, tiết lộ bí mật liên quan đến giao dịch nội gián cũng như không có các hành vi trực tiếp lợi cho bản thân hay bất cứ bên nào trong công việc gây ảnh hưởng đến công ty.

Đối với cộng đồng và trách nhiệm xã hội, nhân viên của Tập đoàn PAN nhận thức và có hành vi phù hợp đối với chiến lược phát triển bền vững của công ty, bao gồm khía cạnh phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, an toàn và an sinh xã hội từ đó thể hiện ý thức trách nhiệm xã hội với tinh thần tự nguyện, chân thành.

Thấu hiểu tài sản quý giá nhất của một tổ chức là con người. Tập đoàn trân trọng sự đóng góp của tất cả mọi người vào thành công chung, bất kể người đó là ai, ở vị trí nào. Chính vì thế, Tập đoàn xây dựng một môi trường làm việc năng động và công bằng, chuyên nghiệp và thân thiện, là nơi mà mỗi một nhân viên đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện, phát triển sự nghiệp để hướng đến sự thành công trong nghề nghiệp của bản thân đồng thời hoàn thiện về nhân cách. Chúng tôi mang đến một hệ thống các giải pháp đa dạng và phù hợp để giúp tất cả mọi người trưởng thành và xây dựng sự nghiệp tại Tập đoàn PAN đồng thời có cơ hội đóng góp những hành động có ích cho xã hội và môi trường chung. Tất cả các giải pháp này được phát triển và liên kết chặt chẽ dựa trên nền tảng tầm nhìn tổ chức và đặc trưng văn hóa của Tập đoàn.

Năm 2019, Tập đoàn khởi động dự án đo lường chỉ số văn hóa doanh nghiệp và tư vấn văn hóa doanh nghiệp. Dự án được phối hợp thực hiện bởi đơn vị hàng đầu toàn cầu về thông tin, đo lường và đơn vị tư vấn uy tín trong nước. Dự án nhằm tích hợp những giá trị văn hoá riêng của mỗi thành viên để cùng xây dựng văn hoá doanh nghiệp chung cho cả Tập đoàn – cùng xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, phát huy sức mạnh và năng lực của cá nhân và tập thể, để cùng đắp xây những giá trị cho cộng đồng.

NĂM 2019, TẬP ĐOÀN KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN ĐO LƯỜNG CHỈ SỐ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VÀ TƯ VẤN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn trong năm 2019

1. CHỦ TRƯỞNG CHUNG VỀ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ Ở CÔNG TY MẸ

PAN hoạt động theo mô hình tập đoàn trong đó Công ty mẹ đóng vai trò quản lý, tối ưu hóa nguồn lực và hỗ trợ, kết nối việc hợp tác sản xuất, kinh doanh giữa các công ty thành viên. Hoạt động đầu tư ở Công ty mẹ chủ yếu bao gồm hoạt động M&A (đầu tư thêm các thành viên mới, gia tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty thành viên hiện hữu) và đầu tư phát triển các dự án mới để hoàn thiện chuỗi giá trị cả Tập đoàn.



2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ M&A VÀ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ LỚN Ở TẬP ĐOÀN VÀ CÔNG TY THÀNH VIÊN TRONG NĂM 2019

2.1. Đầu tư M&A tại Tập đoàn PAN

Đầu tư vào CTCP Cà phê Golden Beans (sở hữu SHIN Cà Phê)

Lý do thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thị trường nội địa của cà phê rang xay có quy mô hơn 7.700 tỷ đồng, tăng trưởng hàng năm được kỳ vọng duy trì hơn 5%. Hơn nữa, cà phê là sản phẩm mang đặc tính quốc tế, quy mô thị trường cà phê toàn cầu hơn 160 tỷ USD (Euromonitor 2017), trong đó mảng cà phê rang xay đóng góp hơn 37 tỷ USD (Euromonitor 2017). Triển vọng của ngành cà phê ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu được kỳ vọng rất tích cực. - SHIN Cà Phê là một trong những thương hiệu cà phê đặc sản nổi tiếng tại thị trường Việt Nam và sở hữu chuỗi giá trị kinh doanh khác biệt. Trong đó, chuỗi giá trị kinh doanh được tập trung phát triển từ việc kiểm soát chặt chẽ từ khâu liên kết, quản lý vùng nguyên liệu đến sản xuất sản phẩm rang xay với chất lượng sản phẩm hoàn toàn khác biệt. Các sản phẩm Cà phê của Tập đoàn gắn liền với các khu vực trồng cà phê nổi tiếng tại Việt Nam trải dài từ Bắc vào Nam như Sơn La, Khe Sanh, A Lưới, Pleiku, Đà Lạt,... với hương vị nổi bật đặc trưng theo từng khu vực. - Việc tận dụng hệ thống phân phối hiện có tại thị trường nội địa và xuất khẩu, cũng như hệ thống phân phối từ các đối tác hiện có của Tập đoàn tại các thị trường dự kiến sẽ tạo ra lực đẩy lớn để gia tăng doanh số của mảng kinh doanh cà phê. Tháng 01/2020, PAN là tập đoàn nông nghiệp duy nhất được lựa chọn giới thiệu sản phẩm cà phê tại các hội nghị cấp cao trong khuôn khổ ASEAN 2020 với thông điệp nâng tầm nông sản Việt Nam.
Cách thức và tiến độ thực hiện	Tháng 11/2019, PAN công bố thông tin phê duyệt phương án đầu tư vào CTCP Cà phê Golden Beans, thông qua mua lại phần góp vốn của cổ đông hiện hữu và cổ phần mới phát hành riêng lẻ.
Kết quả đầu tư	Tháng 11/2019, Tập đoàn chính thức mua lại 80% cổ phần CTCP Cà phê Golden Beans, công ty mẹ sở hữu thương hiệu SHIN Cà Phê thông qua mua lại phần góp vốn của cổ đông hiện hữu và cổ phần mới phát hành riêng lẻ.

2.2 Đầu tư dự án tại Vinaseed

Đầu tư mới Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và nông sản hiện đại

Lý do thực hiện	<p>- Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong những năm qua, ngành hàng lúa gạo vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có sự chuyển đổi mạnh mẽ và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế đang ảnh hưởng tới hiệu quả, tính bền vững và khả năng cạnh tranh của ngành hàng quan trọng này, đặc biệt là chất lượng, phẩm cấp hạt giống và chất lượng gạo hàng hóa. Để khắc phục khó khăn, hạn chế trên, ngoài sự nỗ lực của các địa phương và bà con nông dân, đòi hỏi phải có sự vào cuộc nhiều hơn nữa của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp giàu tiềm lực, có bề dày kinh nghiệm trong sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực này.</p> <p>- Việc Vinaseed đầu tư Dự án Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản tại tỉnh Đồng Tháp - tỉnh trọng điểm sản xuất lúa gạo cả nước, sẽ góp phần hoàn thiện chuỗi giá trị lúa gạo ứng dụng công nghệ 4.0 từ giống đến tổ chức sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; làm cơ sở hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất chuyên canh quy mô lớn gắn với chế biến, bảo quản giống và sản xuất, kinh doanh lúa gạo có thương hiệu phục vụ nội tiêu và xuất khẩu cho vùng sản xuất lúa gạo lớn nhất cả nước; góp phần thực hiện Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL.</p>
Cách thức và tiến độ thực hiện	<p>- Tháng 4/2019, Vinaseed đã chính thức khởi công Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản tại cụm công nghiệp Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Đây là dự án trọng điểm của Vinaseed đã được UBND tỉnh Đồng Tháp phê duyệt chủ trương đầu tư tại quyết định số 1068/QĐ-UBND-HC và Sở KHĐT tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 7407342160.</p> <p>- Ngày 14-12, tại huyện Tháp Mười (tỉnh Đồng Tháp) Vinaseed tổ chức lễ khánh thành và đưa vào hoạt động Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản.</p>
Kết quả đầu tư	<p>- Sau hơn 8 tháng triển khai xây dựng, Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và nông sản đã hoàn thành và được đưa vào vận hành với công suất 100 nghìn tấn gạo/năm và 50 nghìn tấn giống/năm. Trung tâm được kỳ vọng đóng góp vào doanh thu khoảng 300 tỷ năm 2020 và tăng dần đến 700 tỷ năm 2024, là nhân tố thúc đẩy mạnh mẽ kinh doanh nông nghiệp của PAN trong thời gian tới.</p>

2.3 Đầu tư dự án tại PAN Food

Tăng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Thực phẩm Sao Ta

Lý do thực hiện	<p>CTCP Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN) tiếp tục là công ty hàng đầu của ngành tôm Việt Nam với tiềm năng phát triển rất lớn trong nhiều năm tới, và đã có chiến lược và kế hoạch phát triển dài hạn để khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế sẵn có. Tập đoàn PAN đánh giá tích cực về triển vọng của Fimex VN và muốn tăng cường hợp tác sâu rộng hơn nữa với công ty.</p> <p>Tập đoàn PAN và Fimex VN đã và đang tiếp tục hợp tác rất hiệu quả trong các lĩnh vực và cùng nhận thấy rất nhiều giá trị cộng hưởng giữa Fimex VN và các công ty thành viên khác cùng Tập đoàn.</p>
Cách thức và tiến độ thực hiện	<p>Trong năm 2019, PAN Food đã thực hiện mua để gia tăng tỷ lệ sở hữu tại Fimex VN (HOSE: FMC), cụ thể như sau:</p> <p>- Ngày 1 tháng 10 năm 2019: PAN Food đã thực hiện mua thêm 5.129.146 cổ phiếu FMC thông qua việc nhận chuyển nhượng 17.556.730 quyền mua cổ phiếu FMC từ PAN và 8.089.000 quyền mua cổ phiếu FMC từ Aquatex Bentre, với tỷ lệ thực hiện 100:20 qua đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu của Fimex VN.</p> <p>- Ngày 22 tháng 10 năm 2019: PAN Food đã thực hiện mua thêm 833.510 cổ phiếu FMC thông qua qua đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu của Fimex VN.</p>
Kết quả đầu tư	<p>Tại ngày 31/12/2019, PAN Food chính thức sở hữu 12,16% vốn điều lệ của Fimex VN, tương ứng với 5.962.660 cổ phần.</p>

Đầu tư nhà máy mới tại Bibica

Lý do thực hiện	<p>Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển cùng với sự đồng hành PAN, Bibica đã quyết tâm theo đuổi mục tiêu gìn giữ và xây dựng thành công thương hiệu bánh kẹo chất lượng cao của Việt Nam. Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, thời gian qua Bibica liên tục ghi dấu trong lòng người tiêu dùng là hàng Việt Nam chất lượng cao với các sản phẩm tiêu biểu như: Hura, Goody, aHHa... đồng thời liên tiếp đạt danh hiệu "Doanh nghiệp tiêu biểu TP.HCM" trong nhiều năm liền.</p> <p>Nhà máy mới của Bibica giúp công ty đa dạng hóa nguồn cung bánh kẹo, giữ vững thị phần nội địa và cạnh tranh với các sản phẩm ngoại nhập; ngoài ra còn cung cấp sản phẩm chất lượng cao cho thị trường trong nước và xuất khẩu.</p>
Cách thức và tiến độ thực hiện	<p>Nhà máy được triển khai theo hai giai đoạn. Trong đó, giai đoạn 1 đã hoàn tất với tổng diện tích xây dựng là 34.183 m2, khởi công xây dựng từ ngày 28/12/2018; lắp đặt thiết bị và chuyển giao công nghệ từ ngày 18/6/2019. Hai dây chuyền bánh CRACKER và WAFER với thiết bị, công nghệ nhập từ Châu Âu và Mỹ, đạt công suất 10.000 tấn/năm. Tổng diện tích mở rộng giai đoạn 2 là 15.837 m2.</p>
Kết quả đầu tư	<p>Ngày 10/10/2019, Công ty Cổ phần Bibica – một thành viên của Tập đoàn PAN chính thức tổ chức lễ khánh thành nhà máy mới thuộc Công ty TNHH MTV Bibica Miền Tây với quy mô 50.000 m2 tại KCN Vĩnh Lộc 2 – Long An. Đây là nhà máy thứ 4 của Bibica được xây dựng trên tổng diện tích hơn 50.000 m2 với tổng mức đầu tư 1.000 tỉ đồng.</p>

Tăng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Thủy sản 584 Nha Trang

Lý do thực hiện	<p>584 Nha Trang tiếp tục duy trì là mảnh ghép quan trọng của Tập đoàn PAN trong việc phát triển sâu vào ngành gia vị nói chung, nước mắm truyền thống nói riêng.</p> <p>584 Nha Trang là một trong những công ty đầu ngành trong mảng nước mắm truyền thống, với tiềm năng phát triển được Tập đoàn PAN đánh giá tích cực.</p> <p>Tập đoàn PAN và 584 Nha Trang đã và đang tiếp tục hợp tác rất hiệu quả trong nhiều lĩnh vực và cùng nhận thấy rất nhiều giá trị cộng hưởng giữa 584 Nha Trang và các công ty thành viên khác cùng Tập đoàn.</p>
Cách thức và tiến độ thực hiện	<p>Trong năm 2019, PAN Food đã thực hiện mua để gia tăng tỷ lệ sở hữu tại 584 Nha Trang, cụ thể như sau:</p> <p>- Tháng 5/2019: Tập đoàn PAN đã thực hiện mua thêm 68.174 cổ phần từ các cổ đông của công ty, nâng tỷ lệ sở hữu lên 44,3% vốn điều lệ của 584 Nha Trang.</p> <p>- Tháng 7/2019: Tập đoàn PAN đã thực hiện mua thêm 100.000 cổ phần từ các cổ đông của công ty, nâng tỷ lệ sở hữu lên 45,86% vốn điều lệ của 584 Nha Trang.</p> <p>- Tháng 8/2019: Tập đoàn PAN đã thực hiện mua thêm 1.379.990 cổ phần từ các cổ đông của công ty, nâng tỷ lệ sở hữu lên 67,4% vốn điều lệ của 584 Nha Trang.</p> <p>- Tháng 9/2019: Tập đoàn PAN đã thực hiện mua thêm 386.270 cổ phần từ các cổ đông của công ty, nâng tỷ lệ sở hữu lên 73,4% vốn điều lệ của 584 Nha Trang.</p>
Kết quả đầu tư	<p>Tại ngày 31/12/2019, Tập đoàn PAN chính thức sở hữu 73,45% vốn điều lệ của 584 Nha Trang, tương ứng với 4.702.051 cổ phần. Qua đó đưa 584 Nha Trang chính thức trở thành công ty con của Tập đoàn.</p>

Các công ty con, công ty liên kết

Tập đoàn PAN sở hữu trực tiếp 04 công ty con bao gồm PAN Farm (thuộc lĩnh vực Nông nghiệp), PAN Food (thuộc lĩnh vực Thực phẩm), PAN CG (thuộc lĩnh vực Phân phối), Fimex VN (thuộc lĩnh vực Thực phẩm) và 01 công ty liên kết là VFC (thuộc lĩnh vực Nông nghiệp).

Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của các công ty thành viên, công ty liên kết của Tập đoàn PAN trong năm 2019 như sau:



TẠI CÁC CÔNG TY THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam – Vinaseed

Tổng quan tình hình tài chính hợp nhất:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kết quả kinh doanh	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu thuần	1.248.623	1.331.783	1.512.603	1.605.380	1.518.452
Lợi nhuận gộp	455.412	499.065	560.719	577.108	543.750
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	168.563	213.045	252.235	275.882	240.527
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	157.108	192.460	234.615	252.347	207.458
LNST của CĐ Cty mẹ	141.629	175.206	210.797	238.470	201.900
EPS (đồng/cổ phần)	9.261	10.316	13.792	14.982	11.488
Tỷ suất lợi nhuận					
Tỷ lệ lãi gộp	36%	37%	37%	36%	36%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	13%	14%	16%	16%	13%
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tài sản ngắn hạn	824.451	802.640	872.047	904.467	858.445
Tổng tài sản	1.557.689	1.486.530	1.561.421	1.587.936	1.769.692
Nợ phải trả	555.038	400.855	502.150	535.838	639.113
Nợ ngắn hạn	461.746	358.187	461.449	423.390	544.621
Vốn chủ sở hữu	805.256	890.840	1.059.271	1.052.097	1.128.580
Lợi ích của CĐ thiểu số	197.395	194.836	134.754	81.941	75.689



Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch năm:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% hoàn thành kế hoạch năm
1	Doanh thu thuần hợp nhất	1.600.000	1.518.452	95%
2	Lợi nhuận thuộc cổ đông Công ty mẹ	240.000	207.458	86%

Tình hình kinh doanh: Kết quả kinh doanh năm 2019, chịu ảnh hưởng của tình hình thời tiết khí hậu tiếp tục khắc nghiệt trong năm, doanh thu thuần của Vinaseed đạt mức 1.518 tỷ đồng, đạt 95% chỉ tiêu kế hoạch doanh thu hợp nhất cả năm. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông Công ty mẹ đạt 207 tỷ đồng, chỉ đạt 86% kế hoạch năm. Nguyên nhân chủ yếu đến từ tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu (El Nino), khiến sản xuất không đảm bảo kế hoạch, giảm so với cùng kỳ (chỉ đạt 87%) dẫn đến thiếu hàng kinh doanh.

Tính chung cả năm 2019, lãi cơ bản trên cổ phiếu - EPS ở mức 11.488 đồng.

Tỷ suất lợi nhuận: Tính chung cho cả giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2019, Vinaseed duy trì tỷ suất lợi nhuận rất cao so với các doanh nghiệp cùng ngành, tỷ suất lãi gộp bình quân năm: 36%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân năm 14%, nhờ việc tập trung phát triển các giống lúa, ngô mới với tỷ lệ lãi thuần cao.

Tình hình tài sản: Tại thời điểm 31/12/2019, tổng tài sản Vinaseed đạt 1.770 tỷ đồng. Tính bình quân cả giai đoạn 2015 - 2019, tổng tài sản tăng trưởng bình quân 3,9%/năm, vốn chủ sở hữu tăng trưởng bình quân 8,8%/năm. Trong đó, cơ cấu tài sản có xu hướng tăng các khoản hàng tồn kho, tài sản cố định và lợi thế thương mại phù hợp với chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh và phát triển thông qua M&A các công ty mục tiêu.

Khả năng thanh toán: Vinaseed vẫn duy trì khả năng thanh toán và tình trạng tài chính lành mạnh qua các năm nhờ xây dựng cơ cấu tài sản hợp lý, quản lý dòng tiền và công nợ tốt.

Một số mảng hoạt động nổi bật của Công ty trong năm 2019:

- Hoạt động sản xuất: Vinaseed đã tiếp tục quy hoạch được vùng sản xuất ổn định, tập trung gắn với cánh đồng mẫu lớn, tổ chức sản xuất an toàn các sản phẩm giống của Công ty.

- Hoạt động nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật: đây là hoạt động chính, là động lực cho Vinaseed phát triển, nâng cao sức cạnh tranh, tạo sự khác biệt sản phẩm, đảm bảo sự phát triển bền vững. Thông qua việc chuyển giao các giống độc quyền từ các viện nghiên cứu, trường đại học, tác giả, Công ty đã tiến hành khảo nghiệm, đánh giá và công nhận sản xuất thử các giống lúa, ngô, rau có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Phát triển sản phẩm mới: Công ty đã phát triển và ứng dụng thành công các giống mới có giá trị kinh tế cao, ngày càng được khẳng định về chất lượng như các giống lúa như Đài Thơm 8, VNR20, các giống ngô HN88, HN 68, các dòng sản phẩm rau lai đã góp phần chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, tăng sản lượng giống độc quyền, từ đó đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty.

- Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và nông sản tại huyện Thập Mười, Đồng Tháp, đã chính thức khánh thành, đi vào sản xuất vào tháng 12/2019. Trung tâm có quy mô 5,2 ha và tổng mức đầu tư 342 tỷ, hoàn thành chỉ sau 7 tháng thi công. Dự án hướng tới xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo bền vững từ khâu nghiên cứu, chọn tạo giống, tổ chức sản xuất - thu hoạch - chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Trung tâm có 2 nhà máy: nhà máy chế biến giống công suất 30.000 tấn/năm (tương đương +40% công suất hiện tại) và nhà máy chế biến gạo công suất 100.000 tấn/năm (đạt tiêu chuẩn FSSC22000). Dự án gồm hệ thống nhà xưởng 25.000m², hệ thống sấy 300 tấn/mẻ với dây chuyền công nghệ hiện đại, đồng bộ hoàn toàn tự động của Satake (Nhật Bản).

- Tăng cường hoạt động phát triển nguồn nhân lực: Mục tiêu phát triển đội ngũ nhân lực năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp đã được Công ty thực hiện thành công thông qua hệ thống chính sách lương thưởng và chế độ đãi ngộ đối với người lao động (tạo cơ hội thăng tiến, tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ cán bộ nhân viên trong công ty).

- Hoàn thiện hệ thống quy chế của Công ty: Vinaseed đã xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị tiên tiến, công khai, minh bạch và đồng bộ theo các tiêu chuẩn quốc tế, được triển khai thực hiện nghiêm túc và thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

VINASEED ĐÃ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUẢN TRỊ TIÊN TIẾN, CÔNG KHAI, MINH BẠCH VÀ ĐỒNG BỘ THEO CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ, ĐƯỢC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHIÊM TÚC VÀ THƯỜNG XUYÊN ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH CHO PHÙ HỢP VỚI TÌNH HÌNH THỰC TẾ.

**CTCP PAN-HULIC****Tổng quan tình hình tài chính:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Kết quả kinh doanh	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu thuần	2.896	8.047	14.143	19.270
Lợi nhuận gộp	882	2.122	(6.818)	(3.052)
LN thuần từ HĐKD	(1.163)	(2.971)	(14.264)	(13.525)
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	(1.160)	(3.116)	(13.978)	(13.548)
Tỷ suất lợi nhuận				
Tỷ lệ lãi/(lỗ) gộp	30%	26%	-48%	-16%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	N/A	N/A	N/A	N/A
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tài sản ngắn hạn	18.850	17.869	72.022	27.763
Tài sản dài hạn	17.089	52.618	81.929	107.911
Tổng tài sản	35.939	70.488	153.951	135.675
Nợ phải trả	8.952	46.617	14.763	10.042
Nợ ngắn hạn	3.953	35.708	7.614	5.172
Vốn chủ sở hữu	26.986	23.871	139.188	125.633

Năm 2019 đóng vai trò là năm bản lề của PAN-HULIC sau những sự thay đổi lớn và gia tăng quy mô tài sản mạnh mẽ trong năm 2018: thay đổi cơ cấu cổ đông lớn khi có sự tham gia của tập đoàn HULIC (Nhật Bản) thay cho Salad Bowl International Ltd; tăng vốn thêm 129 tỷ đồng; quy mô tài sản tăng trưởng tới gần 4 lần từ năm 2016, trong đó tài sản cố định tăng đến hơn 6 lần; việc sản xuất và nghiên cứu cũng vì thế mà tiếp tục được mở rộng.

Trải qua giai đoạn đầu tư hoàn thiện hệ thống, doanh thu năm 2019 của PAN-HULIC đạt tăng trưởng 36% so với cùng kỳ. Tuy nhiên Công ty vẫn phải chịu khoản lỗ gộp khoảng 3 tỷ đồng, tương ứng với 16% doanh thu, đã giảm mạnh so với mức 48% của cùng kỳ năm ngoái. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh của PAN-HULIC gặp nhiều khó khăn do tình hình thời tiết không thuận lợi và dịch bệnh hoành hành. Việc nghiên cứu và mở rộng sản lượng thương mại hóa của sản phẩm hoa xuất khẩu gặp nhiều thách thức dẫn đến số lượng hoa bị hủy lớn làm cho giá thành tăng cao.

Các hoạt động nghiên cứu và hoàn thiện sản phẩm để có thể thương mại hóa với sản lượng lớn là trọng tâm trong hoạt động sản xuất của PAN-HULIC năm 2019 nên vẫn phát sinh nhiều chi phí hoạt động. Công ty đã tiếp tục mở rộng nghiên cứu thêm các sản phẩm rau và dâu cao cấp phục vụ thị trường xuất khẩu và phân khúc chất lượng cao, có thương hiệu tại Việt Nam. Đến tháng 12/2019, PAN-HULIC đã xuất khẩu được hoa sang hai nước lớn là Nhật Bản và Hàn Quốc, với giá bán cao.

Hoạt động đầu tư nổi bật của Công ty trong năm 2019: Vào tháng 10/2019, Trung tâm Giống tại huyện Đơn Dương, Lâm Đồng của PAN-HULIC đã chính thức được hoàn thành và đưa vào sử dụng, với tổng mức đầu tư cho giai đoạn một là 30 tỷ đồng. Trung tâm sẽ tập trung vào sản xuất giống

hoa cho thị trường nội địa và xuất khẩu; trên cơ sở hợp tác giữa PAN-HULIC với đối tác Nhật Bản (Jardin) về việc nhận chuyển giao công nghệ và phát triển thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm giống hoa và rau chất lượng cao. Tính đến thời điểm hiện tại, PAN-HULIC đã sản xuất và xuất khẩu thành công cây giống sang Nhật Bản với danh mục đa dạng từ giống hoa đến giống cây cảnh. Theo kế hoạch, đến cuối năm 2020, dựa trên kết quả thực tế vận hành giai đoạn 1, PAN-HULIC sẽ có kế hoạch triển khai thực hiện giai đoạn 2, mở rộng dự án lên tới 5 ha diện tích sản xuất.

Dự kiến từ 2020 trở đi, khi hoạt động sản xuất đi vào ổn định, cùng với sự đóng góp của các sản phẩm mới, doanh thu, lợi nhuận và tài sản của PAN-HULIC sẽ có sự tăng trưởng mạnh mẽ.

CTCP Khử trùng Việt Nam (VFC)

Tổng quan tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kết quả kinh doanh	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu thuần	2.019.975	2.290.069	2.178.000	2.288.965	2.069.553
Lợi nhuận gộp	531.687	590.443	505.473	557.619	501.259
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	179.200	188.322	136.982	168.448	181.520
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	139.177	146.353	140.690	130.711	142.214
LNST của CĐ cty mẹ	139.177	146.353	140.690	130.711	142.214
EPS (đồng/cổ phần)	8.362	7.193	5.716	3.666	3.986

Tỷ suất lợi nhuận

Tỷ lệ lãi gộp	26%	26%	23%	24%	24%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	7%	6%	6%	6%	7%

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản ngắn hạn	957.407	1.103.981	1.378.042	1.611.245	1.863.087
Tổng tài sản	1.295.634	1.500.931	1.816.761	2.042.072	2.283.155
Nợ phải trả	586.415	731.551	982.281	1.162.961	1.374.251
Nợ ngắn hạn	549.548	653.888	899.735	1.096.075	1.322.305
Vốn chủ sở hữu	709.220	769.380	834.481	879.111	908.904

Đầu năm 2019, PAN đã nâng tỷ lệ sở hữu tại VFC lên 41,8 % thông qua hình thức chào mua công khai.

Tình hình kinh doanh: Trong năm 2019, lĩnh vực nông nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn từ thiên tai và khí hậu khắc nghiệt. Thị trường nông được ngày càng có sự cạnh tranh khắc nghiệt do sự tham gia ngày càng nhiều của đối thủ cạnh tranh và nhu cầu suy giảm, VFC đạt mức doanh thu 2.069 tỷ đồng, giảm 9.5% so với năm 2018. Trong đó doanh thu từ kinh doanh sản phẩm nông được vẫn chiếm phần lớn trong cơ cấu doanh thu, với tỷ trọng chiếm tới trên 80%. Tuy tình hình hết sức khó khăn nhưng Công ty luôn bám sát thị

trường, kết hợp tốt và quản lý chặt chẽ các đại lý, đưa ra các chương trình bán hàng phù hợp.

Tỷ suất lợi nhuận: Trong năm 2019, tỷ lệ lãi gộp và tỷ suất lợi nhuận thuần của VFC đạt 24% và 7%, tương đương với năm ngoái. Nhìn chung trong hai năm 2018 và 2019, VFC có tỷ lệ lãi gộp tương đối thấp trong cả giai đoạn 2014-2018 do sự tham gia của ngày càng nhiều đối thủ, cạnh tranh giá bán khốc liệt khiến công ty không giữ được tỷ lệ lãi gộp cao như những năm trước. Từ năm 2014-2018, tỷ lệ lãi gộp và tỷ suất lợi nhuận thuần trung bình của giai đoạn 2014-2018 là 26% và 6%.

TẠI CÁC CÔNG TY THUỘC LĨNH VỰC THỰC PHẨM

CTCP Bibica

Tổng quan tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kết quả kinh doanh	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu thuần	1.171.783	1.263.433	1.289.893	1.421.863	1.503.561
Lợi nhuận gộp	407.052	445.389	409.253	425.468	483.645
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	106.382	104.704	118.070	126.793	110.079
Lợi nhuận sau thuế	85.815	81.281	97.329	109.523	95.434
EPS (đồng/cp)	5.287	4.878	5.996	6.747	5.832

Tỷ suất lợi nhuận

Tỷ lệ lãi gộp	35%	35%	32%	30%	32%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	7%	8%	8%	8%	6%

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản ngắn hạn	723.052	789.310	817.412	744.017	841.533
Tổng tài sản	1.006.902	1.041.148	1.119.459	1.253.233	1.570.448
Nợ phải trả	301.304	288.291	300.011	336.209	566.571
Nợ ngắn hạn	281.964	267.551	279.141	317.670	548.163
Vốn chủ sở hữu	705.598	752.857	819.448	917.024	1.003.877



Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch năm:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% hoàn thành kế hoạch năm
1	Doanh thu thuần hợp nhất	1.600	1.503	94%
2	Lợi nhuận trước thuế	134,1	120	89%
3	Lợi nhuận sau thuế	110	95	86%

Tình hình kinh doanh: Năm 2019, Bibica đạt 1.503 tỷ đồng doanh thu và 95 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, đạt 94% kế hoạch doanh thu và 86% kế hoạch lợi nhuận sau thuế. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cả năm đạt 5.832 đồng/cổ phần. Tính bình quân cho cả giai đoạn 2015 - 2019, doanh thu đạt mức tăng trưởng bình quân 6,4%/năm, lợi nhuận sau thuế có mức tăng trưởng 2,6%/năm.

Chi phí bán hàng năm 2019 cụ thể là các chi phí quảng cáo, trưng bày, chi phí hoa hồng, thưởng doanh số tăng và do năm 2018 công ty ghi nhận một khoản thu nhập khác là nguyên nhân chủ yếu làm giảm lợi nhuận sau thuế của mảng bánh kẹo. Trong Quý 4/2019, công ty đã phát triển dòng sản phẩm mới Lurich, Ropyy, là dòng sản phẩm ít calo và ít béo, hướng đến nhu cầu tiêu thụ bữa phụ đầy đủ năng lượng nhưng không gây tăng cân, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng. Do vậy, công ty tập trung nguồn lực để xây dựng thị trường, giới thiệu sản phẩm đến với khách hàng.

Tỷ suất lợi nhuận: nhờ quản lý tốt chi phí, đẩy mạnh công tác R&D để phát triển và phân phối các sản phẩm mới có mức tỷ suất lợi nhuận cao nên tính bình quân giai đoạn 2015-2019, tỷ lệ lãi gộp và tỷ suất lợi nhuận thuần vẫn giữ được xu hướng tăng trưởng bền vững.

Tình hình tài sản và khả năng thanh toán: Tổng tài sản của Bibica tại ngày 31/12/2019 đạt 1.570 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ 2018, tính chung cho cả giai đoạn 2015-2019 tổng tài sản đạt mức tăng trưởng bình quân 11%/năm. Trong đó, tiền mặt và tiền gửi đạt 403 tỷ đồng (tương đương 26% tổng tài sản), từ đó duy trì khả năng thanh toán lành mạnh: khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 1,55 lần, hàng tồn duy trì mức 116 tỷ đồng. Tỷ số nợ/tổng tài sản khá thấp, ở mức 35%, cao hơn mức 27% của năm 2018.

Một số mảng hoạt động nổi bật của Công ty trong năm 2019:

- Hoạt động sản xuất và quản lý chi phí: công tác dự báo giá mua và cơ chế nhập khẩu nguyên vật liệu tốt nên hiệu quả sản xuất kinh doanh của năm 2019 tiếp tục được duy trì tốt.

- Phát triển sản phẩm mới: nhờ đẩy mạnh đầu tư công tác R&D, trong năm 2019 Bibica đã tiếp tục đưa ra thị trường một số sản phẩm mới một cách thành công, nổi bật là dòng sản phẩm mới Lurich, Ropyy.

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (Aquatex Bến Tre)

Tổng quan tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kết quả kinh doanh	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu thuần	474.007	422.105	383.695	395.938	361.150
Lợi nhuận gộp	117.589	74.525	48.114	90.307	54.327
LN thuần từ HĐKD	77.639	54.528	32.898	73.622	54.787
Lợi nhuận sau thuế	68.885	47.671	28.225	66.565	48.695
EPS (đồng/cổ phần)	5.713	4.011	2.453	5.323	4.235
Tỷ suất lợi nhuận					
Tỷ lệ lãi gộp	23%	18%	13%	23%	15%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	14%	11%	7%	17%	13%
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tài sản ngắn hạn	499.684	573.159	371.422	266.843	258.530
Tổng tài sản	584.656	649.276	634.346	535.382	538.462
Nợ phải trả	177.164	233.570	230.224	115.867	125.320
Nợ ngắn hạn	171.771	229.104	226.554	110.713	120.179
Vốn chủ sở hữu	407.492	415.707	404.122	419.514	413.142



Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch năm: Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chi tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% hoàn thành kế hoạch năm
1	Doanh thu	400	361	90%
2	Lợi nhuận trước thuế	50	48	96%

Tình hình kinh doanh: Năm 2019, Aquatex Bentre đạt doanh thu 361 tỷ đồng, chỉ đạt 90% kế hoạch đề ra, lợi nhuận trước thuế đạt 48 tỷ đồng đạt 96% kế hoạch, giảm 27% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm của Aquatex Bentre đến từ những khó khăn chung của ngành cá tra xuất khẩu trong năm 2019. Cụ thể, mặt bằng giá xuất khẩu và giá nguyên liệu ở mức thấp trong thời gian dài, công ty cũng phải trích lập dự phòng tồn kho cá nguyên liệu đang nuôi. Tuy nhiên mức giảm của Aquatex Bentre được đánh giá là thấp hơn trung bình ngành.

Công ty đã xây dựng được chuỗi nuôi trồng chế biến cá tra với công nghệ tốt, giúp nâng cao được khả năng sống sót của cá giống, nâng cao chất lượng và hiệu quả của cá tra nguyên liệu giúp công ty giảm thiểu rủi ro của biến động nguyên liệu đầu vào.

Tỷ suất lợi nhuận: Tỷ lệ lãi gộp và tỷ suất lợi nhuận thuần của Aquatex Bentre năm 2019 duy trì ở mức 15%, tuy giảm mạnh so với năm 2018 (một trong những năm tốt nhất lịch sử) nhưng cũng đã ở mức cao so với mặt bằng trung bình ngành, nguyên nhân đến từ việc Aquatex Bentre tự chủ được nguyên vật liệu theo chuỗi giá trị khép kín từ trang trại đến thành phẩm. EPS tại thời điểm 31/12/2019 của Aquatex Bentre đạt 4.235 đồng/cp, giảm 26% so với cùng kỳ. Aquatex Bentre duy trì được tỷ lệ lãi thuần ở mức 13% chủ yếu do Ban Điều hành Công ty đã quản lý tốt các chi phí quản lý và chi phí bán hàng phát sinh (duy trì ở tỷ lệ hợp lý so với doanh thu phát sinh) trong bối cảnh kinh doanh khó khăn.

Ngoài ra, Aquatex Bentre còn có nguồn tiền mặt dồi dào nên nhu cầu vay nợ ở mức thấp, chi phí lãi vay không đáng kể nên các chỉ số về tỷ suất lợi nhuận của công ty đạt được cao hơn hầu hết so với doanh nghiệp thủy sản niêm yết trên sàn.

Tính bình quân của giai đoạn 2015 – 2019, các chỉ số tỷ lệ lãi gộp và tỷ suất lợi nhuận thuần đạt mức lần lượt là 18% và 12% do Công ty tập trung vào phân khúc khách hàng cao cấp có tỷ suất lãi gộp cao hơn và quản lý được chi phí trong chuỗi nuôi trồng - chế biến cá tra.

Cơ cấu tài sản và khả năng thanh toán: Giai đoạn từ 2014 đến 2019, Aquatex Bentre vẫn giữ khả năng thanh toán tốt và lành mạnh về tình trạng tài chính của công ty, hạn chế nợ vay và chi phí lãi vay phát sinh. Đây là lợi thế đặc biệt của Aquatex Bentre trong quá trình sản xuất kinh doanh cũng như trong quá trình đầu tư mở rộng sản xuất hoặc đầu tư mô hình kinh doanh mới.

Một số mảng hoạt động nổi bật của Công ty trong năm 2019:

- **Hoạt động nuôi trồng:** Năm 2019, công ty tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh cơ sở vật chất của các trại để thực hiện chủ trương nuôi của công ty theo hướng công nghiệp, thực hiện các cải tiến kỹ thuật.

- **Hoạt động chế biến:** Aquatex Bentre thực hiện nhiều cải tiến trong hoạt động chế biến nguyên liệu và cá tra bao gồm:

- Nghêu: tiếp tục cải tiến quy trình ngâm nghêu, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm và duy trì chất lượng sản phẩm.

- Cá tra: thực hiện cải tiến về chất lượng vi sinh và cải tiến về chất lượng cảm quan, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- **Hoạt động bán hàng:** Trong năm 2019, công ty tập trung đẩy mạnh thị trường tiêu thụ cá tra thông qua chào hàng với một số siêu thị mới trong thời gian qua và dự án hợp tác phát triển hàng giá trị gia tăng trong thời gian tới để tận dụng những lợi thế của thị trường. Đối với mặt hàng nghêu, Aquatex Bentre đã giảm tỷ trọng sản phẩm này, tình hình tiêu thụ chủ yếu tại các thị trường Nhật, EU, Mỹ, Úc, Canada.

CTCP Chế biến hàng xuất khẩu Long An (Lafooco)

Tổng quan tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kết quả kinh doanh	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu thuần	877.348	875.734	1.300.358	572.810	468.603
Lợi nhuận/(lỗ) gộp	46.932	55.326	21.844	(36.582)	47.641
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ HĐKD	25.120	21.414	(5.686)	(65.781)	18.336
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	24.389	24.779	4.095	(63.558)	17.873
EPS (đồng/cp)	1.656	1.682	278	(4.315)	1.214
Tỷ suất lợi nhuận					
Tỷ lệ lãi gộp	5%	6%	1,7%	-6%	10%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	3%	3%	0,3%	-11%	4%
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tài sản ngắn hạn	230.779	278.717	394.732	146.013	183.379
Tổng tài sản	305.095	346.005	455.761	213.430	253.085
Nợ phải trả	153.953	170.104	275.765	96.992	118.775
Nợ ngắn hạn	149.339	165.036	272.199	94.316	116.158
Vốn chủ sở hữu	151.142	175.901	179.996	116.438	134.310

Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch năm:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chi tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% hoàn thành kế hoạch năm
1	Doanh thu	539	468	87%
2	Lợi nhuận trước thuế	12,6	17,8	141%

Tình hình kinh doanh: Kết quả kinh doanh năm 2019, Lafooco đạt 468 tỷ đồng doanh thu thuần, đạt 87% kế hoạch năm 2019 và giảm 18% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, Lafooco đã đạt 17,8 tỷ lãi thuần sau thuế so với khoản lỗ thuần 63,5 tỷ năm 2018. Đây chính là kết quả của việc công ty tập trung công tác tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh một cách quyết liệt và triệt để nhằm hạn chế ảnh hưởng, cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh và bù đắp dần các khoản lỗ lũy kế. Theo đó, công ty đã hạn chế phần sản xuất và xuất khẩu điều nhân, mà chuyển đổi trọng tâm sang các sản phẩm giá trị gia tăng, có lợi nhuận cao.

Một số mảng hoạt động nổi bật của Công ty trong năm 2019:

- Hoạt động bán hàng: công ty tập trung tìm kiếm khách hàng mới, đẩy mạnh hàng giá trị gia tăng với tỷ suất lợi nhuận cao. Sản phẩm của Lafooco cũng đã có mặt tại các chuỗi siêu thị lớn như Vinmart, Vinmart +.
- Trong năm 2019, Công ty ổn định cơ cấu lại hệ thống nhân sự, tiền lương, xây dựng hệ thống chỉ tiêu KPI, tái cơ cấu tổ chức một số bộ phận để tiến hành thử nghiệm. Lafooco cũng áp dụng dự án tối ưu hóa quy trình sản xuất, và có được những kết quả tích cực.

CTCP Thủy sản 584 Nha Trang

Tổng quan tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kết quả kinh doanh	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu thuần	174.009	213.332	269.568	274.099	287.120
Lợi nhuận gộp	37.772	46.384	52.257	61.691	62.394
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	10.341	13.766	13.376	20.893	20.043
Lợi nhuận sau thuế	9.173	12.211	11.690	18.282	17.243

Tỷ suất lợi nhuận

Tỷ lệ lãi gộp	22%	22%	19%	23%	22%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	5%	6%	4%	7%	6%

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản ngắn hạn	72.296	81.111	124.903	161.001	154.858
Tổng tài sản	87.477	96.474	142.875	176.418	188.244
Nợ phải trả	54.013	55.786	78.406	75.631	83.628
Nợ ngắn hạn	51.347	53.901	76.520	73.746	81.742
Vốn chủ sở hữu	33.463	40.687	64.470	100.787	104.616

Trong năm 2019, PAN Food tiếp tục tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang từ 43,23% lên 73,45%, qua đó chính thức đưa 584 Nha Trang trở thành công ty thành viên của Tập đoàn. Trong năm vừa qua, 584 Nha Trang tiếp tục duy trì kết quả kinh doanh tương đối hiệu quả.

Doanh thu thuần đạt 287 tỷ đồng, tăng trưởng nhẹ ở mức 4,7% so với năm 2018. Tuy nhiên trong năm, công ty đã tập trung vào dòng sản phẩm chất lượng cao, nhiều hàm lượng đạm với thương hiệu mới Thuận Ngư.

Tỷ suất lợi nhuận: Trong năm 2019, 584 Nha Trang tiếp đạt mức tỷ suất lợi nhuận, tỷ suất lãi gộp khoảng 22%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 6%. Đây cũng là mức cao trong giai đoạn 2015-2019. Nguyên nhân việc biên lợi nhuận giảm nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái do ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu trong kỳ.

Tài sản ngắn hạn: Trong năm 2019 tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty với 82%, duy trì khả năng thanh toán ngắn hạn tốt.

CTCP Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN)

Tổng quan tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kết quả kinh doanh	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu thuần	2.876.721	2.252.175	3.497.841	3.806.660	3.709.591
Lợi nhuận gộp	271.851	175.707	272.605	391.966	424.720
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	95.555	77.691	113.571	191.858	234.289
Lợi nhuận sau thuế	97.363	73.845	111.028	176.910	229.776
EPS (đồng/cp)	3.967	2.696	2.992	3.989	5.468

Tỷ suất lợi nhuận

Tỷ lệ lãi gộp	9%	8%	8%	10%	11%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	3%	3%	3%	5%	6%

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản ngắn hạn	1.091.370	1.237.868	1.347.924	1.190.213	1.098.183
Tổng tài sản	1.343.959	1.538.256	1.655.908	1.489.954	1.520.839
Nợ phải trả	998.927	1.037.525	1.083.046	804.601	582.081
Nợ ngắn hạn	992.657	1.030.979	1.076.096	796.945	571.849
Vốn chủ sở hữu	345.032	500.731	572.862	685.353	938.758

Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch năm:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% hoàn thành kế hoạch năm
1	Doanh thu	4.255(*)	3.709	87%
2	Lợi nhuận trước thuế	180	235	130%

* 1.185 triệu USD

Tình hình kinh doanh: Kết thúc năm 2019, mặc dù doanh thu giảm nhẹ 2,5%, Fimex VN vẫn mang lại tăng trưởng mạnh mẽ về lợi nhuận, với mức tăng 30% trong lợi nhuận thuần. Biên lợi gộp tăng nhẹ đạt mức 11%. Trong bối cảnh thị trường EU tăng trưởng chậm lại, giá bán bình quân có xu hướng giảm, ban lãnh đạo đã kịp thời chuyển hướng sang thị trường Hoa Kỳ (+44% YoY) và Nhật Bản (+42% YoY), đồng thời đẩy mạnh công suất các sản phẩm chế biến sâu hơn (mà Ấn Độ, Ecuador, ... chưa có trình độ chế biến ngang bằng) để đáp ứng nhu cầu các thị trường này, giúp cải thiện biên lợi nhuận mảng chế biến.

2019 là một năm nuôi tôm thành công của Fimex VN, với sản lượng thu hoạch tăng 71% so với cùng kỳ. Ban lãnh đạo kịp thời tranh thủ thời tiết thuận lợi để thả giống với mật độ lớn, đồng thời ứng dụng thành quả R&D, giúp tôm phát triển tốt và ít dịch bệnh, năng suất thu hoạch cao. Nhờ chi phí nuôi thấp hơn so với giá mua nguyên liệu bên ngoài, biên lợi nhuận mảng tôm được gia tăng và góp phần tăng trưởng lợi nhuận cao.



CÔNG TY THUỘC LĨNH VỰC PHÂN PHỐI

CTCP Phân phối hàng tiêu dùng PAN (PAN CG)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kết quả kinh doanh	Năm 2019
Doanh thu thuần	895.911
Lợi nhuận gộp	123.233
LN thuần từ HĐKD	25.187
Lợi nhuận sau thuế	20.143

Tỷ suất lợi nhuận

Tỷ lệ lãi gộp	13,8%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	2,2%

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản ngắn hạn	891.124
Tổng tài sản	892.501
Nợ phải trả	672.358
Nợ ngắn hạn	672.357
Vốn chủ sở hữu	220.143



Thành lập tháng 6/2019, doanh thu thuần của PAN CG đạt 895,911 tỷ đồng, trong đó doanh thu quý 4 đạt 602,9 tỷ đồng tăng 1,03 lần so với quý 3. Mục tiêu của PAN CG là năm 2020 sẽ đạt doanh thu 3000 tỉ.

Kết thúc năm, công ty đã xây dựng được đội ngũ bán hàng với hơn 900 nhân viên, tỷ lệ doanh thu/nhân viên trong tháng 12 tương ứng hơn 270 triệu đồng/nhân viên/tháng. Số lượng nhà phân phối và điểm bán tăng lần lượt là 23% và 18% so với thời điểm mới đi vào hoạt động. Kết quả đạt được trong năm 2019 đến từ việc công ty phát triển đội ngũ bán hàng, điểm bán đồng thời chú trọng triển khai các phương án bán hàng hiệu quả.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bảng thông tin tổng quan về tình hình tài chính – Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN Tình hình tài chính Công ty mẹ và hợp nhất CTCP Tập đoàn PAN năm 2019 so với năm 2018 được tóm tắt như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2018	31/12/2019	Thay đổi	31/12/2018	31/12/2019	Thay đổi
Tổng tài sản	4.210.253	4.869.893	16%	9.438.754	10.764.554	14%
Vốn chủ sở hữu	3.057.264	3.089.054	1%	5.972.264	6.145.572	3%
Doanh thu thuần	-	-	n/a	7.828.588	7.812.755	-0,2%
Lãi hoạt động tài chính	51.848	42.095	-19%	214.323	(11.949)	n/a
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	27.355	1.133	-96%	626.828	516.543	-18%
Lợi nhuận khác	(219)	345	n/a	9.769	(922)	n/a
Lợi nhuận trước thuế	27.136	1.478	-95%	636.597	515.622	-19%
Lợi nhuận sau thuế	24.715	4.752	-81%	567.157	451.979	-20%
Lợi nhuận sau thuế CĐ Công ty mẹ	n/a	n/a		334.410	257.363	-23%
Tỷ lệ trả cổ tức	-	-		n/a	n/a	

Chi tiết cơ cấu nguồn vốn, tài sản, tình hình công nợ và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước của Công ty trong năm 2019 (so với năm 2018) như sau:

a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Cơ cấu nguồn vốn Công ty mẹ tại ngày 31/12/2018 và 31/12/2019

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Công ty mẹ		
	31/12/2018	31/12/2019	Tăng/giảm
Nợ phải trả	1.152.989	1.780.839	54%
Nợ ngắn hạn	47.287	669.535	1.316%
Vay và nợ ngắn hạn	0	630.000	n/a
Phải trả người bán	780	828	6%
Người mua trả tiền trước	208	208	0%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.558	273	-836%
Phải trả người lao động	7	12	71%
Chi phí phải trả	28.804	25.436	-12%
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.492	3.742	7%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.437	9.036	-21%
Nợ dài hạn	1.105.702	1.111.303	1%
Vốn chủ sở hữu	3.057.264	3.089.054	1%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	4.210.253	4.869.893	16%





Cơ cấu nguồn vốn hợp nhất tại ngày 31/12/2018 và 31/12/2019

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Hợp nhất		
	31/12/2018	31/12/2019	Tăng/giảm
Nợ phải trả	3.466.481	4.618.982	33%
Nợ ngắn hạn	1.779.525	3.060.146	72%
Vay và nợ ngắn hạn	842.522	1.813.988	115%
Phải trả người bán	337.425	383.329	14%
Người mua trả tiền trước	123.333	168.996	37%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	65.002	71.480	-89%
Phải trả người lao động	141.950	208.173	1367%
Chi phí phải trả	179.177	200.597	12%
Doanh thu chưa thực hiện	329	186	-43%
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	41.278	143.370	-65%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	48.428	70.026	45%
Nợ dài hạn	1.686.956	1558.835	-8%
Vốn chủ sở hữu	3.690.065	3.787.704	3%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	2.292.199	2.357.868	3%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	9.438.745	10.764.554	14%

Cơ cấu Tài sản công ty mẹ tại ngày 31/12/2018 và 31/12/2019

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Công ty mẹ		
	31/12/2018	31/12/2019	Tăng/giảm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.600.650	1.628.824	2%
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.226.263	992.636	-19%
Các khoản phải thu ngắn hạn	373.846	631.553	69%
Tài sản ngắn hạn khác	541	4.655	760%
TÀI SẢN DÀI HẠN	2.609.603	3.241.069	24%
Tài sản cố định	13.848	14.381	4%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.590.648	3.218.280	24%
Tài sản dài hạn khác	5.107	8.139	59%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4.210.253	4.869.893	16%

Bảng 15: Cơ cấu Tài sản hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2018 và 31/12/2019

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Hợp nhất		
	31/12/2018	31/12/2019	Tăng/giảm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	5.178.848	5.683.271	10%
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.538.191	2.194.484	-14%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	245.747	1.183.639	382%
Các khoản phải thu ngắn hạn	794.878	791.485	0%
Hàng tồn kho	1.504.791	1.407.478	-6%
Tài sản ngắn hạn khác	91.242	106.185	16%
TÀI SẢN DÀI HẠN	4.263.897	5.081.282	19%
Tài sản cố định	3.125.644	3.039.866	-3%
Tài sản dở dang dài hạn	153.037	804.895	426%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	352.160	548.525	1458%
Tài sản dài hạn khác	282.978	318.741	13%
Lợi thế thương mại	349.857	365.733	5%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	9.438.745	10.764.554	14%



b. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

c. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ thực hiện với Nhà nước và các khoản phải nộp theo luật định. Cuối kỳ báo cáo, số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của công ty như sau:

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2018	31/12/2019
Thuế giá trị gia tăng	-	-	8.754	24.569
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.406	-3.772	50.668	38.605
Thuế thu nhập cá nhân	151	273	5.354	8.252
Các khoản phí, lệ phí phải nộp khác	-29	-29	225	53
Thuế và các khoản phải nộp NN	2.529	-3.528	65.002	71.480

d. Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty thực hiện trích lập quỹ đúng theo Điều lệ và luật định.

Các Quỹ được trích lập

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2018	31/12/2019
Quỹ đầu tư phát triển	11.514	11.514	200.532	242.108



e. Tổng dư nợ vay:

Số dư vay và nợ ngắn hạn, dài hạn trong năm

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2018	31/12/2019
Vay và nợ ngắn hạn	-	630.000	842.522	1.813.988
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	630.000	840.984	1.691.629
Vay và nợ dài hạn	1.105.702	1.111.303	1.397.885	3.089.238
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	225.183	163.947
Thuế và các khoản phải nộp NN	2.529	-3.528	65.002	71.480



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu tài chính

Chi tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
1. Chi tiêu về khả năng thanh toán						
Hệ số thanh toán ngắn hạn	10,29	33,85	2,43	2,19	2,91	1,86
Hệ số thanh toán nhanh	10,29	33,84	2,42	1,66	2,01	1,37
2. Chi tiêu về cơ cấu vốn						
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,01	0,27	0,36	0,30	0,37	0,43
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,01	0,01	0,57	0,33	0,3	0,5
3. Chi tiêu về năng lực hoạt động						
Vòng quay hàng tồn kho	-	-	-	4,95	2,89	4,15
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,00001	0,0059	0,0032	0,68	0,83	0,73

Chi tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
4. Chi tiêu về khả năng sinh lời						
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	-123794%	137308%	2,96%	12,3%	7,2%	5,7%
Hệ số Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ/ Vốn chủ sở hữu	-	-	-	13,7%	9,1%	6,8%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	-0,01	1%	0,1%	8,4%	6,0%	4,5%
Hệ số Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh/ Doanh thu thuần	-136,967%	151973%	0,6%	13,3%	8,1%	6,6%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	-	-	-	3.163	1.791	1.488

Phân tích cụ thể tình hình tài chính cũng như các chỉ tiêu tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN được trình bày chi tiết tại mục Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Vốn điều lệ của Công ty
VND 1.731.011.410.000

Mệnh giá 1 cổ phiếu:
VND 10.000

Khối lượng cổ phiếu niêm yết (cổ phiếu)
173.101.141

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)
1.361.016.300.000

Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)
69.000

Giá trị vốn hóa trên thị trường (31/12/2019)
4.846 Tỷ đồng

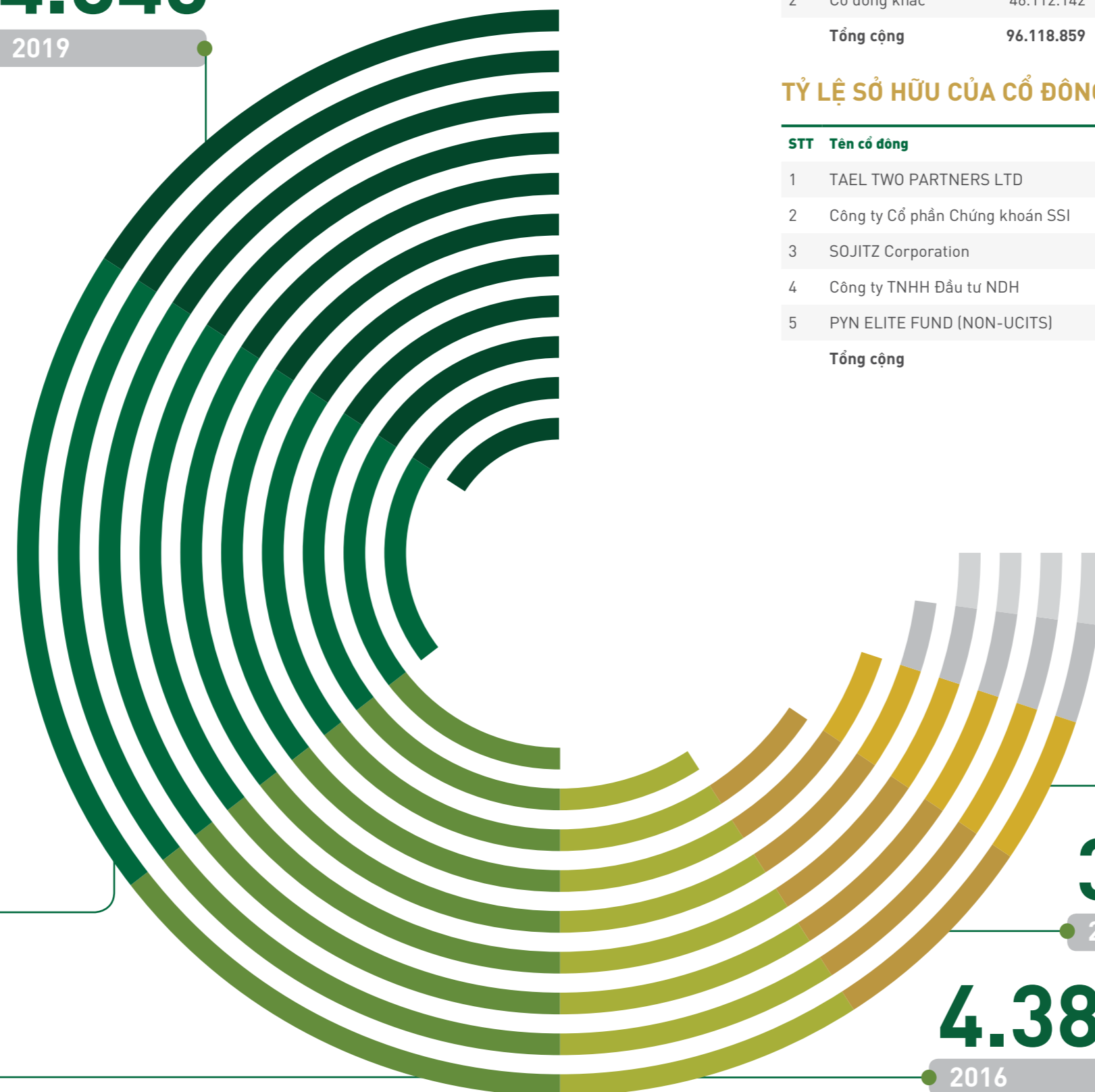
GIÁ TRỊ VỐN HÓA
THỊ TRƯỜNG QUA
CÁC NĂM (TỶ ĐỒNG)

5.916
2018

5.090
2017

4.846

2019



CƠ CẤU SỞ HỮU

STT	Danh mục cổ đông	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài			
		Số lượng cổ phiếu nắm giữ	% sở hữu	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	% sở hữu	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn (>5%)	50.006.717	28,89%	2	58.716.467	33,92%	3
2	Cổ đông khác	46.112.142	26,64%	1.613	18.196.815	10,51%	153
	Tổng cộng	96.118.859	55,53%	1.615	76.913.282	44,43%	156

TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu	Tỉ lệ %
1	TAEL TWO PARTNERS LTD	30.409.591	17,57%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	34.164.275	19,75%
3	SOJITZ Corporation	16.750.000	9,67%
4	Công ty TNHH Đầu tư NDH	15.842.442	9,15%
5	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	11.556.876	6,67%
	Tổng cộng	108.723.184	62,81%

231

2012

754

2013

2.589

2014

3.510

2015

4.380

2016

THÔNG TIN CỔ PHIẾU HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG

	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng
Cổ phiếu	21.477.020	151.624.121	173.101.141
Tỉ lệ (%)	12,41%	87,59%	100%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phiếu của Công ty CP Tập đoàn PAN ("The PAN Group", "PAN") được niêm yết vào giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã giao dịch PAN và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu: Đến ngày 31/12/2019, vốn điều lệ của PAN là 1.731.011.410.000 đồng được chia thành 173.101.141 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

- Tổng số phiên: 250
- Tổng khối lượng khớp lệnh: 9.773.240
- Tổng giá trị khớp lệnh: 339.330 triệu VND
- Khối lượng giao dịch bình quân/ ngày: 39.093

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Công ty phát hành 102.000 cổ phiếu quỹ cho người lao động theo quy chế ESOP và mua lại 69.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ từ cán bộ nhân viên nghỉ việc.

Cơ cấu cổ đông và tỷ lệ sở hữu

Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
				Tổ chức Cá nhân	Cá nhân
Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	5.009.000	2,89%	3	-	3
Trong nước	5.009.000	2,89%	3	-	3
Nước ngoài	-	-	-	-	-
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	108.723.184	62,81%	5	5	-
Trong nước	50.006.717	28,89%	2	2	-
Nước ngoài	58.716.467	33,92%	3	3	-
Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
Trong nước	-	-	-	-	-
Nước ngoài	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	69.000	0,04%	-	-	-
Cổ đông khác	59.299.957	34,26%	1.763	56	1.707
Trong nước	41.103.142	23,75%	1.610	31	1.579
Nước ngoài	18.196.815	10,51%	153	25	128
TỔNG CỘNG	173.101.141	100,00%	1.771	61	1.710
Trong đó: - Trong nước	96.187.859	54,78%	1.615	33	1.582
- Ngoài nước	76.913.282	45,22%	156	28	128

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

Đối tượng	SLCP hạn chế chuyển nhượng	SLCP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỉ lệ sở hữu (%)
1	2	3	4=2+3	5
I. Cổ đông đặc biệt	4.349.000	3.046.609	7.395.609	4,27%
Hội đồng Quản trị (*)	4.245.000	2.952.227	7.197.227	4,16%
Ban Kiểm soát	39.000	68.282	107.282	0,06%
Kế toán trưởng/ Trưởng phòng TCKT	65.000	26.100	91.100	0,05%
II. Cổ phiếu quỹ	69.000	-	69.000	0,04%
III. Công đoàn Công ty	-	-	-	-
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-
V. Cổ đông khác	17.059.020	148.577.512	165.636.532	95,69%
1. Trong nước	3.659.020	85.387.177	89.046.197	51,44%
- Cá nhân	3.659.000	11.145.622	14.804.622	8,55%
- Tổ chức	20	74.241.555	74.241.575	42,89%
2. Nước ngoài	13.400.000	63.190.335	76.590.335	44,25%
- Cá nhân	-	3.741.840	3.741.840	2,16%
- Tổ chức	13.400.000	59.448.495	72.848.495	42,08%
TỔNG CỘNG	21.477.020	151.624.121	173.101.141	100,00%

(*) Tổng Giám đốc kiêm người được ủy quyền CBTT là Phó chủ tịch HĐQT.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu: Trong quý IV.2018 và quý I.2019, thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua theo Nghị quyết số 01-04/2018/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN đã phát hành 33.999.511 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Việc phát hành hoàn tất vào ngày 28/02/2019. Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của PAN sau thời điểm phát hành này là 169.999.141 cổ phiếu.

Phát hành lại cổ phiếu quỹ cho người lao động theo quy chế ESOP: Trong quý I.2019, thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 thông qua theo Nghị quyết số 02-10/2018/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN đã phát hành lại 102.000 cổ phiếu cho người lao động theo quy chế ESOP. Việc phát hành hoàn tất vào ngày 05/03/2019. Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của PAN sau thời điểm phát hành này là 170.101.141 cổ phiếu.

Mua lại cổ phiếu ESOP làm cổ phiếu quỹ: Trong năm 2019, căn cứ Quy chế phát hành cổ phiếu ESOP quy định tại Nghị quyết số 01-04/2017/NQ-ĐHĐCĐ và Nghị quyết số 01-04/2018/NQ-ĐHĐCĐ đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên của Công ty năm 2017 và 2018, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN đã mua lại 69.000 cổ phiếu quỹ từ người lao động nghỉ việc tại Công ty. Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của PAN sau thời điểm mua lại cổ phiếu là 170.032.141 cổ phiếu.

Phát hành cổ phiếu ESOP năm 2019: Trong quý IV.2019, thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua theo Nghị quyết số 01-04/2019/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN thực hiện phát hành 3.000.000 cổ phiếu mới theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Tập đoàn và các đơn vị thành viên (ESOP). Việc phát hành hoàn tất vào ngày 10/12/2019. Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của PAN sau thời điểm phát hành này là 173.032.141 cổ phiếu.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	4.201.500	2,43%
2	Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.215.413	1,28%
3	Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	360.000	0,21%
4	Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT	45.000	0,03%
5	Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên HĐQT	50.002	0,03%
6	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	201.250	0,11%
7	Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT	124.062	0,07%
8	Ông Michael Sgn Beng Hock	Thành viên HĐQT	-	-
9	Ông Miyabe Toshiaki	Thành viên HĐQT	-	-
10	Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS	23.850	0,01%
11	Ông Nguyễn Duy Hưng	Thành viên BKS	43.750	0,02%
12	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên BKS	39.682	0,02%
13	Ông Nguyễn Khắc Hải (Từ nhiệm ngày 01/6/2019)	Phó Tổng Giám đốc	381.875	0,22%
14	Bà Vũ Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	91.100	0,05%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Các cổ đông nắm giữ trên 5%

STT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	T AEL TWO PARTNERS LTD	30.409.591	17,57%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	34.164.275	19,75%
3	SOJITZ Corporation	16.750.000	9,67%
4	Công ty TNHH Đầu tư NDH	15.842.442	9,15%
5	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	11.556.876	6,67%
Tổng cộng		108.723.184	62,81%

Các cổ đông nắm giữ từ 0,5% - 5%

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty cổ phần Đầu tư Đường Mặt trời	8.034.881	4,64%
2	Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	7.829.522	4,52%
3	INTERNATIONAL FINANCE CORPORATION	6.971.875	4,03 %
4	GOVERNMENT OF SINGAPORE	5.541.527	3,20%
5	Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	4.629.168	2,67%
6	Nguyễn Duy Hưng	4.201.500	2,43%
7	Cty TNHH Một Thành viên Nguyễn Sài Gòn	3.098.005	1,79%
8	Nguyễn Thị Trà My	2.215.413	1,28%
9	Hoàng Văn Lương	2.214.148	1,28%
10	KAN CHAN HONG CHRISTOPHER	2.125.000	1,23%
11	LIONGLOBAL VIETNAM FUND	1.304.048	0,75%
12	Đoàn Thị Hồng Thuý	990.228	0,57%
13	Marco Breu	903.745	0,52%

BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Trong năm 2019, vấn đề tuân thủ luật pháp về môi trường được duy trì nghiêm ngặt. Bên cạnh đó là những nỗ lực cải tiến về cơ sở hạ tầng và công nghệ để giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường từ hoạt động sản xuất. Đây là chủ trương nhất quán của lãnh đạo Tập đoàn để hướng đến một hệ thống sản xuất hiện đại và thân thiện môi trường, tạo ra những sản phẩm có chất lượng hàng đầu đáp ứng yêu cầu khắt khe từ khách hàng.

Đối với người lao động, không chỉ duy trì việc làm và thu nhập ổn định, người lao động còn tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ từ công ty và các tổ chức trong công ty như chi bộ Đảng, đoàn thanh niên, Công đoàn... Bên cạnh đó, điều kiện làm việc cũng được cải thiện thoải mái và an toàn hơn, giúp người lao động trau dồi tay nghề, nâng cao hiệu quả lao động, phù hợp với các thông lệ quốc tế về lao động - xã hội. Người lao động vì vậy cũng yên tâm làm việc và gắn bó với công ty hơn, nơi mà họ được đảm bảo một cuộc sống ổn định, việc làm thuận tiện và cơ hội phát triển.

Một trong những vấn đề nữa mà Tập đoàn PAN luôn chú trọng, đó là góp phần phát triển đời sống kinh tế xã hội ở địa phương. Việc này được thực hiện thông qua các hoạt động như: Tạo ra nhiều việc làm, thu nhập; Phát triển chuỗi cung ứng; Đóng góp cho chương trình cộng đồng - xã hội... Ở mỗi địa phương có hoạt động, các công ty thành viên của Tập đoàn PAN luôn là tổ chức tiêu biểu trong phong trào đóng góp và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, hưởng ứng các chủ trương và chính sách nhà nước. Năm 2019, tổng ngân sách đóng góp của Tập đoàn PAN cho các hoạt động từ thiện - cộng đồng là 14,072 tỷ đồng. Hiện Tập đoàn PAN là thành viên chính thức của Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) - tổ chức lớn và uy tín của Việt Nam trong vấn đề Phát triển bền vững.



THE PAN GROUP



VIETNAM BUSINESS COUNCIL FOR
SUSTAINABLE DEVELOPMENT (VBCSD)

Tuy vậy, trong giai đoạn qua vẫn còn một số hoạt động chưa đạt được kết quả như kỳ vọng. Tập đoàn PAN có xem xét nghiêm túc các vấn đề này và xem đó là cơ sở để xây dựng kế hoạch hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.



Để đánh giá kết quả hoạt động PTBV, Tập đoàn PAN đã ban hành bộ chỉ số Phát triển bền vững với mục đích đo lường và theo dõi kết quả hoạt động PTBV, từ đó có kế hoạch cải tiến, đóng góp cho sự Phát triển bền vững của Việt Nam và thế giới.

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẬP ĐOÀN PAN



Doanh thu hợp nhất:
7.813 tỷ VNĐ

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất:
515,6 tỷ VNĐ

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất:
452 tỷ VNĐ

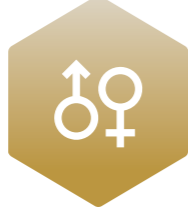
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ:
257,4 tỷ VNĐ



Đóng thuế (VNĐ)
292,7 tỷ VNĐ



Số lao động
8.969



Tỷ lệ nam nữ
4.631/4.338



Tỷ lệ thôi việc
21.2%



Mức lương khởi điểm thấp nhất
4.2 triệu VNĐ



Mức thu nhập trung bình nhân viên
10.07 triệu VNĐ



Số nông dân hợp tác
33.964



Năng lượng tiêu thụ (MJ/ tỷ đồng doanh thu)
53.086



Nước sạch tiêu thụ (m³/ tỷ đồng doanh thu)
232



Nước thải (m³/ tỷ đồng doanh thu)
95



Phát thải CO₂ năng lượng (tấn/ tỷ đồng doanh thu)
8,7



Tai nạn sản xuất
0



Vi phạm luật pháp Môi trường - Xã hội
0



Sự cố sản phẩm
0



Tổng sản phẩm cung cấp thị trường
Xem bảng (*)



Kinh phí từ thiện
14,072 tỷ VNĐ

[*] Mục 16: Tổng sản phẩm

STT	Sản phẩm	Sản lượng 2019 (kg)
1	Nghêu	1.759.000
2	Cá tra	4.805.000
3	Bánh	19.175.889
4	Kẹo	8.321.300
5	Mạch nha	6.218.000
6	Ngũ cốc	85.400
7	Lúa	54.538.000
8	Ngô	4.513.000
9	Đậu, rau	6.910.000
10	Gạo	5.036.000
11	Nông sản khác	252.000
12	Tôm	16.356.150
13	Nông sản đông lạnh đóng gói (công ty Sao Ta)	1.888.160
14	Hoa cúc	6.073.770 (cành)
15	Rau ăn lá	36.953
16	Nhân điều	864.679
17	Điều giá trị gia tăng	1.052.984
18	Nước mắm (lít)	7.366.290
19	Hàng hóa khử trùng (m3)	19,212,684 m3 hàng hóa
20	Thuốc BVTV	2.114.000

Chi tiết về kết quả hoạt động vui lòng xem trong báo cáo phát triển bền vững 2019 của Tập đoàn PAN.



CHƯƠNG

III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

01	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	146
02	Tình hình tài chính 2019	151
03	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và hệ thống quản lý	160
04	Kế hoạch kinh doanh năm 2020	162



THE PAN GROUP



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Báo cáo hoạt động kinh doanh chung năm 2019

1. TỔNG QUAN

Trong năm 2019, từ nguồn vốn huy động được, Tập đoàn PAN tập trung xây dựng hệ thống nền tảng vững chắc trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm thông qua việc mua cổ phần chi phối các công ty trong ngành có nền tảng tốt và tiềm năng tăng trưởng lớn, đầu tư các dự án mới tại các công ty thành viên trong các lĩnh vực trọng điểm. Kết thúc năm 2019, trong bối cảnh chung của toàn ngành hết sức khó khăn, Tập đoàn đã nỗ lực giữ quy mô về doanh thu và tăng trưởng về mặt lợi nhuận.



2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ VÀ M&A TRONG NĂM 2019

Với mô hình hoạt động theo hình thức Tập đoàn trong đó Công ty mẹ đóng vai trò là công ty quản lý vốn và điều phối sự phối hợp sản xuất, kinh doanh, phân phối giữa các công ty thành viên, trong năm 2019, PAN tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển thông qua M&A và gia tăng tỷ lệ sở hữu ở các công ty thành viên.

Trong lĩnh vực thực phẩm, các hoạt động đầu tư dự án mới và M&A nhằm gia tăng sở hữu ở các công ty thực phẩm tiếp tục được triển khai. Cụ thể, PAN tiếp tục tăng tỉ lệ sở hữu tại Fimex VN lên 64,5%. Ngoài ra, trong năm 2019, Tập đoàn cũng tăng tỉ lệ sở hữu tại CTCP Thủy sản 584 Nha Trang lên 73,4% qua đó đưa 584 Nha Trang trở thành công ty thành viên của Tập đoàn.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, vào đầu năm 2019, Tập đoàn đã hoàn thành tăng tỷ lệ sở hữu tại VFC lên 41,88% thông qua hình thức chào mua công khai.

Ngoài ra, trong tháng 6 năm 2019, CTCP Phân phối hàng tiêu dùng PAN, gọi tắt là PAN CG, chính thức được thành lập với mục tiêu sớm hướng tới doanh thu 150 tỷ đồng / tháng, thông qua việc phân phối trước hết là các sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm của Tập đoàn PAN, sau đó là các sản phẩm có chất lượng tương đương từ đối tác.

Tổng giá trị đầu tư lũy kế vào công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn tại ngày 31/12/2019:



STT	Công ty	Quan hệ	Tỉ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (tỷ đồng)
1.	PAN Farm	Công ty con	81,9%	999,9
2.	PAN Food	Công ty con	99,99%	999,9
3.	Fimex VN	Công ty con	35,8%	474,1
4.	PAN CG	Công ty con	99,99%	199,9
5.	VFC	Công ty liên kết	41,88%	484,1
6.	Golden Beans	Công ty con	79,6%	60,2
Tổng cộng				3.218,1



Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019

1. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019 SO VỚI KẾ HOẠCH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

ĐVT: Tỷ VND

STT	Chi tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% hoàn thành kế hoạch năm
1.	Doanh thu thuần hợp nhất	10.513	7.813	74%
2.	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	644	516	80%
3.	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	562	452	80%
4.	Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ	340	257	75%

Tổng hợp giá trị đầu tư lũy kế ở các công ty ngành Thực phẩm của PAN Food tại 31/12/2019:

STT	Công ty	Quan hệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (tỷ đồng)
1.	PAN Food Manufacturing	Công ty con	99,96%	299,9
2.	Aquatex Bentre	Công ty con	78,33%	373,5
3.	Lafooco	Công ty con	80,52%	152,1
4.	Bibica	Công ty con	50,07%	474,1
5.	584 Nha Trang	Công ty con	73,45%	132,3
6.	Fimex VN	Công ty liên kết	12,36%	140,1
Tổng cộng				1.572

Tổng hợp giá trị đầu tư lũy kế ở các Công ty ngành Nông nghiệp của PAN Farm tại 31/12/2019:

STT	Công ty	Quan hệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (tỷ đồng)
1.	Vinaseed	Công ty con	80%	1.008
2.	PAN-HULIC	Công ty con	51%	80
Tổng cộng				1.088



Xét về việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, trong năm 2019, kế hoạch nâng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Khử trùng Việt Nam (HOSE: VFG) lên trên 50% chưa được hoàn tất do điều kiện thị trường, kết quả kinh doanh VFG chưa được hợp nhất vào Tập đoàn. Do đó, doanh thu thuần hợp nhất đạt 74% kế hoạch năm và lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ đạt 75% so với kế hoạch. Tuy nhiên, Tập đoàn vẫn chủ động mở rộng chuỗi giá trị thông qua việc nâng tỷ lệ sở hữu thành công tại CTCP Thủy sản 584 và CTCP Phân phối hàng tiêu dùng PAN.

TẬP ĐOÀN CHỦ ĐỘNG MỞ RỘNG CHUỖI GIÁ TRỊ THÔNG QUA VIỆC NÂNG TỶ LỆ SỞ HỮU THÀNH CÔNG TẠI CTCP THỦY SẢN 584 VÀ CTCP PHÂN PHỐI HÀNG TIÊU DÙNG PAN.

2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019 SO VỚI 2018

ĐVT: Tỷ VND

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% hoàn thành kế hoạch năm
1.	Doanh thu thuần hợp nhất	7.813	7.829	99%
2.	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	516	637	81%
3.	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	452	567	80%
4.	Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ	257	334	77%
5.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	1.488	1.791	83%

Trong bối cảnh thị trường nông nghiệp hết sức khó khăn trong năm 2019, kết quả kinh doanh năm 2019 thể hiện sự nỗ lực của Tập đoàn PAN, khi quy mô doanh thu và lợi nhuận đạt được trong năm tương đương so với cùng kỳ. Doanh thu thuần năm 2019 đạt 7.813 tỷ, giảm nhẹ 0,57%. Doanh thu từ hoạt động xuất khẩu đạt 4.559 tỷ, giảm 5% trong khi doanh thu từ nội địa tăng 7% lên 3.254 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do tình hình sụt giảm chung giá xuất khẩu các sản phẩm thủy hải sản và việc Tập đoàn bắt đầu tập trung phát triển bán hàng trong nước.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019 đạt 452 tỷ đồng, giảm 20% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, nếu tách khoản lợi nhuận từ mua rẻ tài sản năm 2018 thì chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh lõi năm 2019 tăng trưởng 15%. Biên lợi nhuận gộp hợp nhất được cải thiện, năm 2019 là 21% so với 18% năm 2018. Kết quả này đạt được do biên lợi nhuận gộp của mảng tôm được cải thiện, duy trì ở mức tốt và đặc biệt mảng hạt chuyển hướng mạnh mẽ cơ cấu sản phẩm từ điều thô sang điều chế biến trong năm 2019.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2019

TÌNH HÌNH TÀI SẢN HỢP NHẤT

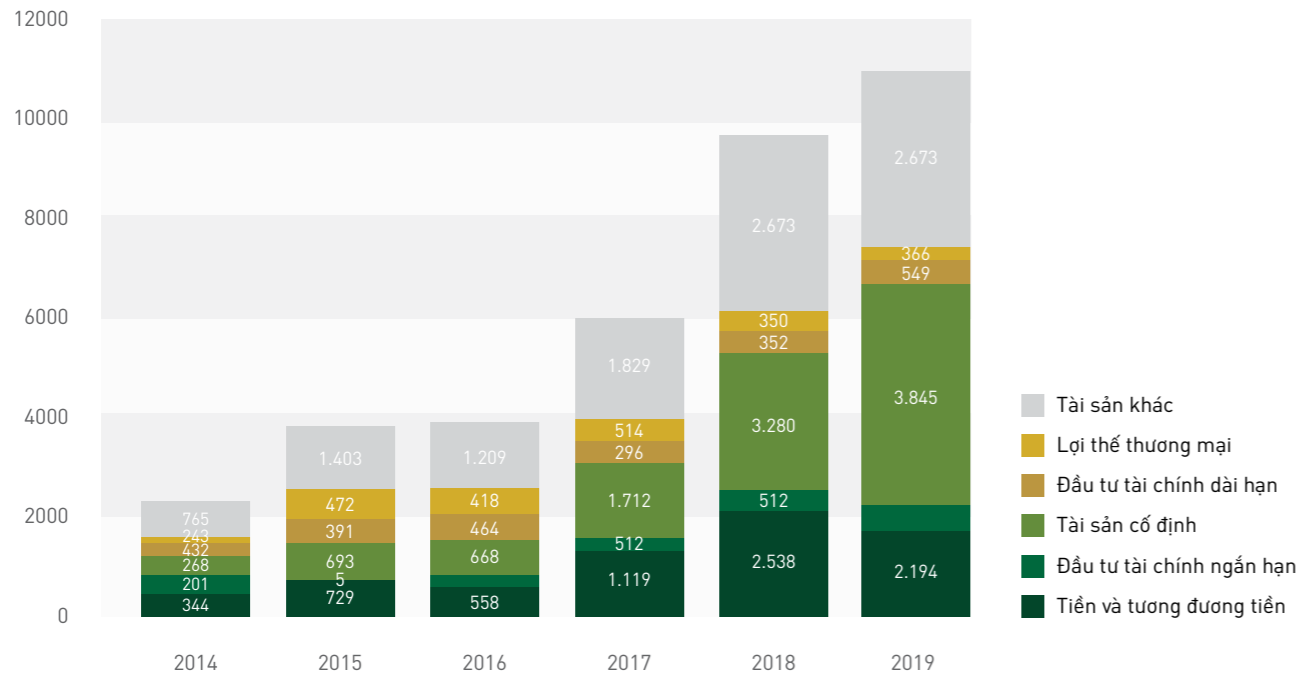
Tại thời điểm 31/12/2019, giá trị tổng tài sản hợp nhất toàn Công ty đạt 10.764 tỷ đồng, tăng 14% so với cuối năm 2018. Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản trong năm 2019 chậm hơn so với giai đoạn 2013 – 2018, do từ năm 2019, Công ty đã bước vào giai đoạn phát triển mới khi tập trung nâng cao và phát huy sức mạnh nội lực từ hệ sinh thái các công ty thành viên hiện hữu thay, giảm chậm tốc độ thực hiện M&A, phù hợp với điều kiện thị trường trong giai đoạn này.

Do chiến lược thực hiện M&A hợp nhất các công ty con tiếp tục được thực hiện trong giai đoạn từ 2015 – 2019, các công ty con đều là công ty có tiềm lực tài chính tốt, cơ cấu tài chính ổn định trong ngành nông nghiệp và thực phẩm, giá trị tiền và tương đương tiền, phải thu thương mại, hàng tồn kho và tài sản cố định chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty.

Cơ cấu tài sản, nguồn vốn hợp nhất:

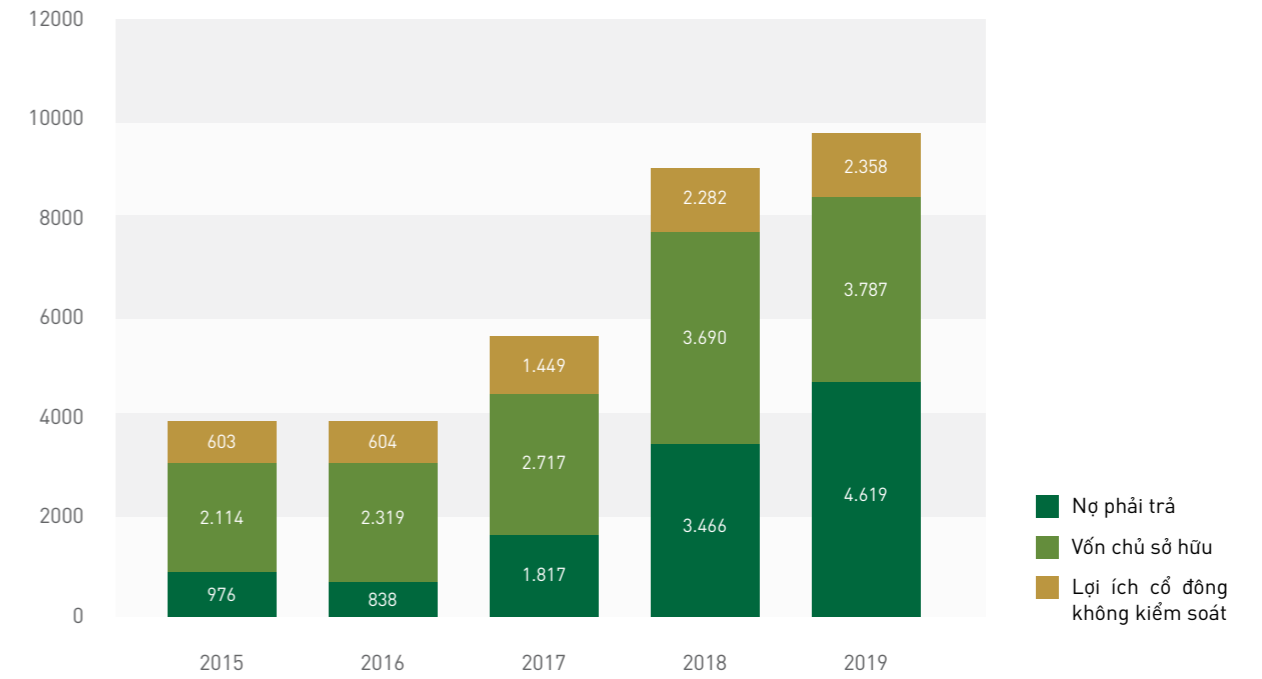
STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2018		Tỷ lệ tăng/giảm %
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Tài sản ngắn hạn	5.683	53%	5.175	55%	10%
2	Tài sản dài hạn	5.081	47%	4.264	45%	19%
A	Tổng tài sản	10.764	100%	9.439	100%	14%
1	Nợ phải trả	4.619	37%	3.467	37%	33%
	<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>3.060</i>	<i>19%</i>	<i>1.780</i>	<i>19%</i>	<i>72%</i>
	<i>Nợ dài hạn</i>	<i>1.559</i>	<i>18%</i>	<i>1.687</i>	<i>18%</i>	<i>-8%</i>
2	Vốn chủ sở hữu	6.145	63%	5.972	63%	3%
3	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.358	24%	2.282	24%	3%
B	Tổng nguồn vốn	10.764	100%	9.439	100%	14%

Tăng trưởng tài sản hợp nhất qua các năm:



(* Tài sản khác chủ yếu bao gồm các khoản phải thu, hàng tồn kho và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

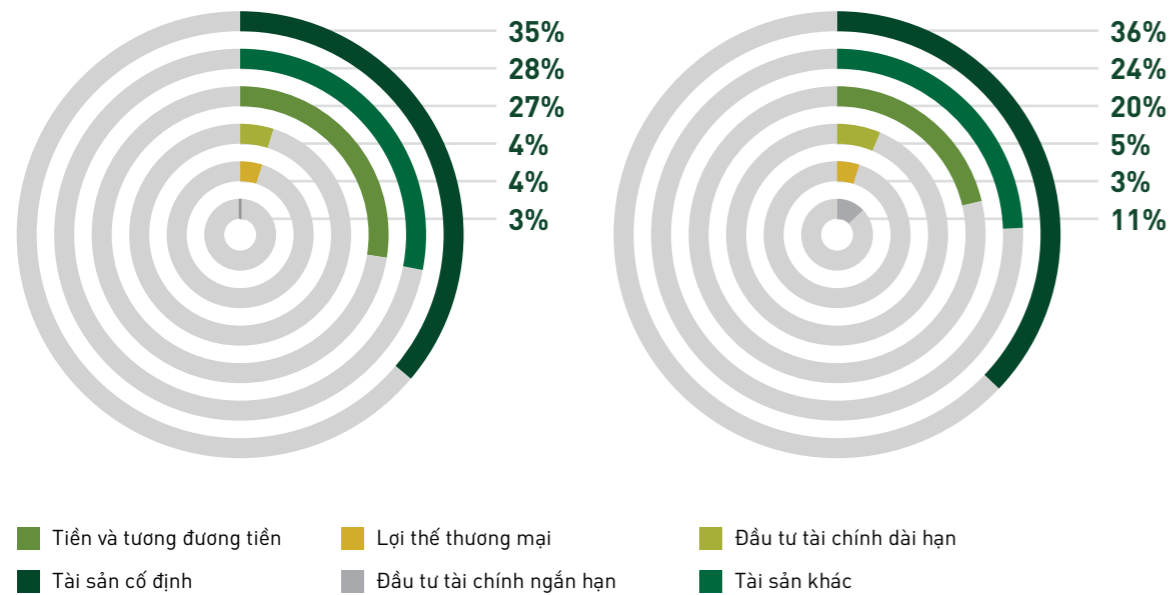
Tăng trưởng cơ cấu tổng nguồn vốn hợp nhất qua các năm:



So sánh cơ cấu tài sản hợp nhất trong 02 năm:

Cơ cấu tài sản hợp nhất năm 2018

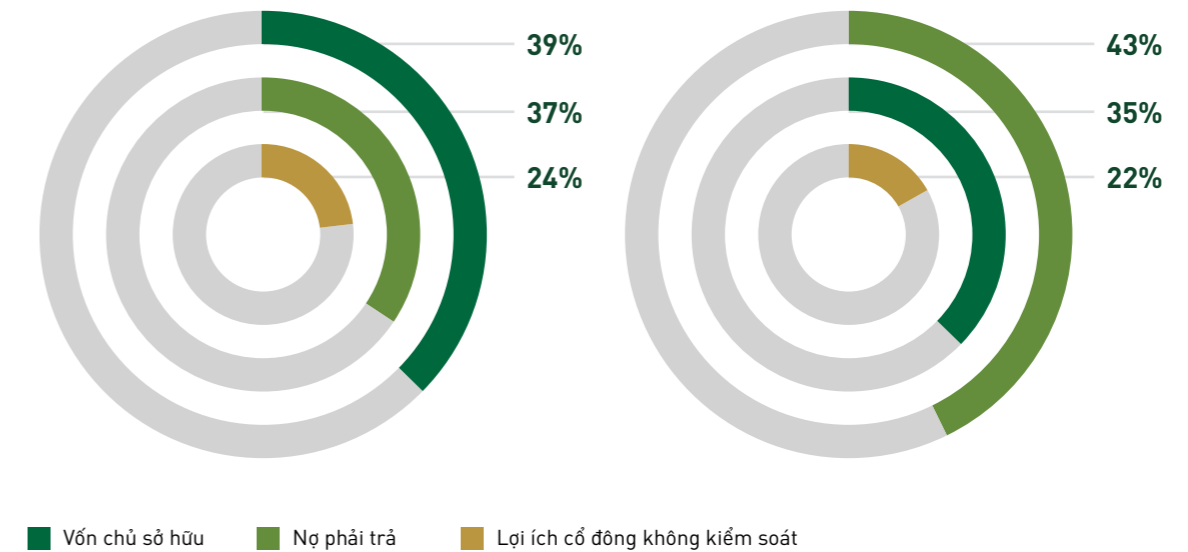
Cơ cấu tài sản hợp nhất năm 2019



So sánh cơ cấu nguồn vốn hợp nhất năm 2018 và 2019:

Cơ cấu nguồn vốn hợp nhất năm 2018

Cơ cấu nguồn vốn hợp nhất năm 2019

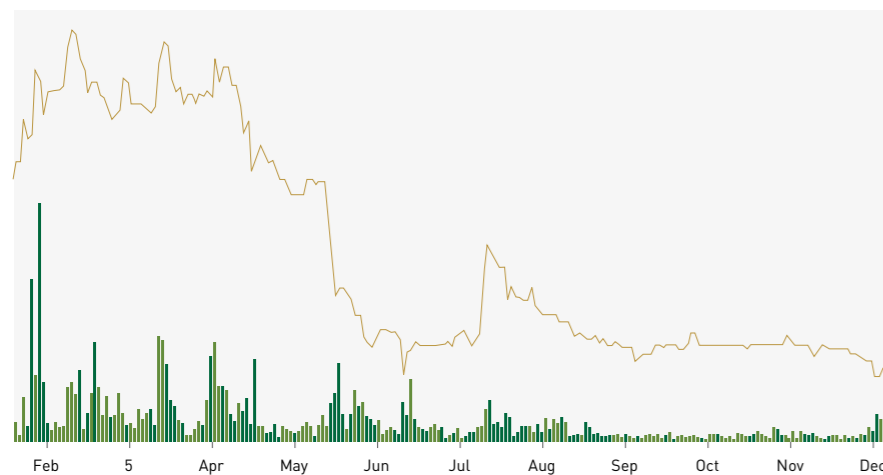


TÌNH HÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Thực hiện theo phương án đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt, Tập đoàn đã hoàn thành việc tăng vốn thông qua việc phát hành cổ phiếu ESOP. Tính đến 31/12/2019, Công ty đã phát hành 3.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP) với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-04/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2019. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 1.701.011.410.000 đồng đồng lên 1.731.011.410.000 đồng tại ngày 03 tháng 12 năm 2019.

Tại ngày 31/12/2019, mức vốn hóa thị trường của PAN đạt 4.846 tỷ đồng.

Diễn biến khối lượng và giá giao dịch cổ phiếu Tập đoàn PAN trong năm 2019



TÌNH HÌNH CÔNG NỢ VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Tình hình công nợ:

Trong năm 2019, hệ số tổng nợ/tổng tài sản và tổng nợ/vốn chủ sở hữu có tỷ lệ lần lượt là 43% và 75%. Các hệ số này tăng so với các năm trước chủ yếu do việc trong năm các công ty thành viên tăng việc sử dụng vốn nợ để tài trợ các các dự án mở rộng sản xuất kinh doanh và nâng cấp dây chuyền thiết bị tại Vinaseed, Fimex VN, Bibica và một số dự án khác.

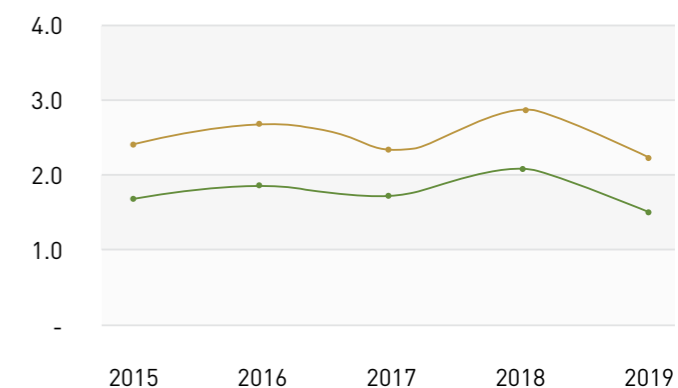


Khả năng thanh toán:

Các chỉ số về khả năng thanh toán của Tập đoàn PAN có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2015-2019 phản ánh việc phân bổ vốn huy động được trong các giai đoạn trước, được giữ ở các khoản tiền và đầu tư ngắn hạn đã được dịch chuyển dần sang phục vụ hoạt động đầu tư & sản xuất kinh doanh tại các nền tảng cốt lõi của Công ty là nông nghiệp và thực phẩm tiêu dùng.

—●— Khả năng thanh toán hiện hành
—●— Khả năng thanh toán nhanh

Khả năng thanh toán giai đoạn 2015 - 2019 (lần)



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2018
Cơ cấu nợ			
Tổng nợ/Tổng tài sản	%	43%	37%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	%	75%	58%
Vay ngắn hạn và dài hạn/Tổng tài sản	%	29%	24%
Vay ngắn hạn và dài hạn/Vốn chủ sở hữu	%	50%	38%



Năm 2019, tuy các hệ số thanh toán giảm nhẹ so với năm 2018 nhưng vẫn ổn định ở mức cao thể hiện khả năng thanh khoản tốt của Công ty nhờ lượng tiền mặt dồi dào từ các hoạt động kinh doanh chính: nông nghiệp, thực phẩm, bánh kẹo... Các hoạt động này luôn tạo ra dòng tiền ổn định đáp ứng yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2018
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,9	2,9
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,4	2,0
Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,7	1,6
Tiền và tương đương tiền	Tỷ đồng	2.194	2.538

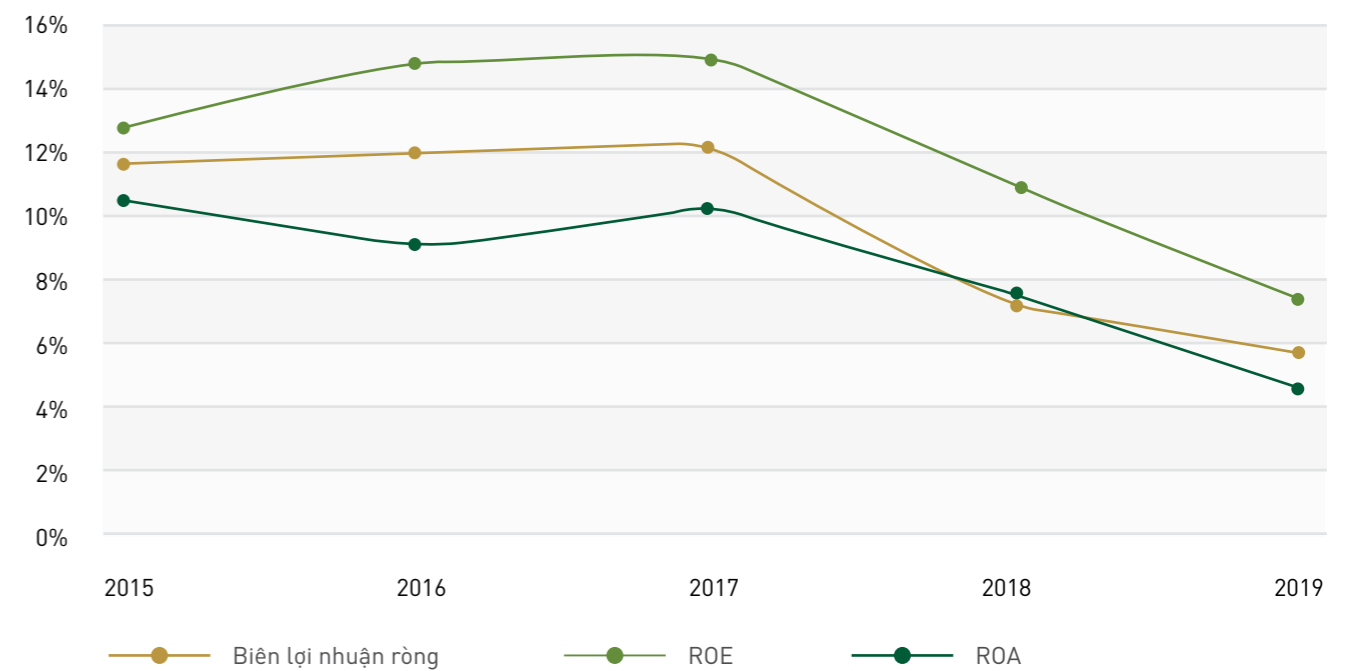
KHẢ NĂNG SINH LỜI

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2018
Tỷ lệ lãi gộp	%	21,2	17,7
Lợi nhuận thuần từ HĐKD chính/ Doanh thu thuần	%	6,6	8,0
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất/ Doanh thu thuần	%	6,6	8,1
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất/ Doanh thu thuần	%	5,7	7,2
ROE	%	7,5	11,2
ROA	%	4,5	7,4

Tính chung cả giai đoạn từ 2015 đến 2019, Tập đoàn PAN duy trì khả năng tỷ suất sinh lời tốt. Năm 2019, các chỉ số tỷ suất lợi nhuận giảm so với 2018 và các năm trước, do đây là năm bản lề bước sang giai đoạn mới, đầu tư chiều sâu của Công ty, trong khi hoạt động M&A được chủ động tiến hành chậm lại, phù hợp với bối cảnh của thị trường. Trong năm

2019, với một loạt các hạng mục nhà máy, vùng nguyên liệu được đầu tư mở rộng ở quy mô lớn, quy mô vốn và tổng tài sản của Công ty tăng nhưng phần lợi nhuận chưa tăng ngay được trong năm. Điều này gây ảnh hưởng ngắn hạn tới các chỉ số sinh lời, nhưng về dài hạn là nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Tỷ suất lợi nhuận giai đoạn 2015 - 2019



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Kết quả kinh doanh

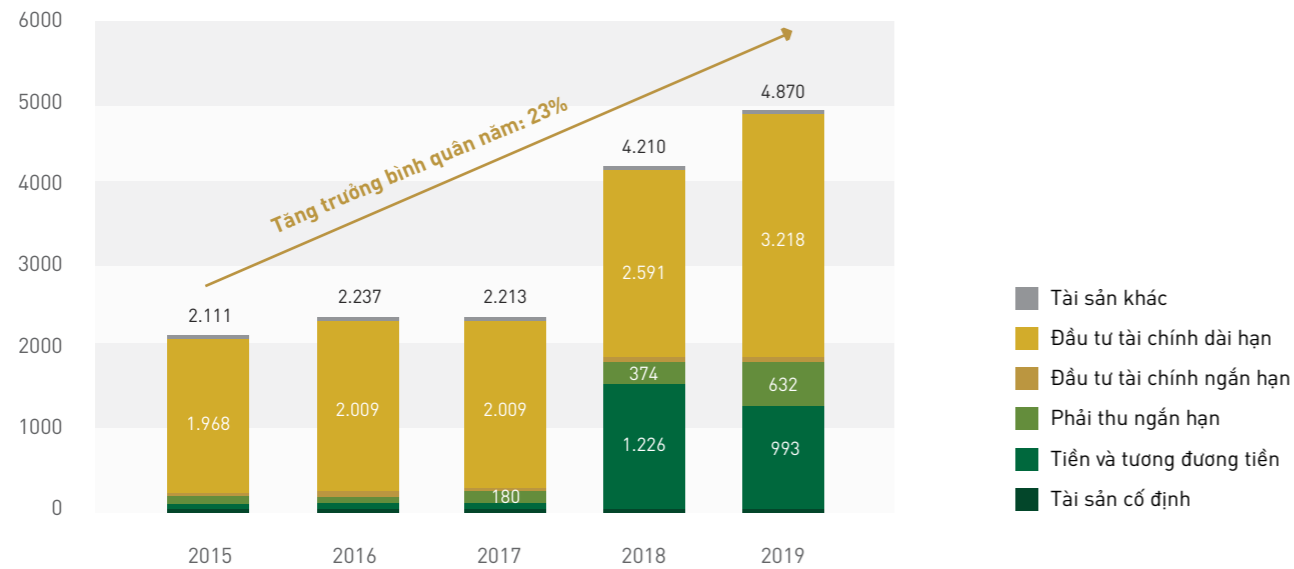
Tại Công ty mẹ, năm 2019 nguồn lợi nhuận chủ yếu đến từ cổ tức của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, và hoạt động đầu tư chứng chỉ tiền gửi, các giấy tờ có giá khác.

Cơ cấu tài sản Công ty mẹ

Tài sản Công ty mẹ giai đoạn từ 2015 đến 2019 có sự tăng trưởng đều đặn với mức tăng bình quân 23%/năm nhờ cả quá trình tăng vốn và M&A các công ty trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm. Điều này phản ánh rõ chiến lược phát triển bằng M&A của Công ty trong giai đoạn này.

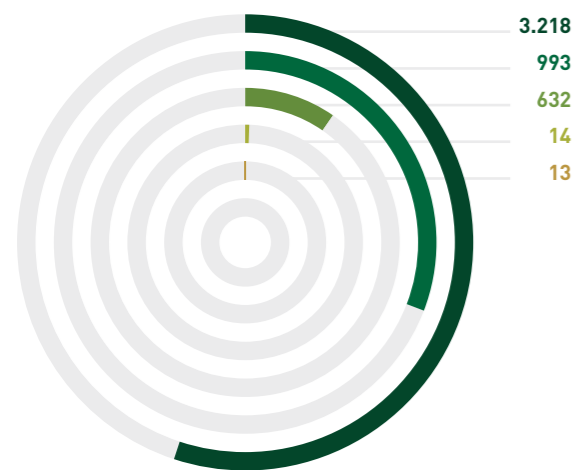
Theo xu hướng này, tỷ trọng các khoản đầu tư tài chính dài hạn, bao gồm đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết liên tục tăng trong các năm gần đây: năm 2018 đạt 2.591 tỷ đồng, năm 2019 đạt 3.218 tỷ đồng, lần lượt tương đương 61% và 66% tổng tài sản Công ty mẹ.

Tổng tài sản công ty mẹ giai đoạn 2015 - 2019



So sánh cơ cấu tài sản Công ty mẹ năm 2018 và 2019:

Cơ cấu tài sản công ty năm 2019 (%)



Cơ cấu tài sản năm 2018 (%)



- Đầu tư tài chính dài hạn
- Phải thu ngắn hạn
- Tài sản cố định
- Tiền và tương đương tiền
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Tài sản khác



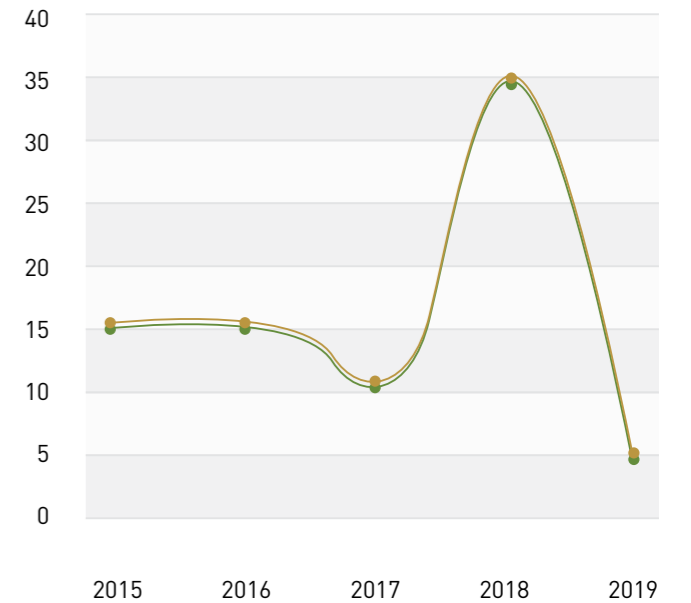
Trong các năm qua, Công ty mẹ The PAN Group luôn duy trì khả năng thanh khoản tốt nhờ nguồn số dư tiền mặt lớn từ các hoạt động tăng vốn liên tục và cổ tức nhận được từ khác khoản đầu tư. Điều này giúp Công ty mẹ chủ động trong quá trình thực hiện chiến lược mua lại cổ phần chi phối tại các công ty mục tiêu cũng như khả năng hỗ trợ về tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên trong toàn Tập đoàn khi cần.

Tình hình công nợ: Do tại Công ty mẹ không tiến hành sản xuất kinh doanh trực tiếp, do vậy số dư công nợ phải trả phát sinh cũng như các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi thấp. Trong năm, khoản phải thu ngắn hạn chủ yếu đến từ khoản vay cho công ty Cổ phần Thực phẩm PAN.

Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá và lãi vay: tại Công ty mẹ, dòng tiền thu cổ tức, huy động vốn cũng như dòng tiền chi đầu tư M&A (hoạt động chính) được thực hiện bằng đồng VND, không phát giao dịch và số dư ngoại tệ, do vậy không phát sinh rủi ro về tỷ giá. Ngoài ra, tại Công ty mẹ không phát sinh các khoản nợ vay, do vậy không chịu ảnh hưởng của lãi suất tiền vay.

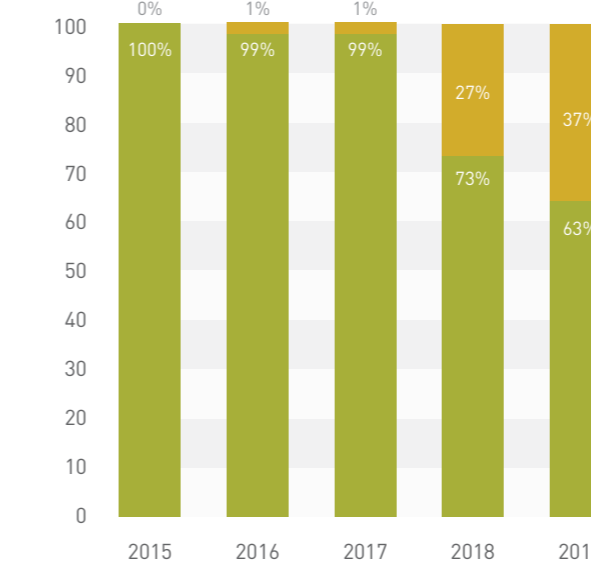
Cơ cấu nguồn vốn và khả năng thanh toán: Với đặc thù hoạt động chính của Công ty mẹ là huy động vốn để thực hiện các giao dịch đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn: tại thời điểm 31/12/2019 chiếm 63%.

Khả năng thanh toán giai đoạn 2015 - 2019



- Khả năng thanh toán hiện hành
- Khả năng thanh toán nhanh

Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2015 - 2019



- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ

SONG SONG VỚI LỘ TRÌNH THU HÚT THÊM NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, TRONG NĂM 2019, TẬP ĐOÀN TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÁC CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐỂ PHÙ HỢP VỚI QUY MÔ NGÀY Càng LỚN CỦA TẬP ĐOÀN:

ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH, QUY CHẾ NHẪM TĂNG CƯỜNG TÍNH MINH BẠCH, SỰ TUÂN THỦ VÀ CHUẨN MỰC LÀM VIỆC CỦA HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Tương ứng với sự tăng trưởng về quy mô vốn và các đổi mới về cơ cấu tổ chức trong năm 2019, Tập đoàn PAN đã rà soát, hoàn thiện và ban hành các quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn quan trọng. Cụ thể:

- Ban hành các Phụ lục điều chỉnh Điều lệ của Công ty phù hợp với quy mô và tình hình thực tế.

- Hoàn thiện và ban hành Chính sách Phòng chống tham nhũng và hối lộ của Tập đoàn PAN nhằm xác định những giá trị, chuẩn mực đạo đức chung để các cấp quản lý và nhân viên của Công ty và các Công ty thành viên tuân thủ trong khi thi hành công vụ.



THAY ĐỔI NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thực hiện quy định của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty đại chúng, trong năm 2019, Tập đoàn đã bổ nhiệm ông Nguyễn Anh Tuấn là người phụ trách quản trị Công ty thay thế ông Nguyễn Khắc Hải theo Nghị quyết số 02-05/2019/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị. Nhân sự phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm tư vấn đảm bảo sự tuân thủ về mặt thủ tục của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, đảm bảo thủ tục ban hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, theo dõi việc công bố thông tin của Tập đoàn và các vấn đề khác về quản trị công ty.

TẬP ĐOÀN PAN DUY TRÌ VÀ THƯỜNG XUYỀN ĐÁNH GIÁ VIỆC ÁP DỤNG CÁC TIÊU CHUẨN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN VỀ MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI

Tập đoàn PAN đánh giá việc thực hiện và áp dụng các tiêu chuẩn nội bộ tại các công ty thành viên. Chương trình thường niên này nhằm đánh giá sự tuân thủ các quy định luật pháp, các cam kết với nhà đầu tư, khách hàng về môi trường, an toàn, lao động và trách nhiệm xã hội. Nội dung đánh giá năm 2019 còn bao gồm đánh giá việc thực hiện các yêu cầu của Chính sách bảo trợ ADB – một trong những tiêu chuẩn mà PAN cam kết tuân thủ trong năm 2019. Trong những năm qua, hoạt động đánh giá Môi trường – Xã hội thường niên được duy trì nghiêm túc đã giúp các công ty thành viên ngày càng tuân thủ và đáp ứng tốt hơn các thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế.

Đánh giá môi trường xã hội là một yêu cầu nằm trong Bộ nguyên tắc sản xuất do Tập đoàn PAN ban hành và áp dụng nội bộ ở công ty thành viên.

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2020

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Kế hoạch hợp nhất	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	% kế hoạch so với thực hiện 2019
1	Doanh thu hợp nhất	7.813	8.653	111%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	516	452	88%
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	451	367	83%
4	Lợi nhuận Cổ đông Công ty mẹ PAN	257	201	78%

(*] Chỉ tiêu kế hoạch phụ thuộc sự phê duyệt của HĐQT và thông qua bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2020.

GIẢI TRÌNH CƠ SỞ CHO KẾ HOẠCH KINH DOANH 2020

Chỉ tiêu doanh thu: dựa trên chỉ tiêu doanh thu dự kiến trình để thông qua bởi HĐQT và Đại hội đồng Cổ đông của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Các chỉ tiêu này được xây dựng dựa vào các đánh giá, dự báo thị trường, tình hình cạnh tranh và các sách lược kinh doanh của từng công ty trong năm 2020. Cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động như sau:

Mảng nông nghiệp:

Doanh thu chủ yếu đến từ mảng kinh doanh giống cây trồng và lương thực. Vinaseed hiện đang sở hữu 94,66% SSC, ngày càng tận dụng và tối ưu hóa được những nguồn lực của nhau trong sản xuất, kinh doanh, phân phối hàng hóa từ đó nâng cao hiệu quả và tăng cường khả năng cạnh tranh trước các đối thủ trên thị trường. Ngoài ra việc Trung tâm chế biến giống và nông sản tại Đồng Tháp đi vào hoạt động từ cuối năm 2019 cũng được kỳ vọng là động lực tăng trưởng doanh thu mới của mảng Nông nghiệp.

Trong năm 2019, doanh thu trong lĩnh vực nông nghiệp của Tập đoàn PAN dự kiến tăng trưởng 18% so với năm 2018 và đóng góp trên 20% tổng kế hoạch doanh thu hợp nhất năm 2020 của toàn Tập đoàn.

Với bối cảnh tình hình biến đổi khí hậu theo hướng tiêu cực và đặc biệt ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 tới sản xuất, kinh doanh trong năm 2020, kế hoạch doanh thu như trên của mảng Nông nghiệp là mục tiêu khá thách thức.

Mảng thực phẩm:

Kế hoạch doanh thu của PAN Food năm 2020 tăng trưởng tốt ở mức 26% với động lực chính là việc nhà máy bánh kẹo mới của Bibica tại Long An đã đi vào hoạt động từ cuối năm 2019 và sẽ đóng góp đáng kể doanh thu trong năm 2020. Trong khi các mảng sản phẩm khác của PAN Food như hạt điều, nước mắm giữ tăng trưởng ổn định ở mức 6 – 10%.

Chỉ tiêu lợi nhuận: được hợp nhất dựa trên chỉ tiêu kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con trên cơ sở tỷ lệ sở hữu dự kiến trong năm 2020.

Kế hoạch lợi nhuận năm 2020 có sự suy giảm so với năm 2019; phần lớn do ảnh hưởng nặng nề của tình hình biến đổi khí hậu, nắng nóng kéo dài, xâm nhập mặn cũng như dịch Covid-19 tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của hầu hết các mảng kinh doanh của Công ty trong năm 2020.

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận như trên được Công ty xây dựng đã tính đến những ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, tuy nhiên có thể còn có biến động do diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 và ảnh hưởng sâu rộng của nó tới môi trường và hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2020.

Định hướng của Công ty trong năm 2020 vẫn sẽ tiếp tục tìm kiếm cơ hội để hợp nhất các công ty tốt, phù hợp với chuỗi giá trị của PAN. Tuy nhiên với quan điểm thận trọng, Ban lãnh đạo đã lập kế hoạch này, chưa bao gồm ảnh hưởng nếu có của các thương vụ M&A Công ty đang theo đuổi.

Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2019

Chỉ tiêu và tỷ lệ trích lập cho cổ tức, trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi; thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành năm 2019 dự kiến trình Đại hội đồng Cổ đông của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ/số tiền
1	Cổ tức	Theo quyết định của ĐHĐCĐ
2	Kinh phí hoạt động, thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng)
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5% lợi nhuận sau thuế công ty mẹ



CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- | | | |
|----|---|-----|
| 01 | Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty | 166 |
| 02 | Báo cáo giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành công ty | 170 |
| 03 | Kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2020 | 172 |



THE PAN GROUP



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

KHÁC VỚI NĂM 2018 KHI TẬP ĐOÀN ĐẨY MẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ M&A VÀ THU HÚT VỐN TRÊN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH NHẪM TẠO NGUỒN CHO TĂNG TRƯỞNG DÀI HẠN, NĂM 2019 TẬP ĐOÀN ĐẶT TRỌNG TÂM VÀO VIỆC ĐẦU TƯ CHO NĂNG LỰC SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG ĐỂ TẠO NỀN TẢNG CỐ KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG VỚI MÔI TRƯỜNG SẢN XUẤT KINH DOANH KHÓ KHĂN (DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU) VÀ CẠNH TRANH CAO HƠN.

Năm 2019, mặc dù nhìn chung Tập đoàn không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra nhưng xét trong bối cảnh chung khi ngành Nông nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề thì việc tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi của Tập đoàn vẫn là một kết quả đáng khích lệ.

THE PAN GROUP NĂM 2019: ĐẨY MẠNH TĂNG TRƯỞNG HỮU CƠ – MỞ RỘNG CHUỖI GIÁ TRỊ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chi tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2018	% hoàn thành KH 2019	Thực hiện 2019 so với 2018
1 Doanh thu thuần hợp nhất	10.513	7.813	7.828	74%	99%
2 LNTT hợp nhất	644	515	637	80%	80%
3 LNST hợp nhất	562	451	567	80%	79%
4 Lợi nhuận CĐ Công ty mẹ	340	257	334	76%	79%

VIỆC ĐẠT TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỐT LÕI LÀ MỘT MINH CHỨNG CHO MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH DOANH BỀN VỮNG MÀ PAN ĐANG THEO ĐUỔI.

2019 là năm ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn lớn với tình trạng nắng nóng kéo dài, khô hạn và xâm nhập mặn nghiêm trọng trên cả nước và vùng trọng điểm ĐBSCL. Thị trường xuất khẩu nông sản cũng gặp nhiều rào cản khi giá xuất khẩu luôn ở mức thấp. Trong bối cảnh đó, việc đạt tăng trưởng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cốt lõi là một minh chứng cho mô hình phát triển kinh doanh bền vững mà PAN đang theo đuổi.

Về doanh thu: Doanh thu thuần hợp nhất của Tập đoàn năm 2019 đạt 7.813 tỉ, gần tương đương với doanh thu năm 2018. Trong đó, mảng nông nghiệp đóng góp 1.535 tỉ đồng, tương đương 20% và mảng thực phẩm đóng góp 6.277 tỉ đồng, tương đương 80%. Doanh thu xuất khẩu đạt 4.558 tỉ, giảm 10,1% trong khi doanh thu từ nội địa tăng mạnh 14,5% lên 3.254 tỉ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do tình hình sụt giảm chung giá xuất khẩu các sản phẩm thủy hải sản và việc Tập đoàn bắt đầu tập trung phát triển bán hàng trong nước.

Về Lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019 đạt 451 tỉ đồng, giảm 20% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, nếu tách khoản lợi nhuận từ giao dịch mua rẻ khi hợp nhất Fimex VN năm 2018 thì chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh lõi năm 2019 tăng trưởng 15%. Biên lợi nhuận gộp hợp nhất được cải thiện, năm 2019 là 21% so với 18% năm 2018. Kết quả này đạt được là do biên lợi nhuận gộp của Fimex VN được cải thiện và duy trì ở mức tốt và đặc biệt là Lafooco chuyển hướng mạnh mẽ cơ cấu sản phẩm từ điều thô sang điều chế biến trong năm 2019.



Xét về việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, trong năm 2019, kế hoạch nâng tỉ lệ sở hữu tại CTCP Khử trùng Việt Nam (HOSE: VFG) lên trên 50% chưa được hoàn tất do điều kiện thị trường, kết quả kinh doanh VFG chưa được hợp nhất vào Tập đoàn. Do đó, doanh thu thuần hợp nhất đạt 74% kế hoạch năm. Tuy nhiên, Tập đoàn vẫn chủ động mở rộng chuỗi giá trị thông qua việc nâng tỉ lệ sở hữu thành công tại CTCP Thủy sản 584 Nha Trang lên 73,45%, đầu tư mua lại 80% cổ phần của Golden Beans (SHIN Cà Phê) và đặc biệt là thành lập CTCP Phân phối hàng tiêu dùng PAN (PAN CG).

2019 là năm Tập đoàn đẩy mạnh đầu tư các dự án lớn, tập trung nhiều hơn vào tăng trưởng hữu cơ dựa trên nền tảng mạnh đã có. Tiêu biểu là việc mở rộng vùng nuôi tôm tại Sóc Trăng thêm 90 ha; hoàn thành Trung tâm giống tại Đơn Dương, Lâm Đồng; khánh thành nhà máy Bibica Miền Tây công suất 10.000 tấn/năm; khai trương Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và nông sản Đồng Tháp với công suất 30.000 tấn giống và 85.000 tấn gạo/năm. Tất cả cơ sở sản xuất mới đều sử dụng thiết bị, dây chuyền hiện đại của Hoa Kỳ, Châu Âu và Nhật Bản. Việc PAN CG ra đời với đội ngũ 800 nhân viên có quan hệ với hơn 145.000 cửa hàng bán lẻ tại 63 tỉnh thành là mảnh ghép quan trọng nhằm dẫn hoàn thiện chuỗi giá trị theo chiến lược tổng thể "từ nông trại đến bàn ăn", góp phần đưa sản phẩm của PAN và các sản phẩm thực phẩm chất lượng cao đến với người tiêu dùng nội địa. Các dự án trên hứa hẹn sẽ mang lại tiềm năng tăng trưởng lớn cho Tập đoàn trong giai đoạn tới.

Tại ngày 31/12/2019, tổng tài sản của PAN đạt 10.765 tỷ đồng, tăng 1.326 tỷ đồng tương đương 115% so với thời điểm đầu năm. Cơ cấu tài sản được duy trì hợp lý với tổng nợ phải trả 4.619 tỷ đồng, tương đương 43% tổng tài sản, trong đó nợ ngắn hạn là 3.060 tỷ đồng, nợ dài hạn 1.559 tỷ đồng; vốn chủ sở hữu đạt 6.146 tỷ đồng, tương đương 57% tổng tài sản.

QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Trong năm 2019, với định hướng ban đầu là tập trung phát triển và xây dựng nền tảng sản xuất kinh doanh, Tập đoàn đã đặt trọng tâm vào việc thực hiện các kế hoạch đầu tư phát triển nhằm nâng cao năng lực sản xuất và cung ứng nguyên liệu tại cả lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm. Điều này thể hiện ở một loạt các nhà máy và vùng nguyên liệu đã được phát triển và đưa vào khai thác trong năm. Hoạt động đầu tư M&A với mục tiêu mua lại hoặc nâng tỷ lệ sở hữu các doanh nghiệp nông nghiệp, thực phẩm hàng đầu để tạo thành chuỗi liên kết vững mạnh, tận dụng các cơ hội kinh doanh tiềm năng từ các đơn vị thành viên và đối tác được thực hiện với sự cẩn trọng cao, phù hợp điều kiện thị trường nhằm đảm bảo tối đa lợi ích của Công ty và cổ đông.

Quá trình đầu tư tại lĩnh vực Nông nghiệp:

Dự án Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và nông sản: Tháng 12 năm 2019, sau 8 tháng triển khai xây dựng, lắp đặt, Vinaseed hoàn thành Dự án Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và nông sản tại Đồng Tháp. Một Trung tâm sản xuất, chế biến giống và nông sản hiện đại, đồng bộ và tự động hóa theo công nghệ Nhật Bản đã được hình thành, với quy mô công suất 100.000 tấn gạo và 50.000 tấn giống/năm, tổng vốn đầu tư 350 tỷ đồng. Hệ thống sấy lúa công suất 450 tấn/mê đảo tuần hoàn, sấy bằng khí nóng gián tiếp, kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm hoàn toàn tự động. Dây chuyền xay xát, chế biến gạo công suất 30 tấn/h từ khâu nhập liệu đến đóng gói thành phẩm hoàn toàn tự động từ phòng điều khiển trung tâm.

Dự án mở rộng vùng nuôi tôm tại Sóc Trăng: Trong năm 2019, Tập đoàn thông qua đơn vị thành viên là CTCP Thực phẩm Sao Ta đã triển khai dự án mở rộng vùng ao nuôi tôm với diện tích 90 ha, qua đó tăng gấp đôi sản lượng tôm nguyên liệu tự cung cấp trong thời gian tới. Vùng nuôi mở rộng này hiện tại đang được hoàn thiện và dự kiến đi vào vận hành từ Q2/2020. Tổng mức đầu tư cho dự án ước tính trên 100 tỷ đồng. Ngoài ra Sao Ta cũng sẽ hoàn thiện và vận hành 1 kho lạnh mới trong Q1/2020, nâng công suất dự trữ hàng đông gói lên gấp đôi. Điều này sẽ giúp tiết kiệm chi phí gửi kho ngoài, nâng cao chất lượng quản lý hàng trong kho.

Hiện tại PAN đang sở hữu
64,45%
cổ phần tại Sao Ta

Gia tăng tỷ lệ sở hữu tại
584 Nha Trang lên

73,45%

PAN đã mua lại

80%

CTCP Cà phê Golden Beans (SHIN Cà Phê)

Đầu tư gia tăng sở hữu tại CTCP Thực Phẩm Sao Ta (HOSE: FMC): Trong năm 2019, thông qua PAN Food, PAN đã mua thêm 5.219.146 cổ phiếu FMC từ đợt phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu và mua thêm 833.514 cổ phiếu FMC từ việc chào mua công khai. Qua đó, PAN Food đã sở hữu 5.962.660 cổ phiếu FMC, tương đương 12,16% vốn điều lệ Sao Ta. Tổng giá trị của khoản đầu tư trên là gần 150 tỷ đồng. Tính cả phần sở hữu tại Công ty mẹ và Aquatex Bến Tre, hiện tại PAN đang sở hữu 64,45% cổ phần Sao Ta.

Quá trình đầu tư tại lĩnh vực Thực phẩm

Gia tăng tỷ lệ sở hữu tại 584 Nha Trang: Quý 3/2019, thông qua PAN Food, Tập đoàn hoàn tất việc mua thêm 30,22% vốn điều lệ của CTCP Thủy sản 584 Nha Trang với tổng giá trị đầu tư gần 70 tỷ đồng từ nguồn vốn tự có, qua đó tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty này lên 73,45%. Qua đó, PAN Food tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực nước mắm truyền thống.

Đầu tư xây dựng nhà máy bánh kẹo Bibica miền Tây: Nhà máy bánh kẹo Bibica Miền Tây với công suất giai đoạn I là 10.000 tấn/năm, tổng mức đầu tư 539 tỷ đồng, chính thức được hoàn tất và đi vào hoạt động từ đầu tháng 10 năm 2019. Đây là nhà máy đầu tư mới của Bibica sau một thời gian dài giữ mức hoạt động ổn định. Với quy mô 50.000m² tại KCN Vĩnh Lộc 2 – Long An, và với thiết bị và công nghệ nhập từ Châu Âu và Mỹ, nhà máy sẽ là động lực tăng trưởng mới của Công ty trong giai đoạn tới.

Mua lại 80% CTCP Cà phê Golden Beans (SHIN Cà Phê): Tháng 11/2019, PAN đã mua lại 80% CTCP Cà phê Golden Beans, đơn vị sở hữu thương hiệu SHIN Cà Phê thông qua mua lại phần góp vốn của cổ đông hiện hữu và cổ phần mới phát hành riêng lẻ. SHIN Cà Phê đang kinh doanh mảng cà phê đặc sản, được đánh giá là rất có tiềm năng trong việc mang lại giá trị gia tăng cao hơn cho nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Đây là thương vụ M&A phù hợp với định hướng phát triển tập trung vào các sản phẩm có chất lượng và kinh doanh với chuỗi giá trị khép kín của Tập đoàn.

Thành lập và vận hành CTCP Phân phối Hàng tiêu dùng PAN ("PAN CG"):

Hoàn thiện mảnh ghép cuối cùng trong chuỗi giá trị Farm – Food – Family

Tháng 6/2020, CTCP Phân phối hàng tiêu dùng PAN ("PAN CG"), được thành lập với vốn điều lệ 200 tỷ đồng. Công ty có mục tiêu hướng tới doanh thu 150 tỷ đồng/tháng, được xem là động thái phù hợp của Tập đoàn trong bối cảnh hệ thống phân phối trong nước bị các công ty nước ngoài thâm tóm.

PAN CG có hệ thống phân phối bao phủ gần như 100% các điểm bán hiện đại (siêu thị, đại siêu thị, cửa hàng tiện lợi...) và đội ngũ hơn 800 nhân viên có quan hệ với hơn 145.000 cửa hàng bán lẻ tại 63 tỉnh thành.



PAN CG kỳ vọng tăng độ phủ của hệ thống ít nhất 20%/năm, trước hết hướng tới việc phân phối các sản phẩm thuần Việt, có chất lượng cao; mang lại cơ hội tiếp cận, tiêu dùng các sản phẩm tốt cho đại đa số người Việt cũng như phục vụ xuất khẩu. Giai đoạn tiếp theo sẽ mở rộng phân phối các sản phẩm từ nhà cung cấp khác có cùng tầm nhìn và phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng được Tập đoàn PAN đặt nền móng.

QUÁ TRÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ESOP 2019

Quý IV.2019: phát hành 3.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP) với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-04/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2019. Quá trình phát hành được hoàn thành trong tháng 12.2019. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 1.701.011.410.000 đồng đồng lên 1.731.011.410.000 đồng tại ngày 03 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NỘI BỘ VÀ TUÂN THỦ

Quản trị nội bộ: Tập trung củng cố cơ cấu tổ chức, hoàn thiện và ban hành hệ thống các quy chế quản trị nội bộ như Điều lệ sửa đổi, Quy chế quản trị nội bộ, Bộ quy trình sản xuất, Quy chế phát hành cổ phiếu ESOP cùng hàng loạt các bộ quy trình hướng dẫn hoạt động của Công ty như: quy trình kế toán, quy trình nhân sự, quy trình hành chính,...

Công bố thông tin: Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trong năm không phát sinh bất kỳ vi phạm nghĩa vụ Công bố thông tin liên quan đến Tập đoàn.

Tuân thủ pháp luật, đảm bảo lợi ích của cổ đông, người lao động: Tập đoàn PAN thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách nhà nước theo quy định, nộp đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Công ty cũng đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quyền của cổ đông tiếp cận thông tin, trả lời các thắc mắc của cổ đông, phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu, cho người lao động đang làm việc tại Công ty.

VỀ MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI

Với các vấn đề môi trường – xã hội, trong năm 2019 Tập đoàn PAN đã có nhiều nỗ lực cụ thể để khẳng định giá trị cốt lõi là phát triển bền vững, đồng hành với người nông dân và cộng đồng doanh nghiệp phát triển lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm Việt Nam trên cơ sở hài hòa lợi ích giữa công ty, cổ đông với người lao động, khách hàng, cộng đồng xã hội.

Tiểu ban Phát triển bền vững, cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị cũng đã phát huy tốt vai trò xây dựng và truyền đạt chủ trương tới từng bộ phận trong Tập đoàn, từng ban lãnh đạo của công ty để nhất quán định hướng phát triển bền vững. Trong giai đoạn tiếp theo, tiểu ban cần tiếp tục hiện thực hóa đường lối này thành những hoạt động cụ thể, để phát triển bền vững thực sự là điểm tựa để duy trì sự ổn định và tăng trưởng trong giai đoạn thế giới và trong nước tiềm ẩn nhiều nguy cơ và biến động.

BÁO CÁO GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Năm 2019, HĐQT và Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty. Theo đó, Ban Điều hành Tập đoàn PAN thực hiện chức năng trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở các Nghị quyết và Quyết định này. Dựa vào đó, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT như sau:

PHƯƠNG PHÁP GIÁM SÁT

- ▶ Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý hoặc các cuộc họp bất thường, HĐQT thẳng thắn chất vấn và trao đổi cùng Ban Điều hành các hoạt động của Ban Điều hành và Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh và các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt vào tháng 4/2019. Mặt khác, Tổng Giám đốc cũng thường xuyên trao đổi, chủ động báo cáo đầy đủ lên HĐQT về tiến độ thực hiện các công việc cũng như các khó khăn, vướng mắc gặp phải để kịp thời bàn bạc, xin ý kiến HĐQT đưa ra các giải pháp hiệu quả nhất.
- ▶ Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT tổ chức các phiên họp định kỳ để xem xét, đánh giá và phê duyệt toàn bộ các vấn đề đầu tư, hệ thống quản trị, nhân sự theo trách nhiệm được giao.
- ▶ Kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm Soát để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đặt ra.
- ▶ Tiểu ban Nhân sự của HĐQT hoạch định, phê duyệt và định kỳ thực thi chính sách, cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với các thành viên Ban Điều hành và các cán bộ quản lý Công ty.
- ▶ HĐQT cũng thường xuyên làm việc với Ban Kiểm soát thông qua các báo cáo định kỳ hàng quý, các báo cáo phân tích đánh giá rủi ro và kế hoạch hành động cụ thể để phòng ngừa rủi ro, qua đó góp ý cho Tổng Giám đốc trong công tác điều hành Công ty.

CÁC NỘI DUNG GIÁM SÁT

- ▶ Giám sát quá trình thực hiện tăng vốn điều lệ của Tập đoàn PAN trong năm 2019 thông qua các đợt phát hành cổ phiếu, bao gồm cổ phiếu thưởng và cổ phiếu ESOP.
- ▶ Giám sát quá trình lập kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019 và thực hiện các chỉ tiêu lợi nhuận năm 2019 theo kế hoạch được phê duyệt song song với yêu cầu đảm bảo an toàn, hạn chế rủi ro cho Công ty và cổ đông.
- ▶ Rà soát và tăng cường các hoạt động quản trị doanh nghiệp, các hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm soát rủi ro.
- ▶ Giám sát hoạt động quản trị của Ban Điều hành tại các công ty con và tham gia các cuộc họp định kỳ với các công ty con.
- ▶ Giám sát việc hợp nhất báo cáo tài chính với các công ty con và công ty liên kết các quý và cho năm tài chính 2019 theo đúng trình tự, tiến độ và quy định hiện hành.
- ▶ Chỉ đạo và giám sát quá trình M&A các công ty mục tiêu thông qua việc gia tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty thành viên và liên kết như FMC, Công ty cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang, và Công ty Cổ phần Golden Beans.

Lợi nhuận cốt lõi tăng
trưởng so với năm 2018

15%

TOP 50

Công ty niêm yết tốt nhất
Việt Nam



KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Qua quá trình giám sát và kiểm soát các hoạt động chung của Công ty năm 2019, HĐQT nhận thấy Ban Điều hành đã hoàn thành tốt vai trò điều hành sản xuất kinh doanh; thực hiện đúng chỉ đạo, định hướng của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; từng bước nâng cao năng lực quản trị nội bộ. Các chương trình hướng đến mục tiêu chiến lược của Tập đoàn PAN được nghiêm túc triển khai theo lộ trình được hoạch định với những điều chỉnh thích ứng với điều kiện kinh tế vĩ mô và cạnh tranh trong ngành.

Điều này thể hiện trên nhiều thành tích, việc đã làm được trong năm 2018 của Tập đoàn, nổi bật là:

- ▶ Kết quả kinh doanh năm 2019 khả quan trong bối cảnh tình hình thị trường và điều kiện sản xuất kinh doanh (biến đổi khí hậu) không thuận lợi: lợi nhuận cốt lõi tăng trưởng 15% so với năm 2018.
- ▶ Quá trình phát hành cổ phiếu thưởng, phát hành ESOP để tăng vốn điều lệ được thực hiện đúng hạn, đúng theo lịch trình đề ra tại ĐHĐCĐ tháng 4/2019.

- ▶ Ban hành Điều lệ, Quy chế Tài chính và Quy trình Đầu tư được sửa đổi, phù hợp với cấu trúc và phạm vi hoạt động mới của Công ty. Đi kèm với đó là việc ban hành đầy đủ các quy trình liên quan đến hoạt động, tài chính, nhân sự của Công ty trong năm 2019.

- ▶ Hoạt động M&A và đầu tư các dự án mới được thực hiện hợp lý, đúng luật và đúng theo chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

- ▶ Tập đoàn PAN luôn đảm bảo việc công bố thông tin đúng luật, tuân thủ việc chấp hành các nghĩa vụ pháp luật.

- ▶ Uy tín, vị thế công ty ngày càng được nâng cao. Trong năm 2019, công ty đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng như Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, nơi làm việc tốt nhất Châu Á, Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm mid-cap...

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Điều hành trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các mục tiêu được ĐHĐCĐ thông qua và những kết quả đã đạt được.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2020

ĐỐI VỚI ĐẦU TƯ, SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 tiếp tục có tăng trưởng cốt lõi, hữu cơ so với kết quả đạt được năm 2019, đảm bảo Công ty tiếp tục phát triển đúng định hướng trở thành "Công ty hàng đầu khu vực đối với lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm, cung cấp các sản phẩm Nông nghiệp và Thực phẩm đóng gói an toàn, chất lượng cao và truy xuất nguồn gốc cho thị trường nội địa và trên thế giới".
- Đi kèm với kế hoạch kinh doanh 2020, HĐQT cũng sẽ tập trung vào các giải pháp thị trường nhằm dự phòng cho các rủi ro về biến đổi khí hậu, dự kiến còn tiếp diễn gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục chiến lược mua cổ phần chi phối trong các công ty có thế mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm nhằm tập trung cải thiện và mở rộng nền tảng Nông nghiệp, Thực phẩm. Đặc biệt chú trọng thực hiện các mục tiêu chưa hoàn thành trong năm 2019 do điều kiện thị trường chưa cho phép.
- Phát triển nền tảng phân phối mới thành lập PAN CG, hướng tới trở thành công ty hàng đầu chuyên về lĩnh vực phân phối thực phẩm tiêu dùng trên cơ sở tận dụng nền tảng sẵn có của Tập đoàn PAN và các công ty thành viên, các đối tác đầu tư chiến lược (NDH, SSI, IFC, TAEL, FMO,...). Cùng lúc đó, đẩy mạnh hoạt động R&D, nghiên cứu phát triển các sản phẩm có lợi nhuận cao; Tích cực mở rộng thị trường thông qua nâng cao hiệu quả hoạt động Marketing hiện đại.
- Tiếp tục hỗ trợ các công ty con trong xây dựng chiến lược, công tác quản trị và điều hành nhằm phát huy hết các tiềm năng và nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Thực hiện triển khai cẩn trọng và hướng tới hiệu quả tối đa các dự án kinh doanh trong các lĩnh vực Nông nghiệp, Phân phối đã được phê duyệt.

ĐỐI VỚI QUẢN TRỊ NỘI BỘ

- Năm 2020, HĐQT Tập đoàn PAN sẽ tiếp tục chú trọng xây dựng nguồn nhân lực mạnh mẽ cũng như bộ máy quản trị doanh nghiệp chặt chẽ để giữ vững vị thế hàng đầu và đạt được sự tăng trưởng bền vững.
- Hoàn thiện hóa và nâng cao chất lượng quản trị nội bộ Công ty như: đổi mới việc đánh giá kết quả công việc theo KPIs, chuẩn hóa các vị trí, chế độ lương thưởng phụ cấp cho cán bộ công nhân viên xứng đáng với công sức đóng góp. Chuẩn hóa biểu mẫu và quy trình ban hành văn bản nội bộ, tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh các quy chế tạo khuôn khổ và định chế nội bộ cho các hoạt động của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ở các cấp, các bộ phận.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro để giảm thiểu mọi ảnh hưởng tiêu cực về hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững của Tập đoàn. Đồng thời đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo và tiếp tục đào tạo nâng cao để song hành cùng yêu cầu của hoạt động kinh doanh.
- Tuân thủ chặt chẽ các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật hiện hành cũng như các Điều lệ, Quy định nội bộ của PAN, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở ngăn ngừa xung đột lợi ích giữa Công ty với các thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và người có liên quan, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.



CHƯƠNG

V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

01	Hội đồng quản trị	176
02	Ban Kiểm soát	191
03	Các khoản giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban điều hành, Ban Kiểm soát và Cổ đông nội bộ khác	198



THE PAN GROUP



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Duy Hưng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Hưng là người sáng lập Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.



Ông Phạm Viết Muôn

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Muôn từng giữ chức Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Phó Trưởng ban thường trực Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp Trung ương. Ông có kiến thức cùng kinh nghiệm sâu rộng trong việc tái cấu trúc và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Ông lấy bằng Tiến sĩ kinh tế tại Liên Xô và được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2014.



Bà Nguyễn Thị Trà My

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà Trà My là đồng sáng lập, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn PAN, đồng thời sáng lập kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP CSC Vietnam. Trước đó, bà có 18 năm kinh nghiệm ở cương vị Giám đốc Tài chính và Phó Tổng Giám đốc tại Biomin Vietnam – công ty thuộc Tập đoàn nông nghiệp hàng đầu của Áo hoạt động trên 100 quốc gia. Bà Trà My có bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của trường Shidler College of Business, Đại học Hawaii (Hoa Kỳ), nơi bà nhận giải thưởng cựu sinh viên danh tiếng (Hall of Honor Awards) và đã hoàn thành khóa học về lãnh đạo doanh nghiệp tại trường Đại học Harvard, Hoa Kỳ.



Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương

Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Hương hiện là Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính tại SSI từ tháng 3/2012. Với kinh nghiệm 11 năm làm việc tại SSI, bà đã tham gia vào nhiều dự án cổ phần hóa, niêm yết tư vấn, tái cơ cấu quy mô lớn trong lĩnh vực điện, viễn thông, dầu khí, tài chính, ngân hàng, vận chuyển,... Bà Hương có bằng Thạc sĩ về Tài chính doanh nghiệp của Đại học Kinh tế Quốc dân và bằng Thạc sĩ về Tài chính Ứng dụng của Đại học Macquarie, Australia.



Bà Hà Thị Thanh Vân

Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Vân là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần PAN Pacific, tiền thân của Tập đoàn PAN, từ tháng 10 năm 2005. Trước đó, bà từng là Giám đốc Công ty TNHH PAN Pacific từ tháng 12/1999 đến tháng 8/2005, Trưởng phòng Marketing và Phát triển kinh doanh công ty TNHH Thương mại và dịch vụ PPC từ tháng 12/1998 đến tháng 12/1999. Bà Vân tốt nghiệp Cử nhân ngành văn học và ngôn ngữ học tại Đại học Orłowski.



Ông Nguyễn Duy Khánh

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Khánh hiện là CEO của NDH Invest Ltd., một công ty tư nhân chuyên đầu tư vào các công ty hàng đầu trong nhiều lĩnh vực bao gồm tài chính, chứng khoán, nông nghiệp, thực phẩm và công nghệ sinh học. Ông từng tham gia quá trình thực hiện Dự án Chuyển đổi McKinsey (2010) của SSI, đồng thời là người sáng lập và đóng góp lớn vào sự thành công của SSI International Corp. Ông Khánh lấy bằng cử nhân tài chính tại Đại học George Washington, Hoa Kỳ.



Ông Đặng Kim Sơn

Thành viên Hội đồng quản trị

Tiến sĩ Đặng Kim Sơn – Nguyên viện trưởng Viện Chính sách Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn là chuyên gia uy tín về chính sách nông nghiệp. Ông tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành chính sách lương thực tại Đại học Stanford và tiến sĩ hệ thống lương thực tại Viện KHXH Việt Nam. Ông là tư vấn chính sách cho nhiều dự án của các cơ quan chính phủ các tổ chức phát triển tại Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar, v.v. Tiến sĩ Đặng Kim Sơn là tư vấn trưởng thiết kế chương trình Tái cơ cấu nông nghiệp Việt Nam và hiện là cố vấn thực hiện chương trình cho Bộ NN&PTNT và một số tỉnh thành. Ông cũng là thành viên của nhiều tổ chức khoa học có uy tín như Science Forum, Transformation Leadership Network của Diễn đàn Kinh tế thế giới, Diễn đàn Asean Society of Agriculture Economy, và Asia Pacific Agriculture Policy Forum.



Ông Michael Sng Beng Hock

Thành viên Hội đồng Quản trị

Đồng sáng lập, giám đốc điều hành và thành viên hợp danh của Quỹ đầu tư The Asian Entrepreneur Legacy (TAEL) Partners, Giám đốc đầu tư của TAEL Funds, đây là tổ chức hoạt động với vai trò là đối tác hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp tại khu vực Đông Nam Á.

Năm 2007, Michael đồng sáng lập Quỹ TAEL Partner dựa trên 30 năm kinh nghiệm làm việc và các mối quan hệ của ông tại khu vực Đông Nam Á.

Ông từng làm việc 16 năm tại Công ty quản lý quỹ Schroders và trải qua nhiều vị trí lãnh đạo khác nhau, bao gồm vị trí lãnh đạo cao nhất của Schroder tại chi nhánh Malaysia, Giám đốc bộ phận Thị trường tài chính tại Khu vực Đông Nam Á và Giám đốc Chi nhánh Schroder Singapore.

Năm 1998, Michael Sng bắt đầu làm việc tại UOB với vai trò chính là phụ trách thành lập UOB Châu Á - một chi nhánh ngân hàng đầu tư của UOB - và thành công trong việc xây dựng và phát triển UOB tại các thị trường Singapore, Malaysia, Thái Lan và Indonesia.



Ông Toshiaki Miyabe

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Miyabe là Giám đốc Vận hành Kinh doanh mảng Thực phẩm và Nông nghiệp của Tập đoàn Sojitz, ông đồng thời cũng là Giám đốc phụ trách một số công ty con của Tập đoàn tại Nhật Bản. Ông Miyabe đã có hơn 30 năm làm việc tại Sojitz trong đó hơn 13 năm làm việc tại Trung Quốc và Việt Nam. Qua việc thiết lập các mô hình kinh doanh bền vững, cung cấp các sản phẩm thực phẩm an toàn và đáng tin cậy, ông đã góp phần nâng cao tiêu chuẩn cuộc sống tại Trung Quốc và các nước ASEAN.

1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lưu ý: (**) đã được bao gồm trong (*)

Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Sở hữu cá nhân	Tỷ lệ	Lý do thay đổi số lượng cổ phiếu sở hữu	Cá nhân/ tổ chức có liên quan sở hữu	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	2018 -2022	4.201.500	2,43%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng và ESOP	50.207.967 (*)	29,00%
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT	2018 -2022	2.215.413	1,28%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng và ESOP	7.887.897	4,56%
Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT Độc lập	2018 -2022	45.000	0,03%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng và ESOP	122.500	0,07%
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên HĐQT Độc lập	2018 -2022	50.002	0,03%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng và ESOP. Thực hiện 1 giao dịch bán trong năm	Không có	Không có
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT không điều hành	2018 -2022	124.062	0,07%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng và ESOP	Không có	Không có
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT không điều hành	2018 -2022	360.000	0,21%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng và ESOP	4.641.668	2,68%
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT không điều hành	2018 -2022	0	0%		30.409.591	17,57%
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT không điều hành	2018 -2022	201.250	0,11%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng và ESOP	46.838.229 (**)	27,06%
Ông Toshiaki Miyabe	Thành viên HĐQT độc lập	2018 -2022	0	0%		16.750.000	9,65%

Chủ tịch HĐQT không kiêm Tổng Giám đốc

Sự tách biệt giữa Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc thể hiện sự phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc để đảm bảo tính độc lập của HĐQT và Ban Điều hành. Sự tách biệt này cũng đảm bảo sự phân chia quyền hạn, tăng trách nhiệm và nâng cao tính độc lập trong việc ra quyết định của HĐQT.

Bổ nhiệm thành viên HĐQT

Việc bổ nhiệm thành viên mới vào HĐQT được thực hiện tuân thủ đúng quy định trong Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty CP Tập đoàn PAN. Trong trường hợp có sự thay đổi thành viên HĐQT giữa nhiệm kỳ, HĐQT sẽ thực hiện thủ tục đề cử và bổ nhiệm thành viên HĐQT thay thế theo đúng các quy định trong Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty và sau đó trình ĐHCĐ phê duyệt chính thức trong cuộc họp ĐHCĐ gần nhất.

Trong năm 2019, Tập đoàn PAN không có sự thay đổi về số lượng và nhân sự thành viên HĐQT.

Các chức danh của Thành viên HĐQT Công ty nắm giữ tại HĐQT của các Công ty khác:

ÔNG NGUYỄN DUY HƯNG

CHỨC VỤ HIỆN TẠI

Vị trí	Tổ chức	Thời gian bổ nhiệm
Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	1999
Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	T1/2006
Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN)	T4/2018
Chủ tịch HĐQT	Công ty TNHH Đầu tư NDH (NDH Invest)	
Chủ tịch HĐQT	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM)	
Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	T3/2019
Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Golden Beans	T11/2019

BÀ NGUYỄN THỊ TRÀ MY

CHỨC VỤ HIỆN TẠI

Vị trí	Tổ chức	Thời gian bổ nhiệm
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	21/04/2018
Phó Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	22/03/2018
Thành viên HĐQT độc lập	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed)	21/3/2013
Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	2007
Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần PAN Farm	2016
Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần PAN-HULIC	2016

ÔNG PHẠM VIẾT MUÔN

CHỨC VỤ HIỆN TẠI

Vị trí	Tổ chức	Thời gian bổ nhiệm
Thành viên HĐQT độc lập	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	21/04/2018

BÀ NGUYỄN VŨ THÙY HƯƠNG

CHỨC VỤ HIỆN TẠI

Vị trí	Tổ chức	Thời gian bổ nhiệm
Thành viên HĐQT độc lập	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	
Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI)	
Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (VFC)	

BÀ HÀ THỊ THANH VÂN

CHỨC VỤ HIỆN TẠI

Vị trí	Tổ chức	Thời gian bổ nhiệm
Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn – Đan Linh	
Thành viên HĐQT độc lập	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	21/04/2018

ÔNG MICHAEL SNG BENG HOCK: KHÔNG

ÔNG ĐẶNG KIM SƠN

CHỨC VỤ HIỆN TẠI

Vị trí	Tổ chức	Thời gian bổ nhiệm
Thành viên HĐQT độc lập	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN)	21/04/2018

ÔNG NGUYỄN DUY KHÁNH

CHỨC VỤ HIỆN TẠI

Vị trí	Tổ chức	Thời gian bổ nhiệm
Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Đầu tư NDH	
Thành viên HĐQT độc lập	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	
Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN)	21/04/2018

2. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nghị quyết số 16-07/2013/NQ-HĐQT của HĐQT ban hành ngày 15/07/2013 đã quyết định thành lập 04 Tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT bao gồm: Tiểu ban Đầu tư, Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Trách nhiệm xã hội, Tiểu ban Quản trị độc lập. Tuy nhiên, Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2014 đã phê duyệt sự thành lập của Hội đồng Đầu tư, với chức năng và nhiệm vụ như được quy định tại Khoản 3 Điều 29 của Điều lệ Công ty CP Xuyên Thái Bình được ban hành ngày 28/10/2014. Cũng theo đó, Nghị quyết số 15-06/2014/NQ-HĐQT đã hủy bỏ các nội dung có liên quan đến Tiểu ban Đầu tư trong các văn bản nội bộ của Công ty và miễn nhiệm Tiểu ban Đầu tư trực thuộc Hội đồng Quản trị.

Ngày 06/04/2015, HĐQT phê duyệt việc thành lập thêm 1 Tiểu ban là Tiểu ban Phát triển bền vững trực thuộc HĐQT, hỗ trợ HĐQT về các công việc liên quan đến xây dựng, tham mưu, theo dõi, đánh giá đối với toàn bộ hoạt động phát triển bền vững của Công ty, hướng vào 3 vấn đề lớn là Kinh tế, Môi trường và Xã hội. Việc thành lập tiểu ban Phát triển bền vững nằm trong chiến lược chuyên nghiệp hóa các hoạt động môi trường xã hội, thực hiện nghĩa vụ đạo đức doanh nghiệp và hướng tới sự phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo. Thành viên tham gia vào tiểu ban và mạng lưới điều phối viên tại các công ty thành viên là những người hiểu rõ hoạt động công ty, có kinh nghiệm trong vấn đề khoa học xã hội, từng tư vấn và đào tạo, đánh giá các lĩnh vực môi trường, an toàn, xã hội cho các tập đoàn lớn của Châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc... như Sumitomo, Yamaha, CJ Vina, Palffiger, Levi Strauss (Levi's)... Tiểu ban Phát triển bền vững được thành lập theo Nghị quyết số 04-04/2015/NQ-HĐQT ngày 06/04/2015.

Tiếp theo đó, ngày 24/04/2015, ĐHCĐ Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (tại thời điểm đó là CTCP Xuyên Thái Bình) đã phê duyệt việc hủy bỏ Hội đồng Đầu tư và xóa bỏ các điều khoản liên quan đến quy định về Hội đồng Đầu tư và sửa lại Điều lệ tương ứng, chuyển toàn bộ quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng đầu tư theo quy định tại Điều lệ hiện tại cho HĐQT, theo nội dung Nghị quyết số 01-04/2015/NQ-ĐHCĐ ngày 24/04/2015, Điều 7, Khoản B.

Tại ngày 18/11/2018, HĐQT Công ty CP Tập đoàn PAN ra nghị quyết thông qua việc tái cơ cấu nhân sự các Tiểu ban thuộc HĐQT nhằm đáp ứng các quy định của Nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty, và Quy chế Nội bộ về quản trị công ty được ĐHCĐ thông qua ngày 27/10/2018. Cụ thể HĐQT đã thông qua việc đổi tên Tiểu ban Môi trường xã hội và phát triển bền vững của Công ty thành Tiểu ban Phát triển bền vững

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty có 03 Tiểu ban trực thuộc HĐQT bao gồm Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Phát triển bền vững và Tiểu ban Độc lập.



Tiểu ban Nhân sự bao gồm các thành viên:

STT	Họ và tên	Vị trí
1	Ông Phạm Viết Muôn	Trưởng ban
2	Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên
3	Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên

Nhiệm vụ của Tiểu ban:

Tiểu ban hoạt động theo ủy nhiệm của HĐQT như quy định tại Khoản 15, 16 Điều 28 của Điều lệ Công ty;

Xem xét và xây dựng các chính sách lương thưởng theo định hướng của HĐQT;

Xem xét khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, và các cán bộ quản lý cấp cao.

Tiểu ban Độc lập bao gồm các thành viên:

STT	Họ và tên	Vị trí
1	Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Trưởng ban
2	Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên
3	Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên

Nhiệm vụ của Tiểu ban:

Giám sát Giao dịch Mua bán & Sáp nhập: xây dựng, đánh giá và phê duyệt quy trình của các giao dịch đầu tư.

Giám sát Tuân thủ: xây dựng, giám sát và đánh giá việc tuân thủ các quy chế, quy trình liên quan đến Quản trị, Tài chính và Kế toán của Công ty.

Giám sát Hậu Đầu tư: phát triển chỉ tiêu và đánh giá hiệu quả hoạt động của các công ty thành viên.



Tiểu ban Phát triển bền vững bao gồm các thành viên:

STT	Họ và tên	Vị trí
1	Bà Nguyễn Thị Trà My	Trưởng ban
2	Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên
3	Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên

Nhiệm vụ của Tiểu ban:

Tiểu ban hoạt động theo ủy nhiệm của HĐQT như quy định tại Khoản 15,16 Điều 28 của Điều lệ Công ty;

Xác định và xây dựng chiến lược đối với những vấn đề liên quan đến trách nhiệm xã hội (các vấn đề về quản trị Công ty, tác động tới môi trường và xã hội) có khả năng ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, hình ảnh cũng như uy tín của Công ty;

Giám sát và đánh giá công tác thực hiện trách nhiệm xã hội của Công ty trong khuôn khổ phù hợp với nhận thức của xã hội;

Xem xét và đưa ra khuyến nghị liên quan đến quy mô và nhu cầu thích hợp của HĐQT;

Triển khai, thúc đẩy xây dựng hệ thống quản lý môi trường – xã hội của PAN và các Công ty thành viên;

Tham mưu, hỗ trợ Ban Lãnh đạo của PAN và các Công ty thành viên về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội trong sản xuất kinh doanh;

Theo dõi, đánh giá mức độ tuân thủ các quy định luật pháp và quy định khác về an toàn, môi trường, ứng phó tình trạng khẩn cấp, trách nhiệm xã hội ở từng công ty;

Kết nối và phối hợp giữa các công ty trong tập đoàn, kết nối với các tổ chức bên ngoài về các vấn đề môi trường – xã hội.

3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, HĐQT thực hiện kiểm soát, giám sát, đảm bảo lợi ích cổ đông Công ty (Tập đoàn) theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra, đồng thời hoàn thiện hoạt động quản trị công ty cho phù hợp với Quy chế quản trị công ty đại chúng ban hành kèm Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính. Hoạt động của HĐQT trong năm 2019 trọng tâm vào các điểm sau:

- Lập kế hoạch kinh doanh 2019 trình HĐQT và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2019.
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh 2019.
- Giám sát việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01-04/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2019).
- Giám sát việc hợp nhất báo cáo tài chính của Tập đoàn với các Công ty con và Công ty liên kết các quý và cho báo cáo tài chính bán niên và BCTC cho năm 2019.
- Giám sát các hoạt động của Ban Điều hành Công ty mẹ và các Công ty con.
- Giám sát hoạt động Đầu tư của Tập đoàn và các Công ty con.
- rà soát và tăng cường các hoạt động quản trị doanh nghiệp, các hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm soát rủi ro.

Mọi hoạt động của HĐQT đều được xem xét một cách cẩn trọng, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, pháp luật hiện hành

cũng như các Điều lệ quy định của PAN, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đã được pháp luật quy định, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Trong năm 2019, tuân thủ các quy định nội bộ cũng như để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty, HĐQT duy trì việc họp mặt trực tiếp định kỳ mỗi quý một (01) lần nhằm bàn bạc, thảo luận và thống nhất các quyết định thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT để kịp thời đưa ra những chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh cho Công ty để phù hợp với biến động của thị trường.

Theo đó, năm 2019, HĐQT đã tiến hành 18 cuộc họp định kỳ và đột xuất, dưới hình thức trực tiếp hoặc qua hình thức đàm thoại và thư điện tử, ban hành 18 Nghị quyết/ Quyết định về các vấn đề chiến lược, kế hoạch hoạt động của Công ty với sự tham gia đầy đủ của các thành viên. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty, Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.

Các thành viên HĐQT tích cực tham gia, đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua các quyết định khi hơn một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT tham dự chấp thuận. Tất cả các cuộc họp trực tiếp của HĐQT đều có sự tham gia của Trưởng Ban Kiểm soát (BKS) và/hoặc Thành viên BKS với tư cách quan sát viên, và tất cả các trao đổi và họp thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản đều có sự chứng kiến của Trưởng Ban Kiểm soát. Cụ thể các cuộc họp của HĐQT như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu hoặc không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	26/04/2013	18/18	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó chủ tịch	26/04/2013	18/18	100%	
3	Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	31/08/2005	18/18	100%	
4	Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên	10/05/2014	18/18	100%	
5	Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên	25/07/2016	18/18	100%	
6	Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên	21/04/2018	18/18	100%	
7	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	21/04/2018	18/18	100%	
8	Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên	21/04/2018	18/18	100%	
9	Ông Toshiaki Miyabe	Thành viên	27/10/2018	18/18	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-01/2019/NQ-HĐQT	22/01/2019	Thông qua việc cơ cấu và tổ chức lại các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
2	02-01/2019/NQ-HĐQT	22/01/2019	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty
3	02-02/2019/NQ-HĐQT	28/02/2019	Thông qua việc thực hiện thủ tục tăng vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ Công ty
4	02-03/2019/NQ-HĐQT	18/3/2019	Thông qua việc góp vốn thành lập CTCP Phân phối hàng tiêu dùng PAN
5	01-03/2019/NQ-HĐQT	22/03/2019	Thông qua việc mua lại cổ phiếu ESOP của CBNV nghỉ việc làm cổ phiếu quỹ
6	01-04/2019/NQ-HĐQT	02/04/2019	Phê duyệt khoản vay tín dụng tại Vietcombank
7	02-04/2019/NQ-HĐQT	03/04/2019	Thông qua chương trình và nội dung tài liệu hợp ĐHCĐ thường niên
8	01-05/2019/NQ-HĐQT	31/05/2019	Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc kiêm người phụ trách quản trị Công ty
9	02-05/2019/NQ-HĐQT	31/05/2019	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty
10	01-06/2019/NQ-HĐQT	26/06/2019	Ban hành Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty
11	01-06/2019/NQ-HĐQT	26/06/2019	Thông qua giao dịch với các bên liên quan
12	01-06/2019/NQ-HĐQT	26/06/2019	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2019
13	01-07/2019/NQ-HĐQT	15/07/2019	Thông qua phương án chào mua công khai cổ phiếu Công ty cổ phần Bibica (BBC)
14	01-10/2019/NQ-HĐQT	21/10/2019	Thông qua việc mua lại cổ phiếu ESOP của CBNV nghỉ việc làm cổ phiếu quỹ
15	01-11/2019/NQ-HĐQT	08/11/2019	Phê duyệt phương án đầu tư vào Công ty cổ phần Cà phê Golden Beans
16	02-11/2019/NQ-HĐQT	08/11/2019	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động
17	01-12/2019/NQ-HĐQT	12/12/2019	Thông qua việc thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi Điều lệ
18	02-12/2019/NQ-HĐQT	12/12/2019	Thông qua kế hoạch thực hiện phương án phát hành cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

4. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Cơ cấu thành viên HĐQT của Tập đoàn PAN trong năm 2018 đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên HĐQT kiêm điều hành, các thành viên HĐQT không điều hành, và các thành viên HĐQT độc lập.

Các thành viên của HĐQT đều là những nhân sự nhiều năm kinh nghiệm trong nước và quốc tế trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty, bao gồm Nông nghiệp, Thực phẩm, với các kinh nghiệm chuyên sâu về quản lý, tài chính, bán hàng, tiếp thị, v.v.

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đóng vai

trò quan trọng trong việc cố vấn chuyên môn, kỹ thuật và giúp Công ty tiếp cận các cơ hội trong ngành Nông nghiệp và Thực phẩm, từ sáng chế, sản phẩm, cách thức sản xuất, tới thị trường.

Với năng lực và kinh nghiệm của các thành viên HĐQT, cũng như cơ cấu hiện hữu của HĐQT, toàn bộ các quyết định có thể được đưa ra một cách khách quan và độc lập.

Do vậy ngoài nhiệm vụ chung của HĐQT, các thành viên HĐQT độc lập còn đảm trách các công việc được giao tại Tiểu ban mình tham gia.

5. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HĐQT

Các Tiểu ban của HĐQT hoạt động theo các trách nhiệm và nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty, Nghị quyết số 01-04/2016/NQ-HĐQT.

Các Tiểu ban đã rất nỗ lực trong việc xây dựng và hoàn thiện quy chế hoạt động, đồng thời triển khai có kết quả các nhiệm vụ và công việc của từng Tiểu ban sau khi được

giao phó bởi HĐQT và ĐHCĐ. Hoạt động và kết quả thực hiện của các Tiểu ban được báo cáo kịp thời cho HĐQT, mỗi thành viên đều chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình và đóng góp ý kiến quyết định chung của HĐQT. Trong năm, hoạt động cụ thể của các Tiểu Ban như sau:





Số lần họp và nội dung cuộc họp:

Tiểu ban	Số lần họp	Ngày họp	Nội dung họp
Tiểu ban Nhân sự	2	31/01/2019	+ Báo cáo thực hiện phát hành ESOP 2018. + Tổng kết ước tính Kết quả kinh doanh Công ty CP Tập đoàn PAN 2018 – đề xuất chế độ khen thưởng dành cho HĐQT, Ban Điều hành, các cán bộ chủ chốt và các cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc đem lại kết quả kinh doanh hiệu quả cho Công ty
		2/10/2019	+ Nhận ủy quyền của HĐQT, xây dựng phương án phát hành cổ phiếu ESOP và danh sách các cán bộ chủ chốt được nhận quyền mua ESOP. + Rà soát Quy chế phát hành ESOP để trình HĐQT.
Tiểu ban Phát triển bền vững	3	04/03/2019	Hợp soát xét việc thực hiện bộ Nguyên tắc sản xuất của PAN
		17/06/2019	+ Nghe báo cáo đánh giá giữa niên độ về việc thực hiện công việc 2019 theo kế hoạch. + Đánh giá hệ thống quản lý Môi trường – Xã hội tại các công ty thành viên giai đoạn 2017 – 2019, theo các tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với yêu cầu của các bên liên quan.
		23/12/2019	+ Phân công công việc, khởi động báo cáo Môi trường xã hội cho IFC và báo cáo phát triển bền vững của PAN.

Tiểu ban	Hoạt động
Tiểu ban Nhân sự	+ Xây dựng chính sách thù lao cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát. + Xây dựng chính sách đãi ngộ, chính sách lương cho nhân sự của PAN và giám sát thực hiện chính sách. + Xây dựng và giám sát kế hoạch phát triển nhân sự tại các đơn vị thành viên và các dự án triển khai của PAN. + Xây dựng phương án và phân bổ cổ phiếu theo chương trình chọn lựa cho cán bộ trong Công ty (ESOP) thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01-04/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2019.
Tiểu ban Độc lập	+ Giám sát Giao dịch mua bán sáp nhập trong năm 2019: Chủ động hoặc phối hợp với Công ty thành viên (PAN Food) trong việc xây dựng, đánh giá và phê duyệt quy trình của các giao dịch đầu tư mua thêm cổ phiếu của các Công ty Fimex VN, VFC, 584 Nha Trang. + Giám sát tuân thủ các quy định pháp luật và Quy chế Quản trị nội bộ: định kỳ hàng quý giám sát và đánh giá việc tuân thủ các quy chế, quy trình liên quan đến Quản trị, Tài chính và Kế toán của Công ty; + Giám sát hậu đầu tư: Chủ động hoặc phối hợp với Công ty thành viên (PAN Food và Vinaseed) phát triển chỉ tiêu và đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2019 của các Công ty thành viên: Vinaseed, SSC, Aquatex Bến Tre, Lafooco, Bibica.
Tiểu ban Phát triển bền vững	+ Hỗ trợ triển khai và hoàn tất các dự án tại các công ty thành viên hướng tới mục tiêu sản xuất bền vững và có trách nhiệm: Dự án Nhà máy chế biến nông sản của Vinaseed; Dự án mở rộng ao nuôi tại Fimex VN hay Dự án thành lập Công ty cá giống tại Aquatex Bến Tre. Lập kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý Môi trường – xã hội tại các công ty thành viên với mục tiêu hoàn thành trong năm 2020. + Triển khai chương trình đánh giá hoạt động Môi trường xã hội tại tất cả công ty thành viên trong Tập đoàn theo các tiêu chuẩn của Tập đoàn. + Báo cáo cho các cổ đông và các bên liên quan về tính tuân thủ, các kết quả hoạt động chính công tác phát triển bền vững của tập đoàn và công ty thành viên.



6. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009

Các thành viên HĐQT có các bằng cấp tương đương khác:

STT	Họ tên	Chức vụ	Loại bằng cấp
1	Nguyễn Thị Trà My	Phó chủ tịch HĐQT	Thạc sĩ quản trị Kinh doanh tại ĐH Hawaii
2	Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế

7. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Nhằm nâng cao chất lượng, năng lực và tính minh bạch trong quản trị công ty phù hợp với quy định hiện hành và thông lệ quốc tế, trong năm 2018, HĐQT đã có nhiều nỗ lực thông qua các hành động cụ thể:

- HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình, theo đó vai trò của thành viên độc lập và thành viên không điều hành vô cùng quan trọng và đã được thể hiện một cách rõ ràng, minh bạch. Điều này giúp đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông thiểu số của Công ty.
- HĐQT giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên, thường xuyên họp bàn để thống nhất định hướng thực hiện trên tinh thần được ĐHĐCĐ giao phó, liên tục cập nhật tình hình và kết quả hoạt

động, sâu sát trong công tác giám sát Ban Điều hành; đảm bảo yêu cầu về số lượng và chất lượng cuộc họp theo quy định của Công ty, cũng như đảm bảo số thành viên tham dự đầy đủ để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.

- HĐQT định hướng và giám sát việc triển khai các dự án quan trọng của công ty như quản lý rủi ro, Kiểm toán Nội bộ, cải thiện quy trình nghiệp vụ kinh doanh.
- Các Tiểu ban được HĐQT thành lập đều đã tuân thủ đúng mục nguyên tắc hoạt động của Tiểu ban, từ đó duy trì hoạt động theo đúng quy định đề ra. Định kỳ các tiểu ban đều gặp gỡ HĐQT và báo cáo kết quả làm việc trực tiếp đến HĐQT. Các Trưởng Tiểu ban và thành viên mỗi tiểu ban đều chủ động và tích cực thực thi trách nhiệm của mình và có những đóng góp thiết thực với việc quản trị doanh nghiệp cũng như sự phát triển chung của cả Tập đoàn.

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

BAN KIỂM SOÁT HIỆN TẠI CÓ 03 THÀNH VIÊN. CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT ĐỀU CÓ ĐỦ NĂNG LỰC THỰC THI NHIỆM VỤ CỦA MÌNH. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TẠI CÁC THỜI ĐIỂM CỤ THỂ TRONG NĂM 2019 NHƯ SAU:

Họ tên	Chức danh	Mức độ độc lập
Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban	Là người lao động Công ty
Ông Nguyễn Duy Hưng	Thành viên	Không phải người lao động Công ty
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	Không phải người lao động Công ty

() Bà Phạm Thị Hồng Nhung được bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo nghị quyết số 01-04/2018/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông ngày 21/04/2018 và được bầu làm trưởng Ban Kiểm soát ngày 21/04/2018.*



Bà Phạm Thị Hồng Nhung

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Hồng Nhung là Kế toán trưởng của Công ty cổ phần CSC Việt Nam từ năm 2009; Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CSCBC Việt Nam; Bà Phạm Thị Hồng Nhung là cử nhân kinh tế chuyên ngành tài chính kế toán Đại học Thương Mại.



Ông Nguyễn Duy Hưng

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Duy Hưng từng là Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Quản lý quy SSI và Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Long An. Trước đó, từ năm 2005 đến 2007, ông Hưng là Kế toán Tổng hợp tại Công ty Hoa tiêu khu vực II. Từ năm 2003 đến 2005, ông Hưng là Chuyên viên Tư vấn đầu tư, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng. Ông Hưng đã có bằng Thạc sĩ kinh tế.



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Hà hiện là Trưởng Bộ phận Pháp chế tại Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn. Trước đó, từ tháng 11/2008 đến tháng 11/2012, bà là Trợ lý Luật sư tại Công ty Luật TNHH Liên Kết Thanh Danh. Bà Hà là Cử nhân Luật.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của Tập đoàn PAN. Năm 2019, Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty trong các lĩnh vực trọng yếu bao gồm: kiểm soát chiến lược, kiểm soát hoạt động và kiểm soát tài chính.

Hiệu quả của công tác giám sát tuân thủ đã được tăng cường thông qua các hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của ĐHĐCĐ, Ban Điều hành trong công tác quản lý, điều hành đảm bảo tuân thủ với quy định của pháp luật và điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đại diện Ban Kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại tất cả các cuộc họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban Điều hành.
- Kiểm soát việc tuân thủ Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Điều hành lập, kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm của Tập đoàn PAN nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính.

- Đánh giá tình hình đầu tư của Tập đoàn PAN vào các công ty con, công ty liên kết, các công ty góp vốn đầu tư dài hạn. Định kỳ xem xét các báo cáo tài chính quý, bán niên, năm của các công ty này để kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Tập đoàn.

- Kiểm soát việc thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Quý IV.2019.

- Kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ của Tập đoàn PAN theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ tài chính khác.

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tiến hành họp 2 lần vào tháng 4 và tháng 12 với sự tham gia đầy đủ của các thành viên với các nội dung sau:



Ngoài 02 phiên họp như liệt kê trên, các thành viên Ban Kiểm soát cũng thường xuyên thực hiện việc trao đổi thông qua e-mail, điện thoại với các nội dung theo thẩm quyền được giao.

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ

Qua quá trình kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn PAN đã tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều lệ Công ty và các quy định đối với công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019 được triển khai thành công, cụ thể như sau:

Về phân phối lợi nhuận năm 2018: Công ty không chi trả cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Về kết quả kinh doanh năm 2019: Trong năm 2019, PAN đạt lợi nhuận trước thuế 515 tỷ đồng, giảm 19% so với năm 2018, lợi nhuận cổ đông công ty mẹ đạt 257 tỷ, đạt 76% kế hoạch đề ra.

Về hoạt động đầu tư tại Công ty mẹ: Trong năm 2019, Tập đoàn PAN góp vốn thành lập CTCP Phân phối Hàng Tiêu dùng PAN (PAN CG) với tỉ lệ sở hữu 99,99%. Ngoài ra, Tập đoàn PAN đã hoàn tất chào mua cổ phần và góp vốn trực tiếp vào CTCP Cà Phê Golden Beans (Golden Beans), đưa Golden Beans trở thành Công ty con của Tập đoàn với tỉ lệ sở hữu là 79,6%. Thêm vào đó, Tập đoàn PAN cũng tiếp tục đầu tư để tăng tỉ lệ sở hữu tại Fimex VN và VFG, nâng tỉ lệ sở hữu ở 2 công ty này tính đến hết năm 2019 tương ứng là 64,45% và 41,25%.

Lần họp	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
Lần 1 16/04/2019	3/3	<ol style="list-style-type: none"> Đánh giá việc tuân thủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên, các nghị quyết của HĐQT cũng như việc chấp hành các quy định của Nhà nước trong Quý I.2019. Đánh giá các rủi ro có thể phát sinh trong việc thông qua các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT cũng như các hợp đồng kinh tế đã ký kết. Kiểm tra hoạt động đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn PAN. Kiểm tra hoạt động công bố thông tin. Xem xét BCTC hợp nhất năm 2018 và BCTC Quý I.2019 của Tập đoàn và các công ty con, công ty liên kết. Thống nhất kế hoạch làm việc của Ban Kiểm soát cho nửa cuối năm 2019.
Lần 2 20/12/2019	3/3	<ol style="list-style-type: none"> Tổng kết các hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2019. Đánh giá việc tuân thủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên, các nghị quyết HĐQT trong năm 2019. Kiểm tra hoạt động đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn PAN. Kiểm tra hoạt động công bố thông tin. Đánh giá BCTC hợp nhất Quý III.2019 và sơ bộ tình hình hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh cả năm 2019. Xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020.

Lợi nhuận trước thuế năm 2019 (tỷ đồng)

515

Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ đạt (tỷ đồng)

257

Về hoạt động đầu tư tại PAN Farm: Hiện PAN Farm vẫn đang sở hữu CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed) và thông qua Vinaseed sở hữu các công ty con như SSC, QSC và HSC. Trong năm 2019, Công ty đã nâng sở hữu tại CTCP Giống cây trồng miền Nam (SSC) lên 96,4%.

Về hoạt động đầu tư của công ty con PAN Food: Trong năm 2019, PAN Food đã hoàn tất chào mua cổ phần của CTCP Thủy sản 584 Nha Trang (584NT), đưa 584NT trở thành Công ty con với tỉ lệ sở hữu là 73,45%. Ngoài ra, PAN Food vẫn đang sở hữu các công ty con là CTCP Chế biến Thực phẩm PAN (PFM), CTCP Chế biến hàng XK Long An (LAF), CTCP Bibica (BBC), CTCP XNK Thủy sản Bến Tre (ABT), qua đó sở hữu công ty liên kết CTCP Thực phẩm Sao Ta.

Phương án phát hành ESOP cho nhân sự chủ chốt: Tập đoàn PAN đã hoàn tất việc phát hành 3.000.000 cổ phần cho nhân sự chủ chốt Công ty trong tháng 12/2019 với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ của PAN tại thời điểm cuối năm 2019 là 1.731 tỷ đồng.

Phát hành cổ phiếu thưởng: Trong năm 2019, Tập đoàn PAN hoàn tất việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 4:1 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường được tổ chức ngày 27/10/2018. Nguồn vốn để phát hành đến từ thặng dư vốn cổ phần ghi nhận trên BCTC được kiểm toán năm 2017.

Về lựa chọn và đánh giá công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019 của Công ty.

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã có những cuộc họp định kỳ với Kiểm toán độc lập và tiến hành các thủ tục nhằm đánh giá trình độ, kỹ năng và nguồn lực, tính hiệu quả và độc lập của đơn vị Kiểm toán độc lập.

Tập đoàn PAN đã lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 2019 theo Nghị quyết HĐQT số 03-06/2019/NQ-HĐQT ngày 26/06/2019.

Sửa đổi điều lệ Công ty: Trong năm 2019, Công ty đã ban hành Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ vào 28/2/2019 và 03/12/2019 với nội dung sửa đổi vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất phát hành cổ phiếu thưởng và ESOP cho nhân sự chủ chốt.

Công bố thông tin: Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2019, HĐQT PAN đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong việc định hướng, chỉ đạo, quản lý Công ty phù hợp với thẩm quyền của HĐQT. HĐQT Công ty duy trì họp thường kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung hoặc thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết, Quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Điều lệ Công ty. Các cuộc họp HĐQT được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT đều bám sát tình hình thị trường, thực tế hoạt động của Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra, từ đó thực hiện tốt chức năng quản trị và định hướng cho hoạt động điều hành của Ban Điều hành.

Trong năm 2019, HĐQT đã thực hiện những công việc chính sau:

- Triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- Ban hành Nghị quyết, Quyết định và giám sát Ban Điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT liên quan đến các lĩnh vực: đầu tư vào công ty con, công ty liên kết; bổ nhiệm các chức danh quản lý; ban hành các Quy chế nội bộ;...

- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Giám sát hoạt động Ban Điều hành

Ban Điều hành The PAN Group đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty. Trên cơ sở các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Điều hành đã thực hiện các công việc sau:

- Chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn PAN theo các chỉ tiêu kinh tế đã được Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2019 thông qua.

- Tăng cường chỉ đạo công tác hoàn thiện hồ sơ pháp lý của Công ty đảm bảo mọi hoạt động tuân thủ đúng và đủ các quy định của pháp luật.

- Triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành và chỉ đạo quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Ban Điều hành.

- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Ban Điều hành.

Năm 2019, Ban Kiểm soát nhận thấy không có dấu hiệu bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Điều hành và các chức danh quản lý của Công ty.

Giám sát tình hình tài chính của Công ty

Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các quy định hiện hành.

Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2019 của Tập đoàn PAN được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Đây là công ty kiểm toán độc lập được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.

Báo cáo tài chính năm 2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Số liệu kế toán được công bố không có sự thay đổi đột ngột khi so sánh số liệu không kiểm toán hàng quý và số liệu đã soát xét, kiểm toán bởi EY Việt Nam.



Các chỉ tiêu cơ bản được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 như sau:

Về kết quả kinh doanh

ĐTV: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019
1	Doanh thu thuần hợp nhất	7.813
2	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	515
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	451
4	Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ	257
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cp)	1.507

Về tài sản của Công ty:

ĐTV: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019
1	Tài sản ngắn hạn	5.683
2	Tài sản dài hạn	5.081
3	Tổng tài sản	10.764
4	Tổng nợ phải trả (ngắn hạn & dài hạn)	4.619
5	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.357

Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước như nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, không để xảy ra tình trạng nợ, đọng thuế, đồng thời chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật trong công tác hạch toán kế toán. Dựa trên báo cáo của Ban Điều hành cùng với Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019, Ban Kiểm soát kết luận PAN tiếp tục duy trì tình hình tài chính vững mạnh, với khả năng thanh khoản và khả năng sinh lời cao, tỷ lệ nợ an toàn và kết quả kinh doanh được duy trì ổn định.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Điều hành

Năm 2019, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp, cộng tác của HĐQT, Ban Điều hành và các phòng ban trong Công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin về các vấn đề cần xem xét, kiểm tra. Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia của đại diện Ban Kiểm soát, tài liệu họp và các Nghị quyết của HĐQT được cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ban Kiểm soát theo đúng quy định.

Ban Kiểm soát cũng nhiều lần đưa ý kiến góp ý đối với công tác quản trị doanh nghiệp của HĐQT, Ban Điều hành, từ đó góp phần cùng Ban Điều hành giải quyết các khó khăn phát sinh.

Kết quả giải quyết các kiến nghị của cổ đông đối với Công ty

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

KẾT LUẬN

Các hoạt động của PAN trong năm qua đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT, Ban Điều hành đã cố gắng, quyết tâm để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đem lại lợi ích cho cổ đông.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm tra thường xuyên và định kỳ hàng quý theo đúng điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Đồng thời, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục cải tiến phương thức hoạt động, tăng cường kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành của Công ty trên cơ sở giám sát hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty, cụ thể như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy chế, quy định, Nghị quyết HĐQT PAN, đảm bảo công khai, minh bạch.
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Kiểm tra, xem xét các báo cáo tài chính quý, báo cáo giữa niên độ và báo cáo tài chính năm. Duy trì hệ thống liên lạc thường xuyên với Kiểm toán độc lập để nâng cao chất lượng công tác kiểm toán báo cáo tài chính.
- Giám sát sự phối hợp giữa HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.
- Thẩm định báo cáo tài chính, giám sát tình hình thực hiện kết quả kinh doanh. Đánh giá trình độ, kỹ năng và nguồn lực, tính hiệu quả và độc lập của đơn vị Kiểm toán độc lập.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát, chú trọng công tác quản lý rủi ro, tập trung kiểm soát, phát hiện các yếu tố rủi ro trọng yếu, tiềm ẩn để Công ty kịp thời áp dụng các biện pháp phòng ngừa.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo quy định hiện hành.



CÁC KHOẢN GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT VÀ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ KHÁC

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2019

Mức chi trả thù lao đối với các thành viên HĐQT trong năm 2019

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thù lao chi trong năm (trước thuế)	Thưởng trong năm
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	240.000.000	-
2	Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	240.000.000	-
3	Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT không điều hành	180.000.000	-
4	Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên HĐQT không điều hành	180.000.000	-
5	Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT không điều hành	Không nhận thù lao	-
6	Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT không điều hành	180.000.000	-
7	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT không điều hành	180.000.000	-
8	Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT không điều hành	180.000.000	-
9	Ông Miyabe Toshiaki	Thành viên HĐQT không điều hành	180.000.000	-
Tổng cộng			1.560.000.000	-

Mức chi trả thù lao đối với các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2019

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thù lao chi trong năm (trước thuế)	Thưởng trong năm
1	Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng Ban Kiểm soát	Không nhận thù lao	-
2	Ông Nguyễn Duy Hưng	Thành viên Ban Kiểm soát	60.000.000	-
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	60.000.000	-
Tổng cộng			120.000.000	-

Mức chi trả thù lao đối với các thành viên HĐQT và Ban Điều hành trong năm 2019

Tổng thu nhập từ lương và thưởng trong năm 2019 của Ban Điều hành là **3.230.000.000** đồng.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ TRONG NĂM 2019

Giao dịch của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành trong năm 2019

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	2.660.400	1,95%	4.201.500	2,43%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty.
2	Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	1.203.531	0,88%	2.215.413	1,28%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty.
3	Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	248.000	0,18%	360.000	0,21%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty.
4	Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên HĐQT	47.250	0,03%	50.002	0,03%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty.
5	Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT	20.000	0,01%	45.000	0,03%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty.
6	Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT	67.250	0,05%	124.062	0,07%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty.
7	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	121.000	0,09%	201.250	0,11%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty.



GIAO DỊCH CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2019

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
8	Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS	13.480	0,01%	23.850	0,01%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty
9	Ông Nguyễn Duy Hưng	Thành viên BKS	35.000	0,03%	43.750	0,02%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018
10	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên BKS	27.746	0,02%	39.682	0,02%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty
11	Ông Nguyễn Khắc Hải	Phó Tổng Giám đốc (Từ nhiệm 01/6/2019)	305.500	0,22%	381.875	0,22%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018
12	Bà Vũ Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	52.880	0,04%	91.100	0,05%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty

GIAO DỊCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG LỚN, BÊN LIÊN QUAN TRONG NĂM 2019

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Chủ tịch Công ty TNHH Đầu tư NDH là Chủ tịch HĐQT của PAN (Ông Nguyễn Duy Hưng)	12.673.954	9,31%	15.842.442	9,15%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch SSI là Chủ tịch HĐQT của PAN (Ông Nguyễn Duy Hưng)	26.744.934	19,65%	34.164.275	19,74%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 Thực hiện 04 giao dịch mua cổ phiếu trong kỳ.
3	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI là Chủ tịch HĐQT PAN (Ông Nguyễn Duy Hưng)	0	0%	0	0%	-
4	SSIAM SIF – Vietnam Active Value Portfolio. Đại diện bởi: Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM)	Chủ tịch của SSIAM – tổ chức quản lý đầu tư cho SSIAM SIF là Chủ tịch HĐQT PAN (Ông Nguyễn Duy Hưng)	375.000	0,22%	0	0%	Giảm do bán cổ phiếu
5	Công ty cổ phần CSC Việt Nam	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc CSC là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc PAN (Bà Nguyễn Thị Trà My)	6.263.618	4,60%	7.829.522	4,52%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018
6	Công ty TNHH BĐS Sài Gòn Đan Linh	Tổng Giám đốc BĐS Sài Gòn Đan Linh là thành viên HĐQT PAN (Bà Hà Thị Thanh Vân)	3.703.335	2,72%	4.629.168	2,67%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018

GIAO DỊCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG LỚN, BÊN LIÊN QUAN TRONG NĂM 2019

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
7	Tael Two Partners Ltd.	Cổ đông lớn	24.327.673	17,87%	30.409.591	17,57%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018
8	SOJITZ Corporation	Cổ đông lớn	13.400.000	9,85%	16.750.000	9,67%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018
9	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	Cổ đông lớn	9.340.311	6,86%	11.556.876	6,67%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018
10	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	2.660.400	1,95%	4.201.500	2,43%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty.
11	Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	1.203.531	0,88%	2.215.413	1,28%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty.
12	Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	248.000	0,18%	360.000	0,21%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty
13	Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên HĐQT	47.250	0,03%	50.002	0,03%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty. Thực hiện 01 giao dịch bán cổ phiếu trong kỳ.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
14	Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT	20.000	0,01%	45.000	0,03%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty
15	Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT	67.250	0,05%	124.062	0,07%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty
16	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	121.000	0,09%	201.250	0,11%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty
17	Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS	13.480	0,01%	23.850	0,01%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty
18	Ông Nguyễn Duy Hưng	Thành viên BKS	35.000	0,03%	43.750	0,02%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018
19	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên BKS	27.746	0,02%	39.682	0,02%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty
20	Ông Nguyễn Khắc Hải	Phó Tổng Giám đốc (Từ nhiệm 01/6/2019)	305.500	0,22%	381.875	0,22%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018
21	Bà Vũ Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	52.880	0,04%	91.100	0,05%	Tăng do nhận cổ phiếu thưởng 2018 và nhận cổ phiếu ESOP phát hành cho CBNV Công ty

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý được ủy quyền của Tập đoàn PAN luôn nhận thức và tuân thủ trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị của Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

- Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

- Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết ĐHCĐ hoặc nghị quyết HĐQT thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/Sở giao dịch Chứng khoán.

- Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi ĐHCĐ có quyết định khác.

- Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên HĐQT đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

- Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

- Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

- Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua bán hàng hóa của Công ty hay lũng đoạn giá cả.

- Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

- Cổ đông lớn, các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên phải công bố thông tin về việc giao dịch cổ phiếu của công ty tối thiểu 3 ngày trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch.



HỢP ĐỒNG VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ BÊN LIÊN QUAN TRONG NĂM 2019

Trong năm tài chính 2019, Công ty có một số giao dịch với các bên liên quan

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị (đồng)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đông lớn	- Tiền chi đầu tư	5.592.908.727.363
			- Lãi tiền gửi	31.511.992.595
		Người có liên quan của người nội bộ	- Phí lưu ký, đại lý, dịch vụ khác	912.443.036
2	Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Bên liên quan	- Phí thuê địa điểm	138.202.680
3	Công ty Cổ phần thực phẩm PAN	Công ty con	- Cho vay	191.840.000.000
			- Lãi cho vay	24.862.509.589
		Người có liên quan của người nội bộ	- Mua hàng hóa	77.229.037
4	Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty con	- Góp vốn	199.980.000.000
			- Lãi cho vay	993.150.685
5	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Công ty con	- Cổ tức	61.448.555.000
6	Công ty Cổ phần PAN-HULIC	Công ty con gián tiếp Người có liên quan của người nội bộ	- Mua hàng hóa	40.020.000
7	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Công ty con gián tiếp	- Mua hàng hóa	16.228.400
8	Công ty Cổ phần Bibica	Công ty con gián tiếp	- Mua hàng hóa	42.820.950
9	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất Khẩu Long An	Công ty con gián tiếp	- Mua hàng hóa	19.660.250
10	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre	Công ty con gián tiếp	- Mua hàng hóa	2.567.981
11	Công ty TNHH SHIN Cà Phê	Công ty con gián tiếp	- Mua hàng hóa	54.002.000
12	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	Công ty liên kết	- Cổ tức	13.239.061.000
13	Công ty TNHH Tư vấn NDH	Người có liên quan của người nội bộ	- Phí dịch vụ	1.855.956.024

CHƯƠNG VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01	Thông tin chung	208
02	Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	209
03	Báo cáo kiểm toán độc lập	210
04	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	212
05	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	215
06	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	216
07	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	218



THE PAN GROUP



Thông tin chung

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính từ 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam theo GCNĐKKD số 0301472704 đăng ký thay đổi lần thứ 15 do SKHĐT tỉnh Long An cấp ngày 20 tháng 12 năm 2017.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan, thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên
Ông Phạm Việt Muôn	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên
Ông Miyabe Toshiaki	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban
Ông Nguyễn Duy Hưng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Trà My	Tổng giám đốc	
Ông Nguyễn Khắc Hải	Phó Tổng giám đốc	từ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thị Trà My được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy Ủy quyền số A01-05/2018/UQ-PAN ngày 10 tháng 5 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Thị Trà My

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2020

Báo cáo kiểm toán độc lập

Số tham chiếu: 61063721/21093723-HN

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 6970, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0426-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2020

Từ Thái Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1543-2018-004-1

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-DN/HH

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.683.271.214.379	5.174.848.359.108
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	2.194.483.726.960	2.538.190.912.306
111	1. Tiền		881.253.447.010	1.030.752.559.341
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.313.230.279.950	1.507.438.352.965
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	1.183.639.435.759	245.746.997.704
121	1. Chứng khoán kinh doanh		906.522.230.849	6.522.230.849
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(3.186.570.090)	(3.275.233.145)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		280.303.775.000	242.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		791.485.386.158	794.877.672.474
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	737.753.353.579	735.298.208.437
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	63.677.309.434	76.000.356.653
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	62.384.381.807	49.700.354.449
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8	(72.792.659.099)	(66.635.244.964)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		463.000.437	513.997.899
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.407.477.932.238	1.504.790.537.229
141	1. Hàng tồn kho		1.439.077.302.531	1.526.673.893.466
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(31.599.370.293)	(21.883.356.237)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		106.184.733.264	91.242.239.395
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	19.430.562.590	16.317.765.218
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		82.250.982.404	74.345.952.546
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		4.503.188.270	578.521.631

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.081.282.468.620	4.263.896.885.318
210	I. Phải thu dài hạn		3.431.336.000	147.160.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	3.431.336.000	147.160.000
220	II. Tài sản cố định		3.039.866.150.179	3.125.643.596.003
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.160.959.068.072	1.177.360.154.935
222	Nguyên giá		2.571.197.720.979	2.406.880.687.938
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.410.238.652.907)	(1.229.520.533.003)
227	2. Tài sản vô hình	12	1.878.907.082.107	1.948.283.441.068
228	Nguyên giá		2.098.296.205.216	2.083.646.024.608
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(219.389.123.109)	(135.362.583.540)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	57.659.817	74.150.913
231	1. Nguyên giá		668.145.436	668.145.436
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(610.485.619)	(593.994.523)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		804.985.458.431	153.037.378.243
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	804.985.458.431	153.037.378.243
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	15	548.524.550.204	352.159.847.799
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		522.475.530.204	326.110.827.799
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26.049.020.000	26.049.020.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		684.417.313.989	632.834.752.360
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	295.042.987.148	266.790.061.826
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	22.636.018.720	15.182.576.761
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.005.116.230	1.005.116.230
269	4. Lợi thế thương mại	16	365.733.191.891	349.856.997.543
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		10.764.553.682.999	9.438.745.244.426


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.618.981.565.332	3.466.481.084.504
310	I. Nợ ngắn hạn		3.060.146.060.723	1.779.525.205.965
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	383.329.431.564	337.452.096.752
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	168.996.256.054	123.332.573.609
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	71.479.760.761	65.002.413.203
314	4. Phải trả người lao động		208.173.111.638	141.949.767.005
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	200.596.748.907	179.177.123.193
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		186.417.600	328.878.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	143.370.482.983	41.278.121.626
320	8. Vay ngắn hạn	21	1.813.987.727.737	842.521.759.836
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		70.026.123.479	48.482.472.741
330	II. Nợ dài hạn		1.558.835.504.609	1.686.955.878.539
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	6.596.990.607	4.853.771.599
338	2. Vay dài hạn	21	1.275.250.431.137	1.397.884.666.529
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.3	245.073.255.934	254.802.782.400
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	22	31.914.826.931	29.414.658.011
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.145.572.117.667	5.972.264.159.922
410	I. Vốn chủ sở hữu		6.145.572.117.667	5.972.264.159.922
411	1. Vốn cổ phần	23.1	1.731.011.410.000	1.361.016.300.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.731.011.410.000	1.361.016.300.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	1.337.369.533.351	1.677.421.643.351
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	23.1	15.042.973.511	15.042.973.511
415	4. Cổ phiếu quỹ	23.1	(690.000.000)	(1.020.000.000)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	23.1	242.108.247.611	200.532.332.920
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	462.861.824.463	437.071.758.107
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		317.690.106.786	224.128.522.051
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		145.171.717.677	212.943.236.056
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.357.868.128.731	2.282.199.152.033
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		10.764.553.682.999	9.438.745.244.426

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02-DN/HN
VNĐ


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	7.985.855.076.340	7.941.910.435.926
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(173.099.797.110)	(113.322.134.922)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	7.812.755.279.230	7.828.588.301.004
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(6.155.146.369.342)	(6.441.452.267.682)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.657.608.909.888	1.387.136.033.322
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	174.526.745.780	357.996.501.565
22	7. Chi phí tài chính	26	(186.475.846.583)	(143.673.674.658)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(171.193.070.710)	(105.575.392.006)
24	8. Phần lãi từ các công ty liên kết	15.1	52.395.686.912	27.543.826.101
25	9. Chi phí bán hàng	27	(647.299.063.057)	(546.227.692.984)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(534.213.213.090)	(455.947.071.038)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		516.543.219.850	626.827.922.308
31	12. Thu nhập khác		13.535.637.191	16.151.157.674
32	13. Chi phí khác		(14.457.279.209)	(6.382.052.565)
40	14. (Lỗ) lợi nhuận khác		(921.642.018)	9.769.105.109
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		515.621.577.832	636.597.027.417
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(78.180.451.773)	(85.325.573.687)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	14.537.496.693	15.885.146.988
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		451.978.622.752	567.156.600.718
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		257.363.187.358	334.409.665.561
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		194.615.435.394	232.746.935.157
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.4	1.488	1.791
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23.4	1.488	1.791


Nguyễn Thị Nga
Người lập
Ngày 28 tháng 3 năm 2020


Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Nga
Người lập
Ngày 28 tháng 3 năm 2020


Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03-DN/HN
VNĐ

Mã số	CHI TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		515.621.577.832	636.597.027.417
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao và hao mòn		318.691.778.593	311.181.997.537
03	Dự phòng		15.784.765.136	22.907.215.749
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(588.005.431)	112.965.585
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(233.953.913.732)	(366.224.902.994)
06	Chi phí lãi vay	26	171.193.070.710	105.575.392.006
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		786.749.273.108	710.149.695.300
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(8.860.017.382)	128.786.034.818
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		87.596.590.935	(44.157.120.207)
11	Tăng các khoản phải trả		450.112.379.951	162.737.712.965
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(106.829.455.112)	20.845.752.464
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		(900.000.000.000)	95.450.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(146.518.129.074)	(80.290.528.058)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(94.133.162.063)	(53.566.656.984)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(72.158.631.927)	(73.788.598.512)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(4.041.151.564)	770.811.741.786
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(829.458.235.816)	(283.820.540.341)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.021.425.161	3.158.200.350
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(412.938.793.101)	(67.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		375.135.018.101	332.737.777.778
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị mua nắm giữ)		(493.753.062.897)	(661.788.629.745)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		-	56.991.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		197.517.647.601	109.535.103.850
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.162.476.000.951)	(510.687.088.108)

Mã số	CHI TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		30.000.000.000	867.480.000.000
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(690.000.000)	(1.020.000.000)
32.1	Tiền thu lại do tái phát hành cổ phiếu quỹ		1.020.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		7.692.450.426.090	5.286.943.907.815
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(6.850.845.262.322)	(4.939.566.307.769)
36	Cổ tức đã trả		(49.560.423.960)	(54.155.457.040)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		822.374.739.808	1.159.682.143.006
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(344.142.412.707)	1.419.806.796.684
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.538.190.912.306	1.118.786.997.741
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		435.227.361	(402.882.119)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	2.194.483.726.960	2.538.190.912.306


Nguyễn Thị Nga
Người lập
Ngày 28 tháng 3 năm 2020


Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính từ 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam theo GCNĐKKD số 0301472704 đăng ký thay đổi lần thứ 15 do SKHĐT tỉnh Long An cấp ngày 20 tháng 12 năm 2017.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan, thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 8.320 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 6.829).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 20 công ty con sở hữu gián tiếp được trình bày như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Quyền sở hữu (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Các công ty con sở hữu trực tiếp				
Công ty Cổ phần Pan Farm ("PAN Farm")	81,91	81,91	Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	Thực hiện trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN ("PAN Food")	99,99	99,99	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến và kinh doanh nông lâm thủy hải sản; kinh doanh thực phẩm và các hoạt động tư vấn đầu tư
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("FMC")	64,45	60,87	Thị xã Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN ("PAN CG")	99,99	99,99	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Bán buôn thực phẩm
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans ("Golden Beans")	79,6	79,6	497/23 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn thực phẩm, nông lâm sản, và trồng cây cà phê

Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Quyền sở hữu (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Các công ty con sở hữu gián tiếp				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre ("ABT")	78,33	78,32	Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("LAF")	80,52	80,51	Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	Gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản; và dịch vụ cho thuê kho bãi
Công ty cổ phần Chế biến Thực phẩm PAN	99,96	99,95	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Thực hiện các hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan
Công ty Cổ phần PAN-HULIC ("PHJSC")	50,97	41,76	Huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh rau, hoa quả và các sản phẩm nông nghiệp khác
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Giống Cây Trồng Việt Nam ("Vinaseed")	80,04	65,57	Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại nông sản và vật tư nông nghiệp
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang ("584NT")	73,45	73,44	584 Đường Lê Hồng Phong, Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Việt Nam	Kiểm nghiệm chất lượng chế biến bảo quản thủy sản, và các sản phẩm từ thủy sản
Công ty Cổ phần Bibica ("BBC")	50,07	50,06	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản

Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty Vinaseed

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây ("HSC")	53,80	35,28	Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam ("SSC")	96,41	63,22	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02	59,03	Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	80,73	52,94	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94,00	61,63	Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.
Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam	100	65,58	Huyện Tháp Mười, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến hạt giống và chế biến nông sản

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Quyền số hữu (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty BBC				
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông	100	50,06	Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát
Công ty TNHH Bibica Miền Bắc	100	50,06	Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Hà Nội	100	50,06	Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Biên Hòa	100	50,06	Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	100	50,06	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát
Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty ABT				
Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Aquatex Bentre ("ABT High-Tech")	100	78,32	Ấp 9 (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 09), Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Nuôi trồng thủy sản nội địa; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp; và hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác.
Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty 584NT				
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Cà Ná	99,8	73,29	Cảng cá Cà Ná mở rộng, Xã Cà Ná, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản

2. CƠ SỞ LẬP TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình khi Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được sử dụng cho mục đích sản xuất, kinh doanh hay cho thuê. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không thời hạn thì không hao mòn.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống ngô và lúa được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty và công ty con tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 - 50 năm
Bản quyền	5 năm
Thương hiệu và quan hệ khách hàng	20 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Khác	5 - 8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20 năm
Tài sản khác	6 - 15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Chi phí ngư trường nuôi cá

Chi phí ngư trường nuôi cá bao gồm chi phí thuê ao, đào ao, tu bổ ao và chi phí tư vấn nuôi cá. Chi phí đào ao, tu bổ ao và chi phí tư vấn nuôi cá được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm cộng số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn, phải trả khác và các khoản vay.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.22 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

3.23 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

4.1 Mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC)

Vào ngày 17 tháng 1 năm 2019, Tập đoàn đã mua thêm 4.228.730 cổ phần (tương ứng với 10,52% vốn cổ phần) của FMC từ các cổ đông không kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại FMC tăng từ 48,82% lên 59,43%. Số chênh lệch giữa giá phí của giao dịch và giá trị phần tài sản thuần của FMC bị thay đổi là 54.665.347.482 VND đã được ghi nhận vào chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 23.1).

Vào ngày 1 tháng 10 năm 2019, PAN Food, một công ty con trong Tập đoàn đã mua thêm 5.962.660 cổ phần (tương ứng với 12,16% vốn cổ phần) của FMC từ các cổ đông không kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại FMC tăng từ 52,29% (Vào ngày 22 tháng 10 năm 2019, FMC đã phát hành thêm 8.844.000 cổ phần cho nhân viên và cổ đông hiện hữu làm suy giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn từ 59,43% còn 52,29%) lên 60,87%. Số chênh lệch giữa giá phí của giao dịch và giá trị phần tài sản thuần của FMC bị thay đổi là 11.130.270.945 VND đã được ghi nhận vào chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 23.1).

4.2 Mua thêm cổ phần tại ABT

Vào ngày 3 tháng 1 năm 2019, PAN Food, một công ty con trong Tập đoàn đã mua thêm 633.375 cổ phần (tương ứng với 5,51% vốn cổ phần) của ABT từ các cổ đông không kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại ABT tăng từ 72,82% lên 78,32%. Số chênh lệch giữa giá phí của giao dịch và giá trị phần tài sản thuần của ABT bị thay đổi là 6.014.912.263 VND đã được ghi nhận vào chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 23.1).

4.3 Mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát tại SSC

Vào ngày 17 tháng 5 năm 2019, SSC, một công ty con trong Tập đoàn đã mua lại 245.070 cổ phiếu quỹ (tương ứng với 1,81% vốn cổ phần) của SSC từ các cổ đông không kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại SSC tăng từ 62,07% lên 63,22%. Số chênh lệch giữa giá phí của giao dịch và giá trị phần tài sản thuần của SSC bị thay đổi là 7.064.320.897 VND đã được ghi nhận vào chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 23.1).

4.4 Mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang ("584NT")

Đến ngày 7 tháng 8 năm 2019, PAN Food, một công ty con trong Tập đoàn đã hoàn tất việc mua thêm 471.752 cổ phần của 584NT từ các cổ đông không kiểm soát với tổng chi phí là 15.386.964.000 VND. Theo đó, quyền sở hữu của Tập đoàn trong 584NT đã tăng từ 43,23% lên 50,6%, với tỷ lệ quyền biểu quyết 50,6% tại ngày này, và 584NT trở thành công ty con của Tập đoàn (Thuyết minh 15.1).

Giá trị hợp lý tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của 584NT tại ngày mua như sau:

	VND
	Giá trị tạm tính ghi nhận tại ngày mua
Tài sản	
Tài sản, nhà xưởng và trang thiết bị	17.665.947.382
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.000.000.000
Các khoản phải thu	11.727.529.525
Hàng tồn kho	125.753.647.368
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.928.542.272
Tài sản ngắn hạn khác	30.000
Tài sản dở dang dài hạn	1.793.247.601
Tài sản dài hạn khác	435.388.326
	178.304.332.474
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả	15.479.120.994
Vay và cho thuê tài chính ngắn hạn	62.375.019.195
	77.854.140.189
Tổng tài sản thuần	100.450.192.285
Tổng tài sản thuần bị hợp nhất (50,6%)	50.827.845.090
Lợi thế thương mại (Thuyết minh số 16)	65.789.438.910
Tổng chi phí hợp nhất	116.617.284.000
<i>Trong đó:</i>	
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư ban đầu 49,07% ban đầu tại ngày mua thêm để đạt được quyền kiểm soát (*)	113.093.244.000
Chi phí hợp nhất phát sinh thêm 1,53%	3.524.040.000

(*) Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản đầu tư ban đầu 49,07% tại ngày mua thêm và giá trị của khoản đầu tư đó theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 20.614.497.374 VND được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 24.2).

Sau ngày trở thành công ty con, vào ngày 23 tháng 9 năm 2019, PAN Food, một công ty con trong Tập đoàn hoàn tất việc mua thêm 1.462.682 cổ phần (tương ứng với 16,81% vốn cổ phần) của 584NT từ cổ đông không kiểm soát. Theo đó, quyền sở hữu của Tập đoàn trong 584NT đã tăng từ 50,6% đến 73,45%. Số chênh lệch giữa giá phí của giao dịch và giá trị phần tài sản thuần của 584NT bị thay đổi là 31.238.322.665 VND đã được ghi nhận vào chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 23.1).

Kể từ ngày hợp nhất, Công ty 584NT đã đóng góp các khoản doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế vào doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt là 162.871.550.202 VND và 13.071.536.057 VND.

4.5 Mua cổ phần Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans ("Golden Beans")

Ngày 8 tháng 11 năm 2019, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua 3.659.198 cổ phần của Golden Beans. Theo đó, quyền sở hữu của Tập đoàn trong Golden Beans là 71%, với tỷ lệ quyền biểu quyết 71% tại ngày này, và Golden Beans trở thành công ty con của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Golden Beans tại ngày mua như sau:

	VND
	Giá trị hợp lý tạm thời ghi nhận tại ngày mua
Tài sản	
Tài sản, nhà xưởng và trang thiết bị	6.815.228.583
Các khoản phải thu	7.923.807.076
Tiền và các khoản tương đương tiền	411.059.502
Các khoản đầu tư	31.824.741.981
Tài sản ngắn hạn khác	225.000
Tài sản dài hạn khác	10.259.773
	46.985.321.915
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả	11.315.312.771
Tổng tài sản thuần	35.670.009.144
Tổng tài sản thuần bị hợp nhất (71%)	25.325.706.492
Lợi thế thương mại (Thuyết minh số 16)	9.674.293.508
Tổng chi phí hợp nhất	35.000.000.000

Sau ngày trở thành công ty con, vào ngày 30 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn hoàn tất việc mua thêm 2.169.663 cổ phần của Golden Beans từ cổ đông không kiểm soát với tổng chi phí 25.200.000.000 VND. Theo đó, quyền sở hữu của Tập đoàn trong Golden Beans đã tăng từ 71% đến 79,59%. Số chênh lệch giữa giá phí của giao dịch và giá trị phần tài sản thuần của Golden Beans bị thay đổi là 2.078.295.429 VND đã được ghi nhận vào chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 23.1).

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	12.038.164.548	19.390.516.323
Tiền gửi ngân hàng	869.215.282.462	1.011.362.043.018
Các khoản tương đương tiền (*)	1.313.230.279.950	1.507.438.352.965
TỔNG CỘNG	2.194.483.726.960	2.538.190.912.306

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại và Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI có thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn (i)	280.303.775.000	242.500.000.000
Chứng khoán kinh doanh (ii)	906.522.230.849	6.522.230.849
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (ii)	(3.186.570.090)	(3.275.233.145)
TỔNG CỘNG	1.183.639.435.759	245.746.997.704

(i) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc trên ba tháng và dưới một năm tại các ngân hàng thương mại; các khoản tiền gửi dài hạn có thời hạn đáo hạn còn lại dưới một năm và hưởng lãi suất áp dụng.

Tập đoàn đã thế chấp một phần khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21).

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản chứng khoán kinh doanh được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và trái phiếu						
Trái phiếu 1 (*)	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	-
Trái phiếu 2 (**)	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	2.305.557.332	1.225.408.500	(1.080.148.832)	2.305.557.332	806.954.190	(1.498.603.142)
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	975.259.755	604.166.400	(371.093.355)	975.259.755	975.259.755	-
Công ty Cổ phần Hóa An	684.881.000	502.425.000	(182.456.000)	684.881.000	475.650.000	(209.231.000)
Công ty Cổ phần Càng Rau Quả	636.162.000	470.205.700	(165.956.300)	636.162.000	456.095.900	(180.066.100)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	487.959.001	142.347.200	(345.611.801)	487.959.001	141.933.400	(346.025.601)
Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	164.448.732	164.448.732	-	164.448.732	164.448.732	-
Khác	189.733.029	189.499.923	(233.106)	189.733.029	189.496.423	(236.606)
	905.444.000.849	903.298.501.455	(2.145.499.394)	5.444.000.849	3.209.838.400	(2.234.162.449)
Đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết						
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nông sản Ninh Thuận	1.050.000.000	8.929.304	(1.041.070.696)	1.050.000.000	8.929.304	(1.041.070.696)
Công ty Cổ phần Công nghệ mới Kim tự tháp Việt Nam	28.230.000	28.230.000	-	28.230.000	28.230.000	-
	1.078.230.000	37.159.304	(1.041.070.696)	1.078.230.000	37.159.304	(1.041.070.696)
TỔNG CỘNG	906.522.230.849	903.335.660.759	(3.186.570.090)	6.522.230.849	3.246.997.704	(3.275.233.145)

(*) Trái phiếu niêm yết của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thanh Xuân mua tại ngày 30 tháng 12 năm 2019 với số lượng là 400 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu và hưởng lãi suất áp dụng.

(**) Trái phiếu niêm yết của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa có kỳ hạn gốc sáu (6) năm và hưởng lãi suất từ 8,1% đến 8,2%/năm. Công ty đã thế chấp trái phiếu này để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên khác	736.238.681.891	726.411.040.622
- Amanda SeADood Private Limited	126.512.273.333	213.967.148.405
- Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	62.257.500.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng - Dịch vụ Phúc Bảo Minh	24.311.743.892	24.311.743.892
- Khác	523.157.164.666	488.132.148.325
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	1.514.671.688	8.887.167.815
TỔNG CỘNG	737.753.353.579	735.298.208.437
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(49.040.207.434)	(45.088.922.943)
GIÁ TRỊ THUẬN	688.713.146.145	690.209.285.494

Tập đoàn đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 21).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(45.088.922.943)	(25.374.056.797)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	(24.587.054)	(580.776.404)
Dự phòng trích lập trong năm	(9.702.418.586)	(21.400.698.976)
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	5.775.721.149	2.266.609.234
Số cuối năm	(49.040.207.434)	(45.088.922.943)

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên khác	62.949.628.334	75.486.956.653
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	727.681.100	513.400.000
TỔNG CỘNG	63.677.309.434	76.000.356.653
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.150.661.661)	(5.891.412.990)
GIÁ TRỊ THUẬN	57.526.647.773	70.108.943.663

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tạm ứng giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Cái Côn	13.088.000.000	13.088.000.000
Lãi tiền gửi dự thu	12.242.440.214	10.313.432.628
Ký quỹ	7.825.204.326	3.896.587.976
Tạm ứng cho nhân viên	7.006.675.678	8.182.511.501
Phạt thuế	6.006.597.327	-
Chi hộ tiền bồi thường giải phóng mặt bằng - Dự án Đồng Tháp	2.114.960.000	-
Khác	14.100.504.262	14.219.822.344
	62.384.381.807	49.700.354.449
Dài hạn		
Ký quỹ	3.431.336.000	147.160.000
TỔNG CỘNG	65.815.717.807	49.847.514.449
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(17.601.790.004)	(15.654.909.031)
GIÁ TRỊ THUẬN	48.213.927.803	34.192.605.418
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	47.779.764.808	30.350.827.003
Các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	434.162.995	3.841.778.415

9. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	918.597.782.695	1.201.146.459.158
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	245.073.938.770	89.748.067.888
Nguyên vật liệu	165.749.769.412	162.119.956.224
Công cụ, dụng cụ	50.522.322.300	46.597.007.907
Hàng gửi đi bán	29.731.069.159	-
Hàng hóa	20.093.621.400	24.558.544.689
Hàng mua đang đi trên đường	9.308.798.795	2.503.857.600
TỔNG CỘNG	1.439.077.302.531	1.526.673.893.466
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(31.599.370.293)	(21.883.356.237)
Giá trị thuần	1.407.477.932.238	1.504.790.537.229

Tập đoàn đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 21).

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(21.883.356.237)	(18.223.101.840)
Dự phòng trích lập trong năm	(20.031.087.589)	(22.681.198.577)
Sử dụng dự phòng trong năm	10.315.073.533	19.020.944.180
Số cuối năm	(31.599.370.293)	(21.883.356.237)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	15.260.700.985	12.940.893.814
Chi phí sửa chữa, cải tạo	433.822.165	423.114.574
Khác	3.736.039.440	2.953.756.830
	19.430.562.590	16.317.765.218
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước (*)	212.820.905.051	192.299.570.022
Công cụ, dụng cụ	40.222.156.001	23.477.107.548
Chi phí ngư trường nuôi cá	20.149.507.579	23.865.674.579
Chi phí sửa chữa, cải tạo	7.600.363.091	11.185.138.459
Chi phí đền bù	6.642.260.738	6.881.621.485
Khác	7.607.794.688	9.080.949.733
	295.042.987.148	266.790.061.826
TỔNG CỘNG	314.473.549.738	283.107.827.044

(*) Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Tập đoàn đã thế chấp chi phí thuê đất ở Long An với giá trị 12.453.158.434 VND để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 21).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	883.365.354.521	1.328.705.548.743	138.597.766.470	41.752.214.983	14.459.803.221	2.406.880.687.938
Mua mới	6.838.869.236	64.581.887.366	25.301.664.854	3.258.681.557	181.854.546	100.162.957.559
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	36.103.076.325	10.989.877.198	1.566.759.909	1.008.158.900	-	49.667.872.332
Tặng do hợp nhất kinh doanh	58.095.566	31.648.494.608	6.507.350.244	-	477.838.150	38.691.778.568
Phân loại lại	316.461.623	(316.461.623)	-	-	-	-
Thanh lý	(38.367.251)	(10.631.270.974)	(7.425.674.938)	-	(35.000.000)	(18.130.313.163)
Giảm khác	-	(6.075.262.255)	-	-	-	(6.075.262.255)
Số cuối năm	926.643.490.020	1.418.902.813.063	164.547.866.539	46.019.055.440	15.084.495.917	2.571.197.720.979
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	127.584.597.289	425.275.311.138	36.053.923.362	17.096.141.909	6.861.341.104	612.871.314.802
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(331.468.433.993)	(796.407.471.253)	(69.212.100.558)	(24.855.577.340)	(7.576.949.859)	(1.229.520.533.003)
Khấu hao trong năm	(51.837.253.323)	(104.621.499.335)	(13.541.228.737)	(4.249.722.170)	(1.046.716.881)	(175.296.420.446)
Tặng do hợp nhất kinh doanh	(20.261.194)	(14.617.573.084)	(4.989.620.765)	-	(114.705.553)	(19.742.160.596)
Thanh lý	-	7.448.037.585	6.837.423.553	-	35.000.000	14.320.461.138
Số cuối năm	(383.325.948.510)	(908.198.506.087)	(80.905.526.507)	(29.105.299.510)	(8.703.372.293)	(1.410.238.652.907)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	551.896.920.528	532.298.077.490	69.385.665.912	16.896.637.643	6.882.853.362	1.177.360.154.935
Số cuối năm	543.317.541.510	510.704.306.976	83.642.340.032	16.913.755.930	6.381.123.624	1.160.959.068.072
Trong đó:						
Tài sản dùng để thế chấp (Thuyết minh số 21)	77.165.635.379	153.060.536.816	29.541.477.437	-	-	259.767.649.632

12. TÀI SẢN VÔ HÌNH

VNĐ

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Thương hiệu, mối quan hệ khách hàng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	654.779.732.918	17.579.339.002	15.088.600.000	1.395.864.000.000	334.352.688	2.083.646.024.608
Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	63.861.742	-	14.060.580.000	-	14.124.441.742
Mua mới	-	3.029.868.430	100.000.000	-	-	3.129.868.430
Phân loại lại	(2.004.129.564)	-	-	-	-	(2.004.129.564)
Thanh lý	-	-	(600.000.000)	-	-	(600.000.000)
Số cuối năm	652.775.603.354	20.673.069.174	14.588.600.000	1.409.924.580.000	334.352.688	2.098.296.205.216
Trong đó:						
Đã hao mòn hết	678.890.520	916.843.334	9.310.000.000	-	334.352.688	11.240.086.542
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	(55.347.995.281)	(9.396.486.746)	(10.551.516.682)	(59.732.232.143)	(334.352.688)	(135.362.583.540)
Hao mòn trong năm	(36.820.689.763)	(2.584.424.815)	(562.250.010)	(43.823.964.393)	-	(83.791.328.981)
Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	(939.144)	-	(966.963.917)	-	(967.903.061)
Thanh lý	-	-	210.000.000	-	-	210.000.000
Khác	522.692.473	-	-	-	-	522.692.473
Số cuối năm	(91.645.992.571)	(11.981.850.705)	(10.903.766.692)	(104.523.160.453)	(334.352.688)	(219.389.123.109)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	599.431.737.637	8.182.852.256	4.537.083.318	1.336.131.767.857	-	1.948.283.441.068
Số cuối năm	561.129.610.783	8.691.218.469	3.684.833.308	1.305.401.419.547	-	1.878.907.082.107
Trong đó:						
Tài sản dùng để thế chấp (Thuyết minh số 21)	7.503.651.000	-	-	-	-	7.503.651.000

Bao gồm trong giá trị Quyền sử dụng đất là giá trị khu đất tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ("Khu đất Lê Văn Sỹ") với giá trị ghi số còn lại là 27.547.926.144 VND. Đây là khu đất của SSC, một công ty con của Tập đoàn, và đã được công ty này sử dụng một phần giá trị khu đất để góp vốn thành lập Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil ("Cantavil") theo Hợp đồng Liên doanh ngày 3 tháng 9 năm 2014 và các phụ lục Hợp đồng Liên doanh sau đó được ký với Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon - Thủ Đức ("Daewon-Thủ Đức"). Giá trị còn lại của khu đất sẽ được Cantavil chi trả bằng tiền cho SSC. Bên cạnh đó, SSC cũng đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng và các phụ lục hợp đồng chuyển nhượng phân vốn góp trong Cantavil cho Daewon-Thủ Đức và tiến độ của việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng này sẽ phụ thuộc vào các điều kiện được nêu tại hợp đồng chuyển nhượng cũng như một số điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, do việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ cũng như các điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp chưa được hoàn thành, SSC chưa ghi nhận việc bàn giao đất Khu đất Lê Văn Sỹ cho Cantavil cũng như chưa ghi nhận các lợi ích và chi phí liên quan từ việc thực hiện các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp nêu trên.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	314.704.875	353.440.561	668.145.436
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	353.440.561	353.440.561
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(240.553.962)	(353.440.561)	(593.994.523)
Khấu hao trong năm	(16.491.096)	-	(16.491.096)
Số cuối năm	(257.045.058)	(353.440.561)	(610.485.619)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	74.150.913	-	74.150.913
Số cuối năm	57.659.817	-	57.659.817

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất lần lượt là 103.636.365 VND và 30.040.237 VND.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dự án nhà máy Bibica	364.646.365.599	121.584.593.217
Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp	270.192.259.670	-
Chi phí phát triển dự án nuôi tôm	55.337.226.196	8.881.102.764
Dự án kho lạnh	37.561.954.000	310.553.103
Máy móc thiết bị đang lắp đặt	22.990.148.282	4.148.828.238
Chi phí dự án Nhà máy Probiotics Long An	19.972.076.532	-
Tài sản mua từ Công ty May Mặc Khánh Hòa	14.545.454.545	-
Nhà kho và máy móc ở ABT	9.591.596.436	-
Củ Chi Lương Nông	-	11.103.862.672
Khác	10.148.377.171	7.008.438.249
TỔNG CỘNG	804.985.458.431	153.037.378.243

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.1)	522.475.530.204	326.110.827.799
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 15.2)	26.049.020.000	26.049.020.000
TỔNG CỘNG	548.524.550.204	352.159.847.799

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang ("584 Nha Trang")	-	-	76.681.581.297	43,23
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam ("VFG") (*)	522.475.530.204	41,88	249.429.246.502	20,00
	522.475.530.204		326.110.827.799	

(*) Tập đoàn đã mua thêm 6.916.061 cổ phiếu của VFG với giá chào mua là 38.500 VND/cổ phiếu

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này bao gồm

VND

	584 Nha Trang	VFG	Tổng cộng
Giá trị đầu tư:			
Số đầu năm	62.808.805.688	243.800.653.250	306.609.458.938
Mua mới	15.386.964.000	266.792.876.419	282.179.840.419
Giảm do trở thành công ty con	(78.195.769.688)	-	(78.195.769.688)
Cổ tức loại trừ	-	(26.478.122.000)	(26.478.122.000)
Số cuối năm	-	484.115.407.669	484.115.407.669
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:			
Số đầu năm	13.872.775.609	5.628.593.252	19.501.368.861
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	6.425.096.629	45.970.590.283	52.395.686.912
Cổ tức loại trừ	(2.490.855.300)	(13.239.061.000)	(15.729.916.300)
Giảm do trở thành công ty con	(17.807.016.938)	-	(17.807.016.938)
Số cuối năm	-	38.360.122.535	38.360.122.535
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	76.681.581.297	249.429.246.502	326.110.827.799
Số cuối năm	-	522.475.530.204	522.475.530.204

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Giống Thái Bình (*)	99.938	13.333.640.000	99.938	13.333.640.000
Đơn vị khác (*)	94.188	12.715.380.000	94.188	12.715.380.000
TỔNG CỘNG		26.049.020.000		26.049.020.000

(*) Tập đoàn không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

VND

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	117.971.511.918	459.489.829.889	-	577.461.341.807
Tăng do hợp nhất kinh doanh	65.789.438.910	-	9.674.293.508	75.463.732.418
Số cuối năm	183.760.950.828	459.489.829.889	9.674.293.508	652.925.074.225
Phân bổ lũy kế:				
Số đầu năm	(38.372.694.880)	(189.231.649.384)	-	(227.604.344.264)
Phân bổ trong năm	(13.537.867.567)	(45.969.051.390)	(80.619.113)	(59.587.538.070)
Số cuối năm	(51.910.562.447)	(235.200.700.774)	(80.619.113)	(287.191.882.334)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	79.598.817.038	270.258.180.505	-	349.856.997.543
Số cuối năm	131.850.388.381	224.289.129.115	9.593.674.395	365.733.191.891

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên khác	382.712.267.140	334.857.260.208
<i>Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc</i>	<i>26.049.020.000</i>	<i>26.049.020.000</i>
<i>Khác</i>	<i>325.822.286.931</i>	<i>272.073.445.733</i>
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	617.164.424	2.594.836.544
TỔNG CỘNG	383.329.431.564	337.452.096.752

17.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Daewon Thủ Đức (*)	23.816.250.000	38.106.000.000
Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil (*)	16.183.750.000	61.894.000.000
Trả trước từ các bên khác	128.996.256.054	23.332.573.609
TỔNG CỘNG	168.996.256.054	123.332.573.609

(*) Đây là các khoản trả trước cho Công ty SSC theo các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các hợp đồng này chưa hoàn thành và các đối tác đang trong quá trình đàm phán điều chỉnh nội dung của các hợp đồng này.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.668.228.667	82.069.769.269	(94.133.162.063)	38.604.835.873
Thuế giá trị gia tăng	8.754.300.097	178.109.734.208	(162.294.551.398)	24.569.482.907
Thuế thu nhập cá nhân	5.353.998.747	35.368.317.590	(32.470.032.161)	8.252.284.176
Khác	225.885.692	3.642.654.003	(3.815.381.890)	53.157.805
TỔNG CỘNG	65.002.413.203	299.190.475.070	(292.713.127.512)	71.479.760.761

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương và thưởng	52.496.981.954	46.068.382.878
Chi phí quảng cáo	35.182.031.505	40.873.286.273
Chi phí lãi vay	24.674.941.636	25.284.863.948
Hoa hồng môi giới	23.260.114.471	33.188.725.115
Chi phí vận chuyển	17.367.616.547	10.003.090.605
Khác	47.615.062.794	23.758.774.374
TỔNG CỘNG	200.596.748.907	179.177.123.193

20. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Phát triển Nhà Cantavil (*)	45.710.250.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Daewon Thủ Đức (*)	14.289.750.000	-
Cổ tức phải trả	32.911.282.610	900.482.110
Quy lương phải trả nhân viên	15.060.819.802	15.648.588.179
Lãi trái phiếu	7.460.215.979	781.150.685
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và phí công đoàn	6.544.060.563	5.750.101.792
Khác	21.394.104.029	18.197.798.860
	143.370.482.983	41.278.121.626
Dài hạn		
Nhận ký quỹ	4.711.719.272	4.853.771.599
Khác	1.885.271.335	-
	6.596.990.607	4.853.771.599
TỔNG CỘNG	149.967.473.590	46.131.893.225
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	149.517.473.590	45.681.893.225
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	450.000.000	450.000.000

(*) Đây là giá trị còn lại của Khu đất Lê Văn Sỹ và giá trị còn lại của Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp được các đối tác tự nguyện chuyển khoản vào tài khoản của SSC (mặc dù SSC chưa yêu cầu và SSC cũng không nhận được thông báo của các đối tác trước thời điểm nhận được số tiền này). Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ cũng như các điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp chưa được hoàn thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

21. VAY

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm
Vay ngắn hạn					
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	836.162.956.146	7.522.260.651.479	(6.667.753.316.717)	959.150.985	1.691.629.441.893
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 21.3)	-	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
Vay từ bên khác	-	16.200.280.886	(5.161.936.000)	-	11.038.344.886
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	-	67.000.000.000	(60.000.000.000)	-	7.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 21.2)	6.358.803.690	6.021.146.873	(8.060.009.605)	-	4.319.940.958
	842.521.759.836	7.711.482.079.238	(6.740.975.262.322)	959.150.985	1.813.987.727.737
Vay dài hạn					
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 21.3)	1.202.000.000.000	-	(67.000.000.000)	-	1.135.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(29.297.899.505)	(14.795.424.657)	20.396.771.614	-	(23.696.552.548)
Vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	225.182.566.034	53.989.493.725	(115.891.146.873)	666.070.799	163.946.983.685
	1.397.884.666.529	39.194.069.068	(162.494.375.259)	666.070.799	1.275.250.431.137
TỔNG CỘNG	2.240.406.426.365	7.750.676.148.306	(6.903.469.637.581)	1.625.221.784	3.089.238.158.874

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Tập đoàn thực hiện các khoản vay này nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

VND

Ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	Nguyên tệ (USD)	VND			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	630.000.000.000	Ngày 18 tháng 6 năm 2020	5,8	Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	500.000.000.000	Từ ngày 28 tháng 4 năm 2020 đến ngày 13 tháng 5 năm 2020	Từ 5,35 đến 5,50	Thế chấp trái phiếu 900 tỷ của BIDV
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng	5.630.890	130.805.574.700	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2020 đến ngày 30 tháng 4 năm 2020	3,2	Nhà xưởng, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng	4.957.000	115.151.110.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2020 đến ngày 13 tháng 4 năm 2020	3,2	Nhà cửa và máy móc thiết bị tại nhà máy Tin An, Hàng tồn kho, Ao nuôi tôm Xuân Phú, Kho lạnh 4,000 tấn tại nhà máy An San
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	-	71.577.573.800	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 23 tháng 8 năm 2020. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng	Theo từng kế ước nhận nợ	5.996.940 cổ phiếu SSC của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam thuộc quyền sở hữu của Khách hàng theo Hợp đồng cầm cố chứng khoán niêm yết
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Bến Tre	-	82.432.790.736	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	Từ 5,7 đến 5,8	Quyền sử dụng đất, khoản phải thu khách hàng và hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	2.764.300	64.211.924.700	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2020 đến ngày 28 tháng 4 năm 2020	4,0	Các khoản vay được đảm bảo một phần bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị tại số 81B, Quốc lộ 62, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An và tài sản gắn liền trên đất tại Lô I.1 Đường số 1, Cụm Công nghiệp Lợi Bình Nhơn, Xã Lợi Bình Nhơn, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An. Số dư tín dụng còn lại được đảm bảo tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, hàng tồn kho luân chuyển và phải thu khách hàng luân chuyển
	-	1.196.358.655	Ngày 19 tháng 4 năm 2020	7,0	

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Tập đoàn thực hiện các khoản vay này nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau: (tiếp theo)

VND

Ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	Nguyên tệ (USD)	VND			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng	1.326.000	30.802.980.000	Từ ngày 27 tháng 2 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020	3,2	Hàng tồn kho
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	29.996.135.627	Đến ngày 17 tháng 6 năm 2020	7	Tài sản gắn liền với đất và Quyền sử dụng đất tại 584, 584A Lê Hồng Phong, Phước Long, Nha Trang; Máy móc thiết bị; Tài sản gắn liền với đất tại Cảng cá Cà Ná mở rộng, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.
Ngân Hàng United Overseas - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	951.021	22.091.256.821	Từ ngày 16 tháng 4 năm 2020 đến ngày 27 tháng 6 năm 2020	4,2 - 4,3	Các khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển với giá trị lên đến USD 2.000.000
	-	817.753.987	Từ ngày 3 tháng 6 năm 2020 đến ngày 17 tháng 6 năm 2020	6,85	
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang	-	10.188.641.308	Từ ngày 18 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	7,0	Tài sản, hàng tồn kho luân chuyển, tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa	-	2.357.341.559	Từ ngày 27 tháng 3 năm 2020 đến ngày 14 tháng 4 năm 2020	7,3	Công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất, hàng tồn kho
TỔNG CỘNG		1.691.629.441.893			

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

VNĐ

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	Nguyên tệ (USD)	VND			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	-	97.400.000.000	Từ ngày 16 tháng 3 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	Năm thứ nhất: 7% năm Năm thứ 2: Kỳ hạn 12 tháng với lãi suất cơ bản cộng 1,5%/năm. Những năm còn lại: Kỳ hạn 12 tháng với lãi suất cơ bản cộng 2,5%/năm	Chi phí sử dụng đất trả trước, công trình và máy móc thiết bị
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	-	53.989.493.725	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 45 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên	Theo từng khế ước nhận nợ	Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án TT Công nghiệp chế biến nông sản tại Cụm Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Trường Xuân
	-	9.226.326.856	Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Theo từng khế ước nhận nợ	1.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam được sở hữu bởi Vinaseed
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	7.651.104.062	Ngày 8 tháng 8 năm 2022	5,0	316.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam
TỔNG CỘNG		168.266.924.643			
Trong đó:					
Vay dài hạn		163.946.983.685			
Vay dài hạn đến hạn trả		4.319.940.958			

21.3 Trái phiếu phát hành ngắn hạn

Chi tiết khoản trái phiếu phát hành ngắn hạn theo mệnh giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

VNĐ

Trái chủ	Số lượng	Mệnh giá VND	Giá trị VND	Lãi suất/năm %	Kỳ hạn	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội	100	1.000.000.000	100.000.000.000	9	Ngày 29 tháng 5 năm 2020	Tín chấp

21. VAY (tiếp theo)

21.4 Trái phiếu phát hành dài hạn

Chi tiết các khoản trái phiếu phát hành theo mệnh giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

VNĐ

Trái chủ	Số lượng	Mệnh giá VND	Giá trị VND	Lãi suất/năm %	Kỳ hạn	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	845	1.000.000.000	845.000.000.000	6,8%	Ngày 10 tháng 9 năm 2023	7.720.577 cổ phần của Công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	170	1.000.000.000	170.000.000.000	6,8%	Ngày 10 tháng 9 năm 2023	7.720.577 cổ phần của Công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Hanwha Life Việt Nam	75	1.000.000.000	75.000.000.000	6,8%	Ngày 10 tháng 9 năm 2023	7.720.577 cổ phần của Công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	45	1.000.000.000	45.000.000.000	6,8%	Ngày 10 tháng 9 năm 2023	7.720.577 cổ phần của Công ty thành viên
Cá nhân khác	7	1.000.000.000	7.000.000.000	9%	Ngày 14 tháng 5 năm 2020	Tín chấp
TỔNG CỘNG	1.142		1.142.000.000.000			
Chi phí phát hành			(23.696.552.548)			
Giá trị thuần			1.118.303.447.452			
Trong đó:						
Trái phiếu phát hành			1.111.303.447.452			
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả			7.000.000.000			

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện số dự phòng trợ cấp thôi việc như được trình bày tại Thuyết minh số 3.14.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							VNĐ
Số đầu năm	1.177.236.300.000	1.021.071.143.351	-	(561.000.000)	128.226.531.546	390.694.081.881	2.716.667.056.778
Tăng vốn trong năm	183.780.000.000	656.350.500.000	15.042.973.511	561.000.000	-	(15.042.973.511)	840.691.500.000
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	(1.020.000.000)	-	-	(1.020.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	334.409.665.561	334.409.665.561
Trích lập quỹ	-	-	-	-	87.881.158.965	(87.881.158.965)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(55.449.573.530)	(55.449.573.530)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong các công ty con	-	-	-	-	-	(121.466.429.505)	(121.466.429.505)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(15.575.357.591)	-	(15.575.357.591)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(6.407.827.221)	(6.407.827.221)
Khác	-	-	-	-	-	(1.784.026.603)	(1.784.026.603)
Số cuối năm	1.361.016.300.000	1.677.421.643.351	15.042.973.511	(1.020.000.000)	200.532.332.920	437.071.758.107	3.690.065.007.889

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm nay							VNĐ
Số đầu năm	1.361.016.300.000	1.677.421.643.351	15.042.973.511	(1.020.000.000)	200.532.332.920	437.071.758.107	3.690.065.007.889
Tăng vốn trong năm (*)	30.000.000.000	-	-	-	-	-	30.000.000.000
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần (*)	339.995.110.000	(339.995.110.000)	-	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	1.020.000.000	-	-	1.020.000.000
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	(690.000.000)	-	-	(690.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	257.363.187.358	257.363.187.358
Trích lập quỹ	-	-	-	-	56.271.686.643	(56.271.686.643)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(51.560.141.234)	(51.560.141.234)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong các công ty con	-	-	-	-	-	(112.191.469.681)	(112.191.469.681)
Sử dụng quỹ (**)	-	-	-	-	(14.695.771.952)	-	(14.695.771.952)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(9.408.705.995)	(9.408.705.995)
Khác	-	(57.000.000)	-	-	-	(2.141.117.449)	(2.198.117.449)
Số cuối năm	1.731.011.410.000	1.337.369.533.351	15.042.973.511	(690.000.000)	242.108.247.611	462.861.824.463	3.787.703.988.936

(*) Vào ngày 11 tháng 3 năm 2019, Công ty đã hoàn tất phát hành 33.999.511 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư vốn và tái phát hành 102.000 cổ phiếu quỹ với mức giá phát hành là 10.000 VNĐ/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 02-10/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2018. Việc phát hành đã được chấp thuận bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Quyết định số 1303/UBCK-QLCB ngày 28 tháng 2 năm 2019 và bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 19 vào ngày 11 tháng 3 năm 2019.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2019, Công ty đã thực hiện phát hành 3.000.000 cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo chương trình lựa chọn cho người lao động với mức giá phát hành là 10.000 VNĐ/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 02-11/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 11 năm 2019. Việc niêm yết bổ sung đã được chấp thuận bởi Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 20 vào ngày 20 tháng 12 năm 2019.

(**) Tập đoàn sử dụng quỹ đầu tư phát triển một phần để phục vụ hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	1.361.016.300.000	1.177.236.300.000
Tăng trong năm	369.995.110.000	183.780.000.000
Số cuối năm	1.731.011.410.000	1.361.016.300.000

23.3 Cổ phiếu

	VND	
	Số cuối năm Số cổ phần	Số đầu năm Số cổ phần
Cổ phiếu đã được duyệt	173.101.141	136.101.630
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	173.101.141	136.101.630
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	(69.000)	(102.000)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	173.032.141	135.999.630

23.4 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	257.363.187.358	334.409.665.561
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(51.560.141.234)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	257.363.187.358	282.849.524.327
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm (**)	172.983.023	157.942.456
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản và lãi suy giảm	1.488	1.791

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.4 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2018.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2019 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

(**) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ này và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm trước đã được điều chỉnh do việc phát hành 33.999.511 cổ phiếu phổ thông để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư vốn cổ phần. (Thuyết minh số 23.1).

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	7.985.855.076.340	7.941.910.435.926
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	7.959.402.087.804	7.928.399.227.821
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.169.030.975	9.861.655.321
Khác	2.283.957.561	3.649.552.784
Các khoản giảm trừ doanh thu	(173.099.797.110)	(113.322.134.922)
<i>Trong đó:</i>		
Hàng bán bị trả lại	(116.884.846.695)	(52.869.127.854)
Chiết khấu thương mại	(53.971.374.574)	(56.449.634.388)
Giảm giá hàng bán	(2.243.575.841)	(4.003.372.680)
Doanh thu thuần	7.812.755.279.230	7.828.588.301.004
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	7.786.302.290.694	7.815.077.092.899
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.169.030.975	9.861.655.321
Khác	2.283.957.561	3.649.552.784

24. DOANH THU (tiếp theo)

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	101.217.950.485	90.842.032.389
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	28.141.509.498	-
Lãi do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản mục đầu tư vào công ty liên kết khi đạt được quyền kiểm soát	20.614.497.374	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	18.632.220.280	14.134.738.537
Cổ tức	2.107.592.794	3.788.788.040
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	213.048.480.708
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	34.466.553.671
Khác	239.662.776	1.715.908.220
TỔNG CỘNG	174.526.745.780	357.996.501.565

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	6.154.745.433.465	6.440.925.127.525
Giá vốn dịch vụ cung cấp	400.935.877	527.140.157
TỔNG CỘNG	6.155.146.369.342	6.441.452.267.682

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	171.193.070.710	105.575.392.006
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.567.933.885	22.641.826.340
Chiết khấu thanh toán	4.235.123.866	9.636.943.362
Khác	479.718.122	5.819.512.950
TỔNG CỘNG	186.475.846.583	143.673.674.658

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	203.791.784.494	179.426.498.833
Chi phí lương nhân viên	194.819.279.997	135.546.892.429
Chi phí khấu hao	3.154.078.637	3.070.320.515
Chi phí khác	245.533.919.929	228.183.981.207
TỔNG CỘNG	647.299.063.057	546.227.692.984
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	205.818.420.358	190.018.352.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.805.637.508	51.008.244.553
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 16)	59.587.538.070	52.271.522.187
Chi phí khấu hao và hao mòn	53.117.800.198	58.496.366.326
Chi phí khác	153.883.816.956	104.152.585.231
TỔNG CỘNG	534.213.213.090	455.947.071.038

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	6.008.283.085.924	5.334.186.127.785
Chi phí nhân công	1.086.144.791.644	601.767.048.434
Chi phí khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) (Thuyết minh số 11, 12, 13 và 16)	318.691.778.593	311.181.997.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	621.674.518.406	349.810.207.958
Chi phí khác	280.337.842.500	344.343.421.826
TỔNG CỘNG	8.315.132.017.067	6.941.288.803.540

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, các công ty con của Công ty được miễn và giảm thuế TNDN như sau:

- Tại ABT: Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Công văn số 2200/CT-THNVDT do Cục thuế tỉnh Bến Tre ban hành ngày 18 tháng 11 năm 2015. ABT được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập từ nuôi trồng thủy sản ở địa bàn kinh tế, xã hội khó khăn. Theo đó, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho lợi nhuận từ hoạt động nuôi trồng thủy sản của ABT từ năm 2015 là 10%.
- Tại Vinaseed: Vào ngày 1 tháng 3 năm 2011, Vinaseed nhận được Giấy chứng nhận số 03/ĐK-DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp, chấp thuận Vinaseed là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"). Theo các quy định về Doanh nghiệp KH&CN, và các quy định về ưu đãi, miễn giảm thuế TNDN hiện hành thì Vinaseed được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

(i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN; và

(ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.

- Tại SSC: Vào ngày 30 tháng 7 năm 2012, SSC nhận được Giấy Chứng nhận số 08/ĐK-DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận Công ty là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"). Theo các quy định về Doanh nghiệp KH&CN, và các quy định về ưu đãi, miễn giảm thuế TNDN hiện hành thì SSC được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

(i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN; và

(ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.

- Tại FMC: Từ năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Công ty áp dụng Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế TNDN và Công văn số 1327/CT-TTr từ Cục Thuế tỉnh Sóc Trăng ngày 1 tháng 12 năm 2015. Chi tiết như sau:

(i) Đối với hoạt động hàng nông sản và thủy sản ở vùng đặc biệt khó khăn: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong suốt thời gian hoạt động; và

(ii) Đối với hoạt động hàng thủy sản ở vùng khó khăn: Công ty được hưởng thuế suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

Thuế suất TNDN của các công ty con khác là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	78.180.451.773	85.357.124.231
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	-	(31.550.544)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(14.537.496.693)	(15.885.146.988)
TỔNG CỘNG	63.642.955.080	69.440.426.699

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	515.621.577.832	636.597.027.417
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho	-	(31.550.544)
Tập đoàn:		
Hoạt động nuôi trồng thủy sản: 10%	7.667.482.635	20.198.807.970
Hoạt động khoa học công nghệ: 10%	1.280.336.631	18.332.152.878
Hoạt động khác: 20%	35.727.798.196	26.759.502.990
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Phân bổ lợi thế thương mại	6.752.797.023	5.237.369.808
Chi phí không được khấu trừ	19.494.268.751	15.033.330.195
Lỗi tại công ty con	259.967.848	14.353.411.711
Thuế TNDN trích thừa năm trước	-	(31.550.544)
Thu nhập miễn thuế	(4.150.858.035)	(814.648.194)
Lãi từ công ty liên kết	(10.479.137.382)	(5.508.765.220)
Thanh lý công ty liên kết	-	2.513.927.666
Lãi do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	(26.427.079.836)
Chênh lệch thuế suất	5.927.765.357	-
Khác	1.162.534.056	(206.032.725)
Chi phí thuế TNDN	63.642.955.080	69.440.426.699

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong năm nay và năm trước thể hiện như sau:

VNĐ

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	8.934.702.936	6.550.016.580	2.384.686.356	2.028.740.059
Chi phí phải trả	5.090.828.916	3.598.736.201	1.492.092.715	1.955.789.640
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	4.339.134.817	4.181.132.966	158.001.851	290.391.987
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.000.521.683	293.850.922	1.706.670.761	(129.326.411)
Trích trước chi phí thuế chống bán phá giá	1.137.402.582	-	1.137.402.582	-
Lãi chưa thực hiện	1.028.612.235	300.580.043	728.032.192	51.058.377
Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các tài khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ	84.152.978	193.132.403	(108.979.425)	271.078.378
Giao dịch bán tài sản nội bộ	20.662.573	20.662.573	-	-
Dự phòng khoản đầu tư tài chính	-	44.465.073	(44.465.073)	44.465.073
Khác	-	-	(2.645.471.732)	-
	22.636.018.720	15.182.576.761		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản từ hợp nhất kinh doanh	(245.073.255.934)	(254.802.782.400)	9.729.526.466	11.372.949.885
	(245.073.255.934)	(254.802.782.400)		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			14.537.496.693	15.885.146.988

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đồng	Lãi tiền gửi	58.012.327.021	40.848.293.585
		Bán hàng hóa	4.735.080.005	3.207.405.283
		Phí tư vấn, dịch vụ	1.100.716.344	32.074.729.871
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – CN Hà Nội	Cổ đồng	Lãi từ hoạt động mua bán chứng chỉ tiền gửi	28.106.396.038	-
Công ty TNHH Sozjit Việt Nam	Cổ đồng	Nhận vốn góp	-	817.400.000.000
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	Công ty liên kết	Đầu tư vốn	266.792.876.419	243.800.653.250
		Cổ tức	13.239.061.000	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Cổ đồng	Bán hàng hóa	295.916.542	262.472.968
Lotte Confectionery Co., Ltd	Cổ đồng công ty con	Bán hàng hóa	1.424.065.295	31.805.980.937
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng Chủ tịch HĐQT	Mua tài sản	468.000.000	6.075.262.255
		Phí dịch vụ	-	4.829.979.852
		Mua hàng hóa	-	1.014.000.000
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đồng	Mua dịch vụ	158.002.680	-
Công ty TNHH Tư Vấn NDH	Cùng Chủ tịch HĐQT	Phí dịch vụ	3.040.616.024	1.690.699.000
		Bán hàng hóa	15.671.961	12.177.927
Công ty TNHH Đầu Tư NDH	Cổ đồng	Bán trái phiếu	44.931.600	-
		Bán hàng hóa	52.000.000	34.480.454
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Phí thuê văn phòng	655.200.000	655.200.000

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Tập đoàn như sau:

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lương	43.159.629.182	45.593.861.623
Thưởng	2.656.500.000	1.432.131.507
TỔNG CỘNG	45.816.129.182	47.025.993.130

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
Lotte Confectionery Co., Ltd	Cổ đông công ty con	Bán hàng hóa	1.427.439.738	8.841.895.364
Công ty TNHH Đầu tư NDH	Cổ đông	Bán hàng hóa	51.980.000	10.815.000
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Cùng Chủ tịch HĐQT	Bán hàng hóa	25.151.950	25.151.950
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đông	Bán hàng hóa	10.100.000	9.305.501
			1.514.671.688	8.887.167.815
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Cùng Chủ tịch HĐQT	Phí dịch vụ	727.681.100	513.400.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đông	Lãi dự thu	344.052.095	3.234.457.105
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Đặt cọc thuê văn phòng	79.200.000	79.200.000
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Cùng Chủ tịch HĐQT	Chi hệ	10.910.900	-
Công ty Cổ phần CSCBC Việt Nam	Bên liên quan cũ	Đặt cọc thuê văn phòng	-	528.121.310
			434.162.995	3.841.778.415
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng Chủ tịch HĐQT	Phí dịch vụ	617.164.424	2.264.836.544
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Cùng Chủ tịch HĐQT	Phí tư vấn	-	330.000.000
			617.164.424	2.594.836.544
Phải trả ngắn hạn khác				
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT	Thù lao	450.000.000	450.000.000
Vay trái phiếu ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đông	Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	-
Vay trái phiếu dài hạn				
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đông	Trái phiếu phát hành	-	60.000.000.000

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	6.266.000.306	9.040.029.243
Từ 1 - 5 năm	8.902.931.024	15.642.690.694
Trên 5 năm	71.834.031.831	63.986.989.587
TỔNG CỘNG	87.002.963.161	88.669.709.524

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm dịch vụ và thương mại do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm dịch vụ hàng hóa do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ thị trường khác nhau.

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**32.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

VND

	Nông nghiệp		Thực phẩm		Dịch vụ khác		Loại trừ		Tổng cộng	
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019										
Doanh thu										
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.535.382.190.248		6.277.373.088.982		-	-				7.812.755.279.230
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	2.339.981.000		876.692.926.419		-	(879.032.907.419)				-
Tổng doanh thu	1.537.722.171.248		7.154.066.015.401		-	(879.032.907.419)				7.812.755.279.230
Kết quả										
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	226.255.817.758		413.167.263.699		1.478.333.940	(125.279.837.565)				515.621.577.832
Chi phí thuế TNDN	(36.001.846.166)		(32.891.036.519)		3.274.005.819	1.975.921.786				(63.642.955.080)
Lợi nhuận thuần sau thuế	190.253.971.592		380.276.227.180		4.752.339.759	(123.303.915.779)				451.978.622.752
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019										
Tài sản và công nợ										
Tài sản bộ phận	2.603.638.845.581		6.509.235.165.057		4.862.112.406.970	(3.233.068.753.329)				10.741.917.664.279
Tài sản không phân bổ	3.735.044.808		11.120.115.759		7.780.858.153	-				22.636.018.720
Tổng tài sản										10.764.553.682.999
Nợ phải trả bộ phận	596.769.909.923		3.054.282.253.858		1.780.839.359.505	(1.057.983.213.888)				4.373.908.309.398
Công nợ không phân bổ	55.831.329.887		189.241.926.047		-	-				245.073.255.934
Tổng công nợ										4.618.981.565.332
Các thông tin bộ phận khác										
Chi phí hình thành tài sản cố định	45.705.597.091		140.846.971.368		1.970.040.000	-				188.522.608.459
Tài sản cố định hữu hình	491.362.000		16.762.948.172		-	-				17.254.310.172

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**32.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

VND

	Nông nghiệp		Thực phẩm		Dịch vụ khác		Loại trừ		Tổng cộng	
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018										
Doanh thu										
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.619.000.850.939		6.209.587.450.065		-	-				7.828.588.301.004
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	(522.527.250)		(1.765.107.818)		-	2.287.635.068				-
Tổng doanh thu	1.618.478.323.689		6.207.822.342.247		-	2.287.635.068				7.828.588.301.004
Kết quả										
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	341.483.414.887		230.598.871.735		27.136.324.234	37.378.416.561				636.597.027.417
Chi phí thuế TNDN	(33.082.073.730)		(35.913.363.120)		(444.989.849)	-				(69.440.426.699)
Lợi nhuận thuần sau thuế	308.401.341.157		194.685.508.615		26.691.334.385	37.378.416.561				567.156.600.718
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018										
Tài sản và công nợ										
Tài sản bộ phận	3.225.617.026.195		4.989.590.243.672		4.205.746.583.275	(2.997.391.185.477)				9.423.562.667.665
Tài sản không phân bổ										15.182.576.761
Tổng tài sản										9.438.745.244.426
Nợ phải trả bộ phận	473.728.486.057		1.887.261.924.673		1.152.989.099.121	(302.301.207.747)				3.211.678.302.104
Công nợ không phân bổ										254.802.782.400
Tổng công nợ										3.466.481.084.504
Các thông tin bộ phận khác										
Chi phí hình thành tài sản cố định	64.321.698.658		200.326.868.517		5.492.831.500	-				270.141.398.675
Tài sản cố định hữu hình	29.359.869.444		4.613.315.825		-	-				33.973.185.269

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

32.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

VNĐ

	Doanh thu xuất khẩu	Doanh thu nội địa	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.558.614.538.094	3.254.140.741.136	7.812.755.279.230
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Các thông tin bộ phận khác			
Tài sản bộ phận	2.448.069.002.670	8.293.848.661.609	10.741.917.664.279
Tài sản thuế TNDN hoãn lại			22.636.018.720
			10.764.553.682.999
Chi phí hình thành tài sản cố định			
Tài sản cố định hữu hình	82.406.347.272	106.116.261.187	188.522.608.459
Tài sản vô hình	-	17.254.310.172	17.254.310.172
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.789.552.077.759	3.039.036.223.245	7.828.588.301.004
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Các thông tin bộ phận khác			
Tài sản bộ phận	2.398.146.141.441	7.025.416.526.224	9.423.562.667.665
Tài sản thuế TNDN hoãn lại			15.182.576.761
Tổng tài sản			9.438.745.244.426
Chi phí hình thành tài sản cố định			
Tài sản cố định hữu hình	87.435.226.269	182.706.172.406	270.141.398.675
Tài sản vô hình	3.236.661.710	30.736.523.559	33.973.185.269

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn cũng nắm giữ các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tập đoàn có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- Độ nhạy của bảng cân đối kế toán hợp nhất liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán; và
- Độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tập đoàn. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Tập đoàn tại ngày lập báo cáo là không đáng kể do các khoản vay đều là khoản vay ngắn hạn với lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Tập đoàn).

Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Tập đoàn như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 3. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Ngoại trừ các tài sản tài chính đã được lập dự phòng như được trình bày ở các Thuyết minh số 7 và 8. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

VND

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Số cuối năm			
Các khoản vay, trái phiếu	1.813.987.727.737	1.275.250.431.137	3.089.238.158.874
Phải trả người bán ngắn hạn	383.329.431.564	-	383.329.431.564
Khoản phải trả ngắn hạn khác và chi phí phải trả ngắn hạn	264.651.912.448	-	264.651.912.448
	2.461.969.071.749	1.275.250.431.137	3.737.219.502.886
Số đầu năm			
Các khoản vay	842.521.759.836	1.397.884.666.529	2.240.406.426.365
Phải trả người bán ngắn hạn	337.452.096.752	-	337.452.096.752
Khoản phải trả ngắn hạn khác và chi phí phải trả ngắn hạn	141.212.688.342	-	141.212.688.342
	1.321.186.544.930	1.397.884.666.529	2.719.071.211.459

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã sử dụng các khoản tiền gửi ngắn hạn ngân hàng, Nợ phải thu, Nhà cửa và vật kiến trúc và quyền sử dụng đất, tài sản xây dựng cơ bản dở dang, Chi phí sử dụng đất trả trước và công trình, Máy móc thiết bị đi kèm làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 21).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

34. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	906.522.230.849	6.522.230.849	(3.275.233.145)	903.335.660.759
Cổ phiếu niêm yết	5.444.000.849	5.444.000.849	(2.234.162.449)	3.298.501.455
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.078.230.000	1.078.230.000	(1.041.070.696)	37.159.304
Trái phiếu	900.000.000.000	-	-	900.000.000.000
Tiền gửi ngắn hạn	280.303.775.000	-	-	280.303.775.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	736.238.681.891	(49.040.207.434)	(45.088.922.943)	687.198.474.457
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan	1.514.671.688	-	-	1.514.671.688
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	56.200.366.014	(17.601.790.004)	(15.654.909.031)	38.598.576.010
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.194.483.726.960	-	-	2.194.483.726.960
TỔNG CỘNG	4.175.263.452.402	(69.828.567.528)	(64.019.065.119)	4.105.434.884.874

VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	3.089.238.158.874	2.240.406.426.365	3.089.238.158.874	2.240.406.426.365
Phải trả người bán ngắn hạn	383.329.431.564	337.452.096.752	383.329.431.564	337.452.096.752
Phải trả ngắn hạn khác và chi phí phải trả ngắn hạn	264.651.912.448	141.212.688.342	264.651.912.448	141.212.688.342
TỔNG CỘNG	3.737.219.502.886	2.719.071.211.459	3.737.219.502.886	2.719.071.211.459

34. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Nguyễn Thị Nga
Người lập
Ngày 28 tháng 3 năm 2020



Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

THÔNG TIN LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại: (84 - 272) 3630218

Fax: (84 - 272) 3630217

Email: info@thepangroup.vn

Website: http://thepangroup.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3760 6190

Fax: (84-24) 6266 2608

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TPHCM

Địa chỉ: Tầng 18, Saigon Center Tower 2, 67 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84 - 28) 3622 8889

CÔNG TY CỔ PHẦN PAN FARM

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3760 6190

Fax: (84-24) 6266 2608

Website: http://thepangroup.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM (VINASEED)

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Số 01 Lương Đình Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3852 3294

Fax: (84-24) 3852 7996

Email: nsc@vinaseed.com.vn

Website: http://vinaseed.com.vn/

CÔNG TY CỔ PHẦN PAN-HULIC

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: thôn Tân Lập, xã Tân Văn,

huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: (84-263) 368 7111

Fax: (84-263) 368 7222

Website: http://thepangroup.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM PAN (PAN FOOD)

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Điện thoại: (84 - 272) 3630218

Fax: (84 - 272) 3630217

Email: panfood@thepangroup.vn

Website: http://www.panfood.vn/

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM PAN (PAN FOOD MANUFACTURING)

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Lô A1/1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Điện thoại: (84 - 272) 3630218

Fax: (84 - 272) 3630217

Email: panfood@thepangroup.vn

Website: http://www.panfood.vn/

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA (FIMEX VN)

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Km 2132, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Điện thoại: (84-299) 3822223 - 3822203

Fax: (84-299) 3822122 - 3825665

Email: info@fimexvn.com

Website: http://www.fimexvn.com

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE (AQUATEX BENTRE)

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Ấp 9, Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

Điện thoại: 0275. 3860 265

Fax: 0275. 3860 346

Email: abt@aquatexbentre.com

Website: www.aquatexbentre.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN (LAFOOCO)

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 81B quốc lộ 62, Phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An

Điện thoại: (84-272) 3823900 – 3821501

Fax: (84-272) 3826 735 – 3829 637

Email: marketing@lafooco.vn - lafooco@lafooco.vn

Website: www.lafooco.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 43 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, TPHCM

Điện thoại: (84-28) 3971 7920

Fax: (84-24) 3971 7922

Email: bibica@bibica.com.vn

Website: http://www.bibica.com.vn/

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN 584 NHA TRANG

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 584 Lê Hồng Phong, Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (84-258) 3731 156 - (84-258) 3883 184

Fax: (84-258) 3884 442

Email: 584nhatrang@584nhatrang.vn

Website: www.584nhatrang.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM (VFC)

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3822 5069 - (028) 3911 8077 - (028) 3822 8097

Fax: (028) 3910 3627

Email: info@vfc.com.vn

Website: http://www.vfc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GOLDEN BEANS

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Số 29/9D-29/9E-29/9F Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM.

Điện thoại: (028) 3521 8989

Email: contact@shincaphe.com

Website: shincaphe.com



THE PAN GROUP